

KINH ĐẠI-THỪA BẢN-SINH TÂM-ĐỊA-QUÁN

Đường, Bát-Nhã dịch chữ Phạn ra chữ Hán.



Việt Dịch HT. Tâm Châu

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

I. PHẨM TỰA

TOÁT-YẾU[144]

I. PHẨM TỰA

II. - PHẨM BÁO-ÂN 1

TOÁT-YẾU

III.- PHẨM YÉM-XẢ[1]

IV.- PHẨM VÔ-CÁU-TÍNH [1]

V.- PHẨM A-LAN-NHÃ

VI.- PHẨM LY THỂ-GIAN

VII.- PHẨM YÉM-THÂN [1]

VIII.- PHẨM BA-LA-MẬT-ĐA

IX.- PHẨM CÔNG-ĐỨC TRANG-NGHIÊM [1]

X.- PHẨM QUÁN TÂM

XI.- PHẨM PHÁT BỒ-ĐỀ-TÂM [1]

XII.- PHẨM THÀNH PHẬT [1]

XIII.- PHẨM CHÚC-LỤY [1]

HẾT

I. PHẨM TỰA

Chính tôi được nghe: Một thời kia đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật (Grdhakūṭa), thành Vương-xá (Rājagṛha) cùng với ba vạn hai nghìn Đại-tỷ-khuru[2]. Các vị đều là bậc A-la-hán[3]: tâm thiện giải-thoát[4], tuệ thiện giải-thoát[5], chỗ tạo-tác đã xong[6], bỏ mọi gánh nặng[7], việc lợi mình đã được, hết mọi sự ràng-buộc trong các cõi, được đại-tự-tại, an-trụ trong giới-phẩm thanh-tịnh, phương-tiện[8] khéo-léo, trí-tuệ trang-nghiêm, chúng được tám pháp giải-thoát, đến bờ Niết-bàn[9] như là: Cù Thọ[10] A-Nhã-Kiều-Trần-Như (Tàu dịch: Hỏa-khí), A-Sử-Bĩ-Thất-Đa (Tàu dịch: Mã-thắng), Ma-Ha-Na-Ma (Tàu dịch: Đại-danh), Ba-Đế-Lý-Ca (Tàu dịch: Tiểu-hiền), Ma-Ha Ca-Diếp (Tàu dịch: Đại Âm-quang), Kiền-Phạm-Ba-Đề (Tàu dịch: Ngưu-Tử) La Ba-Đa (Tàu dịch: Tinh-tú), Ưu-Lâu-Tần-Loa Ca-Diếp (Tàu dịch: Mộc-quả-lâm), Na-Đề Ca-Diếp, Già-Gia Ca-Diếp (Tàu dịch: Tượng-thành), Xá-Lý-Phát (Tàu dịch: Thu-lộ-tử), Đại Mục-Kiền-Liên (Tàu dịch: Đại-tán-tụng), Ma-Ha Ca-Chiên-Diên (Tàu dịch: Đại-Hảo-kiên), Ma-Ha Ca-Tỳ-Na (Tàu dịch: Phòng-Tú), Chân-Đề-Na (Tàu dịch: Uy-như-vương), Phú-Lâu-Na-Di-Đa-La-Ni-Tử (Tàu dịch: Mãn-nguyên-tử), A-Ni-Lâu-Đà (Tàu dịch: Vô-diệt như-ý), Vi-Diệu-Tý, Tu-Bồ-Đề (Tàu dịch: Thiên-hiện), Bạc-Câu-La (Tàu dịch: Thiện-dung), Tôn-Đà-La-Nan-Đà (Tàu dịch: Diễm-hỷ) La-Hầu-La (Tàu dịch: Phú-chương)...; các vị như thế đều là Cù Thọ, A-la-hán cả.

Và, có những bậc Hữu-học[11] như ông A-Nan (Tàu dịch: Khánh-hỷ) v.v...đều cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc, cùng nhau lễ xuống chân Phật, lui ra, ngồi về một bên.

Lại có tám vạn bốn nghìn Đại-bồ-tát[12] cùng ở nơi Phật. Các vị đều là Đại-pháp-vương-tử[13], nhất sinh bồ-xú[14], có uy-đức lớn như Đại-long-vương, trăm phúc viên-mãn, thân-quang chói-lọi như nghìn mặt trời làm quang-đăng mọi tối-tăm, trí-tuệ lắng-suốt, hơn cả bể lớn; hiểu thấu cảnh-giới bí-mật của chư Phật[15], đốt đuốc đại-pháp, dẫn-dắt chúng-sinh[16]; làm bậc Đại-thuyền-sư trong bể sinh-tử, thương-xót chúng-sinh như con đỏ, thường bố-thí cho chúng-sinh sự an-vui trong hết thảy thời-gian, tiếng khen đồn khắp mười phương thế-giới; thần-thông vi-diệu, tự-tại du-hí; đã thấu rõ được các môn Tổng-trì[17], đủ bốn pháp biện-tài vô-ngại tự-tại[18], đã viên-mãn được đại-nguyện tự-tại, thành-tựu tốt-đẹp sự-nghiệp tự-tại, đã chứng-nhập được Tam-muội[19] tự-tại, hoàn-toàn viên-mãn phúc-đức tự-tại; thường là người bạn không phải tỉnh của chúng-sinh, trải qua vô-lượng kiếp siêng tu sáu Độ[20], phụng-sự chư Phật khắp mãi, không an-trụ nơi

Niết-bàn; dứt mọi phiền-não, giảng-thuyết diệu-pháp, trong vô-lượng thế-giới, giáo-hóa, đem lợi-ích cho mọi loài; ngăn mọi ngoại-đạo, nén dẹp tâm tà, xa-lìa nhân chấp đoạn, chấp thường, làm cho chúng-sinh sinh ra chính-kiến[21] mà không còn có tướng dao-động, lui tới; không phải trang-nghiêm mà là trang-nghiêm cả mười phương cõi Phật, không nói mà như nói ra diệu-lý tịch-diệt, ở nơi vô-sở-trụ (nơi không còn có chỗ chấp trước), độ cho chúng-sinh trong Nhân, Thiên, không ai là không lĩnh-thụ được những pháp màu vui-vẻ, rộng lớn; mặc áo giáp tinh-tiến, cầm gươm trí-tuệ, đánh vang trống pháp, phá bọn ma-quân, thân thường thị-hiện[22] ngời khắp trong hết thảy đạo-tràng[23] thổi loa đại-pháp, giác-ngộ mọi loài, hết thảy hữu-tình đều được nhờ lợi-ích, ai nghe thấy tên hiệu, trông thấy sắc-thân, không đến nỗi luống qua không ích gì, mà được đầy-đủ ba đạt-trí[24], ngộ được pháp của ba đời[25], biết rõ mọi căn linh-lợi, ngu-độn của chúng-sinh, tùy bệnh cho thuốc, mà không còn nghi-hoặc; chia rải mây đại-pháp, rưới mưa cam-lộ[26] chuyển trí-án pháp-luân[27] không thoái-chuyển, đóng ngục sinh-tử, mở cửa Niết-bàn, phát thệ-nguyện rộng, cho đến khi hết thưở vị-lai, nguyện độ thoát mọi loài. Các vị Bồ-tát ấy không bao lâu sẽ được đạo-quả Vô-thượng chính-đẳng, chính-giác[28]. Các vị ấy là: Vô-Cầu Bồ-tát, Di-Lặc (Tàu dịch: Từ-thị) Bồ-tát, Sư-Tử-Hồng Bồ-tát, Diệu-Cát-Tường Bồ-tát, Duy-Ma-Cật (Tàu dịch: Tịnh-danh, Vô-câu-xung) Bồ-tát, Quán-Tự-Tại Bồ-tát, Đắc-Đại-Thế Bồ-tát, Kim-Cương-Tạng-Vương Bồ-tát, Địa-Tạng-Vương Bồ-tát, Hư-Không Tạng-Vương Bồ-tát, Đà-Ra-Ni Tự-Tại-Vương Bồ-tát, Tam-Muội Tự-Tại-Vương Bồ-tát, Diệu-Cao-Son-Vương Bồ-tát, Đại-Hải Thâm-Vương Bồ-tát, Diệu-Biện-Nghiêm-Vương Bồ-tát, Hoan-Hỷ Cao-Vương Bồ-tát, Đại-Thần Biến-Vương Bồ-tát, Pháp Tự-Tại-Vương Bồ-tát, Thanh-Tịnh Vũ-Vương Bồ-tát, Dục-Vương Bồ-tát, Dục-Thượng Bồ-tát, Liễu-Phiền-Não-Bệnh Bồ-tát, Bảo-Sơn Bồ-tát, Bảo-Tài Bồ-tát, Bảo-Thượng Bồ-tát, Bảo-Đức Bồ-tát, Bảo-Tạng Bồ-tát, Bảo-Tích Bồ-tát, Bảo-Thủ Bồ-tát, Bảo-Án-Thủ Bồ-tát, Bảo-Quang Bồ-tát, Bảo-Thí Bồ-tát, Bảo-Chàng Bồ-tát, Đại-Bảo-Chàng Bồ-tát, Bảo-Vũ Bồ-tát, Bảo-Đạt Bồ-tát, Bảo-Trượng Bồ-tát, Bảo-Kế Bồ-tát, Bảo-Cát-Tường Bồ-tát, Bảo-Tự-Tại Bồ-tát, Chiên-Đàn-Hương Bồ-tát, Đại-Bảo-Cự Bồ-tát, Đại Bảo-Nghiêm Bồ-tát, Nhật-Quang Bồ-tát, Nguyệt-Quang Bồ-tát, Tinh-Quang Bồ-tát, Hỏa-Quang Bồ-tát, Điện-Quang Bồ-tát, Năng-Niệm-Tuệ Bồ-tát, Phá-Ma Bồ-tát, Thắng-Ma Bồ-tát, Thường-Tinh-Tiến Bồ-tát, Bất-Huru-Tức Bồ-tát, Bất-Đoạn-Đại-Nguyện Bồ-tát, Đại-Danh-Xung Bồ-tát, Vô-Ngai-Biện-Tài Bồ-tát, Vô-Ngai Chuyển-Pháp-Luân Bồ-tát. Các vị Bồ-tát, như Vô-Cầu Bồ-tát Ma-ha-tát... trên đây như thế, cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

vạn Thiên-tử trên Lục-Dục-Thiên[29] như: Thiện-Trụ Thiên-tử, Uy-Đức Thiên-tử, Phổ-Quang Thiên-tử, Thanh-Tịnh-Tuệ Thiên-Tử, Cát-Tường Thiên-Tử, Đại-Cát-Tường Thiên-Tử, Tự-Tại Thiên-tử, Đại-Tự-Tại Thiên-tử, Nhật-Quang Thiên-tử, Nguyệt-Quang Thiên-tử... Trong các vị Thiên-tử ấy, Thích-Đề-Hoàn-Nhân[30] làm Thượng-Thủ[31]. Và, các vị ấy đều ưa thích diệu-pháp Đại-thừa, nguyện theo và phụng-sự các đức Như-Lai trong ba đời, vào cảnh-giới bí-mật bất-tư-nghi, trang-nghiêm các hội đạo-tràng của chư Phật[32]. Tất cả các vị Thiên-Tử ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc, cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có Hằng-hà-sa[33] Thiên-tử trong cõi Sắc, như: Đại-Quang-Phổ-Chiếu Thiên-tử, Vô-Cấu Trang-Nghiêm Thiên-tử, Thần-Thông Du-Hí Thiên-tử, Tam-Muội Tự-Tại Thiên-tử, Đà-Ra-Ni Tự-Tại Thiên-tử, Đại-Na-La-Diên Thiên-tử, Viên-Mãn Thượng-Nguyên Thiên-tử, Vô-Nại Biện-Tài Thiên-tử, Cát-Tường Phúc-Tuệ Thiên-tử, Thường-Phát Đại-Nguyên Thiên-tử... Trong các vị Thiên-tử ấy, Quang-Minh Đại-Phạm Thiên-Vương làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đều đầy-đủ Tam-muội thần-thông, thạo-thuyết biện-tài, thường thường phụng-sự chư Phật Như-Lai trong ba đời khi ở dưới gốc cây Bồ-đề[34], ngồi tòa Kim-Cương, phá ma-quân rồi, chứng đạo Bồ-đề, đến khắp chúng-hội và, đều ở trong lúc đầu tiên, khuyến-thỉnh Như-Lai quay xe diệu-pháp, mở cửa cam-lộ, độ mọi người trong cõi Nhân, Thiên; ngộ được ý-thứ bí-mật của chư Phật, trong đạo Đại-bồ-đề, không còn thoái-chuyển[35]. Tất cả các vị Thiên-tử ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc, cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có bốn vạn tám nghìn vị Đại-Long-vương, như: Ma-Na-Tư Long-vương, Đức-Soa-Ca Long-vương, Nan-Đà Long-vương, Bạt-Nan-Đà Long-vương, A-Nốc-Đạt-Trì Long-vương, Đại-Kim-Diện Long-vương, Như-Ý-Bảo-Châu Long-vương, Vũ-Diệu-Trần-Bảo Long-vương, Thường-Chú Cam-Vũ Long-vương, Hữu Đại-Uy-Đức Long-vương, Cường-Lực Tự-Tại Long-vương... Trong các vị Long-vương ấy, Sa-Kiệt-La Long-vương làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đều ưa-thích diệu-pháp Đại-thừa, phát thệ-nguyện rộng, cung-kính hộ-trì chính-pháp[36]. Tất cả các vị Đại-Long-Vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có năm vạn tám nghìn Dược-xoa-thần[37], như: Đại-Sư-Tử-Vương Dược-xoa-thần, Chuyển-Luân-Quang-Chiếu Dược-xoa-thần, Diệu-Na-La-Diên Dược-xoa-thần, Thâm-Khả-Bố-Úy Dược-xoa-thần, Liên-Hoa-Quang-Sắc Dược-xoa-thần, Chư-Căn-Mỹ-Diệu Dược-xoa-thần, Ngoại-Hộ Chính-Pháp Dược-xoa-thần, Cúng-Dàng Tam-Bảo Dược-xoa-thần, Vũ-Chúng

Trần-Bảo Dược-xoa-thần, Ma-Ni-Bát-La Dược-xoa-thần... Trong các Dược-xoa-thần ấy, Tăng-Thận Nhĩ-Tà Dược-xoa-thần làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đều đầy-đủ trí-quang (ánh sáng trí-tuệ) khó nghĩ bàn, trí-cự (ngọn đuốc trí-tuệ) khó nghĩ bàn, trí-hành (hành-tướng trí-tuệ) khó nghĩ bàn, trí-tụ (giới-đức trí-tuệ) khó nghĩ bàn, mà thường vì chúng-sinh chề-phục những ác-quỷ, khiến họ được an-vui, làm cho phúc-đức, trí-tuệ được tăng-trưởng, diên-trường và giữ-gìn Đại-thừa-pháp không đoạn-tuyệt[38]. Tất cả các vị Dược-xoa-thần ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc, cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có tám vạn chín nghìn Càn-thát-bà-vương[39], như: Đỉnh-Thượng-Bảo-Quan Càn-thát-bà-vương, Phổ-Phóng Quang-Minh Càn-thát-bà-vương, Kim-Cương Bảo-Chàng Càn-thát-bà-vương, Diệu-Âm Thanh-Tịnh Càn-thát-bà-vương, Biến-Chí Chúng-Hội Càn-thát-bà-vương, Phổ-Hiện Chư-Phương Càn-thát-bà-vương, Ái-Nhạo Đại-Thừa Càn-thát-bà-vương, Chuyển Bất-Thoái-Luân Càn-thát-bà-vương... Trong các vị Càn-thát-bà-vương ấy, Chư-Căn Thanh-Tịnh Càn-thát-bà-vương làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đối với Đại-thừa đều sinh lòng ái-kính sâu-xa, làm lợi-lạc cho chúng-sinh, không bao giờ lười chán, mệt-mỏi[40]. Tất cả các vị Càn-thát-bà-vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có nghìn ức A-tu-la-vương[41], như: La-Hầu-La A-tu-la-vương, Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A-tu-la-vương, Xuất-Hiện Uy-Đức A-tu-la-vương, Đại-Kiên-Cổ-Lực A-tu-la-vương, Mỹ-Diệu Âm-Thanh A-tu-la-vương, Quang-Minh Biến-Chiếu A-tu-la-vương, Đâu-Chiến Hằng-Thắng A-tu-la-vương, Thiện-Sảo Huyền-Hóa A-tu-la-vương... Trong các vị A-tu-la-vương ấy, Quảng-Đại Diệu-Biện A-tu-la-vương làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đều khéo tu-tập, bỏ mọi ngã-mạn, thụ-trì Đại-thừa, tôn-trọng Tam-bảo[42]. Tất cả các vị A-tu-la-vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có năm ức Ca-lâu-la-vương[43] như: Bảo-kế Ca-lâu-la-vương, Kim-cương Tịnh-quang Ca-lâu-la-vương, Tốc Tật Như Phong Ca-lâu-la-vương, Hư-không Tịnh-tuệ Ca-lâu-la-vương, Diệu-Thân Quảng-đại Ca-lâu-la-vương, Tâm Bất Thoái-chuyển Ca-lâu-la-vương, Quảng-mục Thanh-tịnh Ca-lâu-la-vương, Đại Phúc Bảo Mãn Ca-lâu-la-vương, Hữu Đại-uy-đức Ca-lâu-la-vương, Trí-tuệ Quang-minh Ca-lâu-la-vương. Trong các vị Ca-lâu-la-vương ấy, Bảo-quang Ca-lâu-la-vương làm Thượng-thủ. Các vị ấy đều thành-tự “bất khởi pháp-nhẫn”, khéo đem lại được những sự lợi-ích cho hết

thầy chúng-sinh[44]. Tất cả các vị Ca-lâu-la-vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có chín ức Khẩn-na-la-vương[45] như: Động-địa Khẩn-na-la-vương, Diệu Bảo Hoa-Chàng Khẩn-na-la-vương, Bảo-Thụ Quang-minh Khẩn-na-la-vương, Thiện-Pháp Quang-minh Khẩn-na-la-vương, Tối Thắng Trang-nghiêm Khẩn-na-la-vương, Hỏa Pháp Quang-minh Khẩn-na-la-vương, Thụ-tri Diệu-pháp Khẩn-na-la-vương, Diệu-Bảo Nghiêm Sức Khẩn-na-la-vương, Thành-tự Diệu-quán Khẩn-na-la-vương... Trong các Khẩn-na-la-vương ấy, Duyệt-ý Nhạc-thanh Khẩn-na-la-vương làm Thượng-thủ. Các vị ấy đều đầy-đủ diệu-tuệ thanh-tịnh, thân-tâm khoái-lạc, du-hí tự-tại[46]. Tất cả các vị Khẩn-na-la-vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có chín vạn tám nghìn Ma-hầu-la-già-vương[47] như: Diệu-Kế Ma-hầu-la-già-vương. Cụ đại-uy-đức Ma-hầu-la-già-vương, Trang-nghiêm bảo kế Ma-hầu-la-già-vương, Tịnh-nhãn vi-diệu Ma-hầu-la-già-vương, Quang-minh bảo chàng Ma-hầu-la-già-vương, Sư-tử hung ức Ma-hầu-la-già-vương, Như sơn bất động Ma-hầu-la-già-vương, Khả ái quang-minh Ma-hầu-la-già-vương... Trong các Ma-hầu-la-già-vương ấy, Du-hí thần-thông Ma-hầu-la-già-vương làm Thượng-thủ. Các vị ấy đã tu-tập được phương-tiện thiện-sảo, làm cho mọi chúng-sinh bỏ hẳn “ái-triền”[48]. Tất cả các vị Ma-hầu-la-già-vương ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

Lại có các Chuyển-luân thánh-vương[49] trong vạn ức quốc-độ ở phương khác như: Kim-luân chuyển-luân thánh-vương, Ngân-luân chuyển-luân thánh-vương, Đồng-luân chuyển-luân thánh-vương, Thiết-luân chuyển-luân thánh-vương, cùng với quyến-thuộc nghìn con Thất-bảo, trang-nghiêm vô-lượng voi, ngựa, xe-cộ, vô số bảo-chàng, treo bảo-phan lớn, hoa-man, bảo-cái, tơ lụa, bạch-phất, mọi chuỗi ngọc báu trân-kỳ, vi-diệu, đồ-hương, mật-hương, hòa-hợp muôn thứ hương lạ vi-diệu. Và, mỗi người đều cầm lò hương bằng mọi thứ báu vô-giá, đốt hương đại-bảo cúng-dàng Thế-Tôn, cùng đem những lời nói vi-diệu khen-ngợi trí-tuệ như bể rất sâu của Như-Lai, rồi bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Nay chúng tôi không cầu quả-báo Nhân, Thiên hữu-lậu trong ba cõi, chúng tôi chỉ cầu đạo Vô-thượng chính-đẳng chính-giác xuất-thế-gian mà thôi. Sở dĩ thế là sao? - Vì, trong ba cõi, tuy ở ngôi tôn, hưởng phúc vui trong Nhân, Thiên nhưng, khi phúc đời trước hết lại phải sinh vào ác-thú, chịu vô-lượng khổ; như thế ai là người có trí-tuệ lại ưa-thích sự vui sướng ở thế-gian này!”[50] Các vị Chuyển-luân

nói lời ấy rồi, đều nhất tâm chấp tay và cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc của các vị ấy, đều cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.

mười sáu vị Đại-Quốc-Vương như: Tịnh-Phạn Đại-Vương nước Ca-tỳ-la, Tần-bà-sa-la-vương nước Ma-già-đà, Ca-tư-đại-vương nước Ba-la-nại, Vu-xiễn Đại-vương nước Hữu-vu-đà, Ca-tỳ-na-vương nước Sa-la... Trong mười sáu Đại-vương và các Tiểu-vương ấy, vua Ba-tư-nặc, quốc-chủ nước Xá-vê tên là Nguyệt-quang làm Thượng-Thủ. Các vị ấy đều đầy-đủ phúc-trí[51] thần-thông, có uy-đức lớn như Chuyển-luân-vương; hết thấy oán-địch tự-nhiên hàng-phục, nhân dân rất thịnh, đất nước giàu vui. Các vị ấy trồng mọi căn lành nơi vô-lượng Phật nên thường được chư Phật hộ-niệm. Trong kiếp Trang-nghiêm (quá-khứ) nghìn đức Phật ra đời, các Đại-vương, Tiểu-vương ấy thường làm thí-chủ; trong Hiền-kiếp (hiện-tại) nghìn đức Phật ra đời, các Đại-vương, Tiểu-vương ấy cũng làm thí-chủ; trong kiếp Tinh-tú sau này nghìn đức Phật ra đời các vị ấy cũng sẽ làm thí-chủ; cho đến đời vị-lai hết thấy chư Phật xuất hiện thế-gian các Đại-vương, Tiểu-vương ấy đem bản nguyện-lực, thường làm việc bố-thí lợi-ích chúng-sinh, tùy nghi vào suốt các cửa phương-tiện. Các vị ấy tuy làm Quốc-vương nhưng, không tham sự vui sướng thế-gian, các vị ấy chán bỏ sinh-tử, tu nhân giải-thoát, cần cầu Phật-đạo, ưa-thích Đại-thừa, hóa-lợi quần-sinh, không chấp-trước các tướng, nổi dòng Tam-Bảo, khiến hạt giống ấy không đoạn-tuyệt. Các vị ấy vì duyên nghe pháp, cúng-dàng Như-Lai, sắm nhiều đồ ăn quý báu, kính-cẩn đem hương hoa đến nơi Phật, cùng với một vạn, hai vạn cho đến nghìn vạn các quyến-thuộc, cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp[52].

Lại có các phu-nhân của mười sáu Đại-quốc-vương như: Vi-đề-hy phu-nhân, Diêu-thắng-man phu-nhân, Thập-khả ái-nhạo phu-nhân, Tam-giới vô tỷ phu-nhân, Phúc báo quang-minh phu-nhân, Như-ý bảo-quang phu-nhân, Mạt-ly phu-nhân, Diêu-đức phu-nhân... Trong các phu-nhân ấy, Thù-thắng diêu-nhan phu-nhân làm Thượng-thủ. Các phu-nhân ấy đã nhập được vô lượng chính-định. Song vì muốn độ chúng-sinh, các phu-nhân ấy thị hiện nữ-thân, dùng ba môn giải-thoát[53] tu tập tâm mình mà có đại trí-tuệ, phúc-đức viên-mãn, vô duyên đại-từ, vô ngại đại-bi, thương xót chúng-sinh như con đỏ. Do bản-nguyện-lực, các phu-nhân ấy được gặp Thế-Tôn và vì muốn nghe pháp nên tới nơi Phật, chiêm-ngưỡng Tôn-nhan, mắt không tạm chớp. Các phu-nhân ấy đem vô-lượng thứ thượng-cúng trong cõi người, kính dâng lên Thế-Tôn cùng đem vô-số chuỗi ngọc báu nhiệm-mầu cúng-dàng lên Như-Lai, rồi các phu-nhân ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp[54].

Lại có vô số người như: Tỷ-khuru, Tỷ-khuru-ni[55], Ưu-bà-tắc[56], Ưu-bà-di[57], các Bà-la-môn[58]. Sát-đế-ly[59], Phệ-xá[60], Thú-đạt-la[61], cùng các Trưởng-giả[62], Cư-sĩ[63], hết thầy nhân-dân trong các quốc-giới. Các đại-chúng ấy phát khởi lòng tin thanh-tịnh, ân-trọng, vì xưa đã trông căn lành, nên sinh gặp Phật-pháp và vì cầu đạo xuất-thế, nên khởi ra tưởng khó gặp, mà tới nơi Phật. Tới nơi Phật, các vị ấy đều phát-tâm, chấp tay và cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.[64]

Lại có vô số các đồ-chúng ngoại-đạo như: Khô-hạnh ngoại-đạo, Đa-văn ngoại-đạo, Thế-trí ngoại-đạo, Nhạo-viễn-ly ngoại-đạo, Lộ-già-gia-đà[65] ngoại-đạo, mà Lộ-già-gia-trị-ca-nễ ngoại-đạo làm Thượng-thủ. Các ngoại-đạo ấy thành-tựu năm pháp thần-thông[66] bay đi tự-tại. Và, phát-tâm hy-hữu, vì nhân-duyên nghe pháp nên lại nơi Phật, cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng tới pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp.[67]

Lại có vô-lượng, vô số phi-nhân[68] ngã-qui[69] như: Vô-tài-qui, Thực-nhân-thổ-qui, Não-chúng-sinh-qui, Thực-di-thóa-qui, Thực-bất-bảo-qui, Tỳ-xá-xà-qui[70], Sú-cực-sú-qui, Thực-phần-uê-qui, Thực-nhân-thai-qui, Thực-sinh-tử-qui, Thực-bất-tịnh-qui, Sinh-cát-tường-qui. Trong các qui ấy, Tỳ-lô-đà-già đại qui-thần-vương làm Thượng-thủ. Các qui ấy lìa bỏ tâm độc-ác, quy-y Phật, Pháp, Tăng và đều vệ-hộ chính-pháp của Như-Lai. Các qui ấy vì duyên nghe pháp nên lại nơi Phật, năm thế[71] gieo xuống đất lễ Phật và khát-ngưỡng công-đức Phật, nên các qui ấy cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp[72].

Lại có vô-lượng vô số các vua cầm-thú như: Mệnh-mệnh điều-vương, Anh-vũ điều-vương, cùng Sư-tử-vương, Tượng-vương, Lộc-vương. Trong hết thầy các vua cầm-thú ấy Kim-sắc sư-tử-vương làm Thượng-thủ. Các vua cầm-thú ấy đều quy-mệnh Như-Lai đại-sư, vì muốn nghe pháp nên lại nơi Phật và đều tùy nguyện-lực mà cúng-dàng lên Thế-Tôn. Các vua cầm-thú ấy bạch Phật rằng: “Kính xin Như-Lai thương nhận chút ít thứ cúng-dàng của chúng tôi! Chúng tôi mong bỏ hẳn hạt giống ác-nghiệp trong ba đường[73], được hưởng quả-báo phúc-lạc trong Nhân, Thiên; xin Như-Lai mở tỏ pháp-môn Cam-lộ Đại-thừa, để chúng tôi chóng dứt được ngu-si và sẽ được giải-thoát! ” Khi các vua cầm-thú nói lời ấy rồi đều nhất tâm, chấp tay chiêm-ngưỡng Như-Lai và cùng với hàng trăm, nghìn quyến-thuộc cùng ngồi lại pháp-hội nghe Phật thuyết-pháp[74].

Lại có trăm nghìn Diễm-ma-la-vương[75] cùng vô số các Đại-la-sát[76] đủ mọi hình loại, mọi ác-vương, quyền-thuộc chốn u-minh và những ngục-lại[77] coi giữ việc hình, tra xét tội-phúc, nhờ uy-lực Phật, dứt bỏ tâm ác, cùng Diễm-ma-la-vương cùng lại nghe pháp, bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Hết thấy chúng-sinh vì ngu-si, tham-năm dục-lạc[78], tạo-năm tội-nghịch[79] nên phải vào trong các địa-ngục[80], bị luân-chuyển vô-cùng. Sở dĩ bị thế, là do chỗ nghiệp-nhân của mình mà phải chịu khổ-não nhiều, cũng như con tằm, con kén ở đời, tự mình làm ra sự ràng-buộc lấy mình! Kính xin Như-Lai rưới mưa đại-pháp để diệt lửa địa-ngục, tỏa gió mát lạnh, mở cửa giải-thoát để đóng ba ác-thú lại!” Khi Diễm-ma-vương nói lời ấy rồi, đem mọi thứ trân-bảo cúng-dàng lên Như-Lai, nhất tâm cung-kính nhiều Phật trăm nghìn vòng và cùng với hàng trăm nghìn quyền-thuộc đều lễ xuống chân Phật, rồi lui ngòi về một bên để nghe Phật thuyết-pháp[81].

Bấy giờ, đức Thế-Tôn ngồi trên tòa sư-tử[82] kết hoa sen báu. Tòa sư-tử ấy, màu lưu-ly biếc, do các thứ ngọc lạ tô-điểm cách kẽ vào thành. Hoa sen, ken ngọc báu pha-lê làm cuống sen, vàng ròng màu tía làm cánh sen và dùng ngọc ma-ni làm tua hoa trong đài sen. Có tám vạn bốn nghìn hoa sen lớn quý bằng vàng tốt của châu Nam-diêm phù-đề[83] làm quyền-thuộc. Đức Phật được đại-chúng nhiều quanh trước sau, cúng-dàng, cung-kính, tôn-trọng, tán-thán.[84]

Khi ấy, đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu[85] trên tòa sư-tử, uy-nghi thù-thắng lạ-lùng, cũng như núi Tu-di[86] do bốn thứ báu[87] tạo-thành, ở trong bể lớn, tự-nhiên lóe ra như trăm nghìn mặt trời soi sáng hư-không, phóng ra vô-lượng ánh-sáng, phá mọi tối-tăm. Và, cũng như ức vàng trắng tròn-trịa ở trong các đám sao, phóng ra ánh-sáng mát-lành làm sáng-sủa thế-giới. Ngài nhập “Hữu-đỉnh-thiền cực-thiện tam-muội[88]” gọi là “Tâm anh-lạc bảo-trang-nghiêm-vương”. [89] Ngài trụ nơi định ấy, thân tâm không động.

Lúc đó, hết thấy Thiên-tử trên Vô-sắc-giới[90], rải vô-lượng thứ hoa hương vi-diệu, từ trong hư-không như mây sa xuống. Mười tám Phạm-vương trên các cõi trời thuộc Sắc-giới,[91] rải vô số những thiên-hoa tạp sắc, cùng trăm nghìn vạn thứ diệu-hương cõi Phạm-thiên[92], đầy khắp hư-không như mây sa xuống. Chư Thiên cùng Thiên-tử-chúng trên sáu cõi trời thuộc Dục-giới [93], dùng phúc-lực cõi thiên, rải mọi thứ hoa, như: Hoa Ưu-đàm bát-la, hoa Ba-đâu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, hoa Chiêm-bặc-ca, hoa A-đề-mục-đa, hoa Ba-ly-thi-ca, hoa Tô-ma-na, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa[94] ở trong hư-không tần-vần rơi xuống, cúng-dàng Phật và chúng Pháp-bảo. Lại rắc những bảo-hương vô

giá trên cõi trời, bảo-hương ấy như mây, hóa thành màu sắc trăm báu và dùng thần-lực cõi thiên, làm cho hơi hương tỏa khắp các thế-giới cõi này, để cúng-dàng đại-hội.

Khi đức Thế-Tôn từ trong thiên-định dậy, ngay nơi bản-tọa Ngài lại nhập “Sur-tử phân-tán tam-muội”,[95] hiện đại thần-thông, khiến tam-thiên đại-thiên thế-giới[96] này có sáu thứ chấn-động. Là: động, động mạnh, động mạnh khắp; tóe ra, tóe ra mạnh, tóe ra mạnh khắp; rung, rung mạnh, rung mạnh khắp; đánh, đánh mạnh, đánh mạnh khắp; gầm, gầm mạnh, gầm mạnh khắp; nổ, nổ mạnh, nổ mạnh khắp. Lại, thế-giới này, phương đông tóe ra, phương Tây tắt đi, phương Tây tóe ra, phương Đông tắt đi, phương Nam tóe ra, phương Bắc tắt đi, phương Bắc tóe ra, phương Nam tắt đi, ở giữa tóe ra, ở bên tắt đi, ở bên tóe ra, ở giữa tắt đi. Đất của thế-giới này trang-nghiêm, trong sạch và đều mềm nhũn, làm tốt, lớn cỏ cây, lợi-ích mọi loài. Do những chấn-động ấy, làm cho trong tam thiên giới không còn có địa-ngục, ngã-qui, súc-sinh[97] nữa và những chún-sinh trong ác-thú khác bị đau khổ không được rảnh-rang cũng đều được khỏi khổ, xả thân này, được sinh vào đạo người và sáu cõi trời thuộc Dục-giới. Họ đều biết mệnh kiếp trước, đều vui mừng hơn hờ và đồng đến nơi Phật, đem tâm ân-trọng, đỉnh lễ xuống chân Phật, mang các thứ ngọc báu, cùng vô số chuỗi ngọc cúng-dàng lên Phật và giác-ngộ nghĩa “tam luân không”[98] để báo ơn Phật.

Bấy giờ, ở nơi ngục và những lỗ chân lông của Như-Lai phóng ra hào-quang sáng lớn gọi là “Chư Bồ-tát du-hí thần-thông”, khiến các Bồ-tát không thoái-chuyển tâm vô thượng chính-đẳng chính-giác. Sắc của hào-quang sáng ấy như sắc vàng của Nam-diêm-phù-đề. Và, sắc hào-quang vàng ấy soi khắp tam thiên đại-thiên thế-giới cùng các thế-giới khác. Cho đến trăm ức núi Diêu-cao-sơn vương, hết thảy Tuyết-sơn, Hương-sơn, Hắc-sơn, Kim-sơn, Bảo-sơn, Di-lâu-sơn[99], Đại-di-lâu-sơn, Mục-chân-lân-đà-sơn[100], Đại mục-chân-lân-đà-sơn, Tiểu-thiết-vi-sơn, Đại thiết-vi-sơn, sông lớn, sông con, bể cả, suối chảy, ao tắm và đến trăm ức thế-giới trong bốn đại-châu[101], mặt trời, mặt trăng, sao, thiên-cung, long-cung, các tôn-thần-cung, những quốc-áp-vương-cung, làng xóm. Cùng nơi cõi Diêm-ma-la có những tướng trạng của chúng-sinh tội nghiệp chịu khổ trong tám ngục hàn[102] tám ngục nhiệt[103] và các địa-ngục khác. Cả đến những tướng-trạng chịu khổ của súc-sinh, ngã-quỷ trong mười phương[104], những tướng trạng chịu sướng, khổ của chúng-sinh thuộc năm thú[105] trong hết thảy thế-gian..., tất cả những tướng-trạng như thế đều hiện trong hào-quang sáng lớn sắc vàng này.

Lại, trong hào-quang này ảnh-hiện ra mọi tướng-mạo của các vị Bồ-tát tu hành Phật-đạo. Như Thích-Ca Bồ-tát trong thời xa xưa làm vua Quang-minh, khi tối-sơ phát tâm vô thượng chính-đẳng, chính-giác, cho đến lúc thành Phật-đạo dưới gốc Bồ-đề, nhập Niết-bàn trong rừng Sa-la. Và, trong khoảng giữa ba vô số trăm vạn kiếp, có hết thấy những sự về từ, bi, hỷ, xả, cùng tám vạn bốn nghìn Ba-la-mật cũng đều hiện đủ.

Như trong thời quá-khứ, Bồ-tát làm Kim-luân-vương, cai trị bốn thiên-hạ cho đến tận cùng bể cả, Bồ-tát đem chính-pháp giáo-hóa-thế-gian qua vô-lương kiếp, nhân-dân rất thịnh, đất nước giàu vui, hết thấy của quý báu đầy đầy quốc-giới. Khi ấy, Kim-luân-vương kia, quán-sát thế-gian đều là vô-thường, chán năm dục-lạc, bỏ ngôi Kim-luân, xuất-gia học đạo. Hoặc khi Bồ-tát làm ái-tử của vị Đại-quốc-vương, xả thân-mệnh, gieo mình vào nơi hổ đói. Hoặc khi Bồ-tát làm Thi-tỳ-vương cắt thịt mình cứu chim cấp. Hoặc khi Bồ-tát xả thân lộc-vương (con hươu đầu đàn) cứu con hươu chữa. Hoặc khi Bồ-tát vì cầu nửa bài kệ[106] mà xả toàn thân nơi núi Tuyết. Hoặc hiện thân thụ-sinh nơi nhà vua Tịnh-Phạn[107], bỏ sáu vạn thể-nữ, cùng bỏ mọi thứ kỹ-nhạc tuyệt hay nơi hậu-cung mà vượt thành xuất-gia; sáu năm tu khổ-hạnh, ngày ăn hạt vừng (mè), hạt gạo, hàng đượ các ngoại-đạo; dưới gốc Bồ-đề phá ma-quân, đượ vô thượng chính-đẳng chính-giác. Có hết thấy tướng-mạo của trăm nghìn hằng-sa hành-nguyện khó nghĩ, bàn như thế, đều hiện rõ trong hào-quang sáng lớn sắc vàng này .

Lại, trong hào-quang này ảnh-hiện ra tám bảo tháp lớn không thể nghĩ, bàn đượ của Như-Lai là: bảo-tháp kỷ-niệm nơi sinh trong cung vua Tịnh-Phạn nước Câu-sa-la (?); bảo-tháp kỷ-niệm khi thành Phật dưới gốc cây Bồ-đề, bên thành Già-gia (Gaya) nước Ma-già đà (Magadha); bảo-tháp kỷ-niệm khi Ngài bắt đầu chuyển-pháp-luân[108] độ-sinh trong vườn Lộc-già (Mrgadava) nước Ba-la-nại (Vàranasi, Benares); bảo-tháp tại vườn của ông Cấp-cô-độc trong nước Xá-vệ (Srāvasti) kỷ-niệm nơi Ngài cùng các ngoại-đạo luận-nghị sáu tháng mà Ngài đượ thanh-danh là “Nhất-thiết-trí”[109]; bảo tháp tại bên thành Khúc-nữ (Kanyakudja) nước An-đạt-la (?) kỷ-niệm sự thần-dị[110] khi Ngài lên Đạo-ly-thiên, thuyết-pháp cho thân-mẫu, cùng Phạm-thiên-vương[111], Thiên-đế-thích[112] và mười hai vạn thánh-chúng, từ Tam-thập tam-thiên hiện ra ba đường thêm báu xuông cõi Diêm-phù; bảo tháp tại núi Kỳ-xà-quật (Grjjakùta) bên thành Vương-xá (Rājagṛha) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) kỷ-niệm khi Ngài nói về các kinh Đại-thừa[113]: Đại-bát-nhã, Pháp-hoa Nhất-thừa tâm-địa kinh v.v...; bảo tháp tại rừng An-la-vệ (?), nước Tỳ-xá-ly (Vaisāli) kỷ-niệm lúc ông Trưởng-giả Duy-ma-cật (Vimalakīrti) hiện bệnh trong sự bất-khả-tư-nghị; bảo-tháp kỷ-niệm lúc sẽ

viên-tịch[114] của Ngài trong rừng Sa-la, bên sông Bạt-đề (Hiranyavati) nước Câu-thi-na (Kusinagara). Tám tháp như thế là hóa-nghi[115] của Đại-thánh, là chỗ quy-y, cúng-dàng cung-kính, làm nhân thành Phật của hữu-tình trong cõi người và cõi trời.

Như thế các âm-thanh cùng các ảnh-tượng là những sự khó nghĩ, bàn ở trong ba đời, đều ảnh-hiện trong hào-quang sáng lớn cả.

Lại, chư Phật trong ba đời ở mười phương thế-giới, cùng các Đại-bồ-tát chúng-hội nơi đạo-tràng[116], các sự thần-thông biến-hóa hiêm có và những tiếng nói pháp vi-diệu của các Như-Lai nói ra, đều ghi rõ như vang ứng tiếng, trong hào-quang sáng lớn sắc vàng này không có gì là không trông thấy, nghe thấy. Hết thấy chúng-sinh gặp hào-quang sáng này, thấy thụy-tướng kia đều phát tâm vô đẳng đẳng vô-thượng chính-đẳng chính-giác[117].

Khi đại-chúng trông thấy thần-lực bất khả tư-nghị của Phật ai cũng đều khen chưa từng có bao giờ và đều bảo nhau rằng: “Ngày nay Như-Lai nhập chính-định, phóng ra hào-quang sáng lớn soi khắp mười phương thế giới, được thấy Như-Lai trong thuở xa xưa có-những sự khó nghĩ, bàn để điều-phục những chúng-sinh tà-kiến trong đời ác-trọc, khiến họ sinh lòng tin, hiểu và biết xu-hướng về đạo Bồ-đề. Đức Như-Lai là bậc hiêm có! Ngài là cha của hết thảy thế-gian, trong vô-lượng kiếp khó thấy được Ngài. Chúng ta nhiều kiếp tu các hành-nguyện, nên nay được gặp đức thầy của Nhân, Thiên trong ba cõi. Kính mong đức Từ-Tôn thương xót thế-gian, từ thiên-định dậy, Ngài nói pháp sâu xa, chỉ dạy cho chúng-sinh được những sự lợi-lạc, vui-vẻ!” Hết thấy chúng-sinh nói lên lời ấy rồi đứng im, chiêm-ngưỡng dung-nhan đức Từ-Tôn.

Bấy giờ, trong pháp-hội có một vị Bồ-tát tên là Sư-tử-hồng, trong ba vô-số kiếp, Bồ-tát đã tu-hành về phúc-đức, trí-tuệ, trong Hiền-kiếp này Bồ-tát sẽ được bổ vào ngôi Phật, nhận ngôi Quán-đỉnh[118], làm Đại-pháp-vương[119]. Bồ-tát hướng về bốn phương xem xét đại-chúng trong hải-hội, cất giọng tiếng to lớn nói rằng: “Trong vô-lượng kiếp xa xưa tôi đã phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác đã phụng-sự Hàng-sa chư Phật, đã từng ở nơi đệ-nhất chúng-hội đạo-tràng, được thấy những thần-thông biến-hóa bất tư-nghị của chư Phật. Nhưng, tôi chưa từng trông thấy hào-quang sáng sắc vàng này, ảnh-hiện hết thảy hành-nguyện của Bồ-tát, cùng hiện ra mọi tướng mạo của Như-Lai, làm cho tôi được thấy những sự khó nghĩ, bàn trong ba đời. Vậy, kính mong các Nhân-giá[120] nhất tâm, chấp tay, chiêm-ngưỡng

Tôn-nhan, từ thiên-định dậy Ngài sẽ trao cho chúng-sinh thuốc Cam-lộ, trừ những bệnh nhiệt-não, làm cho chúng-sinh chúng được pháp-thân[121] thường, lạc, ngã, tịnh[122]. Các đức Như-Lai có hai pháp mà các Ngài không ở lâu trong chính-định: một là ĐẠI-TỪ, hai là ĐẠI-BI. Y vào ĐẠI-TỪ phải cho chúng-sinh được vui, y vào ĐẠI-BI phải nhờ đau khổ cho chúng-sinh. Bởi hai pháp ấy, trong vô-số kiếp các Ngài đã huân-tu nơi tâm các Ngài mà thành ngôi chính-giác. Chúng-sinh trong thế-gian nhiều khổ-não quá, do nhân duyên ấy, không bao-lâu nữa đức Như-Lai từ chính-định dậy, sẽ vì chúng-sinh diễn-thuyết về diệu-pháp “TÂM-ĐỊA-QUÁN MÔN” của Đại-thừa. Tôi xin kính-cáo đại-chúng: “Đại-chúng không nên cầu các phúc-lạc trong Nhân, Thiên - mà nên cầu ngay đạo Vô-thượng chính-đẳng chính-giác xuất-thế-gian. Sở dĩ thế là sao? Ngày nay Thế-Tôn từ nơi ngực phóng ra hào-quang sắc vàng, những nơi bị soi tới cũng đều như sắc vàng cả, đó là sự hiển-thị của Phật có ý-thú rất sâu mà hết thầy Thanh-Văn[123], Duyên-giác[124] ở thế-gian hết sức suy-nghiĩ đo lường cũng không thể biết được. Các vị còn trong phạm-phu địa, không quán tự-tâm, nên phải trôi-giạt trong bể sinh-tử! Chư Phật, Bồ-tát vì quán được tâm, nên qua được bể sinh-tử, đến bờ Niết-bàn. Pháp của Như-Lai trong ba đời đều như thế, các Ngài phóng ra hào-quang sáng ấy, không phải là không có nhân-duyên!”.

Tất cả chúng-hội, nghe Đại-sĩ (Bồ-tát) nói, trong tâm đều vui mừng hớn-hở, cho rằng gặp được sự chưa từng có bao giờ[125].

Bấy giờ, Sư-tử-hồng Bồ-tát ma-ha-tát muốn tuyên lại nghĩa ấy bằng lời kệ sau này:

Kính lễ: Thiên, Nhân Đại-giác-tôn,
Hàng-sa phúc-trí đều viên-mãn;
Chúng-sinh trông thấy sinh lòng mến,
Tướng Kim-quang trăm phúc trang-nghiêm.
Mình ở ngôi tôn hơn ba cõi,
Công-đức tối-thắng gì sánh kịp;
Dùng sức thần-thông tự-tại khắp,
Tùy chỗ tạo-nghiệp, hiện trước họ.
Tôi dùng thiên-nhãn quán thế-gian,
Hết thấy không ai bằng được Phật;
Hiếm có kim-dung như trăng tròn;
Hiếm có còn hơn hoa Ưu-Đàm.[126]
Vô biên phúc-trí lợi quần-sinh,

Đại-quang soi như nghìn mặt trời,
Chúng-sinh ngu-si khổ nhiều kiếp,
Nhờ hào-quang soi trừ được cả.
Tôi quán Như-Lai hành-nguyện xưa,
Thân-cận cúng-dàng vô-số Phật;
Trải qua vô-số, vô-lượng kiếp,
Vì chúng-sinh rảo tới Bồ-đề.
Thường ở trong bể khổ sinh-tử,
Làm đại-thuyền-sur vớt mọi loài;
Diễn nói pháp chân-tịnh Cam-lộ,
Khiến vào cửa vô-vi[127] giải-thoát.
Ba vô-số kiếp độ chúng-sinh,
Siêng tu tám muôn Ba-la-mật[128];
Nhân tròn, quả đủ thành chính-giác,
Trụ yên thọ-mệnh không đi, lại.
Mỗi một tướng tốt khắp pháp-giới[129],
Tướng thập phương Phật đều thể cả;
Cảnh giới sâu xa khó nghĩ, bàn,
Hết thấy Nhân, Thiên không lường được.
Thể, dụng[130] chư Phật không sai khác,
Như nghìn đèn soi sáng càng thêm;
Trí-tuệ như không, không bờ-bến,
Ứng vật hiện-hình như trăng nước.
Vô-biên pháp-giới thường vắng-lặng,
Như-như bất-động ví hư-không;
Như-Lai thanh-tịnh diệu-pháp-thân,
Tự-nhiên đầy-đủ Hằng-sa đức.
Khắp cả pháp-giới không cùng-tận,
Không sinh, không diệt không đi, lại;
Pháp-vương thường ở Diệu-pháp-cung,
Ánh sáng pháp-thân soi khắp cả.
Pháp-tính Như-Lai không vương-ngại,
Tùy duyên ứng khắp, lợi quần-sinh;
Chúng-sinh đều thấy ngay trước mình,
Vì mình tuyên nói pháp Cam-lộ.
Tùy tâm hay diệt các phiền-não,
Mọi khổ Nhân, Thiên đều giữ sạch;
Phá “có”, Pháp-vương rất lạ-lùng,
Ánh sáng soi sáng như núi vàng.
Vì độ chúng-sinh khỏi thế-gian,

Hay đốt đuốc PHÁP phá tăm-tối;
Chúng-sinh chìm trong bể sinh-tử,
Vòng quanh năm thú không kỳ ra.
Thiện-thệ[131] hằng làm diệu-pháp-thuyền,
Ngăn chặn dòng ái, tới ngàn kia;
Đại-trí phương-tiện không thể lường,
Thường cho chúng-sinh vui vô-tận.
Ngài là Cha lành của thế-gian,
Thương xót hết thấy hữu-tình-loại;
Như-Lai ra đời rất khó gặp,
Vô-số ức kiếp một lần hiện.
Như hoa Ưu-đàm: hoa “Diệu-thụy”,
Là hoa hiếm có trong người, trời;
Trong vô-lượng kiếp một lần hiện,
Thấy Phật ra đời cũng đồng vậy.
Các chúng-sinh ấy không phúc-tuệ,
Thường đắm-chìm trong bể sinh-tử;
Ức kiếp không thấy các Như-Lai,
Theo các nghiệp ác thường chịu khổ.
Chúng ta vô-số trăm nghìn kiếp,
Tu bốn vô-lượng,[132] ba giải-thoát;
Nay thấy Đại-thánh Mưu-Ni-Tôn,
Cũng như rùa mù gặp gỗ nổi.
Nguyện trong Hằng-sa kiếp đời sau,
Niệm niệm không bỏ Thiên-Nhân-Sư;
Như bóng theo hình không rời tạm,
Ngày đêm siêng tu về “Chủng-trí”[133].
Kính mong Thế-Tôn thương xót tôi,
Thường cho được thấy Đại-từ-tôn;
Ba nghiệp[134] tinh-tiến thường phụng-trì,
Nguyện cùng chúng-sinh thành chính-giác.
Nay Đại-đạo-sư trong ba cõi,
Xếp bằg trên tòa nhập chính-định;
Một mình vắng-lặng nhà “không-tịch”,
Thân-tâm chẳng động như Tu-di.
Thế-gian hết thấy Phạm-thiên-ma,
Không thể cảnh-giác Như-Lai định;
Phàm, Thánh cõi này và phương khác,
Đều biết Điều-ngự[135] ở trong thiên.
Đặt nhiều đồ cúng rất nhiệm-mâu,

Kính dâng Năng-nhân:[136] tối-thắng-đức;
Chư Thiên Lục-dục lại cúng-dàng,
Hoa trời rơi rớt khắp hư-không.
Nén hương vô-giá do thập-thiện,[137]
Biến-hóa hương-vân màu bách bảo;
Che khắp vô-lượng chúng Nhân, Thiên,
Mưa lần diệu-bảo hiển Như-Lai.
Hơi hương ngào-ngạt trước Tam-bảo,
Trăm nghìn kỹ-nhạc ran không-giới;
Không gảy tự kêu thành diệu-khúc,
Cúng-dàng Thế-Tôn đủ phúc-tuệ.
Mười tám cõi Phạm rải thiên-hoa,
Và rải tạp-bảo nghìn muôn thứ;
Chuỗi ngọc Ma-ni[138] cõi Phạm-Ma,
Mọi báu dát trong áo cõi trời.
Chàng hoa đại-bảo treo phan tốt,
Cầm đến cúng-dàng Mu-Ni-Tôn;
Cõi trời Vô-sắc rải hoa báu,
Hoa ấy rộng lớn như vành xe.
Rải hương vi-tê đầy thế-giới,
Cúng-dàng chính-định khó bàn, nghĩ;
Long-vương, Tu-la, nhân, phi-nhân,
Dâng trân-diệu-bảo do cảm-mến.
Đều đem cúng bậc Thiên-trung-thiên,
Ưu nghe đạo Bồ-đề tối-thắng;
Khi dâng Thế-Tôn: Đại-y-vương,
Khéo chữa phiền-não-khổ của đời.
Đấng Sư-tử chuyển súc Tam-muội,
Sáu thứ chấn-động khắp tam-thiên;
Dùng đó giác-ngộ kẻ có duyên
Trong ấy vô duyên không biết được
Tùy Nhân, Thiên kia có thể độ,
Thấy các thần-thông của đức Phật;
Chiêm-ngưỡng khuôn mặt Mu-Ni-Tôn,
Ba nghiệp sạch rồi đều vân-tập.[139]
Như-Lai thường dùng vô-duyên từ,
Lợi-ích chúng-sinh thành thắng-đức;
Nơi ngực phóng đại-quang-minh này,
Là: “Chư Bồ-tát bất-thoái-chuyên”.
Như khi kiếp hết bầy mặt trời,

Hiện, phóng nghìn tia sáng chói-lọi;
Tất cả ánh sáng thế-gian có,
Không bằng tia sáng chân lông Phật.
Vô lượng đại-thần-quang vô-ngại
Soi khắp mười phương các cõi Phật.
Phúc-trí Như-Lai đều viên-mãn
Chỗ phóng thần-quang cũng khó lường.
Hào-quang rực-rỡ như sắc vàng,
Soi khắp mười phương bao quốc-độ;
Bóng hiện trong kim-quang của Phật
Sắc tượng thế-gian đều thấy rõ.
Tam thiên đại thiên thế-giới này,
Trong có hết thầy các sơn-vương;
Bốn báu tạo-thành núi Diệu-cao
Tuyết-sơn, Hương-sơn, Thất-kim-sơn.
Mục-chân-lân-đà, Di-lâu-sơn,
Đại-thiết-vi-sơn, và Tiểu-sơn;
Bể cả, giang hà cùng ao tắm,
Vô-số trăm ức bốn đại-châu.
Mặt trời, trăng, sao mọi bảo-cung;
Thiên-cung, Long-cung, các thần-cung
Quốc-ấp, vương-cung, các làng xóm,
Hào-quang đều hiển-hiện như thế.
Lại hiện nhân xưa của Như-Lai,
Tích công, góp đức cầu Phật-đạo;
Như-Lai xưa ở nước Thi-tỳ,
Từng làm Nhân-vương trên tôn-vị.
Ngọc báu đầy dẫy trong quốc-giới,
Thường đem chính-pháp dạy răn đời;
Từ-bi hỷ-xả thường không mõi,
Bỏ sự khó bỏ lên Bồ-tát.
Cắt thân cứu chim cáp nào hỏi,
Thâm tâm thương xót cứu chúng-sinh.
Thuở xưa khi Phật tại phạm-phu,
Vào trong non Tuyết cầu Phật-đạo.
Nhiếp-tâm, dũng-mãnh chăm tinh-tiến,
Vì cầu nửa kệ xả toàn thân;
Vì bởi nhân-duyên cầu chính-pháp,
Trong mười hai kiếp vượt sinh-tử.
Khi xưa Ngài là Ma-nạp-tiên,

Trải tóc cúng-dàng Nhiên-Đặng-Phật;
Bởi vì nhân-duyên tinh-tiến ấy,
Tám kiếp vượt qua bể sinh-tử.
Thuở xưa làm Tát-Đóa vương-tử,
Bỏ thân yêu quý gieo miệng hổ;
Vì bởi nhân-duyên lợi người, mình,
Vượt nhân sinh-tử mười một kiếp.
Lưu-thủy trưởng-giả: đại-y-vương,
Bình-đăng cứu-độ chúng-sinh-loại;
Vớt-cả đều được sinh thiên thượng,
Trời mưa chuỗi ngọc báo ơn lại.
Bảy ngày kiếng chân tán Như-Lai,
Bởi vì tinh-tiến vượt chín kiếp.
Thuở trước làm voi trắng sáu ngà,
Ngà đẹp lạ-lùng gì sánh kịp;
Bỏ thân mệnh mình cho người săn,
Cầu vô-thượng bồ-đề của Phật.
Hoặc làm Viên-mãn phúc-trí-vương,
Cho mắt tinh-tiến cầu Phật-đạo.
Lại làm Kim-sắc đại-lộc-vương,
Xả thân tinh-tiến cầu Phật-đạo.
Làm vua Từ-lực nước Ca-thi,
Toàn thân thí cho năm Dạ-soa.
Lại làm Trang-nghiêm-vương nước lớn,
Dem vợ con cho không sên tiếc.
Hoặc làm Tối-thượng-thân Bồ-tát,
Đầu, mắt, tủy, não, cho chúng-sinh;
Từ-bi Bồ-tát làm như thế,
Đều nguyện cầu chúng Bồ-đề-đạo.
Phật xưa từng làm Chuyên-luân-vương,
Bốn châu ngọc báu đầy-đủ cả;
Đầy-đủ nghìn con cùng quyến-thuộc,
Thập-thiện dạy người trăm nghìn kiếp.
Đất nước yên-ôn như thiên-cung,
Hưởng năm dục-lạc vô cùng tận;
Khi Luân-vương kia hiểu thân mình,
Và, cả thế-gian không bền chắc.
Chư thiên Vô-tướng tám muôn tuổi,
Phúc hết trở về trong ác-đạo;
Như chiêm-bao dối cùng bọt, bóng,

Như móc sớm mai và ánh chớp.
Thấu rõ ba cõi như nhà lửa,
Tám khổ[140] đầy đầy khó ra đờc;
Chưa đờc giải-thoát lên ngàn kia,
Ai người có chí thích luân-hồi?
Chỉ có Như-Lai thân xuất-thế,
Không sinh, không diệt thường an-lạc;
Những hạnh Bồ-tát khó làm ấy,
Hết thấy hiện trong hào-quang vàng.
Trong hào-quang này hiện tám tháp,
Là ruộng phúc tốt của chúng-sinh;
Tháp cung Tịnh-Phạn nhớ nơi sinh,
Tháp gốc Bồ-đề ghi thành Phật.
Tháp trong vườn Lộc quay xe pháp,
Tháp vườn Cô-độc ghi tiếng khen;
Tháp báu dựng bên thành Khúc-nữ,
Tháp nơi Linh-Thứu tuyên Bát-nhã.
Tháp Duy-ma-Cật tại Am-la,
Tháp trong Sa-la ghi viên-tịch;
Tám tháp của Phật ghi như thế,
Chư thiên, long-thần thường dâng cúng.
Kim-cương mật-tích bốn Thiên-vương,
Ngày đêm giữ gìn không dời bỏ.
Nếu xây tám tháp để cúng-dàng,
Hiện thân phúc thọ đờc lâu dài;
Trí-tuệ thêm lên, chúng tôn-kính,
Nguyện thế, xuất-thế đều viên-mãn.
Nếu ai lễ bái và tâm niệm,
Tám tháp như thế không nghĩ, bàn;
Hai người đờc phúc như nhau cả,
Chóng chúng đờc Bồ-đề vô thượng.
Những sự lợi-ích ba đời ấy,
Ở trong hào-quang đều thấy rõ.
Bồ tát trong mười phương cõi Phật,
Các Linh-tiên đầy-đủ thân-thông;
Chuyển-luân-vương trong muôn ức cõi,
Theo hào-quang này đều vân-tập.
Đều dùng thần-lực lại cúng-dàng,
Rải ngọc Như-ý dâng Từ-tôn;
Kỹ-nhạc chư thiên trăm nghìn thứ,

Không gảy tự ngân tiếng vi-diệu.
Hoa trời rơi rộn đầy hư-không,
Mọi hương xông khắp trong đại-hội;
Chàng báu vô-số các chuỗi ngọc,
Cầm đem cúng-dàng Nhân-trung-tôn.
Kê-tụng nhiệm-mầu tán Như-Lai,
Quý thay thường nhập trong chính-định!
Hiện đại-thần-lực chẳng nghĩ, bàn,
Điều-phục chúng-sinh khó hóa-độ.
Kính mong Thế-tôn từ định dậy,
Vì mọi chúng-sinh chuyên-pháp-luân.
Dứt hẳn hết thấy các phiền-não,
Trụ nơi vô-trụ[141] Đại-Niết-Bàn!
Như hàng chúng tôi tâm thanh-tịnh,
Từ muôn ức nước lại nghe pháp.
Dùng sức chính-định thường xét kỹ,
Vật mọn kính xin Ngài thương nhận!
Người cho, bị cho và của cho,
Ở trong ba đời vô-sở-đắc[142].
Chúng tôi an-trụ tâm tối-thắng,
Cúng-dàng hết thấy mười phương Phật.
Đời đời thân-cận Đại-bi-chủ,
Thường thường phụng-sự Đại-từ-tôn;
Dem diệu-thiện-căn vô-sở-đắc,
Viên-dung pháp-giới về chân-giác.
Quá-khứ Như-Lai vào tịch-định,
Hiện đại-thần-thông quay xe pháp;
Nay Phật Thế-Tôn cũng lại thế,
Nhập-định, phóng quang đồng chư Phật.
Vì vậy nghĩ rằng Thích-sư-tử,
Quyết-định muốn nói Tâm-địa-môn.
Nếu muốn xa lìa sinh-tử-nhân,
Quyết hái quả chân-thường tam-thế.
Các vị chấp tay nhất tâm đợi,
Sẽ vào cung An-lạc Như-Lai.[143]

TOÁT-YẾU[144]

I. PHẨM TỰA

Ông A-Nan thuật: Có một thời đức Phật Thích-Ca Mưu-ni ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá. Cùng ở nơi Ngài khi ấy, có:

- 82.000 Đại-tỷ-khuru và nhiều vị Thanh-văn Hữu-học.
- 84.000 Đại-bồ-tát.
- Úc vạn Thiên-tử trong sáu cõi trời thuộc Dục-giới.
- Hằng-hà-sa Thiên-tử thuộc Sắc-giới.
- 48.000 Đại-long-vương.
- 58.000 thần Dược-xoa.
- 89.000 Càn-thát-bà-vương.
- Nghìn ức A-tu-la-vương.
- Năm ức Ca-lâu-la-vương.
- Chín ức Khẩn-na-la-vương.
- 98.000 Ma-hầu-la-già-vương.
- Các Chuyển-luân thánh-vương trong vạn ức quốc-độ.
- 16 Đại-quốc-vương cùng phu-nhân.

- Vô-lượng Tỷ-khuru, Tỷ-khuru-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, Sát-đế-ly, Phệ-xá, Thủ-đà, Trưởng-giả, Cư-sĩ, nhân-dân cùng đồ-chúng ngoại-đạo.

- Vô-lượng Phi-nhân, Ngã-quỷ, Cầm-thú-vương, Diễm-ma-la-vương, Đại-la-sát.

Và, mỗi đoàn có vô-lượng quyến-thuộc, đem đủ mọi thứ cúng-dàng dâng lên Phật, tán Phật, lễ Phật rồi ngồi về một bên.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu trên tòa sư-tử, nhập “Hữu-đỉnh-thiên cực-thiện tam-muội”. Từ Tam-muội dậy, Ngài lại nhập “Sư-tử phán-tân tam-muội”. Ở nơi ngực và những lỗ chân lông, Ngài phóng ra hào-quang sáng lớn, soi khắp tam-thiên đại-thiên thế-giới. Trong hào-quang ấy hiện đủ tất cả những tướng-trạng sướng, khổ của chúng-sinh trong lục-đạo, sự tu-hành của các vị Bồ-tát, và sự tu hạnh Bồ-tát của Ngài trong thời quá-khứ. Cho đến, tám thập bát vạn bốn ngàn nơi sinh, nơi thành đạo, nơi chuyển pháp-luân, nơi luận-nghị với ngoại đạo, nơi lên Đạo-ly thuyết-pháp, nơi nói kinh Đại-thừa, nơi Duy-Ma-Cật hiện bệnh, nơi nhập diệt trong đời hiện-tại của Ngài. Cùng những âm-thanh, ảnh-tượng của chư Phật, Bồ-tát hóa-độ chúng-sinh trong ba đời cũng đều hiện trong ấy.

Đại-chúng trông thấy hào-quang ấy ai cũng đều khen-ngợi và mong-mỏi khi Ngài từ thiên-định dậy, Ngài sẽ nói diệu-pháp đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh.

Khi ấy, trong pháp-hội có Bồ-tát Sư-tử-hống cất tiếng nói: “Vô-lượng kiếp xa xưa, tôi đã từng phát tâm vô-thượng, từng phụng-sự chư Phật, từng được thấy sự thần-biến. Nhưng, chưa được thấy hào-quang ảnh-hiện như hôm nay. Vậy, kính mong các Nhân-giả nên nhất tâm chiêm-ngưỡng Tôn-nhan, từ thiên-định dậy Ngài sẽ ban cho Cam-lộ diệu-dược. Tôi tin chắc rằng vì lòng đại-từ, đại-bi mà Ngài sắp từ thiên-định dậy. Và, do sự hiện hào-quang ấy Ngài sẽ nói về diệu-pháp “Tâm-địa-quán-môn” của Đại-thừa. Kính cáo đại-chúng: “Chúng ta không cầu phúc-lạc Nhân, Thiên, chỉ cầu đạo vô-thượng xuất-thế!”

Tâm đại-chúng vui mừng, được gặp sự hiếm có!

[1] Kinh này là cuốn kinh số 159 trong Đại-tạng-kinh. Kinh Đại-thừa bản-sinh tâm-địa-quán là cuốn kinh thuộc Đại-thừa-giáo, nói rõ về việc làm của đức Phật trong những kiếp xưa (bản-sinh) và trong hiện-tại, vị-lai. Những việc ấy quán-sát thấy, đều do nơi tâm phát-khởi và sinh-trưởng, tỷ-dụ như đất, muôn vật đều từ đất phát-sinh (tâm-địa-quán). Kinh này có 13 phẩm chia làm 8 quyển. Nhận thấy ý văn trong phẩm có sự liên-hệ, nên chúng tôi không để quyển như cũ. Nhưng đến cuối mỗi quyển cũ, chúng tôi có ghi nơi chú-thích để lưu lại dấu xưa (lời dịch-giả).

[2] Đại-tỷ-khuru (Mahabhiksu): Tỷ-khuru Tàu dịch là “Khất-sĩ”: người tu-hành cầu xin pháp của Phật và xin ăn nơi quần-chúng. Đại-tỷ-khuru là chỉ cho vị Tỷ-khuru tuổi nhiều, đức cao.

[3] A-la-hán (Arahat): Có chỗ dịch là “Vô-sinh”: Vĩnh-viễn nhập Niết-bàn không phải chịu quả-báo sinh-tử luân-hồi nữa; có chỗ dịch là “Ứng-cúng”: Ứng-thụ sự cúng-dàng của Nhân, Thiên.

[4] Giải-thoát (Moksa): Khỏi sự bó-buộc, được tự-tại. Cởi sự ràng-buộc của hoặc-nghiệp, thoát quả khổ trong 3 cõi.

[5] Tâm thiện giải-thoát: Tâm-thức lìa được hết thảy định-chướng, chứng-nhập Diệt tận-định. Tuệ thiện giải-thoát: Trí-tuệ xa-lìa hết thảy vô-minh, phiền-não-chướng, mà chứng-nhập Niết-bàn. Đây nói về tâm, trí của vị A-la-hán đã đạt tới chỗ giải-thoát thực sự.

[6] Thân, khẩu, ý trong sạch không còn tạo-tác gì nữa.

[7] Giữ sạch phiền-não.

[8] Phương-tiện (Upàya): Phương-pháp tiện dụng .Phương-pháp tiện-dụng hợp với căn-cơ của hết thầy chúng-sinh.

[9] Đoạn trên, tán-thán công-đức tu chứng của các vị Đại-tỷ-khuru: Dứt bỏ hết phiền-não, không còn phải luân-hồi trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô-sắc; mình được lợi-ích, được tự-tại, thanh-tịnh, trang-nghiêm, được 8 pháp giải-thoát, chứng được Niết-bàn (Nirvana: Viên-tịch). Tám pháp giải-thoát này do nơi Thiên-định mà được: 1.-Nội hữu sắc tưởng, quán ngoại sắc giải-thoát: Trong thân có tham-tưởng về sắc, muốn trừ tham-tưởng ấy, ngoài nên đi quán-sát sắc-thân là bất-tịnh, như thầy chết v.v..., sẽ không khởi ra tham-tưởng nữa, nên gọi là giải-thoát. Giải-thoát này y vào Sơ-thiền phát-khởi và duyên vào Sắc của cõi Dục. 2.- Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc giải-thoát: Trong thân tuy không có tham-tưởng về sắc nhưng, muốn được kiên-cố, ngoài cũng cần phải quán-sát sắc-thân là bất-tịnh v.v..., sẽ không khởi ra tham-tưởng nữa, nên gọi là giải-thoát. Giải-thoát này y vào Nhị-thiền phát-khởi và duyên vào sắc của Sơ-thiền. 3.- Tịnh-giải-thoát thân-tác-chứng cụ-túc-trụ: Ở trong định, quán những màu sắc sáng-suốt, nhiệm-màu thanh-tịnh trong hào-quang, không sinh tham-tưởng, trong thân chứng được tính giải-thoát bằng cách viên-mãn cụ-túc ở ngay trong định ấy. Giải-thoát này y vào Tứ-thiền phát-khởi và cũng duyên vào của cõi Dục. 4.- Không-vô-biên-xú giải-thoát: Không vô-biên-xú là cõi trời thứ nhất của Vô-sắc-giới. Cõi này do chán cái thân về hình-sắc, nghĩ về cái “không vô-biên”, làm ra sự giải-ngộ về cái “không vô-biên” và, tâm tương-ứng với cái “không vô-biên” ấy, mà sinh vào nơi ấy. Nay quán khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán bỏ mà được giải-thoát. 5.-Thức-vô-biên-xú giải-thoát: Thức-vô-biên-xú là cõi trời thứ hai của Vô-sắc-giới. Cõi này do sự chán cái “không” trước, bỏ “không”, duyên vào nội-thức làm tâm, giải-ngộ “thức vô-biên” ấy và, tâm tương-ứng với cái “thức vô-biên” ấy mà thành. Nay quán khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán bỏ mà được giải-thoát. 6.- Vô-sở-hữu-xú giải-thoát: Nơi này do chán “thức”, quán-tưởng tâm-thức là vô-sở-hữu (không chỗ nào là có) và, tâm tương-ứng với vô-sở-hữu ấy mà thành. Nay quán khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán-bỏ mà được giải-thoát. 7.- Phi-tưởng, phi phi-tưởng-xú giải-thoát: “Thức-xú” trước đây là “hữu-tưởng”, “vô-sở-hữu xú” là “vô-tưởng”, đến đây bỏ cái “hữu-tưởng” trước gọi là “Phi-tưởng”, bỏ cái “Vô-tưởng” gọi là “Phi phi-tưởng”. Nay quán khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán bỏ mà được giải-thoát. 8.- Diệt

thụ-tướng-định, thân-tác-chứng cụ-trụ giải-thoát: Tức là Diệt-tận-định, cũng y vào đệ Tứ-thiền, bỏ cả cái “Phi phi-tướng” trước là sở-duyên của hết thấy, trong thân chứng được tính-giải-thoát cụ-túc ngay trong định ấy.

[10] Cụ-thọ: Tiếng gọi thông-thường chỉ cho những vị có đầy-đủ tuổi thọ thế-gian và pháp-thân tuệ-mệnh.

[11] Hữu-học: Người còn đang ở địa-vị nghiên-cứu chân-lý để dứt hẳn vọng-hoặc gọi là “Hữu-học”. Tiểu-thừa, từ quả thứ nhất đến quả thứ ba là “Hữu-học”, A-la-hán là “Vô-học”. Đại-thừa, Thập-địa Bồ-tát là “Hữu-học”, Phật là “Vô-học”.

[12] Đại-bồ-tát (Maha bodhisattva): Tàu dịch là “Đại-tâm”: Những vị phát tâm rộng lớn, vì chúng-sinh cầu đạo vô-thượng và luôn luôn giác-ngộ cho chúng-sinh thành Vô-thượng-đạo.

[13] Đại-Pháp-Vương-Tử: Bậc Đại-bồ-tát vì sinh-trưởng, dưỡng-dục ở trong nhà Pháp-Vương Phật-Đà, nên gọi là Đại-pháp-vương-tử. Lại có nghĩa là chính-pháp từ nơi miệng Phật sinh ra, người nối dõi Pháp-thân của Phật mãi mãi không dứt, nên gọi là Pháp-Vương-Tử.

[14] Nhất-sinh bồ-xứ: (Eka-jati-Pratibuddha): Nhất là lý Nhất-thực. Bồ-tát Sơ-địa, được tịnh Bồ-đề-tâm, tự lý nhất-thực ấy xuất sinh ra vô-lượng Tam-muội Tổng-trì-môn, cho đến Thập-địa chỉ còn 1 lần chuyển sinh lên Phật-địa nữa thôi, nên gọi là “Nhất-sinh bồ-xứ”.

[15] Đây nói: nơi Chân-như pháp-tính của chư Phật.

[16] Ý nói dùng chính-pháp Đại-thừa vi-diệu soi-sáng, dẫn-dắt chúng-sinh.

[17] Tổng-trì: Tổng-trì tiếng Phạm là Đà-ra-ni (Dharani) và có nghĩa là giữ-gìn việc thiện không mất, việc ác đừng khởi.

[18] Bốn pháp biện-tài vô-ngại: Tức là bốn tài biện-thuyết, luận-nghị lưu-loát, không bị chướng-ngại: 1.- Giáo-pháp vô-ngại. 2.- Nghĩa-lý vô-ngại. 3.- Ngôn-từ vô-ngại. 4.- Biện-thuyết vô-ngại.

[19] Tam-muội: (Samadhi): Tàu dịch là “định, chính-thụ”.

[20] Sáu độ: Bồ-thí, trì giới, nhẫn-nhục, tinh-tiến, thiền-định, trí-tuệ. Thường gọi là Lục (sáu) Ba-la-mật.

[21] Chính-kiến: Tư-tưởng, quán-sát chân-chính, liả bỏ những sự nghiêng, vạy.

[22] Thị-hiện: Chư Phật, Bồ-tát ứng theo cơ-duyên mà hiện ra nhiều thân để cứu độ chúng-sinh.

[23] Đạo-tràng: Nơi thành-đạo, hành-pháp, cúng-dàng, học đạo.

[24] Ba đạt-trí: Ở nơi La-hán gọi là “tam-minh” (3 pháp Minh), ở nơi Phật gọi là “tam-đạt” (3 đạt trí) tức là Thiên-nhãn, Túc-mệnh, và Lậu-tận. Thiên-nhãn biết nhân-quả sinh-tử vị-lai; Túc-mệnh biết nhân-quả sinh-tử quá-khứ; Lậu-tận biết phiền-não hiện-tại mà đoạn diệt. Biết minh-bạch gọi là “Minh”, biết cùng tận gọi là “Đạt”.

[25] Ba đời: Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

[26] Cam-lộ: Tiếng Phạm gọi là A-mật-ri-đa (Amṛta): Tên thứ nước ở cõi trời, giống như hạt móc sớm mai, có mùi ngon-ngọt như mật, người cõi trời uống vào thân mệnh sống lâu, khỏe-mạnh, yên-lành và phát-sinh ánh-sáng.

[27] Chuyển trí-ấn pháp-luân: Nghĩa là quay bánh xe pháp “Trí-ấn”. Trí-ấn có nghĩa là dùng trí-tuệ Bát-nhã làm ấn-tín, để vào được lý “thực-tướng”. Lại có nghĩa là dùng trí-tuệ, phân-biệt chân, vọng, phải, trái v.v...

[28] Vô-thượng chính-đẳng chính-giác: Tức là phiên-dịch câu A-núc-đa-la tam-miệu tam Bồ-đề (Anuttara-samyak – sambodhi) của chữ Phạm và có nghĩa là trí-tuệ vô-thượng chân-chính, bình-đẳng, hiểu-biết hết thảy chân-lý.

Từ câu “lại có 84.000 vị Đại-bồ-tát...” đến chỗ “Chính-giác”, là tán-thán công-đức: hành, nguyện, bi, trí của các vị Đại-bồ-tát.

[29] Lục-Dục-Thiên: 6 cõi trời còn đỏi dục-lạc là: 1/ Tứ-thiên-vương: Trì-quốc, Quảng-mục, Tăng-trưởng, Đa-văn. 2/ Đạo-ly-thiên (Tàu dịch: Tam-thập tam thiên (33 cõi trời). 3/ Dạ-ma-thiên (Tàu dịch: Thời-phận). 4/ Đâu-suất-thiên (Tàu dịch: Hỷ-túc). 5/ Hóa-lạc-thiên. 6/ Tha-hóa-tự-tại-thiên.

[30] Thích -Đề-Hoàn-Nhân: (Sakra devānām Indra) Tàu dịch: “Năng-thiên-chủ”. Thường gọi là “Đế-thích”, làm chủ 33 nơi trong cõi trời Đạo-ly .

[31] Thượng-thủ: Là người có tài-đức được cử ra đứng đầu một nhóm hoặc đại-chúng.

[32] Đoạn trên là tán-thán công-đức các vị Thiên-tử.

[33] Hằng-hà-sa: Cát sông Hằng. Đây là chỉ số lượng rất nhiều không thể tính-toán xiết được.

[34] Cây Bồ-đề: “Bồ-đề” (Bodhi): Xưa dịch là “Đạo”, nay dịch là “Giác”. - Bồ-đề-thụ (Bodhidruma hay Bodhivrksha): Cây này do đức Thích-Ca thành-đạo ở đó nên được tên ấy. Chính tên là cây Tất-bát-la (Pippala).

[35] Từ chỗ “Các vị ấy đều...” đến chỗ “thoái-chuyển” là lời tán thán công-đức các vị Thiên-tử được thần-thông Tam-muội, luôn luôn phụng-sự chư Phật trong ba đời khi chư Phật thành-đạo dưới gốc Bồ-đề, lại thỉnh chư Phật thuyết-pháp độ sinh và, ngộ được chân-lý trong Đạo Bồ-đề không thoái-chuyển.

[36] Đoạn trên tán-thán công-đức sự thành tâm thỉnh pháp và hộ-pháp của các vị Long-vương.

[37] Dược-soa (Yaksa): Có chỗ gọi là Dạ-xoa, Tàu dịch là “Tật-tiếp”, là loài quỷ-thần bay trên hư-không.

[38] Đoạn trên là lời tán-thán đức-lực của các Dược-xoa-thần đầy đủ ánh-sáng trí-tuệ, ngăn dẹp ác-quỷ, làm cho chúng-sinh được an-vui, thêm phúc, trí và hộ-trì Đại-thừa-pháp được lâu dài.

[39] Càn-thát-bà (Gadharva): Tàu dịch là “Hương-âm”: không dùng rượu thịt, chỉ cần hương-vị để giúp cho thân ngũ-âm; còn dịch là “Tâm-hương”, có nghĩa là thường tìm hương-khí để giúp cho thân-mệnh, hoặc nơi tự thân xuất ra những hương-khí . Đây là vị nhạc-thần nơi Thiên-đế.

[40] Đoạn trên tán-thán công-đức các vị Càn-Thát-Bà-Vương có lòng ái-kính Đại-thừa-pháp và, làm cho chúng-sinh được lợi-lạc, không bao giờ thấy chán-nản, mỏi-mệt.

[41] A-tu-la (Asura): Tàu dịch: “Phi-thiên”, nghĩa là loài quỷ-thần này gần bằng trời nhưng không phải trời, vì không được những đức-độ như các vị trên cõi Trời, mà lại hay có tính tranh-đấu.

[42] Tam-bảo: Ba ngôi quý-báu: Phật (Buddha), Pháp (Dharma), Tăng (Sangha). Đoạn trên nói A-tu-la-vương vốn tính ngã-mạn, nay bỏ được tính ấy, tu theo thiện-pháp, thụ-trì Đại-thừa, tôn-trọng Tam-bảo.

[43] Ca-lâu-la-vương (Garuda): Loại chim Kim-sí đầu đàn.

[44] Bất khởi pháp-nhãn...Đối với thực-tướng của các pháp hiểu rõ và tin thực sâu xa, không còn sinh khởi sự ngờ vực, luôn luôn chỉ đem lại lợi-ích cho chúng-sinh mà thôi.

Đoạn trên tán-thán công-đức sự liễu-pháp và làm lợi-ích chúng-sinh của Ca-lâu-la-vương.

[45] Khẩn-na-la-vương: Người đứng đầu trong loại Khẩn-na-la. Khẩn-na-la (Kimnara) xưa dịch là “Nhân-phi-nhân”: như người nhưng không phải người; nay dịch là “Ca-thần”: Thần chuyên việc hát, là nhạc-thần nơi Thiên-Đế.

[46] Đoạn trên tán-thán công-đức các vị Khẩn-na-la-vương có đủ trí-tuệ vi-diệu, thanh-tịnh, thân tâm tự-tại.

[47] Ma-hầu-la-già-vương: Loại Ma-hầu-la-già đầu đàn. Ma-hầu-la-già (Mahoraga): Đại-mãng-thần (thần rắn).

[48] Ái-triền: Ân-ái quán-quít.

Đoạn trên tán-thán Ma-hầu-la-già-vương khéo tu tập, bỏ tham-ái và khéo dùng phương-tiện làm cho chúng-sinh bỏ được sự ân-ái quán-quít.

[49] Chuyển-luân thánh-vương: Tiếng Phạm gọi là Chước-ca-la-phạt-lạt đê-hạt-la-xà (Cakavarti-Raja). Vua Chuyển-luân thánh-vương có 32 tướng. Khi tức vị, do thiên cảm, nhà vua được cỗ xe báu (luân-bảo); xe này quay chuyển hàng-phục được 4 phương nên gọi là Chuyển-luân-vương. Khi kiếp số tăng lên của nhân-loại, người ta thọ đến 20.000 tuổi trở lên thời Chuyển-luân-vương mới xuất-thế. Mà ở kiếp diệt, người ta thọ từ vô-lượng tuổi đến 80.000 tuổi, thời nhà vua ra đời. Luân-bảo (cỗ xe báu) của nhà vua có 4 loại: Kim (vàng), Ngân (bạc), Đồng và Thiết (sắt). Bốn cỗ xe báu này lần lượt thống-lĩnh 4 đại-châu, như Kim-luân-vương coi cả 4 châu; Ngân-luân-vương coi 3 châu: Đông, Tây và Nam; Đồng-luân-vương coi 2 châu: Đông và Nam; Thiết-luân-vương coi 1 châu Nam-diêm-phù-đề.

[50] Đoạn trên nói các Chuyển-luân thánh-vương sùng-tín Tam-bảo, đem mọi thứ cúng-dàng Thế-Tôn, tán-thán Phật-trí và mong cầu đạo vô-thượng-giác. -Vi, biết thế-pháp vô-thường.

[51] Phúc-trí: Tức là phúc-đức và trí-tuệ. Có chỗ còn gọi là “Phúc-tuệ, đức-trí, đức-tuệ, trí-đức v.v...”

[52] Đoạn trên nói về 16 Đại-quốc-vương do trồng căn lành, được đầy-đủ phúc-trí, nhân-dân vui-vẻ, chư Phật hộ-niệm. Các vị ấy từng phát tâm làm thí-chủ cho chư Phật trong ba đời và bố-thí chúng-sinh. Các vị ấy chán sinh-tử, tu giải-thoát, cầu Phật-đạo, độ chúng-sinh, và nối dõi Phật-chủng. Vì nhân-duyên nghe pháp, các vị ấy sắm đồ cúng-dàng dâng đức Thế-tôn.

[53] Ba môn giải-thoát: 1/- Không giải-thoát: Quán các pháp do nhân-duyên sinh, không có ngã, ngã-sở mà được giải-thoát. 2/- Vô tướng giải-thoát: Chứng Niết-bàn xa lìa hết thấy tướng mà được giải-thoát. 3/- Vô nguyện giải-thoát (xưa gọi là vô-tác, vô-khởi): Đối với các pháp không còn ưa muốn gì, mà được giải-thoát.

[54] Đoạn trên, tán-thán công-đức của 16 phu-nhân đã được chính-định nhưng, vì độ sinh mà thị-hiện nữ-thân. Và nay vì muốn nghe pháp nên đem các thứ quý báu cúng-dàng Thế-Tôn.

[55] Tỷ-khưu-ni (Bhiksuni): Phái nữ đi tu, thụ-trì đại-giới.

[56] Ưu-bà-tắc (Oupasaka): Tàu dịch là “Cận-sự-nam”: người đàn ông thụ-trì giới-pháp của Phật, luôn luôn thân-cận, phụng-sự Tam-bảo.

[57] Ưu-bà-di (Oupasika): Tàu dịch là “Cận-sự-nữ”: người đàn bà thụ-trì giới-pháp của Phật, luôn luôn thân cận, phụng sự Tam-bảo.

[58] Bà-la-môn (Brahmana): Giai-cấp tu-sĩ của Ấn-độ-giáo, Tàu dịch là “Tịnh-hạnh”, “Tịnh-chí”, “Tĩnh-chí”. Giai-cấp thứ nhất trong 4 giai-cấp của Ấn-độ.

[59] Sát-đế-ly (Ksatija): Tàu dịch là “Điền-chủ”. Giai-cấp vua chúa. Giai-cấp thứ 2 trong 4 giai-cấp của Ấn-độ.

[60] Phệ-xá (Vesa): Giai-cấp buôn bán. Giai-cấp thứ 3 trong 4 giai-cấp của Ấn-độ.

[61] Thú-đạt-la (Sudra): Giai-cấp nông-nhân, nô-lệ. Giai-cấp thứ tư trong 4 giai-cấp của Ấn-độ.

[62] Trưởng-giả: Tiếng Phạm gọi là “Nghị-lực-hạ-bát-đề” (Drha-pati): Tiếng gọi thông-thường chỉ cho người nhiều của, đủ đức. Bộ Pháp-Hoa Huyền-tán quyển 10 nói: “Trưởng-giả là người tâm bình, tính thẳng, nói thực, làm chăm, tuổi nhiều, của lắm”.

[63] Cư-sĩ: Tiếng Phạm gọi là Ca-la-việt (Kulapati): Là người có của ở nhà không ra làm việc đời; là người ẩn-dật ở nơi nhà mình không ra làm quan; hay là người tại-gia có chí hướng về đạo Phật. Bộ Pháp-Hoa Huyền-tán quyển 10 nói: “Giữ đạo tự điềm-đạm, chứa đức, ít muốn gọi là Cư-sĩ”.

[64] Đoạn trên nói về Tăng, tục đại-chúng có thiện-căn, có nhân-duyên phát tâm tới nghe pháp.

[65] Lộ-già-gia-đà (Lokàyatika): Tàu dịch là “Thuận thế”. Tên một ngoại-đạo trong Ấn-độ xưa, thuận theo tình đời, chấp sự vật là thường, là có.

[66] Năm pháp thần-thông: Thần-thông: những pháp có dụng-lực tự-tại vô ngại, không thể suy lường được. Năm pháp thần-thông là: 1/- Thần-túc-thông (Rddhivid-hi-jnàna): một niệm đi khắp mọi thế-giới, được tự-tại. 2/- Thiên-nhãn-thông (Divya-caksus): Trông suốt hết thấy. 3/- Thiên-nhĩ-thông (Divya-sirotra): nghe khắp mọi tiếng. 4/- Tha-tâm-thông (Paracit-ta-jnàna): biết hết thấy tâm chúng-sinh. 5/- Túc-mệnh-thông. (Purvanivàsà-nusmrti jnàna): nhớ biết mệnh kiếp trước. Thêm “Lậu-tận-thông” (As-ravaksaya-jnàna) nữa là 6. Lậu-tận-thông có nghĩa là dứt trừ hết thấy phiền-não được tự-tại vô ngại.

[67] Đoạn trên nói: tuy là ngoại-đạo tu các pháp-môn khác với đạo Phật nhưng, tu-hành đã được thần-thông, được tự-tại vô-ngại, biết phát tâm hiêm có tới nghe Phật thuyết-pháp.

[68] Phi-nhân: Chỉ chung cho các loài không phải người (phi-nhân) như Thiên, long 8 bộ cùng đồ-chúng u minh như Dạ-xoa, ác quỷ v.v...

[69] Ngã-quỉ: Tiếng Phạm gọi là Bệ-lê-đa (Preta). Ngã-quỉ là 1 thú trong 6 thú. Ngã-quỉ thường chịu khổ về đói khát. Và, do quả-báo phải chịu không đồng, nên có loài hơn, loài kém. Loài hơn, làm thần nơi rừng núi, miếu mạo; loài kém, ở nơi bất-tịnh, không được ăn uống và thường phải chịu khổ về dao, gậy đánh đập.

[70] Tỳ-xá-xà-quỉ (Pisacà): Tàu dịch là “điên quỉ”: quỉ điên-cuồng; “Hám-tinh-quỉ”: quỉ ăn tinh-khí.

[71] Năm thể : Đầu, hai tay và hai đầu gối.

[72] Đoạn trên nói về loài quỷ là loài nhiều ác-độc nay đã diệt-trừ, biết quy-y Tam-bảo, hộ-trì chính-pháp nên tới nghe pháp.

[73] Ba đường: Tức tam (3) ác đạo và còn gọi là tam (3) đồ, tam (3) ác thú: Địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh.

[74] Đoạn trên nói loài súc-sinh (cầm-thú) tới nghe pháp đem các thức cúng-dàng lên Phật, thỉnh Phật thuyết-pháp, mong dứt ác-nghiệp, ngu-si, được giải-thoát.

[75] Diêm-ma-la-vương (Yama-rāja): Xưa gọi là “Diêm-la” hay “Diêm-vương”. Tàu dịch là “Phọc” (phược): trói buộc tội nhân; “song thể”: vị này ở đời được hưởng thụ vui sướng và phải chịu cả sự khổ; “bình-đẳng-vương”: trị tội bình-đẳng Diêm-ma-la-vương là một chức vị cai quản tất cả các việc trong địa-ngục.

[76] La-sát (Rākṣasa): Tàu dịch là “Bạo-ác khả úy”: Loài quỷ hung-ác đáng sợ. Quỷ cái gọi là “La-xoa-tu” (Rākṣasi). “Đại-la-sát” là quỷ La-sát có địa-vị cao hơn và hung-ác hơn.

[77] Ngục-lại: Quan coi ngục.

[78] Năm dục-lạc: Cửa-cải, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ .

[79] Năm tội nghịch: “Ngũ nghịch” là 5 thứ tội ác trái ngược với đạo-lý. Còn gọi là “ngũ vô-gián nghiệp” là 5 ác-nghiệp phải chịu quả-khổ trong địa-ngục Vô-gián. Năm tội nghịch là: 1/- Giết cha. 2/- Giết mẹ. 3/- Giết A-la-hán. 4/- Làm chảy máu nơi thân Phật. 5/- Phá hòa-hợp Tăng. Còn 5 tội đặc-biệt nữa là: 1/- Phá chùa tháp, đốt kinh tượng, lấy của Tam-bảo. 2/- Hủy báng Tam-thừa-pháp. 3/- Bắt giam đánh đập, giết chóc người tín tâm xuất-gia. 4/- Phạm 1 trong 5 tội nghịch trên. 5/- Cho là không có nhân-quả, tạo 10 điều ác.

[80] Địa-ngục: Tiếng Phạm gọi là “Na-lạc-ca” (Naraka), “Nê-lê” (Niraya). Tàu dịch là “bất lạc”: không vui; “khả yếm”: đáng chán, “khổ-cụ, khổ-khí”: đồ-vật, khí-cụ làm cho đau khổ; “vô hữu”: không có sự vui sướng, không có khí vị v.v... Y cứ vào nơi sinh (dưới đất: địa) và có những khổ trên, khác gì như ở trong ngục nên gọi ra thành “địa-ngục”. Địa-ngục có ba loại: 1/ Căn bản địa-ngục: như 8 ngục nhiệt (nóng), 8 ngục hàn (rét). 2/ Cận biên địa-

ngọc: các ngọc nhỏ phụ cận, như mỗi ngọc lớn có 16 ngọc nhỏ. 3/ Cô-độc địa-ngọc: những ngọc ở nơi núi rừng, đồng nội, dưới cây, trong không v.v...

[81] Đoạn trên nói về Diêm-la-vương cùng những ác-qui tới nghe pháp. Vì, có nhiệt tâm độ-sinh, thương chúng-sinh: tự mình buộc mình, nên họ khẩn-thiết xin Phật nói pháp để chúng-sinh trong 3 ác-thú được giải-thoát.

[82] Tòa sư-tử: Sư-tử đứng đầu loài thú, có uy-đức lớn, khi rống lên một tiếng các loài thú đều nép phục. Đức Phật nói pháp cảm-động pháp-giới hữu-tình. Vì vậy, nên nơi Ngài ngồi thuyết-pháp hay đem “tòa sư-tử” làm ví-dụ.

[83] Nam-diêm-phù-đề: Xưa phiên là “Diêm-phù-đề” (Jambudvipa) nay phiên là “Thiệm-bộ-châu”. Đây là tên một châu ở về phía Nam núi Tu-di, nên gọi là Nam-diêm-phù-đề. Châu này là cõi đất nhân-loại ở hiện nay.

[84] Đoạn trên nói đức Phật là chủ pháp-hội. Ngài có uy-đức lớn được đại-chúng cung-kính, cúng-dàng .

[85] Gia-phu: Ngồi xếp bằng, hai bàn chân để chéo lên hai vế.

[86] Tu-di: (Sumeru): Tàu dịch là “Diệu-cao, Diệu-quang, An-minh, Thiện-tích, Thiện-cao...” Tên một trái núi ở trung tâm tiêu-thế-giới.

[87] 4 thứ báu: Vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê. Thêm xà-cừ, xích-châu, mã-nã là thất-bảo (7 thứ báu).

[88] Hữu-đỉnh-thiên cực thiện tam-muội: “Hữu-đỉnh” chỉ cho cõi trời Sắc-cứu-cánh là cõi cao cùng tốt của cõi Sắc. Đây là tên một môn thiên-định cao siêu cùng cực và thiện-diệu.

[89] Tâm anh-lạc bảo trang-nghiêm-vương: Đây ví vào tâm Phật. Tâm Phật và tâm chúng-sinh bình-đẳng. Song, tâm Phật có vô-lượng vô-biên công-đức trang-nghiêm, được viên-mãn tự-tại, ví như ngọc-báu trang-nghiêm, như vương-vị được tự-tại.

[90] Vô-sắc-giới: Cõi này không có một cái gì có thể gọi là vật-chất của sắc-pháp, cũng không có thân thể, cung-điện, chỉ còn có thức-tâm và ở trong thiên-định sâu-sa vi-diệu nên gọi là “Vô-sắc-giới”. Vô sắc-giới có 4 cõi:

Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi-tướng phi-phi-tướng-xứ.

[91] Sắc-giới: Cõi này từ thân-thể, cung-điện, quốc-độ đều là vật-chất (sắc) tinh-hảo, thù-thắng vi-diệu. Sắc-giới chia làm Tứ-thiên:

1/ Sơ-thiên 3 cõi: Phạm-chúng-thiên, Phạm-phụ-thiên, Phạm-vương-thiên. 2/ Nhị-thiên 3 cõi: Thiểu-quang-thiên, Vô-lượng-quang-thiên, Quang-âm-thiên. 3/ Tam thiên 3 cõi: Thiểu-tịnh-thiên, Vô-lượng-tịnh-thiên, Biến-tịnh-thiên. 4/ Tứ-thiên 9 cõi: Phúc-sinh-thiên, Phúc-ái-thiên, Quảng-quả-thiên, Vô-tướng-thiên, Vô-phiền-thiên, Vô-nhiệt-thiên, Thiện-kiến-thiên, Thiện-hiện-thiên và Sắc cứu-cánh-thiên. Tổng cộng Sắc giới có 18 cõi trời.

[92] Phạm-thiên (Brahmadeva): Là một cõi trong Sơ-thiên thuộc Sắc-giới. Cõi này ưa tịch-tĩnh thanh-tịnh, xa lìa sự dâm-dục của Dục-giới.

[93] Sáu cõi trời Dục: Dục-giới là cõi mà chúng-sinh trong đó có 3 thứ dục: ăn, ngủ, và dâm-dục. Có 6 cõi trời còn vương trong vòng dục ấy là: 1/ Tứ thiên-vương (Caturmahàràjakàyikàs): Đông: Trì-quốc-thiên (Dhritaràstra). Nam: Tăng-trưởng-thiên (Virùdhaka). Tây: Quảng-mục-thiên (Virùpàksa), Bắc: Đa-văn-thiên (Dhanada). 2/ Đạo-ly-thiên (Tràyas trmsa: Tàu dịch là “Tam-thập tam thiên”) 3/ Dạ-ma-thiên (Yàma: Tàu dịch là “Thời phạt”) 4/ Đâu suát-thiên (Tusita: Tàu dịch là “Tri-túc, Hỷ-túc”). 5/ Lạc biến-hóa-thiên (Tiếng Phạm là Ni-ma-na: Nirmanarataya). 6/ Tha hóa tự-tại-thiên (Tiếng Phạm là Sa-xá-bạt-đề: Pa-ranirmitavasavartina).

[94] Tên các thứ hoa. Vì có nhiều tên hoa không thấy phiên nghĩa ra Hán-văn, nên đành để vậy.

[95] Su-tử phân-tán tam-muội: Môn thiên-định có tác-động rung-động mạnh-mẽ, mau lẹ như su-tử.

[96] Tam-thiên đại-thiên thế-giới: Đất nước trong vũ-trụ này rất nhiều. Một thái-dương-hệ là một tiểu-thế-giới. Một nghìn Tiểu-thế-giới thành Tiểu-thiên thế-giới. Một nghìn Tiểu-thiên thế-giới thành trung-thiên thế-giới. Một nghìn Trung-thiên thế-giới thành Đại-thiên thế-giới. Số lượng của Đại-thiên thế-giới là 1.000.000.000. Đại-thiên thế-giới do ba lần “thiên” (nghìn) mà thành, nên gọi là “Tam-thiên đại-thiên thế-giới”.

[97] Súc-sinh: Tiếng Phạm gọi là “Đề-lật-xa” (Tiryagyoni). “Súc-sinh “ chỉ cho các sinh-vật được nuôi dưỡng để ăn hay để làm việc. Nay dịch là “Bàng-sinh” có nghĩa là chỉ cho các sinh-loại đi ngang.

[98] Tam luân không: Ba vòng rỗng không. Đây nói về sự bố-thí. Người vô-tâm thực-hành bố-thí, không còn bận chút hình bóng gì trong tâm-thức về 3 loại: người bố-thí, người nhận của bố-thí và của bố-thí. Thế là “chân-bố-thí”, là “tam luân không”.

[99] Di-lâu-son (Sumeru): Tàu dịch là “Cao-sơn , Quang-sơn”.

[100] Mục-chân-lân-đà-son (Mucilinda): Tàu dịch là “Giải-thoát-son”.

[101] Bốn đại-châu: Theo kinh Phật, thế-giới này chính giữa có núi Tu-di, chung-quanh có các núi, các bể, rồi đến 4 đại-châu: 1.- Nam Thiệm-bộ-châu, hay là Nam Diêm-phù-đề (Jambudvipa). 2.- Đông Thắng-thần-châu, hay là Đông Phát-bà-đề (Pūrva-videha). 3.- Tây Ngưu-hóa-châu, hay là Tây Cồ-gia-ni (Apara-godāniya) 4.- Bắc Cồ-lô-châu, hay là Bắc Uất-đàn-việt (Uttara-kuru).

[102] Tám ngục hàn (rét): Át-bộ-đà (Arbuda) Tàu dịch là “Pháo”: rét quá phỏng da. 2.-Ni-lạt-bộ-đà (Nirarbuda) Tàu dịch là “Bào-pháo”: rét quá da căng nứt. 3.- A-triết-tra (Atta). 4.- Hoắc-hoắc-bà (Apapa). 5.- Hồ-hồ-bà (Hāhādhara) (3 ngục trên do rét quá mà miệng phát ra tiếng như thế). 6.- Uất-bát-la (Utpala): Tàu dịch là “Thanh-liên-hoa”: rét quá thân-thể nứt-nở tái xanh như cánh sen xanh. 7.- Bát-đặc-ma (Padma) Tàu dịch là “Hồng-liên-hoa”: rét quá thân-thể nứt, máu như cánh sen đỏ. 8.- Ma-ha-bát-đặc-ma (Mahāpadma) Tàu dịch là “Đại-hồng-liên-hoa”. Trong kinh Niết-bàn quyển 11 lại gọi là: “A-ba-ba, A-tra-tra, A-la-la, A-bà-bà, Ưu-bát-la, Ba-đầu-ma và Câu-vật-đầu...”

[103] Tám ngục nhiệt (nóng): 1.- Đẳng-hoạt: bị tra-tấn, chết đi, lại sống lại. 2.- Hắc-thằng: Lấy dây trói rồi sau cưa, chém. 3.- Chúng-hợp: nhiều khí-cụ hợp lại tra-tấn. 4.- Hào-khiêu: tra-tấn đau, kêu gào khóc lóc. 5.- Đại-khiêu: đau quá kêu to. 6.- Viêm-nhiệt: lửa đốt chung-quanh. 7.- Đại-nhiệt: rất nóng. 8.- Vô-gián: Chịu khổ không gián-đoạn.

[104] Mười phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-nam, Tây-nam, Đông-bắc, Tây-bắc, Thượng-phương và Hạ-phương.

[105] Năm thú: Thiên (trời), Nhân (người), địa-ngục, ngã-quỉ, súc-sinh. Thêm A-tu-la nữa là 6 thú hay 6 đạo.

[106] Kệ: Tiếng Phạm gọi là “Kỳ-dạ” (Geya). Tàu dịch là “trùng-tụng” là một lối thơ bốn câu, nói lại nghĩa của văn xuôi. Lại còn một thứ kệ tiếng Phạm gọi là “Già-đà” (Gàthà): Tàu dịch là “Phùng-tụng” hay “Cô-khởi-tụng”. Nghĩa là: Lối thơ cũng 4 câu nhưng, tự sáng-tác riêng biệt, không phải nói lại nghĩa của văn xuôi.

[107] Tịnh-Phạn: Tên Thân-phụ đức Phật Thích-Ca, tiếng Phạm gọi là Thủ-đồ-đà-na (Suddhodana) cai-trị nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu).

[108] Chuyển-pháp-luân (quay bánh xe pháp): Giáo pháp của Phật gọi là “pháp-luân” (bánh xe pháp); truyền nói pháp ấy gọi là “chuyển” (quay). Nghĩa là giáo-pháp của Phật, quay vòng khắp chúng-sinh-giới, phá tan phiền-não. Và, “chuyển” đây còn có nghĩa là chuyển pháp tự tâm mình, chuyển đi sang tâm người khác.

[109] Nhất-thiết-trí: Biết rõ tướng chung của hết thầy pháp. Tướng chung tức “không-tướng”.

[110] Thân-dị: Thân-thông biến hóa lạ-lùng.

[111] Phạm-thiên-vương: Tên gọi tắt của Đại-phạm-thiên-vương (Mahàbrahman), là ông vua trong cõi Sơ-thiên. Và, còn là tên gọi chung 18 cõi trời thuộc Sắc-giới.

[112] Thiên-đế-thích: Chính gọi là “Thích-Ca đề hoàn-nhân” (Sakra devànà Indra), gọi tắt là “Đế-thích” Tàu dịch là “Năng-thiên-chủ”, cai-trị cõi trời Tam-thập tam (Đao-ly).

[113] Đại-thừa: Tiếng Phạm gọi là “Ma-ha-diễn” (Mahàyàna: “Đại” (lớn) đối với “Tiểu” (nhỏ) mà nói. “Thừa” (cỗ xe) có ý nghĩa là vận tải. Thập nhị môn luận nói: “Ma-ha-diễn” (Đại-thừa) hơn Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa nên gọi là “Đại-thừa”. Quả-vị của chư Phật rất cao-siêu, cỗ xe này vận chuyển được đến đó nên gọi là “Đại”. Chư Phật đại-nhân ngồi trên cỗ xe này gọi là “Đại”. Hay diệt trừ đại-khổ, cho chúng-sinh đại-lợi-ích nên gọi là “Đại” v.v... Đại-thừa là cỗ xe giáo-pháp cao-siêu, vi-diệu rộng lớn chuyên chở chúng-sinh mau tới chỗ đại-giác-ngộ.

[114] Viên-tịch: Tức là Niết-bàn (Nirvāna) và có nghĩa là công-đức viên-mãn, tịch-diệt phiến-não.

[115] Hóa-nghi: Phương-pháp, nghi-thức giáo-hóa chúng-sinh.

[116] Đạo-tràng (Bodhimandala): Nơi Phật, Thánh thành đạo. Nơi hành-pháp, cúng-dàng, học đạo đều gọi là đạo-tràng. Đạo-tràng còn là tên riêng của pháp-tọa (tòa ngồi thuyết-pháp).

[117] Vô đẳng đẳng, vô-thượng chính-đẳng chính-giác: Tức là “Vô đẳng đẳng a-núc đa-la tam-miêu tam bồ-đề”, “Vô đẳng đẳng” (Asamsama): Đạo Phật và tôn-hiệu của Phật, Đạo Phật cao-siêu tuyệt-đôi, không gì sánh bằng, nên gọi là “vô đẳng” (không sánh bằng). Đạo ấy chỉ Phật với Phật bằng được, nên thêm chữ “đẳng”. Còn “vô-thượng chính-đẳng chính-giác”, xem phần chú-thích đã giải ở số 28.

[118] Quán-đỉnh (Abhisecani): Theo tục Ấn-độ, một khi vị Hoàng-tử được phong Thái-tử, hay Thái-tử lên ngôi vua, lúc tấn-phong hay lấy nước 4 bề rưới lên đầu, biểu ý chúc tụng. Nơi đây, ngụ ý: vị Bồ-tát sắp thành Phật-quả.

[119] Đại-pháp-vương: Quả-vị tối-cực của Thánh-nhân là “Đại-pháp-vương”. “Pháp-vương” là đối với hết thầy pháp được tự-tại. Đây là danh-từ tôn xưng Phật. Danh-từ tôn xưng Phật còn có chỗ gọi là “Thiên-trung-thiên, Thánh-trung-vương, Đại-thánh-chúa, Đại-y-vương, Đại-đạo-sư, Đại-thuyên-sư, Nhân-trung-tôn, Thiên-nhân-sư v.v....”

[120] Nhân-giả: Tiếng gọi tên những bậc có nhân-từ đức độ khả kính.

[121] Pháp-thân (Dharmakāya): Chân-thân của Phật, đầy-đủ vô-lượng pháp công-đức. Còn gọi là “tự-tính-thân”, là thể-tính chân-như pháp-giới thanh-tịnh, bình-đẳng của hết thầy pháp.

[122] Thường, lạc, ngã, tịnh: Đây là 4 đức của Niết-bàn. 1/ Thường: thể của Niết-bàn thường hằng bất biến, không sinh-diệt và, tùy duyên hóa-dụng, vẫn thường không đoạn-tuyệt. 2/ Lạc: thể của Niết-bàn tịch-diệt, an-lạc vĩnh-viễn và, vận-dụng tự-tại, làm gì đều hợp với tâm. 3/ Ngã: đứng về “thể”, “tự-thực” (chân-thực nơi tự-thể) là “ngã”; đứng về “dụng”, “tự-tại” (tự-do không chướng ngại) là “ngã”: Chân-thực không biến-đổi, tự-tại không ngăn vướng là “chân-ngã”. 4/ Tịnh: thể của Niết-bàn, giải-thoát hết thầy những cấu-nhiễm và, tùy nơi hóa-duyên mà không bị nhơ-nhớp.

[123] Thanh-văn: Tiếng Phạm gọi là Xá-la-bà-ca (Srāvaka). Thanh-văn là hàng đệ-tử trong pháp Tiểu-thừa của Phật nghe giáo-lý nơi tiếng nói của Phật, ngộ lý Tứ-đế (khổ, tập, diệt, đạo), dứt được kiến-hoặc, tư-hoặc, chứng-nhập Niết-bàn. gọi là “Thanh-văn”.

[124]Duyên-giác: Xưa gọi là Bích-chi-Phật, nay gọi là Bát-thích-ế-già-Phật đà (Pratyekabuddha) và xưa dịch là “Duyên-giác”, nay dịch là “Độc-giác”:

- Duyên-giác có nghĩa là: 1/ Quán 12 nhân-duyên, đoạn hoặc, chứng lý. 2/ Nhận thấy ngoại-duyên như hoa rơi, lá rụng mà tự giác-ngộ lẽ vô thường, đoạn hoặc, chứng lý.

- Độc-giác có nghĩa là trong đời không có Phật, do mê mông của nhân trước, hoặc quán 12 nhân-duyên, hoặc quán hoa rơi, lá rụng mà tự-giác-ngộ.

[125] Đoạn này từ câu “Khi ấy đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu...” (ở trang 12) đến chỗ “chưa từng có bao giờ”, là nói về: đức Phật nhập-định, phóng quang, ảnh-hiện mọi tướng, báo điềm Ngài sắp nói diệu-pháp Đại-thừa, chúng-sinh cung-kính, cúng-dàng mong mỗi nghe pháp, và, Bồ-tát Sư-tử-hống nói cho chúng-hội biết là Phật sẽ nói pháp “Tâm-địa-quán”, yêu-cầu chúng-hội nhất tâm cầu vô-thượng giác, đừng cầu đạo-quả Nhị-thừa.

[126] Hoa Ưu-đàm: Ưu-đàm gọi đủ là Ưu-đàm-ba-la (Udumbara): Tàu dịch là “linh-thụy” (điềm linh thiêng); “thụy-ứng” (ứng vào điềm tốt). Theo Pháp-hoa văn-cú nói thời hoa này 3.000 năm một lần hiện, khi hoa ấy hiện ra thời có Kim-luân-vương ra đời.

[127] Vô-vi (Asamskrta): Tên riêng của chân-lý. Không còn nhân-duyên tạo-tác, không còn 4 tướng: sinh, trụ, dị, diệt. Trái lại là “Hữu-vi” (Samskrta). Hữu-vi chỉ cho những sự-vật do nhân-duyên tạo-thành.

[128] Ba-la-mật-đa (Pàramità): Đây là nêu tỏ đại-hạnh của Bồ-tát. Ba-la-mật-đa Tàu dịch là “cứu-cánh”: đại-hạnh của Bồ-tát hay đạt tới chỗ cùng-tột trong sự tự làm, dạy người; “Đáo-bi-ngạn”: thực-hành đại-nguyện ấy vượt qua bề sinh-tử bên này, đến bờ Niết-bàn bên kia; “Độ vô cực”: nhân đại-hạnh ấy Bồ-tát vượt qua sự xa rộng của mọi pháp. Và, dịch tắt là “Độ”, có nghĩa là “độ thoát”. Ba-la-mật có 6 hay 10 pháp.

[129] Pháp-giới (Dharmadhātu): Đứng về mặt sự, “pháp” là các pháp (sự-vật), “giới” là ranh-giới. Các pháp đều có tự-thể nhưng, giới-phận bất đồng nên gọi là “pháp-giới”. Pháp-giới trong khung-cảnh hẹp-hòi là chỉ cho mỗi

[140] Tám-khổ: Sinh, lão, bệnh, tử, cầu không được, oán ghét phải hội-ngộ, ân-ái phải biệt-ly và năm âm (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) rõ-thịnh.

[141] Vô-trụ: Pháp không có tự-tính, vì không có tự-tính nên không có chỗ trụ-trước (ở liền mãi đây), chỉ tùy duyên mà hiện-khởi, nên gọi là “vô-trụ”. “Vô-trụ” là gốc của vạn hữu.

[142] Vô-sở-đắc: Chân-lý vô-tướng của tâm-thể không có chỗ chấp-trước, không có chỗ phân-biệt nên gọi là “Vô-sở-đắc” (không chỗ được). Vô-sở-đắc tức là “không-tuệ”, là vô phân-biệt.

[143] Toàn văn kệ trên Bồ-tát Sư-tử-hồng tán-thán phúc-đức, trí-tuệ của Phật và Nhân, Thiên, chúng-sinh tôn-kính cúng-dàng Phật. Tiếp đó, Bồ-tát nói lại việc Phật nhập-định, phóng quang, ảnh hiện. Sau cùng, nhất tâm thỉnh Phật thuyết-pháp.

Đến đây hết quyển nhất.

[144] Toát-yếu: Đây là phần chọn-lựa những ý yếu-ước trong chính-văn, hầu giúp quý Phật-tử dễ hiểu, dễ nhớ, khi xem xong từng phẩm. Vì là những toát-yếu, nếu Phật-tử nào muốn tụng, xin tụng đúng chính-văn, mà dành phần này lại (lời dịch-giã).

II. - PHẨM BÁO-ÂN 1

Bấy giờ, đức Thế-Tôn từ chính-định khoan-thai trở dậy, bảo Đại-Bồ-Tát Di-Lặc² rằng: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đại-sĩ các Ông, các thiện nam-tử vì muốn thân cận bậc Thế-gian-phụ, vì muốn nghe pháp xuất-thế, vì muốn suy-nghĩ như-như-lý, vì muốn tu-tập như-như-trí³ nên mới đến nơi Phật cung-kính, cúng-dàng. Nay Tôi diễn nói về TÂM-ĐỊA DIỆU-PHÁP, để dẫn-dắt chúng-sinh, khiến cho họ chứng-nhập Phật-trí. Diệu-pháp như thế, chừ Phật Như-Lai quá vô-lượng kiếp hợp thời nói ra. Như-Lai Thế-Tôn ra đời rất khó gặp được, cũng như hoa Ưu-Đàm! Như-Lai xuất-hiện ra đời nói diệu-pháp này cũng lại khó gặp! Sở-dĩ thế là sao? - Hết thầy chúng-sinh xa lìa hành-nguyện của Đại-thừa Bồ-tát, xu-hướng về Bồ-Đề của Duyên-giác, Thanh-văn, chán-ngán sinh-tử, mong nhập Niết-bàn mãi, chừ không thích diệu quả thường -lạc của Đại-thừa. Song, các Như-Lai quay xe pháp, xa lìa bốn lỗi mà nói pháp tương-ứng⁴: Một là, vô-phi-xú (nói không trái nơi chốn: hợp hoàn-cảnh). Hai là, vô-phi-thời (không lỗi thời: hợp thời). Ba là, vô-phi-khí (không trái căn-khí: hợp trình-độ chúng-sinh). Bốn là, vô-phi-pháp (không trái pháp: hợp chính-pháp) Hợp bệnh cho thuốc, khiến họ khỏi được,

tức là đức bất-cộng⁵ của Như-Lai. Thanh-văn, Duyên-giác còn chưa được cảnh bất-cộng tự-tại của Bồ-tát-chúng. Huống là được đức bất-cộng của Như-lai. Bởi nhân-duyên ấy, nên họ khó thấy, khó nghe được “tâm-địa pháp-môn” của chính-đạo Bồ-Đề! Nhưng, nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào nghe được diệu-pháp ấy qua tai một lần, trong khoảng chốc lát, họ nhiếp-niệm quán tâm được, là họ huân-thành hạt giống Đại-bồ-đề vô thượng, không bao lâu nữa họ sẽ ngồi trên tòa báu kim-cương, nơi cây Bồ-đề, được thành vô-thượng chính-đẳng chính-giác.⁶

Khi ấy, nơi Vương-xá đại-thành có năm trăm ông Trưởng-giả tên là: Diệu-Đức Trưởng-giả, Dũng-Mãnh Trưởng-giả, Thiện-Pháp Trưởng-giả, Niệm-Phật Trưởng-giả, Diệu-trí Trưởng-giả, Bồ-Đề Trưởng-giả, Diệu Biện Trưởng-giả, Pháp-Nhãn Trưởng-giả, Quang-Minh Trưởng-giả, Mãn-Nguyện Trưởng-giả. Các Đại-phú Trưởng-giả ấy đã thành-tựu được chính-kiên, tới cúng-dàng Như-Lai cùng các Thánh-chúng. Các Trưởng-giả ấy, nghe đức Thế-Tôn tán-thán Đại-thừa tâm-địa pháp-môn, liền nghĩ rằng: “Chúng ta thấy Như-Lai phóng hào-quang sắc vàng, ảnh-hiện những sự khổ-hạnh khó làm của Bồ-tát, chúng ta không có tâm ưa thích làm hạnh khổ-hạnh, ai lại trong nhiều kiếp ở nơi sinh-tử, vì chúng-sinh chịu mọi khổ-não được?”. Các Trưởng-giả ấy nghĩ thế rồi, liền từ tòa đứng dậy, chề áo vai hữu, gói hũu quỳ xuống đất, chấp tay cung-kính, tuy khác miệng nhưng đồng âm, bạch trước Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Chúng tôi không ưa những hạnh của các Bồ-tát Đại-thừa, cũng không thích nghe những âm-thanh khổ-hạnh. Sở dĩ thế là sao? - Vì, hết thấy hành-nguyện tu-hành của các Bồ-tát, đều không phải là những sự “tri ân, báo ân” (biết ơn, trả ơn). Sao vậy? - Vì các vị ấy xa lìa cha mẹ, tới chỗ xuất-gia, đem vợ con mình cho những người ham muốn; cho đến đầu, mắt, tủy, não tùy sự mong muốn của họ, đều bố-thí cả, mà chịu các sự bức-não; trong ba vô số kiếp tu các pháp “Độ”, tám vạn bốn nghìn hạnh Ba-la-mật, vượt dòng sinh-tử, mới đến được nơi Bồ-Đề đại-an-lạc; chẳng bằng xu-hướng về đạo-quả Thanh-văn, Duyên-giác, chỉ độ ba đời hay trăm kiếp tu-tập tư-lương⁷, dứt được nhân sinh-tử, chúng quả Niết-bàn, chóng đến nơi yên-vui, như thế mới gọi là báo ân!”⁸

Đức Phật bảo năm trăm ông Trưởng-giả: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông nghe Tôi tán-thán Đại-thừa, các ông sinh tâm thoái-chuyên. Nhưng, các ông lại phát khởi ra ý-nghĩa nhiệm-mầu, để đem lại sự lợi-ích an-lạc cho hết thảy chúng-sinh không biết ân-đức trong đời mai sau. Các ông hãy nghe cho kỹ, nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo, nay Tôi sẽ vì các ông phân-biệt, diễn nói những chỗ có ơn của thế-gian và xuất-thế-gian để các ông hiểu!”.

Thiện-nam-tử! Những lời các ông nói chưa được chính-lý. Sao vậy? - Ôn của thế-gian và xuất-thế-gian có bốn bậc: Một là, ơn cha mẹ. Hai là, ơn chúng-sinh. Ba là, ơn Quốc-vương. Bốn là, ơn Tam-bảo. Bốn ơn như thế, hết thảy chúng sinh đều bình-đẳng gánh chịu.9

Thiện-nam-tử! ÔN CHA MẸ: Cha có “tử-ân”, mẹ có “bi-ân”. Bi-ân của mẹ, nếu Tôi ở đời trong một kiếp để nói về ơn ấy cũng không thể hết được. Nay Tôi vì các ông nói một ít phần về công ơn ấy để các ông hiểu: Giả-sử có người vì việc phúc-đức, cung-kính, cúng dàng một trăm vị Đại-bà-la-môn tịnh-hạnh, một trăm vị Đại-thần-tiên được năm pháp thân-thông, một trăm người bạn lành, xếp đặt cho các vị ấy ở yên trong nhà thất-bảo rất đẹp, đem trăm nghìn thứ đồ ăn ngon quý, y-phục bằng mọi thứ báu tua rủ các chuỗi ngọc, dựng các phòng xá bằng gỗ chiên-đàn10, trầm-hương, chăn gối, giường nằm trang-nghiêm bằng trăm báu, cùng trăm thứ thuốc thang chữa khỏi các bệnh và nhất tâm cúng-dàng trọn trăm nghìn kiếp, cũng không bằng một niệm để tâm hiếu-thuận, đem chút ít vật nuôi nâng sắc-thân bi-mẫu. Và, theo chỗ cúng dàng hầu hạ ấy, đem so-sánh với công-đức trước thời đến trăm nghìn vạn phần cũng không thể nào xét lường kịp.

Sự thương nhớ con của bi-mẫu ở thế-gian không gì sánh được. Ân ấy đến với con ngay từ khi chưa có hình-hài. Nghĩa là bắt đầu từ khi thụ-thai, trải trong mười tháng, đi đứng, ngồi, nằm, mẹ chịu mọi khổ-não, không thể dùng miệng mà nói hết được. Tuy có những sự dục-lạc, ẩm-thực, y-phục nhưng, mẹ vẫn không sinh tâm ưa thích, mà tâm mẹ chỉ luôn luôn lo nghĩ đến con không quên nhãng.

Hãy tự suy-nghĩ: khi sắp sinh-sản, mẹ âm-thầm chịu đựng mọi khổ, ngày đêm sầu-não. Nhưng, đến lúc lâm-bồn, sự đau-khổ ấy quá đời, như trăm nghìn mũi nhọn bâu vào cắt xé, thực không thể nào kể xiết được, có khi đến chết. Sinh nở rồi, mẹ không còn bị khổ-não gì nữa, lúc đó họ hàng thân-thích vui mừng vô tận, cũng như người đàn bà nghèo được ngọc Như-ý. Khi đứa con cất tiếng khóc chào đời, mẹ như là người nghe được âm-nhạc. Mẹ dùng ngực mẹ làm nơi ngủ-nghỉ của con và trên hai đầu gối mẹ, thường thường là nơi chơi giỡn của con. Trong nơi ngực mẹ tuôn ra những dòng sữa như nước suối cam-lộ để nuôi lớn con. Ôn nuôi lớn ấy nhiều hơn trời đất và đức thương-xót ấy rộng lớn không gì sánh được. “Thế-gian, núi non là cao, ơn bi-mẫu còn cao hơn thế - cao hơn cả núi Tu-di. Thế-gian cõi đất là nặng, ơn bi-mẫu còn nặng hơn thế!”

Thằng-hoặc có con trai, con gái nào bội-ân, không hiếu-thuận với cha mẹ, làm cho cha mẹ sinh tâm oán-niệm, mà mẹ bực-bội, thốt ra một lời nói ác, tức thời con phải sa-đọa theo lời nói ấy, hoặc vào địa-ngục, hay ngã-quỷ, súc-sinh. Thế-gian, nhanh gì hơn gió dữ, một chút oán-niệm của cha mẹ còn nhanh hơn gió ấy, hết thấy Như-Lai, chư Thiên, Kim-cương cùng các vị Tiên được năm pháp thân-thông... không cứu-hộ được.

Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào theo lời dạy bảo của bi-mẫu và thừa-thuận không trái, thời được chư Thiên hộ-niệm, phúc-lạc vô-tận. Những nam, nữ ấy tức là dòng giống tôn-quý của Thiên, Nhân, hoặc là Bồ-tát vì độ chúng-sinh, hiện làm nam, nữ đem lại lợi-ích cho cha mẹ.

Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào vì báo ơn cha mẹ, suốt một kiếp mỗi ngày ba thời, tự cắt thịt mình để nuôi cha mẹ, cũng chưa trả được công ơn một ngày của cha mẹ. Sở-dĩ thế là sao? - Hết thấy nam, nữ ở trong thai mẹ, miệng nút cuống vú, uống huyết mẹ, khi ra khỏi bào-thai, trước thời ấu-trĩ, uống hết một trăm tám mươi hộc sữa của mẹ; mẹ được chút vị bỏ nào đều cho con cả, ngay đến những y-phục quý tốt cũng đều như thế. Và, dù rằng bị người con ngu-si, xấu-xí đi nữa, tình yêu con của mẹ cũng chỉ là một không hai. Xem như xưa kia, có người đàn bà đi chơi xa tại nước người, bé con lội qua sông Hằng, không ngờ nước sông lên to, chảy mạnh, sức yếu không vượt qua nổi, lại yêu mến con quá, không nỡ rời bỏ con, nên cả hai mẹ con đều chết chìm. Song, bởi sức từ-tâm, thiện-căn ấy, tức thời người mẹ được sinh lên cõi Sắc-cứu-cánh-thiên, làm Đại-phạm-vương.

Do nhân-duyên ấy, mẹ có mười đức: Một là, như đại-địa: vì trong thai mẹ là chỗ nương-tựa của con. Hai là, năng-sinh: mẹ phải trải qua mọi sự khổ-não mới sinh được con. Ba là, năng-chính: thường do tay mẹ ve-vuốt, uốn-nắn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân con. Bốn là, dưỡng-dục: mẹ phải theo hợp bốn mùa mà nuôi-nấng con khôn lớn. Năm là, trí-giả: mẹ thường dùng phương-tiện, làm cho con sinh trí-tuệ. Sáu là, trang-nghiêm: mẹ lấy những chuỗi ngọc đẹp trang-sức cho con. Bảy là, an-ấn: mẹ ôm-ấp con, làm cho con nghi-ngơi an-lành. Tám là, giáo-thụ: mẹ dùng phương-tiện khéo dắt-dẫn con. Chín là, giáo-giới: mẹ dùng lời nói lành để con xa-lìa những điều ác. Mười là, cho gia-nghiệp: mẹ thường đem gia-nghiệp giao lại cho con.

Thiện-nam-tử! “Ở thế-gian này gì là rất giàu? gì là rất nghèo? -Bi-mẫu tại đường, là giàu; bi-mẫu bất-tại là nghèo; bi-mẫu còn sống là mặt trời giữa trưa, bi-mẫu mất đi là mặt trời đã lặn; bi-mẫu còn sống là mặt trăng sáng, bi-mẫu mất đi là đêm tối! Thế nên, các ông nên siêng-năng tu-tập về sự hiếu-

dưỡng phụ-mẫu thêm, thời như người cúng Phật, phúc-báo ấy và phúc-báo này bằng nhau không khác! Các ông nên báo ơn phụ-mẫu như thế!” 11

Thiện-nam-tử! ƠN CHÚNG-SINH: Hết thấy chúng-sinh, từ đời vô-thủy đến nay, luân-chuyển trong năm đường: thiên, nhân, địa-ngục, ngã-qui, súc-sinh, trải trăm nghìn kiếp và ở trong nhiều đời thường làm cha mẹ lẫn nhau. Vì làm cha mẹ lẫn nhau nên hết thấy nam-tử là từ-phụ, hết thấy nữ-nhân là bi-mẫu. Và, trong đời đời kiếp kiếp xưa kia cũng có tâm đại-bi như ơn của cha mẹ hiện-tại không khác. Như thế, các ơn xưa chưa trả được, rồi, hoặc nhân vọng-nghiệp sinh ra các sự thuận, nghịch, vì sự chấp-trước trở lại thành ra oán-hại lẫn nhau. Sao vậy? -Xưa có trí-tuệ sáng-suốt nhưng, vì vô-minh che-lấp, không hiểu đời trước mình đã từng làm cha mẹ lẫn nhau, chỗ đáng trả ơn là làm lợi-ích lẫn nhau, mà không làm lợi-ích lẫn nhau là bất-hiểu! Bởi nhân-duyên ấy, các loài chúng-sinh trong hết thấy thời, cũng có ơn lớn, thực là khó trả. Những sự như thế là ơn chúng-sinh! 12

ƠN QUỐC-VƯƠNG: Vị đứng chủ một nước là người có đủ phúc-đức tối-thắng. Vị ấy tuy sinh trong cõi nhân-gian nhưng, được tự-tại, các Thiên-tử trong cõi Tam-thập tam-thiên thường giúp sức, thường hộ-trì và đối với quốc-giới, sơn-hà, đại-địa, tận cùng bề cả đều thuộc quyền nơi Quốc-vương. Vị ấy là một người có phúc-đức tối-thắng hơn hết thấy phúc của chúng-sinh. Vị ấy là vị Đại-thánh-vương dùng chính-pháp giáo-hóa, khiến chúng-sinh đều được yên vui. Ví như hết thấy điện đường của thế-gian, trụ (cột) là căn-bản; nhân-dân thịnh-vượng, vui-vẻ, Quốc-vương là căn-bản, vì phải y vào chính-pháp của Quốc-vương mới có. Như ngoại-đạo cho Phạm-vương sinh ra muôn vật, thì đây, Thánh-vương đặt ra pháp-luật trị nước, làm lợi-ích chúng-sinh cũng vậy. Như mặt trời soi sáng thế-gian, Thánh-vương cũng hay quan-sát thiên-hạ, đem lại sự yên-vui cho nhân-dân. Quốc-vương làm mất chính-trị, nhân-dân không có chỗ nương tựa. Nếu Quốc-vương đem chính-pháp giáo-hóa, tám sự khủng-bố lớn-lao không xâm-nhập vào trong nước được. Tám sự khủng-bố ấy là: nước ngoài xâm-bức, phản-nghịch trong cõi, ác-quỷ tật-bệnh, đất nước đói thiếu, gió mưa trái thời, gió mưa quá thời, nhật-thực, nguyệt-thực và tinh-tú biến-quái. Nhân-vương dùng chính hóa, lợi-ích nhân-dân, tám nạn như thế không xâm-phạm được. Ví như ông Trưởng giả chỉ có một con, yêu-mến hơn hết, ông luôn luôn thương-xót con, cho con sự lợi-ích cho con sự yên vui, ngày đêm không rời. Vị Đại-thánh-vương trong nước cũng như thế, đồng coi quần sinh như con một, tâm ủng hộ họ ngày đêm không rời. Nhân-vương như thế hay khiến chúng-sinh tu mười điều thiện, nên gọi là “Phúc-đức-vương”, vị nào không làm cho chúng-sinh tu thiện là “phi-phúc-chủ”. Sở dĩ thế là sao? - Nếu một người tu thiện ở

trong Vương-quốc, sự tác phúc của họ chia làm bảy phần, người làm thiện được năm phần, Quốc-vương kia được hai phần. Trái lại, nhân lành của Quốc-vương tu, nhân-dân cũng đồng được phúc-lợi. Và, nếu tạo mười nghiệp ác cũng như thế, nghĩa là, cũng đồng như sự ấy. Hết thấy những vật sinh nơi ruộng đất, vườn, rừng trong nước đều chia làm bảy phần, cũng lại như thế. Nếu có Nhân-vương thành-tự chính-kiến, như pháp dạy đời, thời gọi vị ấy là “Thiên-chúa” - vì vị ấy đem pháp lành của cõi Thiên dạy thế-gian -; chư Thiên, Thiện-thần cùng Hộ-thế-vương thường lại giúp-đỡ và giữ-gìn vương-cung. Nhân-vương tuy ở nhân-gian nhưng, tu-hành theo nghiệp của cõi Thiên, nên tâm thường, phật không thiên-lệch. Chính-pháp của hết thấy Thánh-vương đều như thế!

Thánh-vương như thế gọi là “Chính-pháp-vương”. Và, bởi nhân-duyên ấy Chính-pháp-vương thành-tự mười đức: Một là, soi sáng (năng-chiếu): đem mắt trí-tuệ soi-sáng thế-gian. Hai là, trang-nghiêm: đem phúc-đức, trí-tuệ trang-nghiêm đất nước. Ba là, cho vui (dữ lạc): đem đại-an-lạc cho nhân-dân. Bốn là, dẹp oán (phục-oán): hết thấy giặc oán tự-nhiên chịu nép. Năm là, khởi sợ (ly bố): đánh lui tám nạn¹³, lia khởi sợ-hãi. Sáu là, trụ-hiền (ở với người hiền): họp các người hiền bàn-bạc việc nước. Bảy là, pháp-bản (gốc của chính-pháp): muôn họ an-cư nương nhờ Quốc-vương. Tám là, tri-thế (giữ-gìn thế-gian): đem pháp của Thiên-vương giữ-gìn thế-gian. Chín là, nghiệp-chủ (chủ của mọi nghiệp): các nghiệp thiện-ác đều thuộc Quốc-vương. Mười là, nhân-chủ: hết thấy nhân-dân, Quốc-vương là chủ. Hết thấy Quốc-vương, bởi phúc-đức đời trước thành-tự mười thắng-đức như thế”.

Vì thế, Đại-phạm-thiên-vương cùng Đạo-ly-thiên thường giúp Nhân-vương hưởng-thụ những sự vui thắng-diệu; các La-sát-vương và chư Thần... tuy không hiện-thân giúp-đỡ nhưng, ngầm-ngâm lại vệ-hộ Nhân-vương cùng quyền-thuộc Nhân-vương.

Nhân-vương thấy nhân-dân tạo các nghiệp ác không ngăn-cấm được, chư Thiên, Thần...đều xa-tránh. Nếu thấy nhân-dân tu thiện chư Thiên, Thần...vui-mừng, tán-thán và hết thấy đều xưng rằng: “Thánh-vương ta!...” long, thiên vui-mừng, rưới nước mưa Cam-lộ, ngũ-cốc¹⁴ thành-thực, nhân-dân vui-vẻ, thịnh-vượng. Nếu Nhân-vương không gần những người ác, chăm làm lợi-ích cho khắp thế-gian đều theo chính-hóa, thời ngọc báu Như-ý hiện ngay trong vương-quốc, các vua nước láng-diềng đều quy-phục, nhân, phi-nhân đều khen-ngợi. Và, nếu có ác-nhân ở trong vương-quốc sinh tâm phản-ngịch, trong chốc-lát, phúc của người ấy tự suy-diệt, mất đi, phải sa-đọa trong địa-ngục, qua sang súc-sinh chịu đủ mọi thứ đau-khổ. Sở-dĩ thế là

sao? Bởi vì không biết ân-đức Thánh-vương, khởi ra những sự ác-nghiệp, nên phải quả-báo như thế. Nếu có nhân-dân thực-hành thiện-tâm, cung-kính, giúp-đỡ Nhân-vương và tôn-trọng như Phật, hiện-thể người ấy được yên-ôn, thịnh-vượng, vui-vẻ, có mong-cầu gì đều được vừa lòng. Sở-dĩ thế là sao? Hết thấy Quốc-vương trong thời-gian quá-khứ đã từng thụ-giới cấm thanh-tịnh của Như-Lai và đã thường làm Nhân-vương hưởng sự an-ôn, khoái-lạc. Bởi nhân-duyên ấy, quả-báo trái hay thuận đều như vang ứng tiếng. Ân-đức Thánh-vương rộng lớn như thế!15

Thiện-nam-tử! ƠN TAM BẢO: Ôn Tam-bảo là ơn không thể nghĩ, bàn được, vì Tam-bảo luôn luôn đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh không có thời nào và chỗ nào dừng nghỉ.

Thân chư Phật là chân-thiện vô-lậu, do tu nhân trong vô-số đại-kiếp mà chúng được. Chư Phật dứt hết nghiệp-quả ba cõi, công-đức như núi báu rực-rỡ, không gì so-sánh kịp, mà hết thấy hữu-tình không biết. Phúc-đức chư Phật rất sâu như bể cả, trí-tuệ vô-ngại như hư-không, thần-thông biến-hóa tràn đầy thế-gian, ánh sáng soi khắp mười phương ba đời.

Hết thấy chúng-sinh bị phiền-não nghiệp-chướng ngăn-che không hiểu biết gì, nên phải chìm-đắm trong bể khổ sinh-tử vô cùng. Tam-bảo ra đời làm Đại-thuyền-sur, ngăn chặn dòng ái-dục, để chúng-sinh vượt lên bờ Niết-bàn. Những bậc có trí ai cũng đều chiêm-ngưỡng!16

Thiện-nam-tử! Duy một ngôi PHẬT-BẢO đầy-đủ ba thân17: Một là, tự-tính-thân. Hai là, thụ-dụng-thân. Ba là, biến-hóa-thân.

Phật thân thứ nhất có ĐẠI-ĐOẠN-ĐỨC18, là chỗ hiển-lộ nhị-không,19 hết thấy chư Phật đều bình-đẳng.20

Phật thân thứ hai có ĐẠI-TRÍ-ĐỨC21 chân thường vô-lậu, hết thấy chư Phật đều đồng-ý.22

Phật thân thứ ba có ĐẠI-ÂN-ĐỨC23 định-thông biến-hiện, hết thấy chư Phật đều đồng-sự.24

Thiện-nam-tử! Tự-tính-thân của chư Phật vô-thủy, vô-chung, lia hết thấy tướng, dứt mọi hí-luận25, tròn đầy, cùng khắp không còn bờ mé và lắng-im thường-trụ.26

Thụ-dụng-thân ấy có hai tướng: Một là, TỰ-THỤ-DỤNG-THÂN.²⁷ Hai là, THA-THỤ-DỤNG THÂN.²⁸

Tự-thụ-dụng-thân do tu muôn hạnh, đem lại lợi-ích yên-vui cho các chúng-sinh trong ba vô-số kiếp, được Thập-địa mãn-tâm²⁹, vận-dụng thân-lực đi thẳng đến cõi Sắc-cứu-cánh-thiên³⁰, vượt quá quốc-độ thanh-tịnh vi-diệu trong ba cõi, ngồi trên hoa sen vô-số lượng đại-bảo, mà các Bồ-tát số nhiều không thể nói được, ở trong hải-hội vây quanh trước sau, đem lụa vô-cấu kết trên đỉnh đầu³¹, cúng-dàng cung-kính, tôn-trọng, tán-thán, như thế gọi là “lợi-ích hậu-báo”³². Khi ấy, Bồ-tát nhập Kim-cương-định, dứt bỏ hết thảy sở-tri-chướng, phiền-não-chướng³³ vi-tế, chứng được vô-thượng chính-đẳng, chính-giác; diệu-quả như thế gọi là “lợi-ích hiện-tiền”. Chân-báo-thân ấy hữu thủy (có trước), vô chung (không sau), thọ mệnh tùy theo sự mong-muôn, kiếp số không có hạn-lượng. Và, lại từ khi bắt đầu thành chính-giác cho đến lúc tận cùng thuở vị-lai, các căn-tướng tốt trang-nghiêm cùng khắp pháp-giới.³⁴

Bốn trí viên-mãn là chân-báo-thân thụ-dụng-pháp-lạc ³⁵:

Một là, ĐẠI-VIÊN-KÍNH-TRÍ: Chuyển Di-thực-thức³⁶, được trí-tuệ này, như tấm gương tròn lớn hiện đủ các sắc-tướng. Như thế trong gương trí-tuệ (kính-trí) của Như-Lai, hay hiện ra các nghiệp thiện, ác của chúng-sinh. Bởi nhân-duyên ấy, trí-tuệ này gọi là “Đại-viên-kính-trí”. Y vào đại-bi nên thường duyên với chúng-sinh, y vào đại-trí nên thường như pháp-tính, quán-sát song-song cả chân-đế, tục-đế³⁷, không gián-đoạn, thường chấp giữ căn-thân vô-lậu và là chỗ y-chỉ của hết thảy công-đức.³⁸

Hai là, BÌNH-ĐẲNG-TÍNH-TRÍ: Chuyển Ngã-kiến-thức³⁹ được trí-tuệ này. Vì chứng được ngã-tính tự-tha bình-đẳng không hai, như thế nên gọi là “Bình-đẳng-tính-trí”.

Ba là, DIỆU-QUÁN-SÁT-TRÍ: Chuyển Phân-biệt-thức⁴⁰, được trí-tuệ này. Hay quán-sát tự-tướng, cộng-tướng⁴¹ của mọi pháp và ở trước chúng-hội nói mọi pháp nhiệm-mầu, làm cho chúng-sinh chứng được Bất-thoái-chuyển. Bởi thế nên gọi là “Diệu-quán-sát-trí”.

Bốn là, THÀNH-SỞ-TÁC-TRÍ: Chuyển nhân, nhĩ, tỳ, thiết, thân-thức được trí-tuệ này, hay hiện ra hết thảy mọi hóa-thân, làm cho chúng-sinh thành-thực thiện-nghiệp. Bởi nhân-duyên ấy nên gọi là “Thành-sở-tác-trí”.

Bốn trí ấy là trí-tuệ trên hết, đầy-đủ tám vạn bốn nghìn trí-tuệ-môn. Hết thấy các công-đức-pháp như thế gọi là “Tự-thụ-dụng-thân” của Như-Lai.⁴²

Thiện-nam-tử! Hai là, Tha-thụ-dụng-thân của Như-Lai đầy-đủ tám vạn bốn nghìn tướng tốt, ở nơi chân-tịnh-độ, nói pháp Nhất-thừa⁴³, làm cho các Bồ-tát thụ-dụng được pháp-lạc vi-diệu của Đại-thừa. Hết thấy Như-Lai vì hóa-độ các Bồ-tát-chúng nơi Thập-địa, hiện ra mười loại tha-thụ-dụng-thân: Phật thân thứ nhất ngồi trên hoa sen trăm cánh vì Bồ-tát Sơ-địa nói về trăm pháp-minh-môn; Bồ-tát ngộ rồi, hiện ra thần-thông biến-hóa lớn-lao, cùng khắp trong trăm thế-giới của chư Phật, đem lại lợi-ích yên-vui cho vô-số chúng-sinh. Phật thân thứ hai ngồi trên hoa sen nghìn cánh, vì Bồ-tát Nhị-địa nói về nghìn pháp-minh-môn; Bồ-tát ngộ rồi, hiện ra thần-thông biến-hóa lớn-lao, cùng khắp trong nghìn thế-giới của chư Phật, đem lại lợi-ích yên-vui cho vô-lượng chúng-sinh. Phật thân thứ ba, ngồi trên hoa sen muôn cánh, vì Bồ-tát Tam-địa, nói về muôn pháp-minh-môn; Bồ-tát ngộ rồi, hiện ra thần-thông biến-hóa lớn-lao, cùng khắp trong muôn quốc-độ của chư Phật, đem lại lợi-ích yên-vui cho vô số chúng-sinh. Như thế, Như-Lai tăng-trưởng dần dần, cho đến tha-thụ-dụng-thân nơi Thập-địa, ngồi trên hoa sen diệu-bảo không thể nói được, vì Bồ-tát Thập-địa nói về các pháp-minh-môn số nhiều không thể nói được; Bồ-tát ngộ rồi, hiện ra thần-thông biến-hóa lớn-lao, cùng khắp quốc-độ vi-diệu của chư Phật, số nhiều không thể nói được, đem lại lợi-ích yên-vui cho vô-lượng, vô-biên chủng-loại chúng-sinh với con số nhiều không thể tuyên-thuyết, không thể tuyên-thuyết được. Mười thân như thế, đều ngồi nơi cây Bồ-đề bằng bảy báu, chứng được vô-thượng chính-đẳng, chính-giác.

Các thiện-nam-tử! Mỗi một cánh hoa đều là một tam-thiên thế-giới, trong đó đều có trăm ức núi Diệu-cao cùng bốn đại-châu, mặt-trời, trăng, sao và chư thiên trong ba cõi cũng đầy-đủ cả. Các Nam-thiệm-bộ-châu ở trên mỗi cánh sen, có tòa Kim-cương, cây Bồ-đề, có trăm nghìn vạn, đến số nhiều không thể nói được những hóa Phật lớn, nhỏ, đều ở dưới gốc cây, phá ma-quân rồi, nhất thời chứng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Các thân của các hóa Phật lớn, nhỏ như thế đều đầy-đủ ba mươi hai tướng,⁴⁴ tám mươi thứ tốt⁴⁵, vì các Bồ-tát trong hàng Tư-lương⁴⁶ và Tứ-thiện-căn⁴⁷ cùng Nhị-thừa, phạm-phu, tùy nghi vì họ nói ra diệu-pháp Tam-thừa. Vì các Bồ-tát nói về sáu Ba-la-mật⁴⁸ khiến các vị ấy được Vô-thượng chính-đẳng chính-giác cứu-cánh Phật-tuệ. Vì các vị cầu Bích-chi-Phật nói về mười hai pháp nhân-duyên.⁴⁹ Vì các vị cầu Thanh-văn nói về pháp Tứ-đế,⁵⁰ qua sinh, lão, bệnh, tử đến cứu-cánh Niết-bàn. Vì các chúng-sinh khác nói về Nhân-thiên-giáo, khiến họ được diệu-quả an-lạc trong Nhân, Thiên. Các hóa Phật lớn, nhỏ

như thế gọi là “Biến-hóa thân của Phật”. Thiện-nam-tử! Hai loại úng, hóa-thân Phật như thế, tuy hiện ra diệt-độ (nhập Niết-bàn) nhưng, thân Phật ấy vẫn nối tiếp thường-trụ.

Các thiện-nam-tử! Như một Phật-bảo có vô-lượng, vô-biên không thể nghĩ, bàn được những ân-đức rộng lớn đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh như thế, nên cũng bởi nhân duyên ấy mà gọi là Như-Lai, Úng-cúng, Chính-biến-tri, Minh-hành-túc (viên-mãn), Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự trượng-phu, Thiên-nhân-sur, Phật, Thế-Tôn.51

Thiện-nam-tử! Trong một Phật-bảo đầy-đủ sáu thứ công-đức vi-diệu: Một là, là ngôi vô-thượng có ruộng công-đức lớn-lao trên hết. Hai là, là ngôi vô-thượng có ân-đức lớn. Ba là, là ngôi chí-tôn trong những chúng-sinh không chân, hai chân cho đến nhiều chân. Bốn là, là bậc rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm. Năm là, là ngôi độc nhất xuất-hiện trong Tam thiên đại thiên thế-giới. Sáu là, là ngôi đầy-đủ hết thấy nghĩa trong công đức thế-gian và xuất-thế-gian. Y vào chỗ đầy-đủ của sáu thứ công-đức như thế và thường đem lại lợi-lạc cho hết thấy chúng-sinh, thế gọi là ơn “Phật-bảo không thể nghĩ, bàn được!”

Khi ấy, năm trăm ông Trưởng-giả bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật nói: trong một Phật-bảo có vô-lượng hóa Phật, cùng khắp thế-giới đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh, vậy bởi nhân-duyên gì mà nhiều chúng-sinh trong thế-gian này không thấy Phật, phải chịu mọi khổ-não?”

Đức Phật bảo năm trăm ông Trưởng-giả: “Ví như mặt trời tỏa trăm nghìn ánh sáng soi sáng thế-giới, mà trong đó có những người mù không thấy ánh sáng mặt trời, thời ý các thiện-nam-tử nghĩ sao, mặt trời có bị lỗi không? - Các Trưởng-giả bạch: “Bạch đức Thế-Tôn! Mặt trời không có lỗi! “Đức Phật dạy: “Thiện-nam-tử! Chư Phật Như-lai thường diễn nói chính-pháp, đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh nhưng, các chúng-sinh ấy thường tạo nghiệp ác, không hiểu biết gì, không có tâm thẹn-hổ, không ưa thân-cận Phật, Pháp, Tăng, chúng-sinh như thế tội-căn sâu nặng, trái vô-lượng kiếp không được trông thấy, nghe biết tên hiệu Tam-bảo, cũng như những người mù kia không trông thấy ánh sáng mặt trời vậy. Nếu có chúng-sinh cung-kính Như-Lai, ưa thích Đại-thừa, tôn-trọng Tam-bảo, nên biết người ấy nghiệp-chướng tiêu trừ, phúc-đức, trí-tuệ tăng-trưởng, căn lành thành-tựu, chóng được thấy Phật, khởi hỷ sinh-tử và sẽ chứng Bồ-đề”.52

Các thiện-nam-tử! Như một Phật-bảo có vô-lượng Phật, thời Như-Lai nói ra PHÁP-BẢO cũng thế. Nghĩa là trong một Pháp-bảo cũng có vô-lượng nghĩa.

Thiện-nam-tử! Trong PHÁP-BẢO có bốn loại: Một là giáo-pháp. Hai là, lý-pháp. Ba là, hành-pháp. Bốn là, quả-pháp. Hết thấy những thanh (tiếng), danh (tên) cú (câu), văn (chữ)⁵³ thuộc pháp vô-lậu, phá tan vô-minh, phiền-não, nghiệp-chướng, gọi là “giáo-pháp”. Các pháp hữu-vi, vô-vi gọi là “lý-pháp”. Giới, Định, Tuệ-hạnh gọi là “Hành-pháp”. Diệu-quả vô-vi gọi là “Quả-pháp”. Bốn pháp như thế là PHÁP-BẢO, dẫn-dắt chúng-sinh ra khỏi bể sinh-tử, đến bờ Niết-bàn.

Thiện-nam-tử! Thầy chư Phật tức là Pháp-bảo. Sở-dĩ thế là sao? -Chư Phật trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai do y vào pháp tu-hành, mà dứt được hết thấy chướng-ngại, thành Bồ-đề, cho đến tận cùng thưở vị-lai đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh. Bởi nhân-duyên ấy, Như-Lai trong ba đời thường cúng-dàng các Pháp-bảo Ba-la-mật nhiệm-mầu, huông là hết thấy chúng-sinh trong ba cõi chưa được giải-thoát, há không cung-kính Pháp-bảo vi-diệu!

Thiện-nam-tử! Kiếp xưa Tôi từng làm vị Nhân-vương cầu pháp, phải gieo mình vào trong hầm lửa lớn để cầu chính-pháp, mới dứt hẳn được sinh-tử và chứng được Đại-bồ-đề. Thế nên, Pháp-bảo phá hết thấy lao-ngục sinh-tử, cũng như Kim-cương làm hư-hoại muôn vật. Pháp-bảo soi sáng chúng-sinh tăm-tối, như mặt trời soi sáng thế-giới. Pháp-bảo cứu chúng-sinh nghèo thiếu, như ngọc Ma-Ni hóa-hiện mọi của báu. Pháp bảo cho chúng-sinh sự vui mừng cũng như tiếng trống cõi trời làm vui chư thiên. Pháp-bảo làm thêm báu cho chư thiên, vì nghe chính-pháp được sinh Thiên. Pháp-bảo là chiếc thuyền lớn bền vững, vượt qua bể sinh-tử đến bờ Niết-bàn. Pháp-bảo cũng như Chuyển-luân Thánh-vương, trừ giặc phiền-não tam độc. Pháp-bảo là y-phục đẹp quý, che phủ sự không thẹn của các chúng-sinh. Pháp-bảo cũng như giáp-trụ kim-cương, phá bốn loại ma⁵⁴, chứng đạo Bồ-đề. Pháp-bảo cũng như gươm trí-tuệ sắc, cắt đứt sinh-tử thoát khỏi ràng-buộc. Pháp-bảo chính là xe báu Tam-thừa, chuyên-chở chúng-sinh ra khỏi nhà lửa. Pháp-bảo cũng như hết thấy đèn sáng, soi sáng nơi ba đường tối-tăm. Pháp-bảo cũng như cung, tên, giáo, mác, chân giữ quốc-giới, dẹp tan oán-địch, Pháp-bảo cũng như đạo-sư nơi đường hiểm, khéo dẫn chúng sinh đạt tới Bảo-sở.⁵⁵

Thiện-nam-tử! Như-Lai trong ba đời nói ra diệu-pháp, có những sự khó nghĩ, bàn như thế, thế gọi là on “Pháp-bảo không thể nghĩ, bàn được”.⁵⁶

Thiện-nam-tử! Thế-gian, xuất-thế-gian có ba hạng TĂNG; Một là, BỒ-tát-tăng. Hai là, Thanh-văn-Tăng. Ba là, Phạm-phu-Tăng.

Như các Ông Văn-Thù-Sư-ly, Di-Lặc... là BỒ-TÁT-TĂNG.

Như các Ông Xá-Ly-Phất, Mục-kiền-Liên... là THANH-VĂN-TĂNG.

Và, như có những vị chân-thiện phạm-phu, thành-tựu Biệt-giải-thoát-giới⁵⁷ cho đến những vị đầy-đủ hết thấy chính-kiến, thường rộng-rãi vì chúng-sinh diễn-thuyết, khai-thị mọi pháp của Thánh-đạo, đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh, gọi là PHẠM-PHU-TĂNG. Tuy rằng các vị ấy chưa được Giới, Định, Tuệ, Giải-thoát vô-lậu nhưng, cúng-dàng các vị ấy cũng được phúc vô-lượng.

Ba hạng Tăng như thế gọi là “Chân-phúc-điền-Tăng”.

Lại có một hạng gọi là PHÚC-ĐIỀN-TĂNG. Hạng này đối với xá-ly⁵⁸ Phật, hình tượng Phật cùng các Pháp, Tăng, các giới Thánh-chế, sinh tâm kính-tín sâu-sa; tự nơi mình không có tà kiến và làm cho người ta cũng thế. Lại hay tuyên thuyết chính-pháp, tán-thán Nhất-thừa, thâm-tín nhân-quả, thường phát thiện-nguyện, tùy theo lỗi mình phạm, mà hồi trừ nghiệp-chướng. Nên biết sức tin Tam bảo của người ấy hơn các ngoại đạo gấp trăm nghìn vạn lần và cũng hơn cả bốn loại Chuyển-luân thánh-vương, huống là các loại khác trong hết thấy chúng-sinh. Như Uất-kim-hoa tuy héo úa nhưng, còn hơn hết thấy các loại tạp-hoa. Tỷ-khưu có chính-kiến cũng thế, hơn chúng-sinh khác gấp trăm nghìn vạn lần. Tuy rằng vị ấy hủy giới cấm nhưng, không hại chính-kiến, bởi nhân-duyên ấy nên gọi là “Phúc-điền-Tăng”. Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào cúng-dàng các vị Phúc-điền-Tăng như thế, được phúc-đức không cùng tận, như cúng-dàng ba hạng Chân-thực Tăng-bảo trước được công-đức thế nào, thời nơi đây được công-đức cũng bằng thế không khác. Bốn hạng Thánh, phạm Tăng-bảo như thế, đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh thường không tạm xả, nên gọi là ơn “Tăng-bảo không thể nghĩ, bàn được”.⁵⁹

Bấy giờ, năm trăm ông Trưởng-giả bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Ngày nay chúng tôi nghe pháp-âm của Phật, được hiểu sự lợi-ích của Tam-bảo tại thế-gian. Song, nay chúng tôi không biết bởi nghĩa gì mà nói Phật, Pháp, Tăng được gọi là BẢO? Kính xin Phật giải-thuyết, bày tỏ để chúng-hội, cùng hết thấy chúng-sinh đời mai sau kính-tín Tam-bảo, dứt hẳn lưới ngờ-vực, được lòng tin bất-hoại, làm cho họ vào được bể bất-tư-nghị⁶⁰ của Tam-bảo!”

Đức Phật bảo các ông Trưởng-giả: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các thiện-nam-tử hỏi được những diệu-pháp rất sâu của Như-Lai như thế, hết thấy chúng-sinh đời mai sau được lợi-ích yên-vui nhiều lắm! Ví như ngọc báu thứ nhất của thế-gian có đầy-đủ mười nghĩa, làm trang-nghiêm quốc-giới, lợi-ích chúng-sinh, thời Phật, Pháp, Tăng cũng thế: Một là, bền chắc: như ngọc Ma-Ni không ai phá được; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, ngoại-đạo, Thiên-ma không thể phá được. Hai là, không nhơ: ngọc báu hơn hết của thế-gian thanh-tịnh trong sáng không lẫn chút bụi nhơ; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, đều xa lìa những phiền-não trần-cấu. Ba là, cho vui; như bình Thiên-đức⁶¹ thường cho sự yên-vui; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, thường cho chúng-sinh sự vui trong thế-gian và xuất-thế-gian. Bốn là, khó gặp: như ngọc báu tốt lành hiếm có khó gặp; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, chúng-sinh nhiều nghiệp-chướng, ức kiếp cũng khó gặp được. Năm là, phá-tán: như ngọc báu Như-ý phá tan sự nghèo cùng của con người; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, phá tan những sự nghèo khổ của chúng-sinh trong thế-gian. Sáu là, uy đức: như Chuyển-luân-vương có cỗ xe báu, hay dẹp oán-địch; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, đủ sáu pháp thần-thông, hàng-phục bốn loại ma. Bảy là, mãn-nguyện: như ngọc Ma-ni tùy tâm mong cầu, sẽ hóa hiện ra mọi của báu; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, hay làm thỏa-mãn những chúng-sinh muốn tu thiện nguyện. Tám là, trang-nghiêm: như ngọc-báu thế-gian trang-nghiêm vương-cung; Phật, Pháp, Tăng bảo cũng thế, trang-nghiêm bảo-cung Bồ-đề của Pháp-vương. Chín là, tối diệu: như diệu bảo cõi trời rất vi-diệu; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, vượt trên các diệu-bảo tối-thắng của thế-gian. Mười là, bất-biến: ví như vàng thực vào lửa không biến; Phật, Pháp, Tăng-bảo cũng thế, tám thứ giớ⁶² của thế gian, không rung động được. Phật, Pháp, Tăng bảo đầy-đủ vô lượng thần-thông biến-hóa, đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, từng không có khi nào dừng nghỉ. Vì những nghĩa ấy nên chư Phật, Pháp, Tăng được gọi là “BẢO”. Thiện-nam-tử! Tôi vì các ông nói qua về bốn nơi có ơn của thế-gian, xuất-thế-gian như thế để các ông hiểu. Các ông nên biết: “Tu hạnh Bồ-tát cần phải trả bốn ơn như thế!”⁶³

Khi ấy, năm trăm ông Trưởng-giả bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Bốn ơn như thế rất là khó trả, vậy nên tu hạnh gì để trả được những ơn ấy?”

Đức Phật bảo các ông Trưởng-giả: “Thiện-nam-tử! Người vì cầu đạo Bồ-đề cần phải có tâm tu về ba bậc⁶⁴ của mười pháp Ba-la-mật: Một là, mười pháp Bồ-thí Ba-la-mật-đa. Hai là, mười pháp Thân-cận Ba-la-mật-đa. Ba là, mười pháp Chân-thực ba-la-mật-đa. Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác, thường đem bảy báu đầy ngập Tam thiên đại thiên thế-giới, bồ-thí cho vô-lượng chúng-sinh nghèo cùng nhưng,

bồ-thí như thế chỉ gọi là Bồ-thí Ba-la-mật-đa, chứ không được gọi là Chân-thực Ba-la-mật-đa. Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào phát tâm đại-bi, vì cầu vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề, đem thân-tử mình bồ-thí cho người khác, tâm không sên tiếc; thân, thịt, tay, chân, đầu, mắt, tủy, não, cho đến thân-mệnh, đem bồ-thí cho người lại xin nhưng, bồ-thí như thế mới chỉ gọi là Thân-cận Ba-la-mật-đa, chứ chưa được gọi là Chân-thực Ba-la-mật-đa. Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào phát-khởi tâm vô-thượng Đại-bồ-đề, trụ nơi “vô-sở-đắc”, khuyên các chúng-sinh đồng phát tâm ấy, đem pháp chân-thực bằng một bài kệ bốn câu, bồ-thí cho một chúng-sinh làm cho họ hướng về đạo vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề, thế mới gọi là Chân-thực Ba-la-mật-đa. Hai bậc bồ-thí trước chưa gọi là báo-ân được, nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào tu bậc thứ ba: Chân-thực Ba-la-mật-đa như thế, mới gọi là chân-thực báo-đáp bốn ân. Sở-dĩ thế là sao? - Hai bậc bồ-thí trước còn có tâm “sở-đắc”, bậc bồ-thí thứ ba tâm “vô-sở-đắc”, đem chân-pháp bồ-thí hết thầy chúng-sinh, khiến họ phát tâm vô-thượng Đại-bồ-đề, sau này khi người ấy chứng được Bồ-đề, rộng độ chúng-sinh vô cùng tận, nói tiếp hạt giống Tam-bảo không đoạn-tuyệt, bởi nhân-duyên ấy nên gọi là báo-ân”.

Năm trăm ông Trưởng-giả theo Phật nghe được pháp báo-ân từ xưa tới nay chưa được nghe bao giờ ấy, tâm sinh hớn-hở, cho là được sự chưa từng có, các ông liền phát tâm cầu tới vô-thượng Bồ-đề, được Nhẫn-nhục tam-muội⁶⁵, chứng-nhập trí-tuệ bất-tư-nghị, mãi mãi không thoái-chuyển.

Lúc đó, tám vạn bốn nghìn chúng-sinh trong pháp hội phát tâm Bồ-đề, được lòng tin kiên-cố và cũng được Tam-muội ấy; đại-chúng trong hải-hội đều được Kim-cương nhẫn-nhục tam-muội, ngộ Vô-sinh-nhẫn và Nhu-thuận-nhẫn, hoặc chúng Sơ-địa được Bất-khởi-nhẫn. Vô-lượng chúng-sinh phát tâm Bồ-đề ở ngôi Bất-thoái.⁶⁶

Đức Phật bảo năm trăm ông Trưởng-giả: “Hết thầy chúng-sinh trong đời vị-lai nếu nghe được phẩm Tâm-địa-quán báo tứ-ân này, thụ-trì, đọc tập, giải-thuyết, viết chép, lưu-bá xa rộng, những người ấy phúc-đức, trí-tuệ tăng thêm, chư Thiên vệ-hộ, hiện-thân không đau yếu, thọ-mệnh lâu dài; khi mệnh mất, được sinh lên nội-cung của đức Di-Lặc, trông thấy tướng bạch-hào của Ngài liền siêu-việt sinh-tử, trong ba hội Long-Hoa⁶⁷ sẽ được giải-thoát và tùy ý vãng-sinh trong mười phương Tịnh-độ, thấy Phật, nghe pháp, nhập chính-định-tự⁶⁸ chóng thành trí-tuệ vô-thượng chính-đẳng chính-giác của Như-Lai.⁶⁹

Bấy giờ, về phía Đông-bắc đại-thành Vương-xá cách tám mươi do-tuần70 có một nước nhỏ tên là Tăng-trưởng-phúc. Trong nước kia có một ông Trưởng-giả tên là Trí-Quang, tuổi nhiều, già yếu, chỉ có một con. Mà người con ấy có tính ác-nghịch, không thuận cha mẹ, cha mẹ dạy răn gì đều không theo lời. Ông Trưởng-giả xa nghe thấy đức Thích-Ca Muu-Ni Như-Lai ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, vì vô-lượng chúng-sinh trong đời độc-ác, như-đục, tuyên-thuyết về pháp báo-ân của Đại-thừa. Khi ấy cả cha mẹ và con cùng mọi người quyến-thuộc của ông vì muốn nghe pháp, đem các đồ cúng đến nơi Phật, cung-kính cúng-dàng Phật.

Cúng-dàng rồi, ông Trưởng-giả liền bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Tôi có một người con, tính nó tệ-ác quá, nó không chịu nghe lời dạy răn của cha mẹ. Nay tôi nghe thấy Phật nói về việc báo-đáp tứ ân, tôi vì muốn nghe pháp nên lại nơi Phật, kính xin đức Thế-Tôn vì bọn chúng tôi cùng các người trong quyến-thuộc tuyên-thuyết về nghĩa thú sâu-xa, nhiệm-mầu của tứ-ân, khiến người con tệ-ác của tôi sinh tâm hiếu-thuận, đời nay, đời sau sẽ được sự an-lạc”.

Đức Phật bảo ông Trí-Quang: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ông vì pháp lại nơi Tôi, cúng-dàng cung-kính và muốn nghe Pháp ấy, vậy các ông nên nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo! Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào phát tâm Bồ-đề, muốn nghe pháp-yếu, khi cất chân, đặt chân xuống đất, tùy theo số lượng vi-trần (bụi nhỏ) của đường đất đi xa hay gần, mà do nhân-duyên ấy, người ấy cảm được Kim-luân chuyển-luân thánh-vương, khi phúc-báo của Thánh-vương hết, được làm Thiên-vương trong Dục-giới; khi phúc-báo của Thiên-vương trong Dục-giới hết, được làm Phạm-thiên-vương, được thấy Phật, nghe pháp và chóng chứng được diệu-quả. Đại-trưởng-giả cùng những người khác đi với ông vì cầu pháp lại nơi Tôi, tính ra như thế là phải qua tám mươi do-tuần đại-địa vi-trần, mỗi một số vi-trần sẽ chiêu-cảm được những quả-báo về Nhân, Thiên, Luân-vương. Và, được nghe pháp rồi, đời sau sẽ chứng vô-thượng chính-đẳng chính-giác)).

Tuy trước Tôi đã nói về nghĩa-thú sâu-xa, nhiệm-mầu của tứ-ân, nay vì các ông, Tôi lại tuyên lại nghĩa ấy, bằng lời kệ sau này:

Tối-thắng Pháp-vương, Đại-thánh-chúa,
Hết thấy Nhân, Thiên chẳng sánh bằng;
Trang-nghiêm thân bằng mọi tướng tốt,
Bề trí như hư-không vô-lượng.
Hạnh lợi tự, tha đều viên-mãn,

Tiếng khen đồn khắp trong các cõi;
Dứt hẳn phiền-não cùng tập-khí...71
Khéo trì mật-hạnh, giữ mọi căn.
Trăm bốn mươi thứ đức “bất-cộng”,72
Bể phúc rộng lớn đều viên-mãn;
Chính-định, thần-thông đầy-đủ cả,
Thường vui chơi “Bát tự-tại-cung”.73
Nhân, Thiên, ngoại-đạo trong mười phương,
Không ai “năng-nan”74 như Điều-ngự;
Miệng vàng nói biện-tài vô-ngại,
Tuy không ai hỏi mà tự nói.
Như đại-hải-triều75 không sai thời,
Cũng như thiên-cổ76 hợp thiên-tâm;
Tự-tại như thế duy Phật có,
Ngũ-thông-tiên, Ma, Phạm đâu có.
Kiếp-hải77 tu-hành nguyện khó nghĩ,
Chứng được đại-thần-thông như thế;
Trong đại-tịch-thất78 Tôi nhập-định,
Quán-sát các căn và bệnh, thuốc.
Tự ra thiên-định mà tán-thán:
Ba đời Phật-pháp “Tâm-địa-môn”;
Các Trưởng-giả nghe thoái đại-tâm,
Ưu hạng tự-lợi trong Nhị-thừa.
Tôi mở đại-trí phương-tiện-giáo,
Dẫn vào cửa giải-thoát “Tam không”;79
Ý-thú Như-Lai chẳng thể lường,
Duy Phật biết được chân-bí-mật.
Thanh-văn lợi-căn và Độc-giác,
Bồ-tát cần cầu ngôi bất-thoái;
Mười hai kiếp số cùng so lường,
Không có ai biết được phần nhỏ.
Giả-sử phạm, thánh-trí mười phương,
Nhận cho một người làm trí-giả;
Trí-giả như thế như rừng trúc,
Không thể so-lường được phần nhỏ.80
Thế-gian phạm-phu không mất tuệ,
Mê nơi ân-đức mất diệu-quả;
Chúng-sinh trong đời năm ác-trọc,81
Không hiểu ơn sâu thường trái đức.
Tôi vì khai-thị về bốn ân,

Khiến vào chính-kiến Bò-đề-đạo.82
TỪ-PHỤ BI-MẪU, ơn trưởng-dưỡng,
Hết thầy trai, gái đều yên vui.
Ơn từ-phụ cao như núi lớn,
Ơn bi-mẫu sâu như bể cả;
Nếu Tôi ở đời trong một kiếp,
Nói ơn bi-mẫu không hết được.
Tôi nay nói qua một phần nhỏ,
Như ruồi, muỗi uống nước bể cả.
Giả sử có người vì phúc-đức,
Cúng-dàng Bà-la-môn tịnh-hạnh.
Ngũ-thông thần-tiên được tự tại,
Đại-trí sư-trưởng cùng bạn lành.
Điện-đường đặt để toàn bảy báu,
Phòng toàn bằng gỗ Chiên-đàn-hương.
Đồ năm trăm báu bày trải khắp,
Mỹ-vị thế-gian như cam-lộ;
Cùng các thuốc men chữa muôn bệnh,
Đựng đầy vàng bạc trong khí-vật.
Cúng-dàng như-thế ngày ba thời,
Cho đến đủ số một trăm kiếp;
Không bằng một niệm tỏ chút phần,
Cúng-dàng bi-mẫu đại-ân-điền.
Phúc-đức vô-biên không lường được,
Tính-toán, thí-dụ không sánh kịp.
Bi-mẫu thế-gian có mang con,
Mười tháng mang thai chịu khổ nhiều.
Tình không ham đắm năm dục-lạc,
Tùy thời ăn uống cũng đồng thế;
Ngày đêm thường mang lòng thương xót,
Đi, đứng, ngồi, nằm chịu mọi khổ.
Chính sắp sinh con khỏi thai-tạng,
Như góp mũi nhọn rạch chi-tiết;
Mê cảm đông, tây không phân-biệt,
Khấp mình đau-đớn không chịu nổi,
Hoặc nhân nạn ấy mà mệnh mất,
Lục thân⁸³ quyên-thuộc đều bi-não;
Mọi khổ như thế đều vì con,
Lọ, buồn, thống-thiết nói sao cùng.
Nêu được bình-phục thân yên-vui,

Như nghèo được ngọc mừng khôn tả;
Đoái nhìn mặt con không biết chán,
Tâm thương nhớ con không tạm xả.
Ân-tình mẫu-tử thường như thế,
Xuất, nhập không rời con trước ngực;
Sữa mẹ như là suối Cam-lộ,
Trưởng-duỡng kịp thời không lúc kiệt.
Ơn nơi từ-niệm thực khó ví,
Công-đức nuôi-nấng cũng khó lường.
Thế-gian, đại-địa gọi là nặng,
Ơn bi-mẫu nặng hơn đất ấy.
Thế-gian Tu-di gọi là cao,
Ơn bi-mẫu cao hơn núi ấy;
Thế-gian, nhanh-chóng duy gió dữ,
Một niệm mỏng tâm nhanh hơn thế.
Nếu có chúng-sinh làm bất-hiểu,
Khiến mẹ tạm thời khởi tâm hận;
Thốt lời oán-niệm chỉ phần nhỏ,
Con theo lời ấy bị khổ-nạn.
Chư Phật cùng các Kim-cương-thiên,
Bí-pháp Thần-tiên không cứu được.
Nếu có trai, gái theo mẹ dạy,
Thừa-thuận nhan-sắc không dám trái.
Hết thầy tai-nạn đều tiêu-trừ,
Chư Thiên ủng-hộ thường an-lạc.
Nếu hay thừa-thuận theo bi-mẫu,
Trai, gái ấy đâu phải kẻ phạm.
Đại-bi Bồ-tát hóa nhân-gian,
Thị-hiện báo ân mọi phương-tiện.
Nếu có con trai và con gái,
Vì báo ân mẹ làm hiếu-duỡng:
Cắt thịt, trích huyết thường cung-cấp,
Như thế đủ số trong một kiếp.
Mọi thứ cần tu trong hiếu-đạo,
Còn chưa báo được ơn tạm thời.
Mười tháng con ở trong thai-tạng,
Thường ngậm cuống vú uống thai-huyết.
Từ khi là con-nít, trẻ thơ,
Uống hơn trăm học sữa của mẹ.
Ăn uống, thuốc-thang, y-phục đẹp,

Con trước, mẹ sau đó lệ thường.
Con nếu ngu-si bị người ghét,
Mẹ cũng thương nhớ không vứt bỏ.
Xưa, một nữ-nhân ẵm đứa con,
Lội qua sông Hằng nước chảy mạnh;
Sức khó vượt qua vì nước ngập,
Mẹ chết cùng con không nỡ bỏ.
Vì sức thiện-căn từ-niệm ấy,
Mệnh mắt được sinh lên Phạm-thiên;
Hưởng vui chính-định trên cõi Phạm,
Được gặp Như-Lai nhận Phật-ký.
Thế nên bi-mẫu có mười đức,
Tùy hợp nghĩa-lợi đặt ra tên:
Một là, đại-địa; hai năng sinh,
Ba là, năng-chính; bốn, dưỡng-dục.
Năm, cho trí-tuệ; sáu, trang-nghiêm,
Bảy là, an-ôn; tám, giáo-thụ;
Chín là, giáo-giới; mười, cho nghiệp,
Ân khác không hơn ân-đức mẹ.
Pháp gì ở đời là rất giàu?
Pháp gì ở đời là rất nghèo?
Khi mẹ tại đường là rất giàu,
Mẹ không tại đường là rất nghèo.
Khi mẹ còn, là mặt trời ngọ,
Khi mẹ mất, là mặt trời lặn;
Khi mẹ còn, hết đều đầy-đủ,
Khi mẹ mất, hết đều rỗng không.
Thế-gian hết thấy thiện-nam-tử:
Ơn cha mẹ nặng như gò, núi;
Hiếu kính cần phải luôn ở lòng,
Biết ơn, trả ơn là Thánh-đạo.
Không tiếc thân-mệnh dâng đồ ngon,
Chưa từng một niệm thiếu sắc-duỡng;
Như khi cha mẹ bỗng mất đi,
Toan muốn báo-ân thực chẳng kịp.
Phật xưa tu-hành vì từ-mẫu,
Cảm được tương tốt sắc thân vàng;
Tiếng đồn rộng lớn khắp mười phương,
Hết thấy Nhân, Thiên đều khẻ-thủ.
Nhân và phi-nhân đều cung-kính,

Từ duyên xưa trước báo từ-ân.
Tôi đã lên cung trời Đao-ly,
Ba tháng, vì mẹ nói chân-pháp.
Khiến mẹ Tôi nghe, quy chính-đạo,
Ngộ Vô-sinh-nhãn thường không thoái;
Như thế đều là báo bi-ân,
Tuy báo ân sâu còn chưa đủ.
Mục-Liên được thần-thông đệ nhất,
Dứt hết phiền-não trong ba cõi;
Dùng sức thần-thông xem từ-mẫu,
Thấy mẹ chịu khổ trong ngã-quỷ.
Mục-Liên tự đi trả ơn mẹ,
Cứu thoát từ-thân nơi thụ-khổ;
Sinh lên các cõi trời Tha-Hóa,
Cùng được vui chơi nơi Thiên-cung.
Nếu biết ơn cha mẹ rất sâu,
Chư Phật, Thánh-hiền đều báo đức.
Nếu ai chí-tâm cúng-dàng Phật,
Có tâm tinh-cần tu hiếu-duỡng.
Phúc hai người ấy bằng nhau cả,
Ba đời hưởng báo cũng vô cùng.
Người đời, làm con tạo các tội,
Sa ba ngã ác chịu khổ mãi.
Người chưa chứng Thánh, không thần-thông,
Không thấy luân-hồi, khó báo được.
Thương thay người đời không Thánh-lực,
Không hay cứu gỡ cho từ-mẫu!
Bởi nhân-duyên ấy, ông nên biết,
Cần tu phúc-lợi công-đức tốt:
Đem ngay thắng-phúc nơi nam, nữ,
Có đại-kim-quang soi địa-ngục.
Trong hào-quang diễn tiếng thâm-diệu,
Khai-ngộ cha mẹ mở tâm-ý.
Nhớ thuở xưa kia thường tạo tội,
Một niệm hối-tâm đều trừ diệt.
Miệng niệm: “Nam mô tam thế Phật”.
Thoát thân khổ-nạn không thông-thả;
Sinh lên Nhân, Thiên hưởng vui mãi,
Thấy Phật, nghe pháp, sẽ thành Phật.
Hoặc sinh tịnh độ tại mười phương,

Hoa sen bảy báu là cha mẹ;
Hoa nở thấy Phật ngộ Vô sinh,
Bồ-tát Bất-thoái là đồng học.
Được sáu thần-thông tự-tại-lực,
Được vào cung bồ-đề vi-diệu:
Bồ-tát đều là các nam, nữ.
Nương đại nguyện-lực hóa nhân-gian.
Thế là thực báo ân cha mẹ,
Các ông, chúng sinh cùng tu học!⁸⁴
CHÚNG-SINH luân-hồi sinh sáu đạo,
Cũng như bánh xe không sau, trước.
Hoặc là cha mẹ, là trai, gái,
Đời đời, kiếp kiếp ơn lẫn nhau.
Như thấy cha mẹ... không khác chi,
Không chứng Thánh-trí, do đâu biết!
Hết thấy nam-tử đều là cha,
Hết thấy nữ-nhân đều là mẹ;
Ơn đời trước thế chưa trả xong,
Lại sinh niệ̣m khác thành oán ghét!
Thường nên báo ân, ích lẫn nhau,
Không nên đánh mặ́ng thành hiềm-oán!
Nếu muốn tu thêm phúc-trí-môn,
Ngày đêm sáu thời⁸⁵ nên phát nguyện:
Nguyện con sinh sinh vô-lượng kiếp,
Được Túc-trụ-trí⁸⁶ đại-thần-thông;
Biết được trăm nghìn kiếp quá-khứ,
Lại nhớ biết nhau là cha mẹ.
Xoay-vàn sáu thú, bốn loài sinh,⁸⁷
Cho tôi một niệ̣m đến nơi ấy;
Vì nói diệ̣u-pháp, lia nhân khổ,
Trong Nhân, Thiên họ hưởng vui mãi.
Khuyến phát Bồ-đề-nguyện kiên-cố,
Tu-hành lục độ của Bồ-tát;
Dứt hẳn hai nhân của sinh tử,
Chóng chứng Niết-bàn vô-thượng-đạo⁸⁸
Mười phương hết thấy các QUỐC-VUÔNG
Chính pháp hóa-nhân là Thánh-chúa;
Phúc-đức Quốc-vương là tối-thắng,
Việc làm tự-tại gọi là “Thiên” (trời).
Vua trời Đạo-ly và trời khác,

Thường đem phúc-lực trợ vương-hóa;
Chư Thiên ủng-hộ như con một,
Bởi thế được tên là “Thiên-tử”.
Thế-gian cho vua là cội-gốc,
Là chỗ nhân-dân hết thấy nương;
Cũng như nhà cửa của thế-gian,
Cột là cội-gốc, dựng nên được.
Vua dùng chính-pháp hóa nhân-dân,
Giả như Phạm-vương sinh muôn vật.
Vua làm phi-pháp không chính-lý,
Như Diêm-ma vương diệt thế-gian.
Nếu vua dung-nhận kẻ gian-tà,
Như là voi xéo ao hoa vậy.
Đừng bảo thời gặp đời ác-trọc,
Nên biết thiện, ác do vua tu!
Như mặt trời soi sáng thế gian,
Quốc-vương dạy đời cũng như thế.
Mặt trời, đêm tuy không chiếu tới,
Nhưng khiến chúng-sinh được an-lạc.
Vua đem phi-pháp ra dạy đời,
Hết thấy nhân-dân không tin cậy.
Thế gian có những sự sợ-hãi,
Nhưng nhờ phúc vua không sinh được.
Thành ra nhân-dân được an-lạc,
Như thế là phúc vua soi tới.
Thế-gian có những hoa rất đẹp,
Nhờ phúc nhà vua mà nở toả.
Thế-gian có những rừng, vườn đẹp,
Nhờ phúc nhà vua đều tươi tốt.
Thế-gian có những cây cỏ thuốc,
Nhờ phúc nhà vua khỏi các bệnh.
Thế-gian bách-cốc, cùng lúa má,
Nhờ phúc nhà vua đều thành hạt.
Nhân-dân trên đời hưởng vui sướng,
Nhờ phúc nhà vua thường tự-nhiên.
Ví như Trương-giả có một con,
Trí-tuệ đoan nghiêm đời không sánh;
Cha mẹ yêu mến như con mắt,
Ngày đêm thường sinh tâm hộ-niệm.
Thánh-vương trong nước cũng như thế,

Nhớ mền chúng-sinh như con một;
Nuôi-nấng người già, giúp cô độc,
Tâm dù thương, phạt nhưng thường một.
Nhân-vương như thế là Thánh-chúa,
Mọi loài kính-ngưỡng như Như-Lai;
Nhân-vương trị nước không tai-biến,
Muôn họ kính, chăm thường an-ổn.
Vua không đem pháp-chính dạy đời,
Tật-dịch lưu-hành hại chúng-sinh;
Như thế hết thầy nhân, phi-nhân,
Tội, phúc rõ-ràng không che đợc.
Trong pháp thiện, ác chia bảy phần,
Người tạo đợc năm, vua đợc hai;
Nhà cửa, ruộng, vườn, rừng đều thế,
Thuế-má phân chia cũng như vậy.
Chuyển-luân Thánh-vương khi xuất-hiện,
Chia làm sáu phần vua đợc một;
Nhân-dân khi ấy đợc năm phần.
Nghệp-báo thiện, ác cũng đều thế.
Nếu có Nhân-vương tu chính-kiến,
Như pháp dạy đời là “Thiên-chúa”;
Bởi y pháp trời mà dạy đời,
Tỳ-sa-môn-vương thường ủng-hộ.
Ba cõi trời khác, chúng La-sát,
Đều sẽ gìn giữ Thánh-vương-cung.
Thánh-vương ra đời sửa-sang nước,
Lợi-ích chúng-sinh thành mười đức:
Một là, soi sáng trong quốc-giới,
Hai là, trang-nghiêm cho quốc-độ;
Ba là, thường cho sự yên-vui,
Bốn là, hàng-phục các oán-địch.
Năm là, cấm ngăn mọi sợ hãi,
Sáu là, hợp-tập các Thánh hiền;
Bảy là, căn-bản của mọi pháp,
Tám là, hộ-trì cho thế-gian.
Chín là, thường làm công tạo-hóa,
Mười là, chủ nhân-dân, đất nước.
Nếu vua thành-tựu mười thắng-đức,
Phạm-vương, Đế-thích và chư Thiên.
Dạ-soa, La-sát, Quỷ-thần-vương,

Ân mình thường lại hộ quốc-giới.
Long-vương hoan-hỷ tuôn Cam-vũ,
Ngũ-cốc thành-thục muôn họ yên.
Khắp nơi trong nước sinh ngọc báu,
Người, ngựa sức mạnh, không oán-địch.
Nhu-y bảo-châu hiện trước vua,
Các vua ngoại-cảnh tự triều-phục.
Ai sinh tâm ác với Quốc-vương,
Một niệm khởi tâm thành mọi ác;
Người ấy mệnh mất sa địa-ngục,
Chịu khổ nhiều kiếp khó kỳ ra.
Nếu có tinh-thần chăm giúp vua,
Chư Thiên hộ-niệm thêm vinh-lộc.⁸⁹
Trưởng-giả Trí-Quang, ông nên biết:
Hết thấy Nhân-vương do nghiệp-cảm.
Các pháp đều do nhân-duyên thành,
Nếu không nhân-duyên không các pháp.
Nói không sinh Thiên và ác-thú,
Những người như thế không hiểu nhân,
Không nhân, không quả: đại-tà-kiến,
Không biết tội, phúc sinh vọng-chấp.
Nay vua được hưởng mọi phúc vui,
Xưa kia từng giữ ba tịnh-giới.⁹⁰
Giới-đức huân-tu chiêu-cảm tới,
Diệu-quả Nhân, Thiên được thân vua⁹¹
Nếu người phát-khởi Bồ-đề-tâm,
Nguyện-lực giúp thành vô-thượng-quả.
Giữ bền giới tịnh trong thượng-phẩm,
Đi, ở tự-tại làm Pháp-vương;
Thần thông biến-hóa khắp mười phương,
Tùy duyên giúp hết cả muôn loài.
Trung-phẩm thụ-trì Bồ-tát-giới,
Phúc-đức tự-tại Chuyển-luân-vương;
Tùy tâm làm gì đều nên cả,
Vô-lượng Nhân, Thiên đều tuân-phụng.
Hạ-thượng-phẩm trì: đại-quỷ-vương,
Hết thấy phi-nhân đều theo phục;
Thụ-trì giới phẩm tuy khuyết-phạm,
Nhưng, do giới thắng được làm vua.
Hạ-trung-phẩm trì: cầm-thú-vương,

Hết thầy chim, muông đều y-phục;
Trong thanh-tịnh-giới có khuyết-phạm,
Nhưng, do giới thắng được làm vua.
Hạ-hạ-phẩm trì: Diễm-ma-vương,
Ở trong địa-ngục thường tự-tại;
Tuy hủy giới cấm sinh ác-đạo.
Nhưng, do giới thắng được làm vua.92
Bởi vì nghĩa ấy các chúng-sinh,
Nên thụ Bồ-tát thanh-tịnh-giới;
Hãy gìn-giữ khéo không khuyết-phạm,
Tùy chỗ sinh ra làm Nhân-vương.
Nếu người không thụ-giới Như-Lai,
Còn không được thân con cáo đồng;
Huống là cảm-quả trong Nhân, Thiên,
Ở ngôi vua hưởng vui sướng tuyệt?
Thế nên làm vua phải có “nhân”,
Giới-nghiệp tinh siêng thành diệu-quả.
Quốc-vương tự là chủ nhân-dân,
Lành thương như mẹ nuôi con nhỏ.
Như thế Nhân-vương có ơn lớn,
Tâm lòng phủ-dục93 khó báo được
Bởi nhân-duyên ấy, các chúng-sinh,
Nếu tu chúng được Đại-bồ-đề.
Đối với chúng-sinh khởi đại-bi,
Nên thụ Như-Lai tam-tụ-giới.94
Nếu muốn như pháp mà thụ-giới,
Cần nên sám95 tội cho tiêu-diệt.
Nguyên-nhân khởi tội có mười duyên:96
Thân ba, miệng bốn và ý ba.
Sinh-tử vô-thủy, tội vô cùng,
Bể lớn phiền-não sâu không đáy.
Nghiệp-chươngng cao vót như Tu-di,
Tạo-nghiệp do nhân hai thứ khởi:
Tức là HIỆN-HÀNH và CHỨNG-TỬ,97
Tạng-thức98 giữ, duyên NHẤT-THIỆT-CHỨNG.
Như bóng theo hình không rời thân,
Trong hết thầy thời chương Thánh đạo;
Gần, chương diệu-quả của Nhân, Thiên,
Xa, chương vô-thượng Bồ-đề-quả.
Tại-gia thường vời nhân phiền-não,

Xuất-gia thì phá thanh-tịnh-giới.
Nếu ai như pháp mà sám-hối,
Có bao phiền-não đều trừ-diệt.
Cũng như kiếp lửa hoại thế-gian,
Đốt sạch Tu-di và bề cả.
Sám-hối, đốt sạch củi phiền-não,
Sám-hối, thường sinh lên đường trời.
Sám-hối, được vui nơi Tứ-thiên,99
Sám-hối, mưa báu ngọc Ma-ni;
Sám-hối, thân kim-cương thêm thọ,
Sám-hối, được vào cung “thường-lạc”.
Sám-hối, ra khỏi ngục ba cõi,
Sám-hối, nở ra hoa Bồ-đề;
Sám-hối, thấy đại-viên-kính Phật,100
Sám-hối, đến được nơi Bảo-sở.
Nếu y như pháp mà sám-hối,
Nên y hai pháp QUÁN-MÔN tu:
Một là, QUÁN SỰ DIỆT TỘI MÔN,
Hai là, QUÁN LÝ DIỆT TỘI MÔN.101
Quán sự diệt tội lại chia ba:
Thượng, trung, hạ-căn là ba phẩm.
Nếu có thượng căn cầu tịnh giới,
Phát đại tinh-tiến tâm không thoái.
Thương khóc rơi huyết thường tinh-khẩn,
Ai-cảm khắp mình đều ứng huyết;
Nghĩ luôn đến thập phương Tam-bảo,
Cùng các chúng-sinh trong lục-đạo.
Quy dài, chấp tay tâm bất từ,
Gột tâm phát-lộ cầu sám-hối:
“Kính xin thập phương Tam-thế Phật,
Lấy đại-từ-bi thương xót con.
Con ở luân-hồi không chỗ nương,
Sinh-tử đê mê dài thường chẳng biết;
Con ở phàm-phu đủ mọi buộc,
Tâm cuồng giáo-giờ, lằng-xăng khắp.
Con ở trong nhà lửa ba cõi,
Nhiễm bậy sáu trần102 không cứu-hộ;
Con sinh trong nhà nghèo, hạ-tiện,
Không được tự-tại thường chịu khổ.
... Sinh vào nhà cha mẹ tà-kiến,

Tạo tội nương theo quyển-thuộc ác.
Kính xin chư Phật Đại-từ-tôn,
Thương xót hộ-niệm như con một.
Một sám không tạo các tội nữa,
Tam-thế Như-Lai sẽ chứng-minh!”
Mạnh-mẽ sám-hồi như như thế,
Gọi là thượng-phẩm cầu tịnh-giới.
Như có trung-căn cầu giới-phẩm,
Một lòng mạnh-mẽ sám mọi tội.
Nghĩ mình lệ ứa không ai biết,
Khấp mình bồ-hôi..., ai-cầu Phật:
“Dãi-bày vô-thủy nghiệp sinh-tử,
Xin nước từ bi gột bụi trần;
Giữ bỏ tội-chướng sạch sáu căn,103
Cho con tam-tụ-giới Bồ-tát.
Con nguyện giữ vững không lười chuyển,
Tinh-tu, độ thoát khổ chúng-sinh,
Mình chưa đắc độ, trước độ người,
Hết thưở vị-lai thường không dứt”.
Như thế tinh-cần, dũng-mãnh làm,
Không tiếc thân-mệnh cầu Giác-đạo.
Cảm tướng lạ thiêng của Tam-bảo,
Gọi là trung-phẩm đại-sám-hồi.
Nếu có hạ-căn cầu tịnh-giới,
Phát tâm Vô-thượng Bồ-đề ấy,
Rơi lệ, thương khóc, lông thân rỏ,
Vớ chỗ tạo tội rất thẹn-hổ.
Đôi trước Tam-bảo khắp mười phương,
Và trước chúng-sinh trong sáu đạo;
Chí thành phát-lộ từ vô-thủy,
Có những chúng-sinh bị não-loạn.
Khởi tâm đại-bi không chướng-ngại,
Không tiếc thân-mệnh hồi ba nghiệp.
Những tội đã làm đều phát-lộ,
Những ác chưa làm không dám tạo.
Như thế, ba phẩm sám mọi tội,
Đều gọi thanh-tịnh-giới đệ-nhất.
Dùng nước thẹn-hổ rửa trần-lao,
Thân tâm đều là thanh-tịnh phẩm,
Các thiện-nam-tử, ông nên biết!

Đã nói tịnh-quán các sám-hối;
Trong sự, lý ấy không sai khác,
Chỉ bởi căn-duyên ứng chằng đồng.
Nếu khi tu-tập quán chính-lý,
Xa lìa hết thấy mọi tán-loạn.
Mặc áo mới sạch ngôi gia-phu,
Nhiếp-tâm, chính-niệm bỏ mọi duyên:
Thường quán diệu-pháp-thân chư Phật,
Thê-tính như KHÔNG, không thể được;
Tính của các tội cũng đều như,
Nhân-duyên điên-đảo, tâm vọng khởi.
Tội-tướng như thể bản-lai không,
Ở trong ba đời “vô-sở-đắc”.
Không nội, không ngoại, không trung-gian,
Tính, tướng như-như đều chằng động.
Diệu-lý chân-như dứt danh-ngôn,
Chỉ có Thánh-trí hay thông-suốt.
Phi hữu, phi vô, phi-hữu-vô,
Phi bất hữu-vô lìa danh-tướng.
Quanh khắp pháp-giới không sinh diệt,
Chư Phật bản-lai đồng một thể.
Kính xin chư Phật thù gia-hộ,
Diệt được hết thấy tâm điên-đảo!
Nguyện, con sớm ngộ nguồn chân-tính,
Chóng chứng Như-Lai vô-thượng-đạo!
Nếu có thanh-tín thiện-nam-tử,
Ngày đêm hay quán diệu-lý-không.
Hết thấy tội-chướng tự tiêu-trừ,
Thê là giữ giới tịnh trên hết.
Nếu người quán biết thực-tướng-không,
Hay diệt hết thấy các tội trọng.
Cũng như gió to thổi lửa dữ,
Đốt cháy vô-lượng các cây cỏ.
Các thiện-nam-tử chân-thực-quán,
Là môn bí-yếu của chư Phật.
Nếu muốn vì người phân-biệt rộng,
Hạng người vô-trí đừng tuyên-thuyết.
Hết thấy chúng-sinh loại phàm ngu,
Nghe quyết sinh nghi tâm bất tín.
Nếu có trí-giả sinh tín-giải,

Niệm niệm quán-sát ngộ Chân-như;
Chư Phật mười phương đều hiện trước,
Bồ-đề diệu-quả tự-nhiên chứng.
Các thiện-nam-tử! Sau Tôi diệt,
Những người tịnh-tín trong đời sau;
Theo hai quán-môn thường sám-hồi,
Nên thụ Bồ-tát tam-tụ-giới.
Nếu muốn thụ-trì thượng-phẩm-giới,
Nên thỉnh giới-sư : Phật, Bồ-tát.
Thỉnh Tôi: Thích-Ca Mưu-Ni Phật,
Làm vị Hòa-thượng 104 giới Bồ-tát.
Long-chủng Tịnh-trí tôn vương Phật
Sẽ làm tịnh-giới A-xà-lê. 105
Đạo-sư mai sau: Di-Lặc Phật,
Sẽ làm thanh-tịnh Giáo-thụ-sư. 106
Hiện-tại mười phương Lương-túc-tôn, 107
Sẽ làm thanh-tịnh Chúng-giới-sư. 108
Mười phương hết thấy các Bồ-tát,
Sẽ làm bạn-bè tu-học-giới.
Phạm, Thích, Tứ-vương, Kim-cương-thiên,
Sẽ làm chúng ngoại-hộ học-giới.
Phụng-thỉnh Phật, Bồ-tát như thế,
Và, các thầy truyền giới hiện-tiền.
Vì muốn trả khắp bốn ân sâu,
Phát khởi tâm Bồ-đề thanh-tịnh.
Nếu thụ tam-tụ-giới Bồ-tát :
Nhiều-ích hết thấy hữu-tình-giới.
Tu-nhiếp hết thấy thiện-pháp-giới,
Tu-nhiếp hết thấy luật-nghi-giới.
Tam-tụ thanh-tịnh giới như thế,
Như-Lai ba đời đều hộ-niệm.
Chúng-sinh phi-pháp không nghe biết,
Trong vô-lượng kiếp không nghe, thấy.
Duy có thập phương Phật quá-khứ.
Đã thụ tịnh-giới thường hộ-trì.
Hai chương phiền-não dứt trừ hẳn,
Chúng được quả Bồ-đề vô-thượng;
Hết thấy Thế-Tôn đời vị-lai,
Giữ-gìn tam-tụ tịnh-giới báu.
Dứt trừ ba chương 109 cùng tập-khí,

Sẽ chứng chính-đăng đại-bồ-đề;
Mười phương các Thiện-thệ hiện-tại,
Đều tu nhân tam-tụ tịnh-giới.
Dứt hẳn sinh-tử khổ luân-hồi,
Được chứng tam thân 10 Bồ-đề-quả.
Siêu-việt bề sinh-tử sâu lớn,
Tịnh-giới Bồ-tát là thuyền bè.
Dứt hẳn ràng-buộc tham, sân, si,
Tịnh-giới Bồ-tát là gươm sắc;
Đường hiểm sinh-tử các sợ-hãi,
Tịnh-giới Bồ-tát là nhà cửa.
Trừ khỏi các nhân khổ nghèo hèn,
Tịnh-giới thường làm ngọc Như-ý;
Bị ma quỷ óp, các tật-bệnh,
Tịnh-giới Bồ-tát là lương-được.
Làm vua Nhân, Thiên được tự-tại,
Tam-tụ tịnh-giới là duyên tốt;
Cùng các thân vua trong bốn thú,
Tịnh-giới là duyên được thắng-quả.
Thế nên tu được nhân tự-tại,
Sẽ được làm vua hưởng tôn-quý.
Trước nên lễ kính mười phương Phật,
Ngày đêm tu thêm thanh-tịnh-giới.
Chư Phật hộ-niệm đương thụ-trì,
Giới như kim-cương không phá-hoại;
Chư Thiên thiện thần trong ba cõi,
Hộ-vệ thân vua và quyến-thuộc.
Hết thấy oán-địch đều quy-phục,
Muôn họ vui mừng cảm vương hóa.
Thế nên thụ-trì giới Bồ-tát,
Cảm quả vô-vi thế, xuất-thế. 111
Tam-Bảo thường-trụ hóa thế-gian,
Ân-đức rộng lớn bất tư-nghi;
Trong kiếp-hải này cùng quá-khứ,
Công-đức lợi sinh không dừng nghỉ.
Nghìn ánh Phật-nhật 112 thường soi đời,
Lợi ích quần-sinh độ có duyên;
Vô duyên không thấy từ-quang Phật,
Cũng như người mù không trông thấy.
Pháp-bảo nhất vị không biến-đổi,

Phật trước, Phật sau nói đều đồng;
Nhu mưa, một vị thấm khắp cả,
Cỏ cây tươi-tốt, lớn, nhỏ khác.
Chúng-sinh tùy căn đều được giải,
Cỏ cây nhuần thấm cũng sai khác.
Bồ-tát, Thanh-văn hóa chúng-sinh,
Nhu nước sông lớn chảy không kiệt.
Chúng-sinh không tin, hóa không tới,
Nhu ở chỗ tối trời khó soi.
Ánh trăng Như-Lai rất thanh-lương,
Hay trừ mọi tối cũng như thế.
Cũng như chậu úp trăng không soi,
Chúng-sinh mê-hoặc cũng như thế.
Pháp-bảo như cam-lộ, thuốc hay,
Trị được hết thầy bệnh phiền-não.
Người tin uống thuốc, chứng Bồ-đề,
Không tin tùy duyên sa ác-đạo.
Bồ-tát, Thanh-văn thường ở đời,
Vô số phương-tiện độ chúng-sinh.
Chúng-sinh nếu có lòng tin, thích,
Nhập ngôi an-lạc của Tam-thừa.
Như-Lai không xuất-hiện thế-gian,
Hết thầy chúng-sinh vào tà-đạo.
Chê hoài cam-lộ, uống thuốc độc,
Chìm mãi bể khổ không kỳ ra.
Phật-nhật xuất-hiện ba nghìn cõi,
Tỏa ánh-sáng lớn chiếu đêm dài.
Chúng-sinh như ngủ không hay biết,
Nhờ sáng được vào vô-vi-thất.
Như-Lai chưa nói Nhất-thừa-pháp,
Quốc độ mười phương đều không-hư.
Phát tâm tu-hành thành chính-giác,
Hết thầy cõi Phật đều nghiêm-tịnh.
Pháp-bảo Nhất-thừa: mẹ chư Phật,
Như-Lai ba đời từ đây sinh.
Bát-nhã phương-tiện tu không dứt,
Thành đạo giải-thoát lên Diệu-giác.
Nếu Phật, Bồ-tát không xuất-hiện,
Chúng-sinh ở đời không đạo-sư.
Hiểm-nạn sinh-tử do đâu qua,

Làm sao đến được nơi Bảo-sở?
Dùng đại-nguyện-lực làm bạn lành,
Thường nói diêu-pháp cho tu-hành.
Xu-hướng Thập-địa chứng Bồ-đề,
Khéo vào nơi Niết-bàn an-lạc.
Đại-bi Bồ-tát hóa thế-gian,
Phương-tiện dẫn-dắt các chúng-sinh.
Trong ân hạnh chân-thực Nhất-thừa,
Ngài hiện ra Duyên-giác, Thanh-văn.
Độn-căn, trí-nhỏ nghe Nhất-thừa,
Sợ-hãi phát tâm qua nhiều kiếp.
Không biết thân có Như-Lai-tạng, 113
Chỉ vui tịch-diệt, chán trần-lao.
Chúng-sinh vốn có giống Bồ-đề,
Đều ở trong Tạng-thức: Lại-gia.
Nếu gặp bạn lành phát đại-tâm,
Ba thứ rèn, mài 14 tu diêu-hạnh;
Dứt hẳn phiền-não, sở-tri-chướng,
Chứng được thân thường-trụ Như-Lai.
Diêu-quả Bồ-đề chẳng khó thành,
Chân thiện-trí-thức thực khó gặp.
Hết thấy Bồ-tát tu thẳng-đạo,
Bốn thứ pháp-yếu cần nên biết:
Thân-cận bạn lành là thứ nhất,
Lắng nghe chính-pháp là thứ hai;
Như ý nghĩ lường là thứ ba,
Như pháp tu chứng là thứ tư.
Hết thấy Đại-thánh-chúa mười phương,
Tu bốn pháp ấy chứng Bồ-đề.
Các ông Trưởng-giả, đại-hội-chúng,
Và, thanh-tín-sĩ đời vị-lai.
Bốn pháp nơi Bồ-tát như thế,
Cốt nên tu-tập thành Phật-đạo. 115
Các thiện-nam-tử nên nghe kỹ,
Như-Lai nói ra bốn ơn trên.
Thì ơn Phật-bảo là tối thượng,
Vì độ chúng-sinh phát đại-tâm.
Ba vô số kiếp trong đại-kiếp.
Tu đủ trăm nghìn các khổ-hạnh.
Công-đức viên-mãn khắp pháp-giới,

Thập-địa rốt-ráo chứng ba thân.
Pháp-thân thể khắp mọi chúng-sinh,
Muôn đức cô-động tính thường-trụ.
Không sinh, không diệt, không đi, lại,
Không một, không khác, phi đoạn, thường;
Đầy khắp pháp-giới như hư-không,
Hết thấy Như-Lai cùng tu chúng.
Hữu-vi, vô-vi các công-đức,
Nương-tựa Pháp-thân thường thanh-tịnh.
Bản-tính Pháp-thân như hư-không,
Xa lìa sáu trần không nhiễm-trước.
Pháp-thân vô hình lìa mọi tướng,
Năng-tướng, sở-tướng hết đều không.
Như thể, diệu-pháp-thân chư Phật,
Tướng ngôn-từ, hí-luận tịch-diệt.
Xa lìa hết thấy các phân-biệt,
Tâm-hành-xứ diệt 116 thể đều như.
Vì muốn chúng được thân Như-Lai.
Bồ-tát khéo tu về muôn hạnh.
Thể “trí” vô-vi chân-pháp-tính,
Sắc, tâm hết thấy chư Phật đồng.
Ví như chim bay đến núi vàng,
Làm cho thân chim đồng sắc ấy.
Hết thấy Bồ-tát như chim bay,
Thể pháp-thân Phật tựa núi vàng.
Tự-thụ-dụng thân các tướng tốt,
Mỗi một đầy khắp cõi mười phương.
Bốn-trí viên-minh hưởng pháp-lạc,
Phật trước, Phật sau thể đồng nhau.
Tuy khắp pháp-giới không chướng-ngại,
Diệu-cảnh như thể không nghĩ, bàn.
Thân ấy thường-trụ báo-Phật-độ,
Tự hưởng pháp-lạc không gián-đoạn.
Tha thụ-dụng-thân các tướng tốt,
Tùy cơ ứng-hiện không thêm, bớt.
Vì hóa các Bồ-tát Địa-thượng,
Một Phật hiện ra mười loại thân.
Tùy chỗ ứng-hiện đều bất đồng,
Dần-dà tăng gấp đến vô-cực.
Hợp căn vì nói các pháp-yếu,

Khiến hưởng pháp-lạc vào Nhất-thừa.
Vị được thần-thông dân tăng-trưởng,
Pháp-môn sở ngộ cũng như thế.
Bồ-tát Hạ-địa khởi trí-tuệ,
Không thấu suốt được về Thượng-địa.
Năng-hóa, sở-hóa tùy Địa tăng,
Đều tùy bản-duyên làm sở-thuộc.
Hoặc một Bồ-tát, nhiều hóa Phật,
Hoặc nhiều Bồ-tát, một hóa-Phật.
Như thế, mười Phật thành chính-giác,
Đều ngồi dưới Bồ-đề thất-bảo.
Phật trước nhập-diệt, Phật sau thành,
Hóa-Phật chẳng đồng trái kiếp hiện.
Mười Phật ngồi trên đài hoa sen,
Quanh khắp đều có trăm nghìn cánh.
Mỗi một cánh sen một cõi Phật,
Tức là cõi Tam-thiên đại-thiên.
Trong mỗi một cõi có trăm ức,
Mặt trời, trăng, sao bốn đại-châu.
Sáu cõi trời Dục và bốn Thiên,
Không-xứ, Thức-xứ đến Phi-tượng.
Riêng châu Nam-thiệm trong bốn châu,
Mỗi một đều có tòa Kim-cương.
Cùng với Bồ-đề đại-thụ-vương,
Các thân Phật hóa trong khi ấy;
Nhất thời chứng được Bồ-đề-đạo,
Quay xe diệu-pháp trong Đại-thiên.
Bồ-tát, Duyên-giác và Thanh-văn,
Tùy chỗ hợp căn thành Thánh-quả.
Như thế, nói ra ba thân Phật,
Trên hết, không gì sánh, là “BẢO”.117
Ứng, Hóa hai thân nói ra pháp,
Giáo, lý, hành, quả là PHÁP-BẢO.
Chư Phật lấy PHÁP làm đại-su,
Tu tâm chứng được Bồ-đề-đạo.
Pháp-bảo ba đời không biến-đổi,
Hết thầy chư Phật đều quy, học.
Tôi nay đỉnh-lễ Nhất-thiết-trí,
Nên nói Pháp-bảo là thầy Phật.
Hoặc vào lửa dữ không cháy được,

Ứng thời liền được chân giải-thoát.
Pháp-bảo hủy phá ngục sinh-tử,
Cũng như Kim-cương phá muôn vật.
Pháp-bảo soi vào tâm chúng-sinh,
Ví như mặt trời trên không-giới.
Pháp-bảo hay làm thuyền bền chắc,
Vượt qua bể ái lên bờ giác.
Pháp-bảo hay cho chúng-sinh vui,
Ví như thiên-cổ hợp thiên-tâm;
Pháp-bảo hay giúp chúng-sinh nghèo,
Như ngọc Ma-ni mưa mọi báu.
Pháp-bảo hay làm thêm Tam-bảo,
Nhân tu nghe pháp sinh thượng-giới;
Pháp-bảo: Kim-luân đại-thánh-vương,
Dùng sức đại-pháp phá bốn ma.
Pháp-bảo hay làm xe báu lớn,
Chuyên chở chúng-sinh ra nhà lửa;
Pháp-bảo hay làm đại-đạo-sư,
Dẫn-dắt chúng-sinh đến Bảo-sở.
Pháp-bảo hay thổi loa đại-pháp,
Giác-ngộ chúng-sinh thành Phật-đạo;
Pháp-bảo hay làm đèn đại-pháp,
Soi chỗ tối-tăm trong sinh-tử.
Pháp-bảo hay làm tên Kim-cương,
Chấn giữ quốc-giới dẹp mọi oán.
Những pháp của Phật ba đời nói,
Làm lợi chúng-sinh khỏi khổ-phọc.
Dẫn vào thành Niết-bàn an-lạc,
Thế là ơn PHÁP-BẢO khó trả.118
Trưởng-giả Trí-quang ông nghe kỹ,
Thế, xuất-thế Tăng có ba hạng:
Bồ-tát, Thanh-văn thánh, phàm-chúng,
Là thừa ruộng phúc, ích chúng-sinh.
Văn-thù-sur-ly: đại-thánh-tôn,
Chư Phật ba đời cho là mẹ.
Như-Lai mười phương mới phát tâm,
Đều do giáo-hóa của Văn-Thù.
Hết thấy thế-gian, các hữu-tình,
Nghe tên, thấy thân và hào-quang.
Cùng thấy thân hóa hiện tùy loại,

Đều thành Phật-đạo khó nghĩ, bàn,
Di-lặc Bồ-Tát: Pháp-vương-tử,
Từ mới phát tâm không ăn thịt.
Bởi nhân-duyên ấy gọi “Tỳ-Thị”,
Vì muốn thành-thục các chúng-sinh.
Ở cõi thứ tư: Đâu-suất-thiên,
Trong Như-ý-điện bốn chín trùng.
Ngày đêm thường nói “bất-thoái-hạnh”,
Vô số phương-tiện độ Nhân, Thiên.
Nước tám công-đức 119 ao Diệu-hoa,
Chúng-sinh có duyên đồng sinh đến.
Đệ-tử Tôi nay giao Di-Lặc,
Trong hội Long-Hoa được giải-thoát.
Các Thiện-nam-tử đời mạt-pháp, 120
Một năm cơm ăn cho chúng-sinh.
Bởi thiện-căn ấy thấy Di-Lặc,
Cứu-cánh sẽ được Bồ-đề-đạo.
Ông Xá-ly-phát... Đại-thanh-văn,
Trí-tuệ thân-thông hóa mọi loài.
Nếu thành-tựu được giới giải-thoát,
Thực là người tu-hành chính-kiến;
Vì người thuyết-pháp truyền Đại-thừa,
Ruộng phúc như thế là thứ nhất.
Hoặc có một hạng phàm-phu Tăng,
Giới-phẩm không trọn, sinh chính-kiến;
Tán-vịnh Nhất-thừa pháp màu-nhiệm,
Tùy phạm, tùy hối, chướng đều trừ.
Vì muốn chúng-sinh thành Phật nhân,
Phàm-phu ấy cũng là Tăng-bảo.
Như Uất-kim-hoa 121 tuy héo úa,
Còn hơn hết thấy các hoa quý.
Tỷ-khuru chính-kiến cũng như thế,
Bốn hạng Luân-vương so chẳng kịp.
Như thế, bốn hạng Thánh, phàm Tăng,
Lợi-lạc hữu-tình không tạm nghĩ.
Là ruộng phúc tốt của thế-gian,
Thế là Tăng-bảo ân-đức lớn. 122
Như Tôi đã nói bốn ân-nghĩa,
Là ân tạo ra ruộng phúc đời.
Hết thấy muôn vật từ đây sinh,

Nếu rời bốn ân không thể được.
Ví như các sắc-trần thế-gian,
Sinh được do nơi bốn ĐAI123 tạo.
Hữu-tình thế-gian cũng như thế,
Bởi bốn ân kia được an-lập.124

Khi ấy, Trí-Quang trưởng-giả cùng con ông v.v...nghe Phật nói về bốn ân lớn ấy, cho rằng được nghe sự chưa từng có bao giờ, hoan-hỷ chấp tay bạch Phật rằng: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đại-từ Thế-Tôn! Ngài đã vì những chúng-sinh tà-kiến không tin nhân-quả, không hiểu cha mẹ trong đời trọc-ác, nói chân diệu-pháp đem lại lợi-lạc cho thế-gian, nay kính xin đức Thế-Tôn nói thêm cho về nghĩa báo-ân. Chúng tôi đã ngộ được ý rất sâu của bốn ân nhưng, nay chúng tôi chưa biết tu nghiệp thiện gì để báo được ân ấy.

Đức Phật bảo ông Trưởng-giả: “Các thiện-nam-tử! Trước kia tôi đã vì năm trăm ông Trưởng-giả nói rộng về nghĩa ấy rồi, nay Tôi sẽ vì các ông nói qua chút ít phần mà thôi! Các thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào muốn được vô-thượng chính-đẳng chính-giác nên tinh siêng tu-hành mười pháp Ba-la-mật. Song, nếu còn “sở-đắc” vẫn chưa được gọi là “báo-ân”. Nếu người nào chỉ trong giây lát làm được một thiện-tâm “vô-sở-đắc” mới được gọi là “báo-ân”. Sở-dĩ thế là sao? Hết thầy Như-Lai tới “vô-sở-đắc” mới thành Phật-đạo, hóa-độ chúng-sinh. Nếu có thiện-nam-tử tịnh-tín nào được nghe kinh này, tín-giải, thụ-trì, giải-thuyết, viết chép, đem “vô-sở-đắc, tam luân thế không”125 riêng vì một người nói pháp bốn câu khiến họ trừ được tâm tà-kiến, xu-hướng đạo Bồ-đề, thế tức là báo tứ-ân. Sao vậy? Vì, người ấy sẽ được Vô-thượng Bồ-đề, triển-chuyển giáo-hóa cho vô-lượng chúng-sinh, khiến họ nhập Phật-đạo làm cho hạt giống Tam-bảo mãi không đoạn-tuyệt”.

Khi ông Trưởng-giả Trí-Quang nghe bài kệ ấy rồi được Nhẫn-nhục tam-muội, yếm-ly thế-gian, được bất thoái-chuyên. Cùng lúc đó, tám nghìn người, con và quyến-thuộc cũng được Tam-muội ấy và đều được tâm vô-đẳng-đẳng, vô-thượng chính-đẳng chính-giác; bốn vạn tám nghìn người khác cũng chứng được Tam-muội, xa lìa trần-cầu,126 được pháp-nhãn-tịnh.127

TOÁT-YẾU II.- PHẨM BÁO-ÂN

Khi đức Thế-Tôn từ chính-định dậy Ngài gọi Bồ-tát Di-Lặc bảo: “Quý hóa! Các ông cùng hết thầy đại-chúng vì muốn thân-cận Tôi, muốn nghe pháp xuất-thế, muốn suy-nghĩ như-như-lý, muốn tu-tập như-như-trí nên tới đây

cung-kính,cúng-dàng. Nay Tôi sẽ nói về diệu-pháp (Tâm-địa)), dắt-dẫn chúng-sinh chúng-nhập Phật-trí. Chúng-sinh chỉ xu-hướng về Bồ-đề của Nhị-thừa mà không thích diệu-quả thường-lạc của Đại-thừa. Song, Như-Lai chuyển-pháp-luân tùy bệnh cho thuốc, làm sao phải hợp hoàn-cảnh, hợp thời, hợp trình-độ, hợp pháp, khiến họ thoát khỏi được sự mê-chấp ấy!”

Lúc đó, có 500 ông Trưởng-giả ở thành Vương-xá thấy những ảnh-hiện khó làm ở nơi hào-quang của Phật và nghe đức Phật tán-thán về pháp-môn “Tâm-địa” của Đại-thừa, các ông ấy liền bạch Phật: “Hành-nguyện tu-hành của Bồ-tát không phải là sự “tri-ân, báo-ân” và phải tu lâu lắm mới tới nơi Bồ-đề được, không bằng tu về Thanh-văn, Duyên-giác chóng ngộ đạo và được là báo-ân!”

Đức Phật bảo các ông Trưởng-giả: “Ôn của thế-gian, xuất-thế-gian có bốn bậc: 1/ Ôn cha mẹ. 2/ Ôn chúng-sinh. 3/ Ôn Quốc-vương. 4/ Ôn Tam-bảo.

Ôn cha mẹ: Cha thuộc từ-ân, mẹ thuộc bi-ân. Bi-ân của mẹ dù nói một kiếp cũng không hết được. Vì sự vất-vả khó-nhọc, hy-sinh và thương nhớ con của mẹ từ khi có thai, khi sinh nở, trưởng-thành cho đến trọn đời, quá lớn-lao không kể xiết được. Ngay như sữa mẹ giúp con sinh-trưởng đến 180 học. Do nhân-duyên ấy nơi mẹ có mười thắng-đức. Thế nên, người con biết thừa-thuận cha mẹ, được chư Thiên hộ-niệm, được là dòng-giống của Thiên, Nhân tôn-quý và là Bồ-tát hóa-hiện độ-sinh. Kể sự báo ân cha mẹ vô cùng, nhưng nếu chỉ một niệm để tâm hiếu-thuận, đem chút ít vật nuôi nâng cha mẹ, công-đức ấy còn gấp trăm nghìn vạn phần công-đức cúng-dàng đầy-đu tứ sự và những thứ cao quý cho hàng trăm vị Đại-bà-la-môn, Đại-thần-tiên, bạn lành trong trăm nghìn kiếp.

Ôn chúng-sinh: Hết thấy chúng-sinh từ đời vô-thủy tới nay, đều là cha mẹ họ-hàng lẫn nhau. Hết thấy đàn ông là cha lành, hết thấy đàn bà là mẹ hiền. Đã là cha mẹ, là đã có ơn lớn. Đã có ơn lớn đương nhiên phải trả ơn ấy bằng cách phải làm lợi-ích lẫn nhau, không nên gây vọng-nghiệp, oán-hại, chấp-trước.

Ôn Quốc-vương: Quốc-vương là người đứng đầu việc cai-trị trong một nước. Người đứng đầu việc cai-trị này thành-thực vì chúng-sinh, đem chính-pháp hóa-trị nhân-dân, nhân-dân vui-vẻ, trong nước giàu thịnh, không bị ngoại xâm, nội loạn, ác-quỷ, tật-bệnh, đói thiếu, gió mưa quá thời, trái thời, nhật, nguyệt-thực và tinh-tú biến quái. Trái lại, thì nhân-dân đau khổ, trong nước bất an. Mỗi mỗi tâm-niệm, hành-động của người đứng đầu trong nước

đều có quan-hệ mật-thiết đến đời sống, tinh-thần, vận-mệnh của nhân-dân, của quốc-giới và mỗi mỗi tâm-niệm, hành-động của nhân-dân cũng vậy. Việc tu thiện được bảy phần phúc-lợi, người tu được năm phần, Quốc-vương được hai phần; Quốc-vương tu nhân lành nhân-dân cũng đồng hưởng. Do nhân-duyên ấy, Quốc-vương còn được gọi là “Thánh-vương, Thiên-chúa, Nhân-vương, Phúc-đức-vương, Chính-pháp-vương” và, cũng do đó Chính-pháp-vương có mười thắng-đức và được Thiên, Thiện-thần, nhân-dân ủng-hộ. Ân-đức của Chính-pháp-vương rộng lớn đối với nhân-dân như-thế, nhân-dân phải biết cung-kính tôn-trọng đền đáp lại.

On Tam-bảo: Tam-bảo là ba ngôi báu : Phật, Pháp, Tăng.

Phật-bảo: đầy-đủ ba thân:

1/- Tự-tính-thân (còn gọi là pháp-thân) có Đại-đoạn-đức.

2/- Thụ-dụng-thân (còn gọi là báo-thân) có Đại-trí-đức. Thụ-dụng-thân có 2 tướng: Tự-thụ-dụng-thân và tha-thụ-dụng-thân. Tự-thụ-dụng-thân do tu muôn hạnh, thành-tựu 4 trí cùng hết thấy các pháp công-đức, được căn-tướng trang-nghiêm. Tha-thụ-dụng-thân là thân của Như-Lai có đầy-đủ các tướng tốt ở nơi chân tịnh-độ, nói pháp Nhất-thừa cho các hàng Bồ-tát được lợi-lạc trong chính-pháp vi-diệu. Ở nơi Thập-địa, Như-Lai hóa-hiện ra mười tha-thụ-dụng-thân. Và, còn hóa-hiện độ cho Duyên-giác, Thanh-văn cùng các chúng-sinh khác.

3/- Biến-hóa-thân có Đại-ân-đức, ứng hiện thân-hình hóa-độ các bậc Thánh, phàm.

Phật-bảo có nhiều ân-đức rộng lớn như thế nên có đầy-đủ 10 hiệu và 6 công-đức vi-diệu.

Tới đây đức Phật dạy tiếp: “Sở-dĩ chư Phật hóa-hiện nhiều thân mà có chúng-sinh không được gặp là vì do chúng-sinh tạo nhiều nghiệp ác, tội-căn sâu nặng, cũng như người mù không trông thấy mặt trời vậy!”

Pháp-bảo: Pháp-bảo vô-lượng nghĩa nhưng, chia làm 4 loại: giáo-pháp, lý-pháp, hành-pháp và quả-pháp.

Pháp-bảo là phương-pháp dẫn-dắt chúng-sinh ra khỏi bể sinh-tử đến bờ Niết-bàn. Pháp-bảo là thầy chư Phật. Pháp-bảo như kim-cương, như mặt trời, như ngọc Ma-ni, như tiếng trống cõi trời, như thềm báu, như thuyền

lớn, như Chuyên-luân-vương, như y-phục đẹp, như giáp-trụ bền, như gươm trí-tuệ, như xe báu, như đèn sáng, như binh-khí, như đạo-sư.

Chư Phật trong ba đời nói ra diệu-pháp bất-tư-nghị ấy làm cho chúng-sinh giác-ngộ, nên Pháp-bảo có ân-đức bất-tư-nghị.

Tăng-bảo: Trong sự tu-hành, hóa-độ, thế-gian xuất-thế-gian có ba hạng Tăng:

1/- Bồ-tát-tăng: Các vị tu lục-độ, vạn hạnh như Bồ-tát Di-Lặc, Văn-Thù v.v...

2/- Thanh-văn-tăng: Các vị tu tứ-đế chứng Thánh-đạo như ông Xá-ly-phất v.v...

3/- Phạm-phu-tăng: Các vị chân-thiện phạm-phu được biệt-giải-thoát-giới và những vị đầy-đủ chính-kiến đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh.

Ba hạng Tăng trên được gọi là “Chân-phúc-điền-tăng”.

Còn một hạng nữa là Phúc-điền-tăng. Phúc-điền-tăng là những vị có tâm tín-kính Tam-bảo, thâm-tín nhân-quả, thường phát thiện-nguyện, đầy-đủ chính-kiến, mặc dù những vị ấy có hủ giới cấm.

Tất cả các hạng Thánh, phạm Tăng-bảo trên luôn luôn đem lại sự lợi-ích cho chúng-sinh, nên có ân-đức lớn đối với chúng-sinh. Phật, pháp, Tăng được gọi là Bảo vì có mười nghĩa: bền chắc, không nhơ, cho vui, khó gặp, phá nghèo, uy-đức, mãn-nguyện, trang-nghiêm, tốt diệu và bất biến.

Nay muốn trả bốn ơn lớn-lao ấy cần phải tu-hành đầy-đủ ba bậc: danh-tự, thân-cận, chân-thực trong mười pháp Ba-la-mật-đa: 1/ Bồ-thí. 2/ Trì-giới. 3/ Nhẫn-nhục. 4/ Tinh-tiến. 5/ Thiền-định. 6/ Bát-nhã. 7/ Phương-tiện. 8/ Nguyện. 9/ Lực. 10/ Trí.

Khi nghe đức Phật nói về sự tri-ân, báo-ân rồi, các ông Trưởng-giả cùng vô số chúng-sinh phát-tâm Bồ-đề và trong đó có nhiều người chứng được đạo-quả.

Đức Phật kết-khuyến: “Sau đây nếu ai thụ-trì, đọc tập, giải-thuyết, viết chép và truyền-bá phẩm báo-ân này, hiện-tại được chư Thiên vệ-hộ, mạnh-khỏe,

sống lâu, phúc-tuệ thêm lên, đương-lai được sinh trong hội Long-Hoa của đức Di-Lặc và sẽ được thành Phật”.

Sau đó đức Phật lại giảng lại ý-nghĩa tri-ân, báo-ân như trên bằng lời kệ, thể theo lời thỉnh-cầu của ông Trưởng-giả Trí-Quang ở nước Tăng-trưởng phúc. Sở-dĩ có sự giảng lại như thế vì ông Trí-Quang muốn giác-ngộ cho người con ác nghịch của ông.

Kết-quả cuộc thuyết-pháp về sự báo-ân lần thứ hai này ông Trưởng-giả Trí-Quang cùng quyến-thuộc đều được Nhẫn-nhục tam-muội, phát tâm vô-thượng bất thoái-chuyển và những người khác cũng chứng được Tam-muội, xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

1 Báo-ân: Những người có ơn đức với mình, mình tận-tâm, chí-lực đền đáp lại.

2 Di-Lặc: Tiếng Phạm gọi là “Mai-đê-lê” (Maitrya) Tàu dịch nghĩa là “Từ-Thị”. “Di-Lặc” là tên họ, chính tên là “A-dật-đa” (Adjita), Tàu dịch nghĩa là “Vô-năng-thắng”. Ngài sinh trong họ Bà-la-môn, thuộc Nam-Ấn-độ. Ngài là vị Bồ-xứ Bồ-tát, nối Phật Thích-Ca làm Giáo-chủ cõi Sa-bà sau này.

3 Như-như-lý, như-như trí: “Như-như”: lý-thể của pháp-tính bình-đẳng không hai, nên gọi là “như” và các pháp này, nọ đều “như”, nên gọi là “như-như”, là chính-trí hợp với lý-thể. Đại-thừa Nghĩa-chương nói: “Như-như là chính-trí hợp với lý-thể: thể của các pháp đồng, nên gọi là “như”. Trong “nhất-như”, thể của nó đầy-đủ trong pháp-giới Hằng-sa Phật-pháp, tùy pháp phân-biệt “như”, thời nghĩa “như” chẳng phải một, mà này, nọ đều “như”, nên gọi là “như-như”. “Như” không hư-vọng, nên trong kinh cũng gọi là “Chân-như”. “Như-như-lý” là lý thể như-như. “Như-như-trí” là trí-tuệ hợp lý-thể như-như.

4 Tương-ứng: Có nghĩa là khế-hợp với nhau.

5 Bất-cộng : Công-đức của Phật không cộng đồng với các hàng Nhị-thừa, Bồ-tát nên gọi là “bất-cộng”. Theo trong kinh thời đức bất-cộng của Phật có 18 pháp: 1/ Thân không làm. 2/ Miệng không làm. 3/ Niệm không làm. 4/ Không có tưởng khác. 5/ Không có cái gì là không định tâm. 6/ Không có

cái gì là không biết xả. 7/ Lòng mong muốn độ-sinh không diệt (chữ “diệt” có chỗ lại in là chữ “giảm”). 8/ Tinh-tiến không diệt. 9/ Niệm không diệt. 10/ Tuệ không diệt. 11/ Giải-thoát không diệt. 12/ Giải-thoát tri-kiến không diệt. 13/ Hết thấy nghiệp thân làm theo trí-tuệ. 14/ Hết thấy nghiệp khẩu làm theo trí-tuệ. 15/ Hết thấy nghiệp ý làm theo trí-tuệ. 16/ Trí-tuệ biết được đời quá-khứ không bị chướng-ngại. 17/ Trí-tuệ biết được đời vị-lai không bị chướng-ngại. 18/ Trí-tuệ biết được đời hiện-tại không bị chướng-ngại.

6 Đoạn trên từ câu “Bấy giờ, đức Thế-Tôn...” đến chỗ “chính-giác” là đức Phật khen các Bồ-tát tới nghe pháp và Ngài nói Ngài sẽ thuyết về diệu-pháp Tâm-địa. Ngài than chúng-sinh không biết hướng về Đại-thừa. Song, nếu ai biết, nghe qua diệu-pháp này sau sẽ thành Phật.

7 Tư-lương: “Tư” là tư-trợ (giúp-đỡ), “lương” là lương-thực. Như người đi xa phải nhờ lương-thực giúp đỡ thân mình. Người tu-hành muốn chứng quả Tam-thừa, cần phải lấy công-đức thiện-căn làm lương-thực, để giúp-đỡ thân mình.

8 Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy...” đến chỗ “báo-ân” là nói về các ông Trưởng-giả nghe Phật nói về pháp-môn Tâm-địa của Đại-thừa khó quá không muốn, chỉ muốn tu về Nhị-thừa chóng và mới là báo-ân.

9 Đoạn trên từ chỗ “Đức Phật...” đến chỗ “gánh chịu”, đức Phật khen các ông Trưởng-giả và Ngài nói: thế-gian, xuất-thế-gian có 4 ơn.

10 Chiên-đàn (Candana): Tên một thứ gỗ thơm ở núi Ma-la-da, Nam Ấn-độ. Núi này hình đầu. trâu nên gọi là Ngưu-đầu. Có chỗ gọi là Ngưu-đầu chiên-đàn, Tàu dịch là “dữ-lạc” (cho vui), vì nó chữa được bệnh.

11 Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử ! Ôn cha mẹ...” cho đến chỗ “báo ơn phụ mẫu như thế!” đức Phật giải-thuyết rõ về ơn cha mẹ; nhất là ơn mẹ đối với con phải báo đáp lại.

12 Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử ! Ôn chúng-sinh...” cho đến đây, đức Phật nói rõ về chúng-sinh trong 3 đời đều là thân-thích với nhau, cần phải làm lợi-ích cho nhau.

13 Tám-nạn: Thấy Phật, nghe pháp có 8 chỗ chướng-nạn: 1/ Địa-ngục. 2/ Ngã-qui. 3/ Súc-sinh. 4/ Bắc Câu-lô-châu được hưởng quả-báo vui sướng thù-thắng, cho là không có khổ. 5/ Ở các cõi trời trường-thọ, an-ôn, cho là

không có khổ. 6/ Điếc, mù, câm, ngọng. 7/ Trí đời biện-thông. 8/ Sinh trong khoảng giữa đức Phật trước, đức Phật sau.

14 Ngũ-cốc: 5 giống thóc: lúa nếp, kê, đậu, lúa mì, lúa sạ.

15 Đoạn trên từ chỗ “Ôn quốc-vương....” “đến chỗ như thế!” đức Phật nói rõ phúc-đức và ảnh-hưởng sự cai trị của vị Nguyên-thủ chân-chính trong một nước rất lớn lao, cùng ảnh-hưởng về hành-động của người dân đối với quốc-gia cũng rất hệ-trọng.

16 Đoạn trên, nêu chung chỗ tu nhân và công-đức Tam-bảo đối với chúng-sinh.

17 Ba-thân: Chư Phật có 3 thân: 1/ Tự-tính-thân: thể-tính chân-như pháp-giới thanh-tịnh, bình-đẳng trong hết thầy pháp. Còn gọi là “Pháp-thân” là chân-thân của Phật đầy-đủ vô-lượng pháp-công-đức. 2/ Thụ-dụng-thân hay là “báo-thân”: Do tu nhiều công-đức được quả-báo sắc-thân thanh-tịnh, trang-nghiêm và được hưởng pháp-lạc rộng lớn nhiệm-mầu. 3/ Biến-hóa-thân: Do Phật-trí biến hóa nhiều thân, tùy theo căn-cơ chúng-sinh mà hóa-độ.

18 Đại-đoạn-đức: Đoạn-trừ hoàn-toàn hết thầy phiền-não; đầy-đủ vô-thượng Niết-bàn.

19 Nhị không : Hai thứ “không”, chia làm 5 loại:

A.- 1/ Nhân không (còn gọi là ngã-không, sinh-không): người và ta là không. 2/ Pháp-không: các pháp là không.

B.- 1/ Tính-không: pháp không có thực-tính. 2/ Tướng-không: pháp không có thực-tính chỉ có giả-tướng, tướng ấy chẳng phải thực.

C.- 1/ Đản-không: Tiểu-thừa chỉ cần thấy không. 2/ Bất đản không: Đại-thừa không những thấy không, mà cả cái thấy không cũng không.

D.- 1/ Nội không: Nội-thân là không. 2/ Ngoại-không: Khí-vật bên ngoài là không.

E.- 1/ Như-thực-không: thể chân-như, trong không có các vọng-nhiễm. 2/ Như-thực bất không: thể chân-như trong đủ hết thầy công-đức vô-lậu.

20 Toàn câu “Phật thân thứ nhất...” này nói: về tự-tính-thân, thể khắp pháp-giới, bình-đẳng thanh-tịnh, đoạn diệt hết thấy, nhân-không, pháp-không hiển-lộ, nên chư Phật chứng tự-tính-thân, là thể-nhập bình-đẳng.

21 Đại-trí-đức: Phá hoàn-toàn hết thấy sự mê-làm không biết ; đầy-đủ vô-thượng-giác.

22 Toàn câu “Phật thân thứ hai...” này nói: Báo-thân do trí-tuệ thành, thành với lẽ chân-thực, thường hằng, không dò-ri, không biến-đổi. Không biến-đổi, là thường-hằng, chân-thực, tức là không còn sự suy-lường về ngã-tính, mà đồng một ý trong chung cùng và bình-đẳng tất cả; nghĩa là Phật, Phật đều đồng.

23 Đại-ân-đức: Đầy-đủ hoàn-toàn tâm đại-bi, cứu giúp hết thấy chúng-sinh.

24 Toàn câu “Phật thân thứ ba...” này nói: chư Phật đồng một tâm đại-bi, đồng một sự độ-sinh, nên tùy cơ nhập-định, hiện thân-thông và thị-hiện thân-hình.

25 Hí-luận : Bàn đùa. Là ngôn-luận phi-lý, vô-nghĩa, là giả-danh không thực.

26 Toàn câu “tự-tính-thân...” này đại-ý nói : pháp-thể của nó không còn sinh-diệt, tạo-tác, không còn danh-ngôn giả đặt, không còn cục-hạn, mà nó là như-như và cùng khắp.

27 Tự-thụ-dụng thân: Thân do tu phúc-đức, trí-tuệ thành, tự được hưởng-thụ sự vui của pháp-vị trong cõi thực-báo trang-nghiêm.

28 Tha-thụ-dụng-thân: Đem tính-đức do quả-báo mình được, hiện ra 10 thân, làm cho các Bồ-tát Thập-địa được hưởng-thụ sự vui của pháp-vị.

29 Thập-địa-mãn-tâm: Thập-địa là: 1/ Hoan-hỷ-địa 2/ Ly-khổ-địa. 3/ Phát-quang-địa. 4/ Diệm-tuệ-địa. 5/ Nan-thắng-địa. 6/ Hiện-tiền-địa. 7/ Viễn-hành-địa. 8/ Bất-động-địa. 9/ Thiện-tuệ-địa. 10/ Pháp-vân-địa. Mười bậc này đều gọi là “địa”, vì thấu tóm các công-đức hữu-vi và vô-vi, dùng làm tự-tính, cùng làm chỗ nương tựa chắc-chắn hơn cả cho sự tu-hành, khiến hay sinh-trưởng, cho nên gọi là “địa”. Thập-địa mãn-tâm tức là ngôi Đẳng-giác.

30 Sắc-cứu-cánh-thiên: Tiếng Phạm gọi là A-ca-ni-tra thiên (Akanistha). Tên một cõi trời cao nhất trong 18 cõi của Sắc-giới.

31 Câu này ví-dụ cho địa-vị tối-cao của Bồ-tát.

32 Hậu-báo: Đây là nói quả-báo tối-hậu của Bồ-tát.

33 Sở-tri-chướng, phiền-não-chướng: Đây là hai chướng: 1/ Phiền-não-chướng: Nghiệp buộc chúng-sinh trong sinh-tử, do đó, làm chướng-ngại lý Niết-bàn tịch-tĩnh. 2/ Sở-tri-chướng: tham, sân, si... làm mê-ám, không hiểu biết được sự-tướng và thực-tính của các pháp, tức là làm chướng-ngại diệu-trí bồ-đề.

34 Đoạn trên, từ chỗ “chân-báo-thân...” đến chỗ “pháp-giới” là nói: do diệt-trừ hết phiền-não, thành diệu-quả, là được chân-báo-thân (tự-thụ-dụng-thân). Được chân báo-thân thời kể từ đó là đầu, nên gọi là “hữu thủy” nhưng, “vô chung”, nghĩa là sự sống lâu không cùng-tận. Và, từ khi được chân-báo-thân, chính-báo trang-nghiêm cùng khắp.

35 Pháp-lạc : Lấy pháp-vị làm vui tâm-thần gọi là “pháp-lạc”. Làm thiện, tích-đức, để tự vui cũng là “pháp-lạc”.

36 Dị-thục (Vipaka): Xưa dịch là “quả-báo”, nay dịch là “dị-thục”. Dị-thục là tên chung của quả-báo do y vào thiện, ác quá-khứ mà được. Và, nó có tính-chất quả khác nhân mà thành-thục, như thiện-nghiệp cảm lạc-quả, ác-nghiệp cảm ác-quả v.v... Theo Duy-thức thuật-ký thời “Dị-thục hoặc khác thời mà chín (dị thời nhi thục), biến khác mà chín (biến dị nhi thục), khác loại mà chín (dị loại nhi thục). Dị-thục-thức là tên riêng của thức thứ 8.

37 Chân-đế, tục-đế: “Chân-đế”: thực-nghĩa của chân-lý, là thực-nghĩa mà các bậc Thánh nhận thấy. Còn gọi là “không-đế” hay “thắng-nghĩa-đế”. “Tục-đế”: thực-nghĩa của việc thế-tục. Còn gọi là “giả-đế” hay “thế-đế”.

38 Đoạn trên từ chỗ “Một là”... đến chỗ “công-đức” là nói: do chuyển thức thứ 8 mà thành Đại-viên-kính trí. Nơi đây bao gồm bi, trí, chân, tục-đế, duy-trì căn-thân vô-lậu và làm chỗ y-chỉ cho hết thấy công-đức.

39 Ngã-kiến-thức: “Ngã-kiến” là “chấp-ngã”: thân tâm này do 5 uẩn giả-hợp, lại coi là “thường hằng”, đối với cái “phi-ngã-chấp”, chấp càn là “ngã” (ta), nên gọi là “ngã-kiến”. Ngã-kiến-thức tức là thức Mạt-na thứ 7. Thức này phân-biệt, chấp thức thứ 8 làm “ngã”. Thức này luôn luôn tương-ứng với si, kiến, mạn, ái nên gọi là “ngã-kiến-thức”. Chuyển thức này, nghĩa là trừ bỏ được chấp-ngã, thành “Bình-đẳng tính-trí”.

40 Phân-biệt-thức: Tức là Ý-thức thứ 6. Đối với 6 trần, các cảnh, thức này hay khởi ra sự phân biệt, gọi là “Phân-biệt-thức”. Chuyển thức này, nghĩa là bỏ được sự phân biệt, thành “Diệu-quán-sát-trí”.

41 Tự-tướng, cộng-tướng: Các pháp có hai tướng: Tướng riêng là “tự-tướng”, tướng chung là “cộng-tướng”. Tướng cục-hạn nơi tự-thể là “tự-tướng”; tướng thông cả với người gọi là “cộng-tướng”.

42 Đoạn trên, từ chỗ “Hai là...” đến chỗ “Nhu-Lai” là nói về chuyển thức thứ 7, thức 6 cùng 5 thức trước thành trí-tuệ; do 4 trí này thành 84.000 trí. Và, kết-thành cho rằng tự-thụ-dụng-thân có hết thảy các công-đức.

43 Nhất-thừa: Giáo-pháp duy-nhất để thành Phật. “Thừa” là cỗ xe, lấy ví-dụ cho giáo-pháp của Phật. Giáo-pháp hay chở người, đi đến bờ Niết-bàn, nên gọi là “Thừa”.

44 Ba mươi hai tướng: 1/ Lòng bàn chân bằng. 2/ Lòng bàn chân có nghìn vòng xoáy. 3/ Ngón tay thon dài. 4/ Tay chân mềm-mại. 5/ Tay, chân có màng lưới giao-tiếp. 6/ Gót chân đầy-đặn. 7/ Mu chân cao đẹp. 8/ Vết tròn lăm như con hươu. 9/ Tay dài quá gối. 10/ Dương-vật ẩn-tàng như dương-vật con ngựa. 11/ Minh cao lớn, từ chân đến đầu cao bao nhiêu, 2 tay duỗi ra cũng bằng ấy. 12/ Lỗ chân lông sinh sắc xanh. 13/ Lông trên mình chia xoáy hướng đều. 14/ Thân sắc vàng. 15/ Luôn luôn có hào-quang phóng xa một trượng. 16/ Da-dẻ mịn bóng. 17/Bảy nơi: 2 lòng bàn chân, 2 lòng bàn tay, 2 vai và đỉnh đầu đều đầy, bằng. 18/ Hai nách đầy-đặn. 19/ Thân uy-nghiêm như sư-tử. 20/ Thân hình đoan-chính. 21/ Vai tròn, đầy. 22/ Có 40 cái răng. 23/ Răng trắng, bằng và khít. 24/ Bốn răng nanh trắng sạch. 25/ Má đầy như má sư-tử. 26/ Nước tân-dịch trong cổ họng có thượng-vị. 27/ Lưỡi dài, rộng. 28/ Tiếng phạm-âm (thanh-tịnh) vang xa và sâu nhiệm. 29/ Con ngươi mắt xanh-biếc. 30/ Lông mi mắt cong dài, đẹp như lông mi mắt trâu. 31/ Khoảng giữa hai lông mày có tia hào-quang trắng. 32/ Đầu có nhục-kế (thịt nổi lên như búi tóc).

45 Tám mươi thứ tốt: 80 thứ (giống) tốt này y theo 32 tướng mà phân-biệt tử-mỹ ra: 1/ Vô-kiến-đỉnh (tướng nhục-kế cao không trông thấy được). 2/ Mũi cao không thấy lỗ. 3/ Lông mày như mặt trăng đầu tháng mới mọc. 4/ Vành tai rủ xuống. 5/ Minh dẫn chắc như lực-sĩ. 6/ Chỗ đầu xương giao nhau như vòng câu. 7/ Khi quay lại, nhất thời thân quay lại như voi quay lại. 8/ Khi đi, chân cách đất 4 tấc, mà đất vẫn có vân in xuống. 9/ Móng tay, chân mỏng, bóng và đỏ như đồng đỏ. 10/ Xương đầu gối dẫn, tròn và đẹp.

11/ Thân thanh-khiết. 12/ Thân mềm-mại. 13/ Thân không nghiêng-veo. 14/ Ngón tay tròn, thon, nhỏ. 15/ Vần ngón tay lặn khuất. 16/ Mạch sâu không nổi. 17/ Mắt cá chân không nổi. 18/ Thân bóng đẹp. 19/ Thân tự giữ được không xiên-xẹo. 20/ Thân đầy-đủ. 21/ Dung-nghi bị-túc. 22/ Dung-nghi đầy-đủ. 23/ Trụ-xú yên không động. 24/ Uy-đức chấn-động hết thảy. 25/ Hết thảy chúng-sinh thấy đều vui. 26/ Mặt không dài, lớn. 27/ Dung-mạo nghiêm-chỉnh, sắc không biến-đổi. 28/ Mặt tròn đầy. 29/ Môi sắc đỏ như quả Tần-bà. 30/ Tiếng nói vang xa, sâu-nhiệm. 31/ Rốn sâu, tròn, đẹp. 32/ Lông xoáy về bên hữu. 33/ Tay, chân đầy-đặn. 34/ Tay, chân như ý. 35/ Vần tay thẳng, rõ. 36/ Vần tay dài. 37/ Vần tay không đứt. 38/ Hết thảy chúng-sinh có ác-tâm trông thấy đều vui-mừng. 39/ Mặt rộng đẹp lạ. 40/ Mặt đầy-đặn, trong-trẻo như mặt trăng. 41/ Theo ý hòa-duyệt của chúng-sinh mà nói. 42/ Từ nơi lỗ chân lông tỏa ra hơi hương. 43/ Từ miệng tỏa ra mùi hương vô-thượng. 44/ Nghi-dung như sư-tử. 45/ Đi, ở như voi đầu đàn. 46/ Tướng đi như con ngan đầu đàn. 47/ Đầu như quả Ma-đà-na. 48/ Đầy-đủ hết thảy tiếng. 49/ Bốn răng nanh trắng nhọn. 50/ Lưỡi màu đỏ. 51/ Lưỡi mỏng. 52/ Lông màu đỏ. 53/ Lông mềm sạch. 54/ Mắt dài rộng. 55/ Đủ tướng tử-môn. 56/ Tay, chân trắng hồng như màu hoa sen. 57/ Rốn không lòi ra. 58/ Bụng không phình. 59/ Bụng nhỏ. 60/ Thân không rung-động, nghiêng-ngả. 61/ Thân trì-trọng. 62/ Thân to lớn. 63/ Thân cao. 64/ Tay chân mềm, sạch, tron bóng. 65/ Hào-quang bốn bên phóng ra xa một trượng. 66/ Ánh sáng soi cho thân đi. 67/ Cõi chúng-sinh bình-đẳng. 68/ Không khinh chúng-sinh. 69/ Theo giọng tiếng chúng-sinh, không thêm, không bớt. 70/ Thuyết-pháp không chấp trước. 71/ Thuyết-pháp theo tiếng nói của chúng-sinh. 72/ Cất giọng nói hợp tiếng chúng-sinh. 73/ Theo nhân-duyên thuyết-pháp lần-lượt. 74/ Hết thảy chúng-sinh xem dung-tướng mãi không hết. 75/ Xem không thấy chán và đủ. 76/ Tóc dài đẹp. 77/ Tóc không rối. 78/ Tóc cuộn đẹp. 79/ Màu tóc như ngọc xanh. 80/ Tay, chân coi đáng có đức.

46 Hàng-Tư-lương: Túc Tư-lương-vị là: Thập- trụ. Thập-hành và nửa phần trong Thập Hồi-hướng.

47 Tứ-thiện-căn: 4 thiện-căn (tức Gia hành-vị), là 4 môn thiện-định và là mãn-vị của Thập hồi-hướng: 1/ Noãn: hơi nóng, ví cho lửa trí-tuệ sắp phát-khởi. 2/ Đỉnh: ví như đỉnh núi có thể lên xuống. 3/ Nhẫn: nhẫn-tiền. 4/ Thê-đệ-nhất: pháp tối-thắng hơn đời.

48 Sáu Ba-la-mật: 1/ Đản-na (bố-thí) Ba-la-mật-đa (Dànapàramità). 2/ Thi-la (trì-giới) Ba-la-mật-đa (Silapàramità). 3/ Sà-n-đề (nhẫn-nhục) Ba-la-mật-đa (Ksantipàramità). 4/ Tì-lê-gia (tinh-tiến) Ba-la-mật-đa (Viriyapàramità). 5/

Thiền-na (thiền-định) Ba-la-mật-đa (Dhyànapàramità). 6/ Bát-nhã (tuệ) Ba-la-mật-đa (Prajnàpàramità).

49 Mười hai nhân duyên: 1/ Vô-minh. 2/ Hành. 3/ Thức. 4/ Danh-sắc. 5/ Lục-nhập. 6/ Xúc. 7/ Thọ. 8/ Ái. 9/ Thủ. 10/ Hữu. 11/ Sinh. 12/ Lão tử.

50 Tứ-đế: Khổ, tập, diệt, đạo.

51 Đây là mười hiệu của Phật :

1/ Như-Lai: (Đa đà a già đà: Tathàgata): Noi theo đạo như thực, thành ngôi chính-giác,

2/ Ứng-cúng (A-la-ha: Arhat): Ứng-thụ sự cúng-dàng của Nhân, Thiên.

3/ Chính-biến-tri (Tam miệu tam Phật-đà: Samya Ksambuddha): Chính thực biết khắp hết thấy mọi pháp.

4/ Minh-hành-túc (Bệ đa thứ la na tam bát na: Vidyàcaranampanna): Thực-hành đầy-đủ ba phép minh: a.- Túc-mệnh-minh: Biết tướng sinh-tử đời trước của thân mình và thân người. b.- Thiên-nhãn-minh: Biết tướng sinh-tử đời vị-lai của thân mình và thân người. c.- Lậu-tận-minh: Trí-tuệ biết khổ-tướng hiện-tại, dứt hết thấy phiền-não.

5/ Thiện-thệ (Tu-già-đà: Sugata): Nghĩa là “đi tốt”. Ý nói: dùng Nhất-thiết-trí làm xe, đi trên đường bát chính, rảo tới Niết-bàn.

6/ Thế-gian-giải (Lộ-già-bị: Lokavid): Hiểu rõ những sự thuộc hữu-tình và phi-tình ở thế-gian.

7/ Vô-thượng-sĩ (A-nốc-đa-la: Anuttara): Trong các pháp, Niết-bàn là hơn cả và, trong hết thấy chúng-sinh, Phật là vô-thượng.

8/ Điều-ngự trượng-phu: (Phú lâu sa năng miệu bà la đề: Puru-sa-dnmya-sàrathi): Phật tùy thời dùng lời hòa-dịu, tùy thời dùng lời khổ thiết...trông nom, điều-trị chúng-sinh, làm cho họ không trái đạo, mà đi vào thiện-đạo.

9/ Thiên-nhân-sư: (Xá đa đề bà ma nâu sa nã: Sastà-deavama-nusyànà): Phật là bậc Đạo-sư cõi Nhân, cõi Thiên, thường hay dạy bảo những sự nên làm.

10/ Phật, Thế-tôn (Phật-đà, Lô-ca-na-tha: Buddha-Locanatha): Phật nghĩa là người giác-ngộ, Thế-Tôn có nghĩa là được thế-gian tôn-trọng. Thế-Tôn còn có chỗ gọi là Bạc-già-phạm (Bhagavàn).

52 Đoạn trên , từ chỗ “Thiện-nam-tử!” (trang 38) đến chỗ “chứng Bò-đề” là nói về Tha-thụ-dụng-thân của Phật-bảo. Phật-bảo biến-hóa nhiều thân độ cho các Bò-tát Thập-địa, Nhị-thừa, Nhân, Thiên chóng được cứu-cánh Niết-bàn. Vì vậy, Phật-bảo có 10 hiệu, 6 công-đức vi-diệu. Và, sở-dĩ chúng-sinh không được thấy Phật-bảo, vì chúng-sinh tạo nhiều ác-nghiệp.

53 Thanh, danh, cú, văn: Là tiếng nói của Phật nói ra những giáo-pháp cao-siêu (vô-lậu) nhưng, phải dùng đến tên gọi, đặt thành từng câu và văn-tự để làm cửa hiển-lộ.

54 Bốn loại ma: 1/ Phiền-não ma (tham, sân, si). 2/ Ngũ-âm-ma (sắc, thụ, tưởng, hành, thức). 3/ Tử-ma (sự chết). Tha-hóa-tự-tại-thiên-ma.

55 Bảo-sở: Nơi có những ngọc báu. Đây ám-chỉ cho Nhất-thừa, Bò-đề, Niết-bàn.

56 Đoạn trên, từ chỗ “Các thiện-nam-tử!....” (trang 41) cho đến chỗ “không thể nghĩ, bàn được” là nói về Pháp-bảo. Pháp-bảo có: giáo, lý, hành, quả. Pháp-bảo là thầy chư Phật, là tất cả những cái đem lại lợi-ích an-vui cho chúng-sinh và tới chỗ giải-thoát.

57 Biệt-giải-thoát-giới: Là một trong ba thứ luật-nghi. Trong Dục-giới, y vào sự tác-pháp thụ các giới-pháp, giới-pháp ấy phát-sinh giới-thể, làm cho thân, khẩu ác-nghiệp được giải-thoát riêng-biệt.

58 Xá-ly (Sarira): Có chỗ gọi là “Thất-ly-la” hay “Thiệt-ly-la”. Có nghĩa là thân cốt của Phật. Xá-ly do vô-lượng công-đức lực-độ hợp thành, là do sự huân-tu của Giới, Định, Tuệ mà thành. Xá-ly có 3 hình sắc: sắc trắng là xá-ly bằng xương; sắc đen là xá-ly bằng tóc; sắc đỏ là xá-ly bằng thịt. Và, có 2 loại xá-ly: 1/ Toàn thân xá-ly: Như xá-ly Phật Đa-bảo (trong kinh Pháp-hoa). 2/ Toái-thân-xá-ly: Thân đốt vụn ra như thân đức Phật Thích-Ca. Lại có hai thứ nữa: 1/ Sinh-thân-xá-ly: Thân do tu Giới, Định, Tuệ mà thành, Như-Lai sau khi nhập-diệt lưu lại thân cốt, làm cho Nhân, Thiên được phúc-đức cúng-dàng mãi-mãi. 2/ Pháp thân-xá-ly: Tức là hết thầy kinh sách Đại, Tiểu-thừa.

59 Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử! Thế-gian...” (trang 42) đến chỗ “không thể nghĩ-bàn được”, đức Phật nói rõ về giới-đức của 3 hạng Chân-phúc-điền-tăng và một hạng Phúc-điền-tăng. Ai cúng-dàng 4 hạng Tăng ấy đều được phúc-đức vô-lượng.

60 Bể bất-tư-nghị: “Bất-tư-nghị”: hoặc là lý sâu-sa, huyền-diệu, hoặc là sự hiêm có lạ-lùng, không thể dùng tâm suy-nghĩ và không thể dùng lời bàn-bạc được. Đây nói Tam-bảo có nhiều sự, lý bất tư-nghị ấy nên gọi là “bể bất-tư-nghị”.

61 Bình Thiên đức: Cái bình hiện ra tất cả những thứ theo như tâm mong muốn, như ngọc Như-ý vậy. Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Tâm bồ-đề là bình Thiên-đức, cho đầy-đủ hết thấy sự mong muốn.”

62 Tám thứ gió: Còn gọi là 8 pháp. Có 8 pháp là chỗ yêu, ghét của thế-gian, nó hay thổi động tâm người, nên gọi là “tám thứ gió”: 1.- Lợi. 2.- Suy (kém, sút). 3.- Hủy (nói xấu). 4.- Dự (khen-ngợi). 5.- Xung (tâng bốc). 6.- Cơ (quở-trách). 7.- Khô. 8.- Lạc (vui).

63 Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ...” (trang 43) đến chỗ “như thế”, đức Phật nói: Phật, Pháp, Tăng có 10 nghĩa cao-quý, nên được gọi là “Bảo”. Vậy nên cần báo ân.

64 Ba bậc: Tức là danh-tự, thân-cận và chân-thực.

65 Nhẫn-nhục tam-muội: “Tam-muội” là chính-định; “Nhẫn” là nhẫn-khả (an-trụ), tức là y vào pháp-nghĩa của Như-Lai nói ra, nhẫn-khả nơi tâm được an-lạc. “Nhẫn-nhục tam-muội” là do sức định an-trụ nơi đạo-lý, tâm không rung-động mà được yên-vui.

Theo các kinh nói thì : Đẳng-giác Bồ-tát được Kim-cương-nhẫn (an-trụ kiên-cố như kim-cương). Bát-địa Bồ-tát được Vô-sinh-nhẫn (an-trụ nơi không-lý không sinh, diệt bất động). Địa-tiền Bồ-tát được Nhu-thuận-nhẫn (tâm nhu, trí thuận, không trái với thực-tướng). Sơ-địa Bồ-tát được Bất-khởi-nhẫn (an-trụ nơi không-lý không sinh, không khởi).

66 Bất thoái: Tiếng Phạm là A-tỳ-bát-chí (Aviniv-artan hay Avaiivartika), có nghĩa là công-đức, thiện-căn càng tăng-tiến mà không lui mất, lui chuyển vậy. Bất-thoái có 3 bậc: Vị-bất-thoái, hành-bất-thoái, niệ-m-bất-thoái.

67 Hội Long-hoa: Đức Di-Lặc sau đây thành Phật ở dưới cây Long-hoa trong vườn Hoa-Lâm, Ngài mở 3 pháp-hội độ hết chúng-sinh thượng, trung, hạ căn. Cây này cành hoa như đầu rồng nên gọi là “Long-Hoa”.

68 Chính-định-tụ: Có nghĩa là tu tập chính-định, quyết định chứng-ngộ.

69 Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy, năm trăm ông Trưởng-gia...” đến chỗ “Nhu-Lai”. Đức Phật bảo các ông Trưởng-giả muốn báo tứ-ân cần tu 3 bậc của 10 Ba-la-mật. Đại chúng nghe pháp chứng-ngộ. Và , ngài khuyên: Ai thụ-trì, tuyên-bá phẩm báo-ân này thời đời này, đời sau được nhiều lợi-ích.

Đến đây hết quyển thứ hai.

70 Do-tuần:(Yojma): Theo Thánh-giáo chép thời mỗi Do-tuần là 16 dặm, mỗi dặm 576 thước tây. Như thế mỗi Do-tuần chừng 9216 thước tây.

71 Tập-khí: Hơi-hương của sự huân-tập (vọng-hoặc), trong Đại-thừa chia ra làm 3 phần: Hiện-hành, chủng-tử và tập-khí. Đẹp hiện-hành, dứt chủng-tử nhưng còn phần hơi-hương của vọng-hoặc mà hiện ra tướng-trạng của vọng-hoặc, phần ấy là “tập-khí”.

72 140 đức bất cộng: Là: 32 tướng, 80 thứ tốt, 4 tịnh, 10 lực, 4 vô-úy, 3 niệm-xử, 3 bất-hộ, cùng đại-bi, thường bất-vong-thất (thường không quên mất chính-niệm), đoạn phiền-não-tập và nhất-thiết-trí. Đây là những đức-trí theo nơi Phật được đầy-đủ hoàn toàn mà các bậc khác không có đủ nên gọi là “bất cộng”.

73 Bát tự-tại: Tám nghĩa tự-tại... Còn gọi là “Bát đại tự-tại-ngã”: Niết-bàn có bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Đức “ngã” lấy tự-nhiên tự-tại làm nghĩa; tự-tại có 8 nghĩa nên gọi là “bát đại tự-tại-ngã”: 1.- Thị-hiện một thân làm nhiều thân. 2.- Thị-hiện thân như một hạt bụi, đầy khắp cõi Đại-thiên. 3.- Thân lớn nhưng cử-động nhẹ một cái cũng đến được nơi xa. 4.- Hiện thành nhiều loại mà thường thường ở trong một cõi. 5.- Các căn đều có tác dụng hỗ-tương. 6.- Được hết thấy các pháp nhưng tưởng như không có pháp nào. 7.- Nói nghĩa một bài kệ trải vô-lượng kiếp. 8.- Thân biến khắp mọi nơi cũng như hư-không.

Đoạn trên, từ chỗ “tôi-thắng...” tới chữ “cung” là những câu kệ tán-thán về thực-đức tự-chứng của Phật.

74 Năng nan: Có nghĩa là hay làm những việc khó làm.

75 Đại-hải-triều: Nước bể lớn lên, xuống đúng thời.

76 Thiên-cổ: Trống cõi trời.

77 Kiếp-hải: Kiếp số nhiều ví như nước bể.

78 Đại-tịch-thất: Nhà rất yên-lặng. Là chỉ cho nơi nhập-định. “Đại-tịch” có nghĩa là xa-lìa hết thấy sự tán-động, được tịch-tĩnh rốt-ráo.

79 Tam không: 3 lý không, tức là 3 môn giải-thoát: Không, vô-tướng, vô-nguyên (Xem chú-giải của Phạm-tạ, phần chú-giải số 53).

80 Đoạn trên, từ chỗ “Nhân, Thiên...” đến chỗ “phần nhỏ”, nói về quyền-đức hóa-tha của Phật.

81 Năm ác-trọc: Tức là ngũ-trọc ác-thế “Thế-gian có 5 thứ vẩn-đục, tệ-ác”:
1.- Kiếp-trọc: Thời-gian có 4 thứ ác-trọc sau. 2.- Kiến-trọc: Những tư-tưởng chấp trước, tà-vạy (như 5 lợi-sử). 3.- Phiền-não-trọc: Nhiều tham, sân, si, v.v... 4.- Chúng-sinh-trọc: Chúng-sinh nhiều khổ, ít vui. 5.- Mệnh-trọc: Thọ-mệnh ngắn-ngủi (chết non).

82 Đoạn trên, từ chỗ “thế-gian” đến chỗ “Bồ-đề-đạo” là nêu chung về bốn ân cần trả.

83 Lục thân: Sáu bậc thân-tình: Cha, mẹ, vợ, con, anh, em.

84 Đoạn trên, từ chỗ “từ phụ” tới chỗ “tu-học” đức Phật nhắc lại ân-đức phụ-mẫu cần phải trả.

85 Sáu thời: Sáng, trưa, chiều, chập tối, nửa đêm, gần sáng.

86 Túc-trụ-trí: Tức là Túc-mệnh-thông.

87 Bốn loại sinh: Loại sinh trứng, loại sinh con, loại sinh nơi âm-thấp và loại hóa-sinh.

88 Đoạn trên, từ chỗ “Chúng-sinh” đến chỗ “vô-thượng-đạo”, đức Phật nhắc lại ơn chúng-sinh cần phải trả.

89 Đoạn trên, từ chỗ “Mười phương” đến chỗ “vinh-lộ” là nhắc ân-đức của Quốc-vương đối với quốc-dân.

90 Ba tịnh-giới: 1.- Nhiếp luật-nghi-giới: giữ giới-luật. 2.- Nhiếp thiện-pháp-giới: tu hết thấy pháp lành. 3.- Nhiếp chúng-sinh giới hay Nhiêu-ích hữu-tình-giới: làm lợi-ích chúng-sinh.

91 Đoạn trên, từ chỗ “Trưởng-giả” tới chỗ “thân vua”, nói về nhân-quả của Quốc-vương.

92 Đoạn trên, từ chỗ “Nếu người” đến chỗ “làm vua” là biện-biệt về giới-phẩm.

93 Phủ-dục: Vỗ-về, nuôi-nấng.

94 Tam-tụ-giới: Tức là “Ba tịnh-giới” đã chú-thích trong phẩm này số 90.

Đoạn trên, từ chỗ “Bởi vì” đến chỗ “tam-tụ-giới” là nêu rõ nhân, chỉ rõ quả.

95 Sám: Tức là “Sám-hối”. Sám tiếng Phạm gọi đủ là “sám-ma” (Ksamayati). Tàu dịch là “Hối-quá”, có nghĩa là tự mình bày-tỏ những lỗi-làm trước, ăn-năn từ nay sửa-đổi và không dám phạm nữa. Sám-hối là hai chữ ghép chung của tiếng Phạm (Ấn-độ) và tiếng Hán mà thành.

96 Mười duyên: Tức là mười nghiệp thiện hay ác do thân, khẩu, ý tạo ra.

97 Hiện-hành, chủng-tử: A-lại-gia thức có công-năng sinh hết thấy pháp gọi là “chủng-tử (hạt giống). Từ đây sinh ra các pháp của sắc, tâm gọi là “hiện-hành”: những hành-động hiển-hiện.

98 Tạng-thức: Tức là thức A-lại-gia thứ 8. “Tạng” có 3 nghĩa: năng-tạng, sở-tạng và ngã-ái-chấp-tạng. Tạng-thức gìn-giữ và liên-lạc với hết thấy hạt giống.

99 Tứ-thiên: 4 cõi thiên-định là Sơ, Nhị, Tam, Tứ-thiên. Tứ-thiên bao gồm 18 cõi trời thuộc Sắc-giới.

100 Đại-viên-kính Phật: Tức Đại-viên-kính-trí của Phật.

101 Đây nói về sự, lý sám-hối. Sự sám có hai: 1.- Tác-pháp-sám: Y-pháp, hương Phật-tiền sám-hối. 2.- Thủ-tướng-sám: Định-tâm vận-tướng sám-hối, thấy Phật xoa đầu hoặc thấy hào-quang. Lý-sám thuộc về “vô-sinh-sám”: Chính tâm, quán lý vô-sinh (không sinh diệt).

102 Sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

103 Sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

104 Hòa-thượng: Chính tiếng Phạm gọi là Ô-xã hay Hòa-xã, Hòa-xà (Khosha), Ngài La-Thập phiên nghĩa là “Lục-sinh”, có nghĩa là người đệ-tử y vào đây mà đạo-lực được sinh-trưởng. Hòa-thượng là một chức-vị thứ nhất trong đàn truyền giới cho các đệ-tử.

105 A-xà-lê: (Àcàtya): Tâu dịch là “Quỹ phạm chính-hạnh” có nghĩa là bậc thầy uốn-nắn ngay thẳng những hành-vi của đệ-tử, là bậc sư-phạm làm khuôn-mẫu cho người. A-xà-lê là 1 chức-vị thứ hai trong giới đàn.

106 Giáo-thụ-sư: Thầy dạy bảo và trao-truyền giới-pháp cho các đệ-tử. Giáo-thụ-sư là chức-vị thứ 3 trong giới-đàn.

107 Lương-túc-tôn: Các Thế-Tôn (Phật) đầy-đủ hai bề: phúc-đức và trí-tuệ.

108 Chứng-giới-sư: Các vị tôn-đức ngồi chứng-minh đàn truyền giới. Chứng-giới-sư có chỗ gọi là “Tôn-chứng-sư” là chức-vị thứ tư trong giới-đàn.

109 Ba chướng: Ba thứ làm chướng-ngại chính-đạo, tổn-hại thiện-tâm: 1.- Phiền-não-chướng: tham, sân, si, v.v... 2.- Nghiệp-chướng: tạo nghiệp ngũ-nghịch, thập-ác v.v... 3.- Báo-chướng: chịu khổ-báo trong ba đường dữ.

110 Tam (3) thân: Pháp-thân, báo-thân và hóa thân.

111 Đoạn trên, từ chỗ “Nếu muốn như pháp” đến chỗ “xuất-thế”, do trước Phật đã nói về nhân-quả của Quốc-vương, nên đây Ngài khuyên nên sám-tội, dạy pháp sám-hối được ích, bảo cho nghi-thức thụ-giới, nói rõ về giới-đức và Ngài khuyên nên thụ-trì giới.

112 Phật-nhật: Trí-tuệ của Phật soi thấu sự tăm-tối của thế-gian chúng-sinh cũng ví như mặt trời.

113 Như-lai-tạng: Có nghĩa là kho-tàng của tự-tính, vì hết thấy các pháp không ra ngoài tự-tính Như-Lai. Chân-như ở trong phiền-não là “Như-lai-tạng”; chân-như ra ngoài là “Pháp-thân”. Y vào phẩm Như-lai-tạng Phật tính luận thời Tạng có 3 nghĩa: 1.- Sở-nhiếp-nghĩa: Chân-như trong chúng-sinh hàm-tàng: hòa-hợp, bất hòa-hợp, nhiễm-pháp, tịnh-pháp tất cả đều nhiếp-

thuộc tính Như-Lai nên gọi là Như-Lai-tạng. 2.- Ân-phú-nghĩa: Chân-như khi ở trong phiền-não, bị phiền-não che-lấp, tính-đức Như-Lai không hiển-hiện được, nên gọi là “Như-Lai-tạng”. 3.- Năng-nhiếp-nghĩa: Chân-như trong phiền-não hàm-nhiếp hết thảy công-đức quả-địa của Như-Lai, nên gọi là “Như-lai-tạng”.

114 Ba thứ rèn, mài: (luyện-ma): 1/ Dẫn người đã chứng Đại-bồ-đề rèn mài tự-tâm, để đối-trị tâm thoái-khuất về đạo Bồ-đề rộng lớn. 2/ Xét kỹ ý muốn nơi mình, rèn mài tự-tâm, để đối-trị tâm thoái-khuất về muôn hạnh khó tu. 3/ Chỉ dẫn chỗ thô-thiện của người đem so-sánh với diệu-nhân của mình, rèn mài tự-tâm, để đối-trị tâm thoái-khuất về sự khó chứng được 2 diệu-quả chuyên-y (Bồ-đề, Niết-bàn).

115 Đoạn trên, từ chỗ “Tam-bảo thường-trụ” đến chỗ “Phật-đạo” là nói về tướng chung của Tam-bảo.

116 Tâm-hành-xú diệt: Nói đủ là “tâm-hành-xú diệt, ngôn-ngữ-đạo đoạn”. Là chân-lý cứu-cánh. Đường ngôn-ngữ dứt (ngôn-ngữ-đạo đoạn). Không thể ngôn-thuyết được; chỗ tâm-niệm diệt (tâm-hành-xú-diệt), không thể nhớ nghĩ được. Đó là cảnh-giới bất-khả tư-nghị.

117 Đoạn trên, từ chỗ “Các thiện-nam-tử” đến chỗ “bảo” là nhắc lại 3 thân của Phật-bảo.

118 Đoạn trên, từ chỗ “Ứng-hóa hai thân” đến chỗ “khó trả” là tán-dương công-đức của Pháp-bảo.

119 Nước tám công-đức: 1/ Trùng-tịnh: lặn, sạch. 2/ Thanh-lãnh: trong mát. 3/ Cam-mỹ: ngon-ngọt. 4/ Khinh-nhuận: dịu-dàng 5/ Nhuận-trạch: Thấm-nhuần. 6/ An-hòa. 7/ Khi uống khỏi đói-khát và khỏi vô-lượng tội-lỗi, tai-hoạn. 8/ Uống rồi quyết-định nuôi lớn các căn và thân tứ-đại thêm ích-lợi.

120 Mạt-pháp: Một trong 3 thời truyền pháp của Phật, sau khi Phật nhập-diệt: 1/ Phật nhập-diệt nhưng chính-pháp của Ngài không thay-đổi, có giáo-lý, có thực-hành, có người chứng chính-quả, là “chính-pháp-thời”. 2/ Chính-pháp dần sai, pháp-nghi, pháp-hành chân-chính không thực-hành, chỉ còn tương-tự, theo mà không chứng quả được là “Tượng-pháp-thời”. 3/ Chính-pháp bị suy-vi, chuyển-biến; có giáo-lý nhưng không thực-hành không chứng quả, là “Mạt-pháp-thời”.

121 Uất-kim-hoa: Tên một thứ cây chính tiếng Phạm gọi là Cung-củ-ma (Kunkumam). Cây này hoa vàng mà thơm, khả-dĩ dùng làm huân-hương.

122 Đoạn trên, từ chỗ “Trưởng-giả Trí-Quang” đến chỗ “ân-đức lớn” là nói về ân-đức Thánh, phạm Tăng

123 Bốn đại: Đất (chất dẫn), nước (chất lỏng), gió (chất hơi), lửa (chất nóng).

124 Tám câu trên là tổng-kết về 4 ơn.

125 Tam-luân thể-không: Cũng như Tam-luân-không.

126 Trần-cầu: Tiếng gọi chung cho phiền-não.

127 Pháp-nhãn-tịnh: Nghĩa là thấy chân-lý bằng cách rõ-ràng.

Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy” đến chỗ “pháp-nhãn-tịnh”, đức Phật nói về cách báo-ân và sự chứng-ngộ của đại-chúng nghe pháp.

Đến đây hết quyển ba.

III.- PHẨM YẾM-XẢ[1]

Bấy giờ, Trưởng-giả Trí-Quang nhờ uy-thần của Phật liền từ tòa đứng dậy đĩnh-lễ xuống chân Phật, cung-kính chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Tôi nay theo Phật, nghe được diệu-pháp báo ân rất sâu ấy, trong lòng hớn-hở, cho rằng được sự chưa từng có bao giờ, như người đang đói khát gặp được món ăn Cam-lộ. Tôi nay mong muốn đền trả bốn ân, theo Phật, Pháp, Tăng xuất-gia tu đạo, thường siêng tinh-tiến mong chứng Bồ-đề!”.

“Phật đại-từ-bi, trong một thời tại thành Tỳ-xá-ly (Vaisàli) vì ông Vô-cấu-xung (Duy-ma-cật) nói pháp rất sâu rằng: “Ông Vô-cấu-xung! Lấy tâm thanh-tịnh làm gốc thiện-nghiệp, lấy tâm bất-thiện làm gốc ác-nghiệp. Tâm thanh-tịnh thế-giới thanh-tịnh, tâm tạp-uế, thế-giới tạp-uế. Trong Phật-pháp của Tôi lấy tâm làm chủ. Hết thấy mọi pháp đều do tâm. Nay ông là người tại-gia có phúc-đức lớn, mọi thứ châu báu chuỗi ngọc không gì không đầy đủ; họ hàng trai, gái an-ổn khoái-lạc, lại thành-tự chính-kiến, không báng Tam-bảo, biết đem tâm hiếu-dưỡng cung-kính tôn-thân, khởi tâm đại-từ-bi cấp cho kẻ cô-độc và cho đến sâu-kiến ông cũng không làm hại. Ông lấy

nhẫn-nhục làm áo mặc, từ-bi làm nhà ở, tôn-kính bậc có đức, tâm không kiêu-mạn. Ông thương xót hết thầy cũng như con đò. Ông không tham tài-lợi, thường tu thiện-xả, cúng-dàng Tam-bảo tâm không biết chán, đủ vì pháp bỏ mình, ông không sèn-tiếc. Người bạch-y (tại-gia) như thế tuy không xuất-gia nhưng, đã đầy-đủ vô-lượng, vô-biên công-đức. Đời sau ông đầy-đủ muôn hạnh, vượt trên ba cõi chúng Đại-bồ-đề. Tâm sở-tu của ông tức là Chân-sa-môn, cũng là Bà-la-môn, là Chân-Tỷ-khuru, là chân xuất-gia. Người như thế, là “tại-gia xuất-gia”.

Hoặc có một thời, Thế-Tôn ở nơi Ca-lan-đà trúc-lâm (Kàrandavenuvana) tinh-xá, vì lục-quần Tỷ-khuru ác-tính[2] nói pháp giáo-giới mà bảo họ rằng:

“Các ông Tỷ-khuru! Các ông nghe cho kỹ! nghe cho kỹ! vào bể Phật-pháp “tín” là căn-bản, qua sông sinh-tử “giới” là thuyền-bè. Nếu người xuất-gia không giữ giới cấm, tham-trước khoái-lạc ở đời, hủy giới quý báu của Phật, hoặc mất chính-kiến vào rừng tà-kiến, dẫn vô-lượng người rơi xuống hố sâu lớn. Tỷ-khuru như thế không gọi là xuất-gia, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, hình tựa Sa-môn, tâm thường tại-gia, Sa-môn như thế không có hạnh viển-ly (xa-lìa). Hạnh viển-ly có hai thứ: Một là, thân viển-ly. Hai là, tâm viển-ly. Thân viển-ly, như người xuất-gia thân ở nơi không-nhàn (thanh vắng) không nhiễm dục-cảnh là “thân viển-ly”. Thân tuy xa lìa thế-tục nhưng, tâm tham dục-cảnh, người như thế không gọi là viển-ly được. Như tịnh-tín-nam và tịnh-tín-nữ, thân ở nơi làng xóm, phát tâm vô-thượng lấy tâm đại-từ-bi đem lại lợi-ích cho hết thầy, tu hành như thế là “chân-viển-ly”. Lúc đó, lục-quần Tỷ-khuru ác-tính nghe pháp-âm ấy được “Nhu-thuận-nhẫn”.

Nay chúng tôi tuy tin lời Phật nói nhưng, đều còn có tâm hoài-nghi, ý chưa quyết-định. Lành thay Thế-Tôn! Ngài hay cắt đứt hết thầy sự ngờ-vực của thế-gian! Ngài là bậc ở nơi hết thầy pháp được tự-tại! Ngài là bậc có lời nói chân-thực, lời nói duy nhất không hai! Ngài là bậc biết đạo, là bậc mở đạo! Vậy, kính xin Như-Lai vì bọn chúng tôi cùng hết thầy chúng-sinh đời mai sau Ngài bỏ phương-tiện mà nói pháp chân-thực, làm cho chúng tôi bỏ hẳn được sự ngờ-vực, hối-hận, mà vào được Phật-đạo.

Nay trong hội này có hai hàng Bồ-tát: Một là, Bồ-tát xuất-gia. Hai là, Bồ-tát tại-gia. Hai hàng Bồ-tát ấy đều khéo đem lại sự lợi-lạc cho hết thầy chúng-sinh, không dừng nghỉ. Như tôi suy nghĩ: Bồ-tát xuất-gia không bằng người tại-gia tu hành Bồ-tát. Sở-dĩ thế là sao? Xưa có Kim-luân thánh-vương phát tâm vô-thượng chính-đăng, chính-giác, chán ngán sự vô-thượng, khổ, không

của thế-gian, bỏ ngôi Luân-vương như nhỏ bỏ nước mũi, nước bọt, thanh-tĩnh xuất-gia vào trong đạo Phật. Khi ấy, tám vạn bốn nghìn phu-nhân, thể-nữ nơi hậu-cung thấy nhà vua xuất-gia đều mang lòng luyến-mộ, tâm sinh rạo-rực bức-não quá, khởi ra sự đau khổ trong tình ái-biệt-ly, như là bị khổ nơi địa-ngục. Kim-luân Thánh-vương từ khi bắt đầu nhận ngôi vua cảm mến được các bảo-nữ cùng nghìn vương-tử và đại-thần quyến-thuộc. Nay nhà vua bỏ ngôi đi xuất-gia họ cùng đau lòng giữa tình ly-biệt, tiếng gào khóc của họ vang dậy bốn thiên-hạ. Những người quyến-thuộc ấy đều nói lên rằng: “Vua chúng tôi phúc-trí vô-lượng vô-biên, như thế nào mà nỡ bỏ chúng tôi đi xuất-gia! Thương thay! Khổ thay! Thế-giới rộng không! Từ nay trở đi chúng tôi không còn nơi nương-cậy!”

Nếu có tịnh-tín thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào quy Phật, Pháp, Tăng phát tâm Bồ-đề, lìa bỏ cha mẹ xuất-gia nhập đạo, cha mẹ thương-xót, ân-niêm tình thâm, sự bi-ai trong ly-biệt, cảm-động cả trời đất. Như cá vượt lên chỗ dẫu xe khô, lăn-lóc trên mặt đất, thời khổ ái-biệt-ly cũng như thế và như tâm họ-hàng của Kim-luân-vương kia không khác. Bồ tát xuất-gia đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, sao lại làm nhiều-hại cha mẹ, vợ con, khiến nhiều người chịu khổ-não quá như vậy? Bởi nhân-duyên ấy Bồ-tát xuất-gia không có từ-bi, không đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, thế nên không bằng Bồ-tát tại-gia đủ tâm đại-từ-bi, thương xót chúng-sinh làm lợi-ích hết thảy!”[3]

Lúc đó, đức Phật bảo Trưởng-giả Trí-Quang: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ông có tâm đại-từ-bi khuyến-thỉnh Tôi nói về sự hơn, kém của hai hàng Bồ-tát xuất-gia và tại-gia. Nay ông hỏi và cho rằng Bồ-tát xuất-gia không bằng tại-gia, nghĩa ấy không phải. Sở dĩ thế là sao? Bồ-tát xuất-gia hơn tại-gia vô-lượng vô-biên không thể lấy gì sánh ví được. Sao vậy? Bồ-tát xuất-gia dùng sức trí-tuệ chân-chính quán-sát tỷ-mỷ tại-gia có nhiều lỗi-lầm về sự không biết chán, đủ: Hết thảy nhà cửa thế-gian, trong đó tích góp nhiều bảo-vật mà vẫn chưa biết là đầy-đủ, cũng như bể cả dung-nhận hết thảy nước sông lớn, nhỏ nhưng, cũng chưa từng cho là đầy-đủ. Thiện-nam-tử! Phía Nam Hương-son, phía Bắc Tuyết-son có ao A-nôc,[4] bốn Đại-long-vương đều ở trong ấy và mỗi vị ở một góc: Long-vương ở góc Đông-nam là Bạch-tượng-đầu, Long-vương ở góc Tây-nam là Thủy-ngưu-đầu, Long-vương ở góc Tây-bắc là Sư-tử-đầu, Long-vương ở góc Đông-bắc là Đại-mã-đầu. Nước đều từ bốn góc ấy chảy ra bốn sông lớn: Một là, sông Căng-già (Gangà) nước sông này chảy đến chỗ nào loài bạch-tượng (voi trắng) theo đó sản-xuất. Hai là, sông Tín-độ (Sindhu) nước sông này chảy đến chỗ nào loài Thủy-ngưu (trâu nước) theo đó sản-xuất. Ba là, sông Phạ-sô (Vaksu) nước sông này chảy đến chỗ nào loài sư-tử theo đó sản-xuất. Bốn là, sông Tư-đà (Sità) nước sông

này chảy đến chỗ nào loài đại-mã (ngựa lớn) theo đó sản-xuất. Những sông lớn ấy trong mỗi một sông lại có năm trăm sông vừa vừa, trong mỗi sông vừa vừa ấy lại có vô-lượng sông nhỏ. Hết thủy những nước trong những sông lớn, vừa vừa, nhỏ ấy đều chảy vào bể cả. Song, bể cả ấy vẫn chưa từng cho là đầy-đủ. Chúng-sinh trong thế-gian có hết thủy nơi ở, nhà cửa cũng như thế. Họ gom góp các ngọc báu từ bốn phương đem lại đều để vào trong nhà ấy song, họ chưa từng cho là đầy-đủ. Cầu nhiều, tích góp nhiều tạo ra nhiều tội; vô-thường (chết) vụt đến, vụt bỏ nhà cũ đi, khi ấy chủ nhà tùy nghiệp chịu báo, trải vô lượng kiếp hoàn-toàn không có chỗ nào về cả !

Thiện-nam-tử! Đây nói về “nhà” tức là nói về cái thân năm UẨN, mà chủ căn nhà ấy là BẢN-THỨC của ông. Ai là người có trí-tuệ lại ưa căn nhà “hữu-vi” ấy! Chỉ có Bảo-cung BỒ-đề an-lạc, xa lìa lão, bệnh, tử, ưu-bi khổ-não mà thôi! Nếu những thiện-nam-tử... có căn-khí linh-lợi, tịnh-tín sâu dày, muốn độ cha mẹ, vợ con, họ-hàng để họ vào được nhà “vô-vi cam lộ”, thì nên quy Tam-bảo xuất-gia học đạo!”

Bấy giờ, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bồ-tát xuất-gia hơn tại-gia,
Tính-toán, thí-dụ không sánh kịp.
Tại-gia bức-bách như lao-ngục,
Muốn cầu giải-thoát rất là khó.
Xuất-gia thư-thái như hư-không,
Tự-tại, vô-vi khỏi ràng-buộc.
Xét kỹ tại-gia nhiều lỗi-lầm,
Tạo các tội-nghiệp không bờ bến.
Muru sống, cầu nhiều thường chẳng đủ,
Cũng như bể cả khó đầy đượ.
Long-vương ở trong ao A-nốc,
Bốn góc chảy ra bốn bể lớn;
Bao nước sông lớn, vừa vừa, nhỏ,
Ngày đêm tuôn chảy không ngừng tạm.
Song, bể cả kia chưa từng đủ,
Tham cầu nhà cửa cũng như thế!
Tại-gia khởi nhiều các nghiệp ác,
Chưa từng sám-tây cho trừ-diệt.
Không biết ái-niêm nguy-ngập thân,
Không biết mệnh theo móc sớm tan.
Sứ-giả Diễm-ma cùng giục gắt,

Vợ con, nhà cửa không theo được.
U-minh tâm-tối trong đêm dài,
Riêng đến cửa chết tùy nghiệp chịu.
Chư Phật xuất-hiện khởi thương-xót,
Muốn cho chúng-sinh chán thế-gian.
Ông nay đã được thân khó được,
Nên siêng tinh-tiến chớ phóng-dật!
Nhà cửa tại-gia rất đáng chán,
Nhà báu “không-tịch” khó nghĩ, bàn;
Rời hẳn bệnh-khổ và ưu-não,
Các người có trí quán-sát kỹ!
Tịnh-tín thiện-nam, nữ mai sau,
Muốn độ cha mẹ và quyến-thuộc;
Đề vào thành “vô-vi cam-lộ”,
Mong cầu xuất-gia tu diệu-đạo.
Tu-hành dần dần thành Chính-giác.
Sẽ quay vô-thượng đại-pháp-luân.[5]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia xem nhà cửa thế-gian cũng như đá lửa sinh lo, chán lắm. Sao vậy? - Ví như chút lửa có thể đốt cháy hết thảy cỏ cây..., nhà cửa thế-gian cũng như thế. Tâm tham muốn tìm cầu, giông-ruồi chạy khắp bốn phương, nếu có được gì thụ-dụng không đủ; trong hết thảy thời truy-cầu không chán và nếu không được gì tâm sinh nhiệt-não, ngày đêm càng truy-cầu thêm. Thế nên hết thảy nhà cửa thế-gian hay sinh ra vô-lượng lửa phiền-não, vì khởi tâm tham, thường không tri-túc (biết đủ). Của báu thế-gian cũng như cỏ cây, tâm tham-dục như nhà cửa thế-gian. Bởi nhân-duyên ấy, hết thảy chư Phật thường nói: “Ba cõi là nhà lửa”. Thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia hay quán như thế, chán lìa thế-gian là “Chân-xuất-gia”!

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bồ-tát xuất-gia xem nhà đời,
Cũng như chút lửa của thế-gian;
Hết thảy cỏ cây dần cháy hết,
Nhà đời, nên biết cũng như thế.
Chúng-sinh có nhiều những của báu,
Lại còn truy-cầu, thường không đủ.
Cầu không được khổ thường tại tâm,
Lửa lão, bệnh, tử không thời diệt.

Bởi nhân-duyên ấy các Thê-Tôn,
Nói rằng “ba cõi là nhà lửa”.
Nếu muốn vượt qua khổ ba cõi,
Nên tu phạm-hạnh làm Sa-môn.
Tam-muội thân-thông được hiện-tiền,
Tự-lợi, lợi-tha đều viên-mãn.[6]

Lại nữa, Thiện-nam-tử! Ưa muốn xuất-gia nên quán nhà cửa, như trong hang đá núi sâu có kho báu lớn. Ví như ông Trưởng-giả chỉ có một con, nhà ông rất giàu, của báu vô lượng, tôi trai tở gái, người hầu, voi, ngựa vô số. Trong thời sau này người cha chợt bị bệnh nặng, thầy hay thuốc tốt không sao cứu chữa được, ông Trưởng-giả tự biết mình không lâu nữa sẽ chết, liền gọi con lại bảo: “Phàm hết thầy của báu sở-hữu của ta, ta giao phó cho con, con cố gắng giữ-gìn đừng để mất mát!” Người cha giao-phó rồi liền mất.

Sau đó, con ông Trưởng-giả không thuận mệnh cha, tha hồ làm sự phóng-dật, gia-nghiệp hao tổn, của cải tan mất, tôi tở lại lần trốn không nương-tựa nữa. Khi ấy, tâm bà mẹ già mang sự lo buồn, sầu-não bị bệnh nặng rồi mất. Người con ấy bị nghèo cùng, không còn có chỗ nhờ cậy, liền vào nơi hang núi nhứt củi, hái quả bán đi mua cháo tự-cấp. Một thời kia, gặp mưa tuyết, người con ấy tạm thời vào trong hang đá nghỉ-ngơi. Trong hang ấy là chỗ Quốc vương xưa cất đồ thất-bảo, không ai biết cả, nay đã trải qua vài trăm nghìn năm, nơi đây vắng bặt bóng người lui tới.

Bấy giờ, người nghèo kia do nghiệp nhân-duyên, tình-cờ vào trong hang, thấy rất nhiều vàng, tâm vui-mừng quá cho rằng được sự chưa từng có bao giờ. Nhân đó, người ấy mới chia ra: Ngân này phần vàng để dựng cất nhà cửa, ngân này phần vàng là của để cưới vợ, phần này thuê tôi-tớ, phần này mua voi, ngựa, tùy tâm muốn gì đều được như ý. Đang khi trừ-tính như thế, có bọn giặc vì chạy đuổi con hươu đến trước hang, thấy người nghèo ấy đem vàng phân-phôi ra từng phần, liền bỏ không đuổi hươu nữa, mà giết người lấy vàng. Phàm-phu ngu-si cũng như thế, quá ham sự vui-sướng ở đời không thích xuất-ly. Hang đá núi sâu như nhà cửa của đời, vàng ngọc chôn dấu cũng như thiện-căn, Sứ-giả của Diêm-Ma-vương tức là bọn giặc. Theo nghiệp chịu báo sa-đọa trong ba đường ác, không nghe thấy tên hiệu cha mẹ, Tam-bảo và chôn mất cả thiện-căn. Bởi nhân-duyên ấy, người đời cần nên chán rời, phát tâm vô-thượng Đại-bồ-đề, xuất-gia tu đạo mong thành Diệu-giác.

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Ưu thích tại-gia, các Bồ-tát,
Xem-xét nhà cửa như kho báu.
Ví như Trưởng-giả có một con,
Nhà ông rất giàu nhiều cửa báu.
Tôi-tớ người hầu cùng xe ngựa,
Hết thầy cần dùng đều phong-túc.
Thời sau Trưởng-giả thân bị bệnh,
Thầy giỏi khắp đời đều khoanh tay.
Sắp mất, kêu gọi người thân-tộc,
Giao-phó gia-tài cho người con.
Dạy răn con giữ tâm hiếu-dưỡng,
Siêng việc hưởng-tự dùng đoạn-tuyệt.
Khi ấy người con trái mệnh cha,
Thả lỏng ngu-si, phóng-dật nhiều.
Mẹ già lo buồn thân đau-yếu,
Lại nhân ác-tử liền chết mất.
Quyến-thuộc lia xa không chỗ nương,
Nhặt củi đôi cháo làm thường-dụng.
Đến trong núi kia gặp phong-tuyết,
Vào trong hang đá tạm an-nghỉ.
Trong hang xưa dấu của quý-báu,
Đã trải lâu xa không người biết;
Tiền-phu gặp được kho vàng thực,
Mang lòng hớn-hở sinh hiềm có.
Tức thời phân-phôi kim-bảo ấy,
Tùy ý muốn gì đều dùng nó:
Hoặc để dựng nhà, hoặc cưới vợ,
Tôi-tớ, voi, ngựa và xe-cộ.
So tính mai sau không bỏ được,
Bọn giặc đuổi hươu chạy đến trước;
Là oán-gia kia khi hội-ngộ,
Liền giết người nghèo lấy vàng đi.
Chúng-sinh ngu-si cũng như thế,
Hang đá cũng như nhà cửa đời;
Chôn-dấu chân-kim ví thiện-căn,
Quý-sứ Diễm-ma như giặc cướp.
Bởi nhân-duyên ấy, các Phật-tử,[7]
Sớm đi xuất-gia tu thiện-phẩm.
Nên xem thân-mệnh như bọt nổi,
Cần tu Giới, Nhẫn Ba-la-mật.

Nên tới cây Bồ-đề thất-bảo,
Trên tòa Kim-cương chứng như-như.
Thường-trụ bất-diệt khó nghĩ, bàn,
Quay xe chính-pháp hóa mọi loài.[8]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Hết thấy nhà cửa sở-hữu của thế-gian, cũng như món ăn uống cam-lộ, lẫn-lộn thuốc độc. Ví như ông Trưởng-giả chỉ có một người con, căn-khí linh-lợi, thông-minh, trí-tuệ, thấu-suốt được Ca-lâu-la bí-mật quán-môn,[9] biết phương-tiện khéo-léo phân-biệt những thuốc độc, vì thế cha mẹ thương yêu, nhớ mền không gì sánh ví được. Bấy giờ, con ông Trưởng-giả vì có sự-duyên ra ngoài chợ chưa kịp về nhà, ở nhà cha mẹ cùng thân-tộc có việc vui-mừng đặt yến-tiệc, sắm-sửa đầy-đủ các món ăn uống cao-quý. Nhưng, lúc đó có kẻ thù-oán nào ngấm-ngâm đem thuốc độc bỏ vào trong thức ăn uống, không người nào hay biết. Khi ấy cha mẹ cũng không biết trong món ăn có thuốc độc lẫn-lộn, làm cho lớn, bé đều ăn phải món ăn lẫn thuốc độc ấy. Sau người con về tới, cha mẹ vui-mừng đưa cho con những món ăn-uống còn để phần. Con ông Trưởng-giả khi chưa dùng đến món ăn uống ấy, liền niệm Ca-lâu-la bí-mật quán-môn, biết ngay là trong món ăn có lẫn thuốc độc. Người con tuy biết là cha mẹ ăn lầm phải thuốc độc nhưng, không dám nói với cha mẹ là cha mẹ ăn lầm phải thuốc độc. Sở-dĩ thế là sao? - Vì, nếu cha mẹ biết là mình ăn phải thuốc độc, càng thêm phiền-muộn, não-loạn, độc-khí chóng phát, thời quyết làm cho người ta chóng chết. Người con mới đặt ra phương-tiện thưa cha mẹ rằng: “Con sở-dĩ chưa ăn món ăn uống này vì con phải đi ra chợ một chút, khi về con sẽ ăn. Sao vậy? - Vừa rồi con có mua được viên ngọc báu vô giá, con bỏ trong két quên chưa khóa”. Cha mẹ nghe con nói đến tên ngọc báu sinh tâm hoan-hỷ, mặc cho con đi. Người con bèn chạy vội đến nhà thầy thuốc giỏi, cầu thuốc hay là thuốc A-già-đà[10] giải độc. Được thuốc ấy rồi, người con chạy vội về nhà, lấy sữa (sữa), tô (sữa tốt) sao và đường, ba vị sắc chung rồi hòa với thuốc A-già-đà. Làm thuốc xong, người con mới thưa cha mẹ rằng: “Kính xin cha, mẹ uống nước cam-lộ này, đây là thuốc A-già-đà ở núi Tuyết. Sở-dĩ thế là sao? - Lúc nãy cha mẹ ăn lầm phải thuốc độc, con tạm đi ra ngoài một chút, bản-ý con chỉ vì cha mẹ cùng mọi người cầu được thuốc hay bất-tử này mà thôi”. Khi ấy tâm cha mẹ và mọi người rất vui-mừng, cho như là được sự chưa từng có bao giờ, liền uống ngay thuốc hay ấy, thổ hết các độc-khí, không bị chết và thân-mệnh được sống lâu.

Bồ-tát xuất-gia cũng thế, cha mẹ quá-khứ bị chìm-đắm trong sinh-tử, cha mẹ hiện-tại không thoát-ly được, thời sự sinh-tử trong mai sau khó dứt hết được và phiền-não hiện-tại khó dẹp trừ được. Bởi nhân-duyên ấy, vì muốn độ cho

cha mẹ và các chúng-sinh mạnh mẽ phát ra tâm đồng-thể đại-từ-bi[11] cầu đại-bồ-đề xuất-gia nhập đạo. Thiện-nam-tử! Thế gọi là nhà cửa thế-gian như thuốc độc lẫn-lộn trong món ăn ngon tốt”.

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Nhà cửa sở hữu của thế-gian,
Nói là thuốc độc lẫn mỹ-thực.
Ví như Trưởng-giả có một con,
Thông-minh, lợi-trí lại nhiều tài.
Khéo môn bí-mật: Ca-lâu-la,
Có phương-tiện khéo biết thuốc độc.
Con có sự-duyên ra ngoài chợ,
Tạm thời buôn bán chưa về nhà.
Cha mẹ yên vui hợp thân-thuộc,
Cỗ quý trăm mùi đều đầy-đủ.
Có một người ác mang thuốc độc,
Ngâm lại, bỏ vào món ăn uống.
Người con khi ấy không ở nhà,
Cha mẹ vì con lưu một phần.
Cả nhà ăn lầm thuốc tạp-độc,
Con niệm quán-môn biết có độc.
Liên chạy vội đến chỗ thầy thuốc,
Cầu được thuốc Già-đà bất-tử.
Ba vị hòa sắc, thuốc thành rồi,
Liên thừa thân-thuộc uống nhanh đi.
Uống thuốc như thế như cam-lộ,
Khỏi mọi tạp-độc đều an-lạc.
Hết thấy thiện-nam có lòng tin,
Xuất-gia tu đạo cũng như thế.
Vì cứu cha mẹ và chúng-sinh,
Uống phải thuốc độc của phiền-não.
Tâm cuồng điên đảo tạo mọi tội,
Chìm mãi trong bể sinh-tử buồn.
Cắt ái, từ thân vào đạo Phật,
Được gần Điều-ngự đại-y-vương;
Tu về vô-lậu A-già-đà,
Sinh lại nhà cha mẹ ba cõi.
Khiến uống thuốc pháp dứt ba chương,
Sẽ chứng vô thượng Bồ-đề-quả!

Hết thuở vị-lai thường chẳng diệt,
Làm chỗ quy-y độ chúng-sinh.
Rốt-ráo ở nơi Đại-Niết-bàn,
Và, viên-kính-trí Phật Bồ-đề.[12]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia thường quán hết thấy nhà cửa của thế-gian cũng như gió lớn không tạm dừng. Sao vậy? Thiện-nam-tử! Tâm tại-gia thường khởi vọng-tưởng chấp-trước ngoại-cảnh, không hiểu thực được sự mê mờ say đắm trong vô-minh và ngay đến xúc-cảnh điên-đảo cũng thường không trụ được. Ác-giác[13] dễ khởi, thiện-tâm khó sinh. Do vọng-tưởng duyên-khởi ra các phiền-não. Nhân các phiền-não tạo ra nghiệp thiện, ác. Và, y vào nghiệp thiện, ác ấy mà chiêu-cảm của báu trong năm thú. Cứ như thế, như thế sinh-tử không dứt. Chỉ có chính-kiến, tâm không điên-đảo, làm mọi nghiệp thiện, nhân ba thiện-căn[14] và lấy “tín”. tăng-trưởng cho hạt giống vô-lậu của các pháp ấy, phát khởi thần-thông vô-lậu tam-muội, thần-thông như thế, như thế là chứng Thánh-quả tương-tục. Nếu dẹp được vọng tưởng, tu-tập chính-quán thời hết thấy phiền-não hết hẳn không còn.[15]

Bấy giờ, Trưởng-giả Trí-Quang bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Tu-tập chính-quán có vô lượng môn, vậy tu những quán-môn nào mới dẹp được vọng-tưởng?”

Đức Thế-Tôn bảo ông Trưởng-giả: “Thiện-nam-tử! Cần nên tu-tập “Vô tướng chính-quán”[16] Quán “vô tướng” là dẹp được vọng-tưởng. Song, chỉ quán thực-tính chứ không cần thấy thực-tướng, vì thể của hết thấy pháp vốn không-tịch, không thấy, không biết thế gọi là “chính-quán”. Nếu có Phật-tử nào an-trụ nơi chính-niệm, quán-sát như thế, tu-tập “vô-vi” trong thời-gian dài, gió dữ của vọng-tưởng vắng-bặt không còn rung-động nữa, thời Thánh-trí do nơi quán-sát hiện-tiền mà chứng lý viên-thành. Thiện-nam-tử! Thế là Hiền-Thánh, thế là Bồ-tát, thế là Như-Lai vô thượng chính-đẳng chính-giác. Bởi nhân-duyên ấy, hết thấy Bồ-tát vì muốn dẹp vọng-tưởng mãi mãi không khởi lên nữa, vì muốn trả bốn ơn, thành-tựu bốn đức,[17] xuất-gia tu học, ngừng tâm vọng-tưởng, trái vô lượng kiếp thành-tựu Phật-đạo.[18]

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bồ-tát xuất-gia quán tại-gia,
Cũng như gió dữ không tạm dừng.
Cũng như chấp càn trăng trong nước,

So tính phân-biệt lấy làm thực.
Trong nước bản-lai không bóng trắng,
Nước tịnh là duyên thấy trắng thực.
Các pháp duyên-sinh đều là giả,
Phàm-ngu chấp càn cho là “ta”.
Cái ấy theo “duyên”, “pháp” không thực,
Vọng-tưởng phân-biệt chấp là có.
Nếu hay dứt trừ được hai chấp,
Sẽ chứng vô-thượng đại-bồ-đề.
Vọng-tưởng tình-phàm như hắc-phong,
Thôi rùng sinh-tử niệm niệm khởi,
Bốn quý điên-đảo[19] thường theo đuổi,
Khiến tạo năm thứ nhân vô-gián.[20]
Ba căn bất thiện hiện ràng-buộc,
Sinh-tử luân-hồi luôn nối nhau.
Nếu người nghe kinh tin, hiểu sâu,
Chính-kiến hay trừ tâm điên-đảo;
Hạt giống Bồ-đề niệm niệm sinh,
Đại-trí thân-thông tam-muội khởi.
Nếu tu-tập được diệu-quán sâu,
Hoặc, nghiệp, khổ-quả[21] đâu khởi được?
Chỉ quán thực-tướng chân-tính như,
Năng, sở[22] đều mất, bỏ mọi kiến.
Tính, tướng[23] nam, nữ bản-lai không,
Vọng chấp theo duyên sinh hai tướng.
Như-Lai dứt hẳn nhân vọng tưởng
Chân-tính vốn không nam, nữ-tướng.
Diệu-quả Bồ-đề chứng đều đồng,
Phàm-phu chấp càn sinh tướng khác.
Ba mươi hai tướng vốn phi-tướng,
Liễu-tướng, phi-tướng là thực-tướng.
Nếu người xuất-gia tu phạm-hạnh,
Nhiếp tâm tịch-tĩnh chốn không-nhàn;
Thế là Bồ-tát chân-tịnh-tâm,
Không lâu sẽ chứng Bồ-đề-quả.[24]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ngày đêm thường quán nhà cửa của thế-gian hết thấy đều là chỗ sinh ra phiền-não. Sao vậy? Như có một người xây nhà cửa, đem các bảo-vật mà tự trang-nghiêm cho căn nhà ấy. Dựng nhà xong, người ấy nghĩ rằng: “Nay nhà cửa này là vật sở-hữu của ta, không hệ-

thuộc vào người khác, chỉ có nhà cửa của ta là tốt đẹp hơn, nhà cửa người khác không sánh kịp được”. Do chấp trước như thế, sinh ra phiền-não; do phiền-não chấp “ngã, ngã-sở”[25] làm căn-bản, tám vạn bốn nghìn cửa trần-lao[26] cùng nhau đua khởi, đầy ních trong nhà. Sở dĩ thế là sao? Phàm-phu tại-gia tham-trước nhiều về năm dục, vợ con, họ hàng, tôi trai, tớ gái, người hầu đều đầy-đủ; bởi nhân-duyên ấy, sinh, lão, bệnh, tử, lo, buồn, khổ, não, oán ghét hợp-hội, ân-ái biệt-ly, nghèo cùng và mọi sự suy-vi cầu không được khổ. Các khổ như thế như bóng theo hình, như vang ứng tiếng, đời đời nối tiếp nhau luôn luôn không đoạn-tuyệt. Các khổ như thế đều có chỗ nguyên-nhân mà phiền-não lớn, nhỏ là căn-bản. Hết thấy của báu đều do sự tìm tòi mà được, nếu không có nhân trước thời không thể tìm tòi được và giả-sử có tìm tòi đi chẳng nữa cũng không được.

Thiện-nam-tử! Bởi vì nghĩa ấy, nên hết thấy phiền-não, tâm tìm tòi (truy-cầu) là gốc, nếu diệt được tâm tìm tòi ấy đi thời vô-lượng phiền-não đều dứt hết. Song, nay thân này là chỗ nương-tựa cho các khổ, những người có trí nên sinh tâm chán bỏ! Do đó, đức Phật Ca-Diếp đời quá-khứ vì các cảm-thú mà nói bài kệ rằng:

Thân này là gốc khổ,
Khổ khác là cành, lá;
Nếu đoạn được gốc khổ,
Các khổ đều trừ diệt.
Nghiệp xưa của các người,
Tạo tội tâm chẳng hối;
Cảm thân bất-khả-ái,
Chịu khổ-thân tạp-loại.
Nếu khởi tâm ân-trọng,
Một niệm cầu sám-hối;
Như lửa đốt núi chàm,
Các tội đều tiêu-diệt.
Thân này khổ, bất-tịnh.
Vô ngã[27] và vô thường;[28]
Các người đều phải nên,
Thực-tâm sinh chán, bỏ!

Lúc đó, vô-lượng cảm-thú nghe bài kệ ấy rồi, trong nhất niệm,[29] tâm chí-thành sám-hối, liền bỏ được ác-đạo sinh lên cõi trời thứ tư trong Dục-giới (Đâu-suất-thiên), phụng-sự vị Nhất-sinh bồ-xú Bồ-tát (Đức Di-Lặc), nghe pháp bất-thoái cứu-cánh Niết-bàn. Thiện-nam-tử! Bởi nhân-duyên ấy, nay

khổ-thân này cũng như nhà cửa, hết thấy phiền-não tức là chủ nhà. Thế nên, các tịnh-tín thiện-nam tử...phát tâm Bồ-đề, xuất-gia nhập đạo, quyết được giải-thoát hết thấy mọi khổ và đều sẽ thành-tựu vô-thượng chính-đẳng chính-giác.

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bồ-tát xuất-gia thường quán-sát,
Nhà cửa đời sinh các phiền-não.
Như có một người dựng nhà cửa,
Trang-hoàng bằng mọi thứ ngọc báu.
Tự nghĩ tráng-lệ không đâu bằng,
Không thuộc người khác, duy ta có;
Thợ khéo sửa-sang đẹp lạ-lùng,
Nhà cửa trên đời không đâu kịp.
Phân-biệt như thế sinh chấp-trước,
Lấy “ngã, ngã-sở” làm căn-bản;
Tám vạn bốn nghìn các phiền-não,
Làm ra tai-biến khắp nhà cửa.
Hết thấy nam, nữ ở trên đời,
Lục thân quyến-thuộc đều đầy-đủ;
Bởi nhân-duyên ấy sinh mọi khổ,
Tức là: sinh, lão và bệnh, tử.
Lo buồn, khổ, não thường theo đuổi,
Như bóng theo hình không tạm rời.
Sở-nhân các khổ: tham-dục sinh,
Nếu dứt tìm-tòi hết mọi khổ.
Thân này thường là gốc mọi khổ,
Cần tu chán, bỏ tới Bồ-đề.
Thân-tâm ba cõi như nhà cửa,
Chủ nhà: phiền-não ở tại trong;
Các ông nên phát Bồ-đề-tâm,
Liả bỏ phàm-phu ra ba cõi.[30]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia thường quán tại-gia cũng như nước lớn, có một ông Trưởng-giả gia-tư hào-phú, của báu vô-lượng, trong nhiều kiếp, nhân-duyên cha con nối tiếp nhau không dứt và chuyên tu các hạnh lành, nên được tiếng khen đồn xa. Những của báu sở-hữu của ông đại-trưởng-giả ấy đều chia làm bốn phần: Một phần của báu thường sinh lợi-tức để cung-cấp cho gia-nghiệp, một phần của báu để cung-cấp vào sự cần-dùng

đầy-đủ hàng ngày, một phần của báu huệ-thí cho những người cô-độc để tu vào việc phúc-đức mai sau, một phần của báu để cứu-giúp trong tôn-thân và khách-sá lui tới. Bốn phần như thế từng không có lúc nào đoạn-tuyệt, cha con cứ tiếp nối nhau làm gia-nghiệp trên đời. Nhưng, sau có một người con ngu-si, tệ-ác, quá ham năm đục-lạc, làm những sự phóng-dật bừa-bãi, trái lời dạy của cha mẹ và không y theo bốn sự-nghiệp trên. Nào dựng các nhà cửa, lầu quán bầy từng bội hơn thường-chế, trang-hoàng bằng mọi thứ châu-báu, đất lát lưu-ly, cửa sổ bằng ngọc báu, ánh sáng lồng nhau, nào đầu rồng, hình cá đều đầy-đủ cả, ngày đêm tiếng nhạc vi-diệu liên-miên không dứt. Người ấy hưởng-thụ năm đục-lạc như cỡi Đao-ly, bị quỷ-thần hiềm-ghét, người, trời tránh xa.

Một hôm, bỗng dung nhà hàng xóm bốc lửa, lửa dữ bùng-bùng, theo gió lan-tràn, đốt cháy hết cả kho-tàng và các lầu-đài. Lúc đó, con ông Trưởng-giả trông thấy lửa dữ như thế, khởi tâm giận-bực, vội bắt vợ con, tôi trai, tớ gái và họ-hàng vào cả nhà hai tầng, đóng kín cửa lầu gác lại; không ngờ do sự ngu-si ấy, nhất thời chết cả.

Phàm-phu tại-gia cũng thế. Người ngu ở đời như con ông Trưởng-giả; chư Phật, Như-Lai như ông Trưởng-giả. Không thuận theo lời Phật dạy, tạo các nghiệp ác, phải sa-đọa vào ba đường ác, chịu đại-khổ-não. Bởi nhân-duyên ấy, Bồ-tát xuất-gia thường quán tại-gia như con ông Trưởng-giả không thuận cha mẹ, bị lửa đốt cháy, vợ con đều chết. Thiện-nam-tử! Nên sinh tâm chán, bỏ những sự vui nơi thế-gian, Nhân, Thiên, tu hạnh thanh-tịnh, sẽ chứng Bồ-đề.

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bồ-tát xuất-gia quán tại-gia,
Cũng như Trưởng-giả sinh con ngu.
Nhà ông giàu có các cửa báu,
Nối tiếp lâu đời không thiếu thốn.
Gia-nghiệp đời trước truyền con cháu,
Hết thầy tư-sản chia bốn phần:
Thường tu thắng-hạnh không lỗi ác,
Tiếng khen lan khắp các quốc-độ.
Vàng, bạc, ngọc báu số vô-biên,
Lợi-tức xuất nhập khắp nước ngoài.
Từ-bi, hỷ-xả tâm không chán,
Huệ thí cô-bần thường chẳng dứt.

Rốt sau Trương-giả sinh một con,
Ngu-si, bất hiếu, không trí-tuệ;
Tuổi tác đã già gân, sức suy,
Gia tài trong, ngoài đều giao con.
Con trái mệnh cha làm bừa-bãi,
Không nối bốn nghiệp nhà sa-sút.
Cát lâu bảy tầng bằng trân-bảo,
Dùng lưu-ly biếc làm cửa sổ;
Đàn địch hát xướng luôn không dứt,
Thường lấy bất-thiện làm thầy tâm.
Hưởng năm đục-lạc như thiên-cung,
Hết thấy Long-thần đều xa tránh.
Nhà bên bỗng dung hỏa-tai dấy,
Lửa dữ theo gió khó cầm đợc.
Kho-tàng, của báu và vợ con,
Nhà cửa, từng lầu đều cháy hết.
Tích ác, tai-ương đến diệt thân,
Vợ con, họ-hàng đồng chết cả.
Tam thế chư Phật như Trương-giả,
Hết thấy phạm-phu là ngu-tử;
Không tu chính-đạo dấy tâm tà,
Mệnh mắt sa vào các ác-thú.
Nhiều kiếp riêng chịu khổ đốt cháy,
Lần-lữa như thế không kỳ hết.
Phật-tử tại-gia, ông nên biết!
Không tham vui đời, siêng tu chứng.
Chán đời, xuất-gia tu phạm-hạnh,
Núi rừng vắng-lặng bỏ mọi duyên.
Vì trả bốn ơn tu thắng-đức,
Làm ngôi Pháp-vương trong ba cõi;
Độ sinh đến hết thuở vị-lai,
Là bạn không mời,[31] thường thuyết-pháp.
Ngăn hẳn dòng “ái”, lên bờ kia,[32]
Ở trong thành Niết-bàn thanh-tịnh.[33]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia quán hết thấy nhà cửa của thế-gian cũng như mộng lớn. Ví như ông Trương-giả có một đồng-nữ mới mười lăm tuổi, dung-nhan đoan-chính, xinh đẹp lạ-lùng. Một hôm cha mẹ ở trên lầu ba tầng, đem con gái yêu của mình lên, cùng hưởng coi những sự vui-vẻ. Đêm, mẹ con cùng ngủ chung trên một giường quý và cùng nhau ngủ yên cả.

Trong khi ngủ, đồng-nữ chiêm-bao thấy cha mẹ cho về nhà chồng; vợ chồng lấy nhau trải qua nhiều năm, sinh được một người con dung-nhan đoan-chính, xinh đẹp lạ lùng và có tướng thông-minh trí-tuệ. Hàng ngày nhờ ơn nuôi nấng, dần dần người con ấy biết đi. Một hôm, trên lầu cao không may nó trượt chân từ trên cao rơi xuống, rơi chưa xuống đến đất, bỗng dừng có một con hổ đói đứng đỡ lấy ăn thịt. Đồng-nữ thấy thế, kinh sợ quá, cất tiếng gào khóc, liền tỉnh mộng. Bấy giờ cha mẹ hỏi con rằng: “Bởi nhân-duyên gì, bỗng dừng con kinh sợ vậy?” Người con gái thẹn không chịu nói. Người mẹ ân-cần hỏi gạn mãi, người con gái mới nói thắm với mẹ về việc chiêm-bao như trên.

Thiện-nam-tử! Thế-gian là nhà cửa sinh-tử hữu-vi, nên phải ở mãi trong luân-hồi, nghĩa là chưa được ở vào phận-vị chân-giác[34] mà thường phải ở trong nhà chiêm-bao sinh, lão, bệnh, tử nơi ba cõi, như đồng-nữ kia ở trong chiêm-bao, hư-vọng phân-biệt cũng thế. Quý-sứ nơi Diêm-ma bỗng dừng đến, như hổ đói ở trong hư-không đỡ đưa trẻ kia mà ăn. Hết thấy chúng-sinh từng niệm niệm bị vô-thường, lão, bệnh, tử khổ cũng thế. Ai là người có trí-tuệ lại yêu-thích thân này! Bởi nhân-duyên ấy, quán-sát trong sinh-tử như giấc mộng đêm dài, mà phát tâm Bồ-đề, chán bỏ thế-gian, sẽ được diệu-quả thường-trụ của Như-Lai.

Khi ấy, đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Phật-tử dộc cầu đạo vô-thượng,
Nên quán nhà cửa như trong mộng.
Ví như đại-trưởng-giả giàu-sang,
Có một đồng-nữ đoan-nghiêm lạ.
Cô theo cha mẹ lên lầu cao,
Đi theo xem coi rất vui-vẻ.
Cô ngủ trong lầu, cô chiêm-bao:
Rõ-ràng mơ thấy đi lấy chồng.
Sau ở nhà chồng sinh một con,
Tâm mẹ thương-xót nhớ mền con.
Con trên lầu-đài ham vui-chơi,
Từ cao rơi xuống ngay miệng hổ.
Cô khóc thất-thanh liền tỉnh mộng,
Mới biết mộng-tưởng vốn không thực.
Vô-minh ám-chướng như đêm dài,
Chưa thành chính-giác như trong mộng.
Sinh-tử thế-gian thường chẳng thực,

Vọng-tưởng phân-biệt cũng như thế.
Chỉ có “tứ trí đại-viên-minh”,[35]
Phá tối-tăm là “chân-diệu-giác”.[36]
Vô-thường niệm niệm như hồ đỏi,
Hữu-vi hư-giả khó dừng lâu.
Chim ngủ sớm mai đều bay tản,
Mệnh hết biệt-ly cũng như thế.
Theo nghiệp đi, lại chịu các báo,
Ân-tình cha mẹ không biết nhau.
Thương thay, thân sinh-tử phạm-phu,
Luân-chuyển ba đường chịu khổ mãi!
Nếu biết thiện, ác theo nghiệp cảm,
Cần nên sám-hối cho tiêu-diệt.
Hết thấy quả vui của Nhân, Thiên,
Thẹn-hỗ, chính-kiến là sở-nhân.
Nên phát tâm Bồ-đề kiên-cố,
Mặc áo tinh-tiến siêng tu-học![37]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia quán-sát nhà cửa như cửa bể Tầm-mã[38] tuôn ra lửa dữ, thu-hút, lan ra cả bốn ngòi ở bốn bên, cho đến trăm sông và mọi dòng đều bị lửa cháy hết.

Ví như xưa kia trong nước La-đà có một vị Bồ-tát tên là DIỆU-ĐẮC-BỈ-NGẠN. Bồ-tát ấy có tâm từ-bi, thường ôm-ấp sự đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, nên thường có những lái buôn khi vào bể tìm của báu, họ đều đem Bồ-tát ấy đồng đi trên thuyền buồm, thời đều đi được tới bến có châu-báu, vượt qua mọi hiểm-nạn, không có sự gì trở-ngại và đến được bờ an-vui.

Thời sau này, khi Bồ-tát đã trăm tuổi, dần dần già yếu, đứng, ngồi phải có người nâng-dắc, sức-lực không thể đi bể được như trước nữa. Khi ấy, có một thương-chủ tới nơi Bồ-tát lễ-bái cúng-dàng và bạch Bồ-tát rằng: “Tôi muốn vào bể tìm các ngọc báu mong được đại-phú-quý, để thoát khỏi sự bần-cùng mãi mãi. Nay thỉnh Bồ-tát cùng đi với tôi!” Bồ-tát bảo thương-chủ rằng: “Nay tôi già cả suy-kém, gân cốt, sức-lực yếu-ớt, không thể vào bể được”. Thương-chủ lại nói: “Kính xin Đại-sĩ đừng bỏ tâm từ-bi, thương xót và nhận lời thỉnh của tôi. Đại-sĩ chỉ an-tọa trong thuyền buồm tôi, không phải làm gì cả, đó là sở-nguyện của tôi”. Bồ-tát nhận lời thỉnh của người lái buôn. Bồ-tát ở trong thuyền buồm lớn chạy vào bể cả và hướng phía Đông-nam để tới nơi có ngọc báu. Trong khi đi, thuyền gặp phải gió Bắc trôi giạt vào Nam-hải. Gió dữ thổi vun-vút ngày đêm không ngừng, thuyền trôi suốt trong bảy

ngày, tới một nơi trông thấy nước bể cả biến thành sắc vàng coi như là vàng chảy. Những người lái buôn thấy thế bạch Bò-tát rằng: “Bạch Bò-tát! Bởi nhân-duyên gì ở đây có dáng nước biển ra sắc vàng như thế?” Bò-tát bảo: “Các ông nên biết ! Chúng ta nay đã vào bể hoàng-kim lớn, vì có vô-lượng, vô-biên những vàng thực tía bóng đây-dấy bể cả, ánh sáng kim-bảo giao-hòa lẫn nhau nên có dáng như thế. Các ông đã vượt quá đường thẳng mà giạt vào trong bể này, thời đều phải tự mình cần-cầu, đặt mọi phương-tiện để trở về phương Bắc!”

Qua vài ngày, thấy nước bể cả biến thành sắc trắng như kha-tuyết, Bò-tát bảo: “Các ông nên biết! Chúng ta nay đã vào bể trân-châu lớn, có bạch-ngọc trân-châu đây-dấy trong bể, ánh sáng trân-châu chiếu vào sắc nước, nên có dáng như thế. Các ông nên hết sức đặt mọi phương-tiện để trở về phương Bắc!”

Qua vài ngày, nước bể cả biến thành sắc xanh như ngọc lưu-ly xanh. Bò-tát bảo: “Tôi và các ông đã vào trong bể pha-lê xanh, vì có vô-lượng vô-biên ngọc-báu pha-lê xanh đây đây bể cả, sắc pha-lê giao-hòa ánh-sáng nên như thế!”

Qua vài ngày, nước bể cả biến thành sắc hồng như huyết hiện. Bò-tát bảo: “Tôi và các ông đã vào bể pha-lê hồng, vì có vô-lượng vô-biên ngọc-báu pha-lê hồng đây đây bể cả, sắc ngọc báu đỏ hồng, giao-hòa ánh-sáng nên như thế!”

Qua vài ngày nữa nước bể biến thành sắc đen như nước mực và xa nghe thấy tiếng lửa dữ cháy, nổ ran, như lửa lớn cháy rừng trúc khô; lửa cháy bùng-bùng rất đáng sợ hãi, bóng dáng như thế, chưa từng trông thấy, nghe thấy bao giờ. Lại thấy lửa lớn bốc cháy ở phương Nam như chòm núi cao hơn trăm trượng, thế lửa bay bốc lên không, hoặc lúc hợp, hoặc lúc tan, ánh sáng lan như chớp giạt những dáng như thế chưa từng trông thấy, nghe thấy bao giờ. Mọi người thấy thế đều bảo nhau: “thân mệnh chúng ta thực khó bảo-đảm được”. Lúc đó, Bò-tát bảo mọi người rằng: “Các ông! Hôm nay rất đáng sợ-hãi! Sao vậy? Chúng ta đã vào cửa bể Tần-mã, thời đều bị chết cháy hết. Sở dĩ thế là sao? Bởi sức nghiệp tăng-thượng của các chúng-sinh tự nhiên lửa trời đốt cháy nước bể. Nếu lửa trời này không đốt cháy nước bể, trong một ngày một đêm hết thấy lục-địa biến thành bể cả, có chúng-sinh nào đều chìm, trôi hết. Song, nay chúng ta gặp gió dữ lớn, trôi giạt vào cửa bể Tần-mã này, thân mệnh mọi người chúng ta không được bao lâu nữa!”

Khi ấy, có hơn nghìn người ở trong thuyền buồm, đồng thời cất tiếng thảm thương gào khóc, hoặc tự nhổ tóc, hoặc tự vật mình nói lên lời này: “Nay chúng ta vì cầu ngọc-báu, vào bể cả gặp hiểm-nạn này. Thương thay! khổ thay! biết dùng phương-tiện gì cho khỏi được nạn này!” Lúc đó, cả nghìn người đều chí thành quy-mệnh: hoặc kêu bi-mẫu, hoặc kêu từ-phụ, hoặc kêu Phạm-thiên, hoặc kêu Ma-hê-thủ-la thiên-vương, hoặc kêu Đại-lực Na-la-diên-thiên. Hoặc có người quy-mệnh Bồ-tát Đắc-Ngạn, kính lễ Bồ-tát mà bạch rằng: “Kính xin Bồ-tát cứu vớt bọn chúng tôi!” Bấy giờ, Bồ-tát vì muốn mọi người khỏi sự sợ hãi, Bồ-tát liền nói bài kệ rằng:

Đại-trượng-phu tôi thượng trên đời,
Tuy vào cửa chết không sinh sợ;
Người nêu lo buồn mất trí-tuệ,
Cần nên nhất tâm đặt phương-tiện.
Nếu được cửa phương-tiện khéo léo,
Thoát khỏi tám nạn lên bờ kia;
Thế nên yên tâm đừng lo sợ,
Cần nên khẩn-niệm Đại-từ-tôn.

Bồ-tát nói bài kệ ấy rồi, Bồ-tát đốt các hương tốt lễ bái, cúng-dàng chư Phật mười phương rồi phát-nguyện rằng: “Nam-mô thập phương chư Phật! Nam-mô thập phương chư Phật! Chư Đại Bồ-tát ma-ha-tát chúng! Hết thấy Hiền-Thánh Tứ-quả, Tứ hướng.[39] Bạc có Thiên-nhãn, bạc có Thiên-nhĩ, bạc Trí-tha-tâm, bạc Chúng-tự-tại! Tôi vì chúng-sinh vận tâm đại-bi, giữ bỏ thân-mệnh, giúp các khổ-nạn. Nay thân tôi có chút thiện-căn, là thụ-trì giới không nói dối của Như-Lai trong vô-lượng kiếp, tôi chưa từng thiếu-phạm bao giờ. Nếu trong một kiếp nào tôi có nói dối, thời nay ác-phong này chuyên mạnh hơn lên; mà nếu giới-đức nơi tôi như thế, thực sự chẳng phải hư-vọng, thời nguyện đem thiện-nghiệp ấy, hồi-thí cho hết thấy, tôi cùng chúng-sinh sẽ thành Phật-đạo. Và, nếu thực không hư, nguyện ác-phong này tức thời ngừng-bặt, luồng gió như-ý tùy niệm thổi tới. Thân các chúng-sinh tức là thân tôi, chúng-sinh cùng tôi bình-đẳng không sai khác!”

Khi Đại-bồ-tát ấy phát nguyện “Đồng thể đại-bi vô-ngại” rồi, chùng khoảng một niệm, ác-phong liền ngừng, liền gặp được gió thuận, giải-thoát mọi nạn và đến được nơi bảo-sở, kiếm được các ngọc-báu.

Bấy giờ, Bồ-tát bảo các người lái buôn ấy rằng: “Ngọc-báu như thế khó gặp được, đời trước các ông làm nhiều sự bố-thí nên nay gặp được các ngọc-báu quý như thế. Nhưng trước kia khi tu về bố-thí tâm các ông còn có sự sên-

tiếc, bởi nhân-duyên ấy, nên nay gặp phải ác-phong Thương-nhân các ông! Các ông được ngọc-báu, các ông nên biết hạn-lượng, không nên lấy nhiều, các ông lấy nhiều, phóng-túng tâm tham, sau lại bị nạn lớn. Các ông nên biết: Trong mọi trân-bảo, mệnh-bảo là hơn; nếu mệnh mình còn là vô-giá-bảo!”

Các lái buôn nhờ được Bò-tát dạy bảo sinh tâm tri-túc không dám lấy nhiều. Mọi người được khỏi tai-nạn, được nhiều ngọc báu, xa-lìa được sự nghèo cùng và đến được bờ kia.

Các thiện nam-tử! Bò-tát xuất-gia cũng như thế, thân-cận chư Phật, bạn lành tri-thức, như những người lái buôn kia được gặp Bò-tát; khỏi hẳn sinh-tử đến được bờ kia, cũng như thương-chủ được đại-phú-quý. Nhà cửa hữu-vi sở-hữu của thế-gian như cửa bể Tần-mã đốt cháy mọi dòng sông. Bò-tát xuất-gia cũng thế, quán-sát kỹ-lưỡng lỗi trái của tại-gia. Các ông, thiện-nam-tử! Không nhiệm năm dục-lạc thế-gian, chán, bỏ sinh-tử khổ-nạn trong ba cõi, được vào đại-thành an-vui mát-mẻ!

Khi ấy đức Như-Lai nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Bò-tát xuất-gia quán nhà cửa,
Như bể Tần-mã đốt mọi dòng.
Ví như xưa kia nước La-đà,
Có một Bò-tát tên Đắc-Ngan.
Đủ trí, đại-phú, phương-tiện khéo,
Vô-duyên từ-bi nhiếp hữu-tình.
Được Bò-tát ấy đi trên thuyền,
Lái buôn được ngọc lên bờ kia.
Song, Bò-tát ấy tuổi già yếu,
Không ưa lợi-tha, ham thiền-tịch.
Có một thương-chủ thỉnh Bò-tát,
Muốn vào bể cả cầu trân-bảo.
Kính xin Bò-tát nhận lời thỉnh,
Cho tôi giàu-có không thiếu-thốn.
Khi ấy Bò-tát vận đại-bi,
Liên nhận lời thỉnh đi trên thuyền.
Khi trương buồm lớn gặp gió thuận,
Thẳng hướng Đông-nam tới bảo-sở;
Bỗng gặp gió dữ thổi thuyền buồm,
Giạt vào Nam-hải làm chỗ đến.

Trải qua bảy ngày nước bể cả,
Thấy đều biến thành sắc vàng ròng,
Vàng ròng tía bóng đầy trong bể,
Ánh ngọc-báu hiện sắc chân-kim.
Lại qua vài ngày nước bể cả,
Biến thành sắc trắng như kha-tuyết;
Trân-châu trân-bảo đầy trong bể,
Cho nên nước bể thành sắc trắng.
Lại qua vài ngày nước bể cả,
Biến thành xanh-biếc như lưu-ly;
Ngọc pha-lê xanh đầy bể cả,
Cho nên nước thành sắc xanh biếc.
Lại qua vài ngày nước bể cả,
Thấy đều biến thành sắc đỏ hồng;
Ngọc pha-lê đỏ đầy trong bể,
Nên biến sắc nước đồng như nó.
Lại qua vài ngày nước bể cả,
Biến thành sắc đen như nước mực;
Nhu thế lửa trời đốt cháy hết,
Nước bể tất cả như sắc mực.
Bể ấy gọi là cửa Tẫn-mã,
Thu-hút bốn bể và mọi dòng;
Hết thấy thuyền buồm nếu đi qua,
Có người đến đây, nhiều đều chết.
Lửa trời bùng-bùng như núi cháy,
Tiếng nổ rền vang như sấm động;
Mọi người xa thấy tâm kinh sợ,
Kêu gào, đấm ngực bạch đại-sur.
Khi ấy Bồ-tát khởi từ-bi,
Không tiếc thân-mệnh, rủ cứu-hộ.
Gió dữ liền ngừng, gió thuận khởi,
Qua nơi hiểm-nạn, đến bảo sở.
Đều được ngọc quý, tới bỉ-ngạn,
Khỏi hấn bần-cùng hưởng an-lạc.
Bồ-tát xuất-gia cũng như thế,
Thân-cận chư Phật như thương-chủ.
Thoát hấn nhà lửa lên chân-giác,
Cũng như thương-nhân về bán-xứ.
Nhà cửa sở-hữu của thế-gian,
Nhu cửa bể lớn: Tẫn-mã kia.

Xuất-gia thường chán về tại-gia,
Không nhiễm thế-gian, rời năm dục;
Ưu chôn không-nhân tâm bất-động,
Khéo suốt lý chân-diệu rộng sâu.
Hoặc ở trong làng xóm nhân gian,
Nhu ong hái hoa không chút tồn;
Trong bốn uy-nghi[40] thường lợi-vật,
Không tham thế-lạc và tiếng khen.
Trong miệng thường thốt giọng dịu-dàng,
Ác-ngôn thô-bi dứt tương-tục;
Biết ơn, trả ơn tu nghiệp thiện,
Mình, người đều được nhập “chân-thường”. [41]

Bấy giờ, Trưởng-giả Trí-Quang và các Trưởng-giả khác tất cả một vạn người, tuy khác miệng nhưng cùng một giọng bạch Phật rằng: “Lành thay, đức Thế-Tôn! Hiếm có thay, đáng Thiện-thệ! Đúng như thế! Đúng như thế! Thế-Tôn nói ra chính-pháp vi-diệu đệ nhất, phương-tiện khéo-léo, làm lợi-ích cho chúng-sinh. Như Phật nói, chúng tôi nay đều biết: Nhà cửa thế-gian cũng như lao-ngục, hết thấy ác-pháp từ nhà cửa ấy sinh ra; người xuất-gia thực có vô-lượng vô-biên thắng-lợi, bởi thế chúng tôi rất thích xuất-gia, cho hiện-tại, đương-lai thường được hưởng những pháp-lạc”.

Đức Thế-Tôn bảo các Trưởng-giả: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông phát tâm muốn xuất-gia! Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác, xuất-gia tu đạo một ngày một đêm, hai trăm vạn kiếp không phải sa-đọa vào ác-thú, thường được sinh vào chôn lành, được hưởng sự vui thắng-diệu, gặp được thiện-tri-thức vĩnh-viễn tâm không thoái-chuyển, được gặp chư Phật thụ Bồ-đề-ký, ngồi tòa Kim-cương, thành đạo chính-giác. Song, người xuất-gia trì-giới rất khó, người trì-giới là “chân xuất-gia”.

Lúc đó, các Trưởng-giả bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Chúng tôi giữ giới, tu các phạm-hạnh, nguyện, chúng tôi chóng ra khỏi bể khổ sinh-tử, nguyện, chúng tôi chóng vào được bảo-cung thường-lạc, nguyện, chúng tôi rộng độ hết thấy chúng-sinh, nguyện, chúng tôi chóng chứng vô-sinh-trí!”. [42]

Khi ấy, đức Thế-Tôn bảo Bồ-tát Di-Lặc và Văn-Thù-Sur-Ly: “Các Trưởng-giả này Tôi phó-chức cho các ông, các ông khuyến họ xuất-gia và thụ-trì tịnh-giới!”

Liên đó, chín nghìn người đối trước Bồ-tát Di-Lặc xin xuất-gia tu đạo, thụ trì giới-luật của Phật; bảy nghìn người đối trước Bồ-tát Văn-Thù xuất-gia tu đạo, thụ giới cấm của Phật. Những người ấy được xuất-gia rồi, thành-tựu pháp-nhãn, vào cảnh-giới bí-mật của Như-Lai, không còn bị thoái-chuyển. Vô-lượng vạn người phát tâm Bồ-đề đến ngôi Bất-thoái-chuyển. Vô số Nhân, Thiên xa-lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.[43]

TOÁT-YẾU

III.- PHẨM YÊM XẢ

Sau khi Trưởng-giả Trí-Quang nghe, ngộ sự tri-ân, báo-ân, liền xin Phật xuất-gia, tu-đạo. Song, ông còn hoài nghi về sự hơn kém của Bồ-tát xuất-gia, Bồ-tát tại-gia ! Ông dẫn chứng: “Có một thời ở thành Tỳ-da-ly đức Phật nói: Phật-pháp lấy “tâm” làm chủ và khen ông Vô-câu-xung là người tuy ở tại gia nhưng cũng như là Chân-sa-môn, Chân-tỷ-khuru. Lại có một thời ở trúc lâm tịnh-xá Ca-lan-đà, đức Phật bảo lục-quần Tỷ-khuru là: “vào bể Phật-pháp lấy “tín” làm căn-bản, qua sông sinh-tử lấy “giới” làm thuyền bè. Người xuất-gia mà thân tâm không thực-hành hạnh viển-ly, không gọi là xuất-gia. Trái lại, người tại-gia phát-tâm vô-thượng có tâm đại-từ-bi là “Chân-viển-ly”.

Do đó, ông nghĩ: “Bồ-tát xuất-gia không bằng Bồ-tát tại-gia. Như Luân-vương bỏ ngôi báu đi tu, làm cho Cung phi, Vương-tử, Đại-thần quyến-thuộc đau khổ. Như tịnh-tín-nam, nữ xuất-gia nhập đạo làm cho cha mẹ thân thuộc đau khổ. Như thế, là không làm lợi-ích chúng-sinh, lại làm nhiều-hại chúng-sinh! Ông xin Phật chỉ-giáo”.

Đức Phật bảo ông Trí-Quang: “Ông nghĩ lầm, Bồ-tát xuất-gia hơn Bồ-tát tại-gia rất nhiều; Bồ-tát xuất-gia dùng trí-tuệ quán-sát tại-gia thấy có nhiều lỗi-lầm. Thân 5 uẩn của chúng-sinh trong thế-gian như căn nhà, bản-thức của chúng-sinh là chủ nhà. Nhà thế-gian ví như bể cả dung-nhận mọi dòng sông, vẫn không đầy-đủ; tâm tham cầu, tích-tụ của chúng-sinh cũng thế. Nhà thế-gian cũng như đá lửa, chỉ một chút lửa đốt cháy hết thảo; tâm tham cầu, không tri-túc của chúng-sinh, sinh lửa phiền-não, đốt cháy thiện-công-đức. Nhà thế-gian như kho báu hang sâu, người ham của thiệt mạng; chúng-sinh ở đời không gắng tu thiện-căn, vô-thường vụt đến, tùy nghiệp chịu báo, chôn mất hết cả. Nhà thế-gian như món ngon lẫn độc, cấp thời cứu chữa; chúng-sinh nhận thấy thân-quyến đắm chìm trong sinh-tử, vội phát-tâm đồng-thể đại-từ-bi, cầu bồ-đề để cứu-độ. Nhà thế-gian như gió lớn, thổi mãi không

ngừng; vọng-tưởng điên-đảo của chúng-sinh, gây nhân cảm-quả trong năm đường không dứt, chỉ có tu-tập “vô-tướng chính-quán” mới diệt trừ được. Nhà thế-gian là chỗ sinh ra phiền-não, chúng-sinh do chấp “ngã, ngã-sở” sinh ra phiền-não đau khổ - “Thân là gốc khổ”. Nhà thế-gian như ông Trưởng-giả trong một nước lớn, có nhiều cửa báu, lửa cháy tiêu tan, chúng-sinh mê-muội không theo làm thiện, tạo nhiều nghiệp ác, phải sa-đọa chịu nhiều khổ-não. Nhà thế-gian ví như đại mộng; chúng-sinh trong sinh-tử hữu-vi, chưa được phận-vị chân-giác, chỉ là ở trong chiêm-bao hư-vọng của sinh, lão, bệnh, tử. Nhà thế-gian như qua bể Tĩn-mã cầu mong khỏi cháy, chúng-sinh ở trong nhà lửa thân-cận chư Phật, bạn lành sẽ được tới chôn thanh-lương.

Sau khi nghe đức Phật nói về ý-nghĩa yếm-xả trên, các ông Trưởng-giả cùng 10.000 người khác vui-vẻ xin Phật xuất-gia. Đức Phật tán-thán và nói: “nếu ai phát-tâm xuất-gia một ngày một đêm, trong hai trăm kiếp không phải sa-đọa ác-thú, được sinh chôn lành, được vui-vẻ, gặp Phật thụ-ký và sau sẽ thành Phật!”.

Tiếp đó các ông Trưởng-giả phát-nguyện: “Nguyện chóng ra khỏi sinh-tử, chóng vào bảo-cung thường-lạc, độ hết chúng-sinh và chứng vô-sinh-trí”.

Đức Phật liền giao cho Bồ-tát Di-Lặc và Văn-Thù tế-độ cho các ông ấy xuất-gia và khuyên trì tịnh-giới. Được xuất-gia, thụ-giới các ông ấy thành-tựu pháp-nhãn vào nơi cảnh giới bí-mật của Như-Lai không thoái-chuyển. Vô-lượng vạn người khác phát-tâm Bồ-đề bất-thoái và vô số Nhân, Thiên xa lìa trần-cầu được pháp-nhãn-tịnh.

[1] Yếm-xả: Chán-ngán và giữ bỏ hết thảy ái-ân, dục-lạc thế-gian, xu-hướng giác-đạo, thành vô-thượng-giác.

[2] Lục-quần Tỳ-khuru ác-tính: Khi Phật tại thế có sáu vị Tỳ-khuru có tính tệ-ác, kết bè đảng với nhau làm nhiều việc trái uy-nghi, nên gọi là “Lục-quần Tỳ-khuru”. Tên 6 vị này nhiều kinh, luật, luận nói không giống nhau. Nay y vào bộ luật Tỳ-Nại-Gia thì là: 1/ Nan-đà (Nanda). 2/ Ô-ba-nan-đà (Upananda). 3/ A-thuyết-ca (Asvaka). 4/ Bồ-nại-bà-tổ-ca (Punarvasu). 5/ Xiên-đà (Shanda). 6/ Ô-đà-di (Udayin).

[3] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ, Trưởng-giả Trí-Quang” đến chỗ “lợi-ích hết thảy!” là nói về ông Trí-Quang xin Phật xuất-gia. Nhưng, ông còn nghi-ngờ,

cho Bồ-tát tại-gia hơn Bồ-tát xuất-gia. Ông viện dẫn chứng cứ và xin Phật chỉ giáo.

[4] A-nôc: Chính gọi là A-nôc-đạt-trì hay A-na-bà đạt-đà (Anavatapta) Tàu dịch là “Vô-nhiệt-não” (không có sự nhiệt-não). Đây là tên một cái hồ (ao) tại dãy Hy-mã-lạp-son, rộng chừng 800 dặm.

[5] Đoạn trên, từ chỗ “Lúc đó” đến chỗ “đại pháp-luân” đức Phật chỉ dẫn sự lầm-lỗi của tại-gia là không biết chán, biết đủ cho ông Trí-Quang nghe. Và Ngài khuyên nên xuất-gia học đạo, để báo-ân và độ-sinh.

[6] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “viên-mãn”, đức Phật ví lòng tham của bấu ở đời như chút lửa, làm cháy tất cả.

[7] Phật-tử: Có nghĩa là: 1/ Chúng-sinh thụ-giới của Phật nên gọi là Phật-tử, vì sẽ thành Phật. 2/ Tên thông-thường của các vị Bồ-tát, vì các vị y vào Thánh-giáo của Phật, mà sinh Thánh-đạo và bởi nối-dõi Phật-chủng không dứt. 3/ Gọi chung cho tất cả chúng-sinh, vì chúng-sinh đều đủ Phật-tính. Phật-tử lại chia làm ba hạng: 1/ Ngoại-tử: Phàm-phu chưa nối-dõi sự-nghiệp của Phật. 2/ Thứ-tử: Thanh-văn, Duyên-giác không sinh từ đại-pháp của Phật. 3/ Chân-tử: Các Bồ-tát chính sinh từ đại-pháp của Phật.

[8] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “mọi loài”, đức Phật ví kẻ ngu-si ham đắm sự vui sướng ở đời, chết đi phải khổ, cũng như của bấu trong hang do tham của mà mất mệnh.

[9] Ca-Lâu-La bí-mật quán-môn: “Ca-lâu-la” là tên một loài chim mà Tàu dịch là “Kim-sí”. Loài chim này ăn rỗng, rắn độc hay thất-bảo đều tiêu hết. Vì vậy, lấy tên chim đặt cho một môn quán-tượng bí-mật, dụng ý làm tiêu-tan những thứ thuốc độc.

[10] A-già-đà (Agada): Tên một thứ thuốc, Tàu dịch là “Vô giá, Bất-tử...”.

[11] Đồng-thê đại-từ-bi: Quán hết thấy thân chúng-sinh cùng với thân mình đồng một bản-thể, đồng một thân-thể, mà khởi ra tâm gỡ khổ, cho vui.

[12] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “Phật Bồ-đề”, đức Phật nhận thấy chúng-sinh ở thế-gian như ăn phải thuốc mà không biết. Muốn độ sinh, cần phải mạnh-mẽ phát tâm đại-bi, cầu đạo Bồ-đề, rồi trở lại cứu-độ.

[13] Ác-giác: Tư-tưởng ác. Đại-thừa nghĩa chương viết: “Tư-tưởng theo tâm tà là “giác”, trái với chính-lý là “ác”.

[14] Ba thiện-căn: Không tham, không sân và không si. Trái lại là ba căn bất thiện

[15] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa”, đến chỗ “không còn” đức Phật thấy tâm chúng-sinh vô-thường, hay chấp trước, tướng càn, gây nghiệp mà sinh ra phiền-não. Chỉ có thấy biết chân-chính, tu 3 thiện-căn, và tín v.v... sẽ dẹp được phiền-não, sẽ chứng Thánh-quả lần lần và đến thành Phật.

[16] Vô-tướng chính-quán: “Vô-tướng” là nói chân-lý dứt hẳn sắc-tướng không còn hình bóng gì. “Vô-tướng chính-quán” là một môn quán-tướng chân-chính, quán tính các pháp không có thể, tướng, tức không-tướng. Thấy có tướng, đó là do vọng-tình của phàm-phu. Bỏ vọng-pháp, không có tướng, cũng như mắt sáng không thấy hoa đốm trên không vậy.

[17] Bốn đức: Thường, lạc, ngã, tịnh.

[18] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “Phật đạo”, ông Trí-Quang hỏi về môn tu, đức Phật dạy cần tu về môn quán “vô-tướng” là dẹp được vọng-tướng.

[19] Bốn quý diên-đảo: Tức là 4 thứ vọng-kiến diên-đảo. 4 thứ này chia làm hai hạng: 1/ Đối với phàm-phu trong sinh-tử là vô-thường (không thường), vô-lạc (không vui), vô-ngã (không ta), vô-tịnh (không sạch) lại chấp là thường, lạc, ngã, tịnh. 2/ Đối với Nhị-thừa, trong Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh lại chấp là vô-thường, vô-lạc, vô-ngã, vô-tịnh.

[20] Năm thứ nhân vô-gián: Tức là 5 tội nghịch (ngũ-nghịch)

[21] Hoặc, nghiệp, khổ-quả: Tức là phiền-não (hoặc), nghiệp-nhân và khổ-quả.

[22] Năng, sở: Trong kinh, luận hay dùng chữ “Năng” và “Sở” là chỉ cho khi pháp (sự vật) đối-đãi nhau. Bất cứ nó (năng, sở) liên-hệ với một chữ gì và ở trường-hợp nào, chữ “Năng” đều có ý-nghĩa là chủ-động, chủ quan, chủ thể v.v..., chữ “Sở” đều có ý-nghĩa là bị động, khách-quan, đối-tượng v.v...

[23] Tính, tướng: “Tính” là chỉ cho tự-thể của các pháp (sự-vật) ở bên trong và không thay đổi được; “tướng” là tướng-mạo hiện ra ở bên ngoài, có thể nhận thức, phân-biệt được

[24] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy” đến chỗ “Bồ-đề-quả” là Phật dùng lời kệ nói lại ý-nghĩa “nhà đời như gió dữ” và “vô-tướng” ở trên. Đại ý đức Phật thương chúng-sinh không hiểu biết mà chấp càn trảng trong nước, chấp có năng, sở, tính, tướng, nam, nữ để rồi tạo nghiệp, chịu quả khổ, nhưng thực ra nó chỉ là chân-tính mà thôi. Ở nơi thanh-vắng chóng chứng Bồ-đề.

[25] Ngã, ngã-sở: “Ngã” (ta) tức là tự thân mình; “Ngã-sở” tức là những sự vật sở-hữu ngoài thân mình.

[26] 84.000 cửa trần-lao: 84.000 là con số tượng trưng mà Ấn-độ hay dùng để chỉ cho những vật có số nhiều. “Trần-lao” là tên riêng của phiền-não. Đây là chỉ cho số nhiều của phiền-não.

[27] Vô-ngã (Anātman): Cũng gọi là “phi-ngã”. “Ngã” là cái chủ-thể thường hằng, duy nhất và có tác-dụng chủ-tể. Đối với thân người chấp có cái ấy gọi là “nhân-ngã”, đối với các pháp chấp có cái ấy, gọi là “pháp-ngã”, đối với tự mình chấp có cái ấy, gọi là “tự-ngã”, đối với người khác chấp có cái ấy, gọi là “tha-ngã”. Song, thân người do năm uẩn giả-hợp, là ngã-thể không thường hằng và không duy-nhất; “pháp” do nhân-duyên sinh, cũng không có ngã-thể thường hằng, duy-nhất. Đã không có nhân-ngã, không có pháp-ngã, thời không có tự-ngã, tha-ngã. Như thế rốt-ráo không có “ngã”, là chân-lý cứu-cánh vậy.

[28] Vô-thường (Anitya): Hết thấy pháp (sự vật) trong thế-gian, sinh, diệt, đổi dời từng sát-na không ngừng, gọi đó là “vô-thường”. Vô-thường có hai: 1/ Sát-na vô-thường: Từng sát-na, sát-na (thời-gian rất ngắn) có sự biến-hóa: sinh, trụ (ở), dị (khác), diệt (chết, mất). 2/ Tương-tục vô-thường: thời-gian nối-tiếp, mà trong đó vẫn sinh, trụ, dị, diệt.

[29] Nhất niệm: Có 2 thuyết: 1/ Chỉ cho thời-gian rất ngắn. Thời-gian rất ngắn này các kinh, luận nói khác nhau, nay y vào kinh Nhân-vương bát-nhã quyền thượng nói thì: “90 sát-na là một niệm, một sát-na trong một niệm ấy trải qua 900 lần sinh diệt”. 2/ Sự tư-niệm (nhớ nghĩ) phút đầu tiên đối với cảnh-vật.

[30] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “ba cõi” là quán thế-gian nhiều phiền-não, do phiền-não mà sinh ra nhiều khổ, nhiều khổ do tham-cầu, chấp-

ngã, ngã-sở mà ra. Xuất-gia tu đạo, được giải-thoát và chứng vô-thượng-giác.

[31] Là bạn không mời: Bồ-tát coi chúng-sinh là bạn chí-thân, chúng-sinh không cần phải thỉnh-cầu, Bồ-tát vẫn đem đức đại-bi làm lợi-ích cho chúng-sinh.

[32] Bờ kia: Tiếng Phạm gọi là Ba-la (Pàra) Tàu dịch là “bỉ-ngạn” (bờ bên kia). Tức là chỉ cho “Niết-bàn”. Cảnh-giới sinh-tử ví cho thử ngạn (bờ bên này). Nghiệp phiền-não ví cho trung-lưu (giữa dòng). Niết-bàn ví cho bỉ-ngạn (bờ bên kia).

[33] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa”, đến chỗ “thanh-tịnh” đức Phật thương thế-gian ham-mê năm dục, tạo mọi nghiệp, không nghe lời dạy, phải chịu sự đau khổ, ví như con ông Trưởng-giả xưa kia chẳng hạn. Cần tu tịnh-hạnh, sẽ chứng Bồ-đề.

[34] Phận-vị chân-giác: Quả-vị giác-ngộ cứu-cánh của Phật, đặc-biệt hơn Tương-tự-giác, Tùy-phận-giác của Bồ-tát.

[35] Tứ-trí đại-viên-minh: 4 thứ trí-tuệ rất sáng-sủa và viên-mãn: Thành-sở-tác-trí, Diệu-quán-sát-trí, Bình-đẳng-tính-trí và Đại-viên-kính-trí.

[36] Chân-diệu-giác: Tức là quả-vị vô thượng chính giác của Phật. Quả-vị này đầy-đủ tự-giác, giác-tha, giác-hành viên-mãn, chứng nhập giác-thể chân-như không thể nghĩ, bàn được.

[37] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa, đến chỗ “tu học”, đức Phật ví thế-gian như đại-mộng, có đó rồi không đó, chỉ là một màn giả-dối, thế mà chúng-sinh ham-đắm để phải luân-hồi mãi. Hiểu lẽ vô-thường, phát tâm Bồ-đề, tu đạo giải-thoát, sẽ chứng diệu-quả.

[38] Bể Tẫn-mã: Tên một cửa bể xưa. Theo Ngài Thái-Hư thời cửa bể này có lẽ thuộc Hồng-hải, là hải-đạo từ Viễn-đông qua Phi-châu sang Âu-châu.

[39] Tứ-quả, Tứ-hướng: Tứ-quả: 4 Thánh-quả của Thanh-văn: 1/ Tu-đà-hoàn-quả (Srotàpanna-phala): Tàu dịch là “Nhập-lưu, Nghịch-lưu, Dự-lưu”: Đều có nghĩa là vị tu-hành đi ngược dòng sinh-tử, phàm-phu, mà đã dự vào dòng Thánh-đạo. 2/ Tư-đà-hàm (Sakrdàgami): Tàu dịch là “Nhất-lai”: Nghĩa là, vị tu-hành đoạn cửu-địa tư-hoặc, được 6 phẩm trước, còn 3 phẩm sau, còn phải thụ-sinh trong Dục-giới một lần nữa, nên gọi là “Nhất-lai”. 3/ A-

na-hàm (Angami) Tàu dịch là “Bất-lai, Bất-hoàn”. Nghĩa là vị tu-hành đã diệt hết hoặc-nghiệp cõi Dục không phải trở lại lần nữa. Và, sau chỉ phải sinh lên cõi Sắc, cõi Vô-sắc mà thôi. 4/ A-la-hán (Arahat) Tàu dịch là “Bất-sinh” cũng có chỗ gọi là “Vô-sinh”. Nghĩa là, quả-báo trong một đời diệt hết, đượ vào Niết-bàn mãi mãi, không phải tái sinh trong 3 cõi.

Tứ-hướng: “Hướng” có nghĩa là hướng-tiến. Đây là 4 địa-vị y-cứ từ chỗ nguyên-nhân tu-hành, hướng-tiến tới địa-vị kết-quả: 1/ Tu-đà-hoàn-hướng. 2/ Tư-đà-hàm-hướng. 3/ A-na-hàm-hướng. 4/ A-la-hán-hướng.

[40] Bốn uy-nghi: Đi, đứng, ngồi, nằm.

[41] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa, thiện-nam-tử!” đến chỗ “chân-thường”, đức Phật ví thế-gian như cửa bể bốc lửa dữ, ai qua đây đều chết, duy chỉ có gặp bạn lành, thân-cận Phật-pháp, thực-hành nghiệp thiện, biết ơn, trả ơn không nhiễm thế-gian, như ong hái hoa không làm tổn sắc hương... mới thoát khỏi đượ và sẽ tới chốn an-vui.

[42] Vô-sinh-trí: Một trong mười trí. Trí này thuộc bậc La-hán lợi-căn, bậc này đã biết sự đoạn-hoặc, chứng quả, tu nhân rồi, lại không cần biết đến sự đoạn, chứng, tu ấy nữa, nên gọi là “vô-sinh”. Là trí-tuệ tự-giác lẽ vô-sinh ấy, mà biết ta không cần lại phải biết về sự đoạn, chứng, tu nữa.

[43] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “pháp-nhãn-tịnh” nói về các Trưởng-giả hiểu pháp vi-diệu, xin Phật xuất-gia; đức Phật giao cho 2 Bồ-tát: Di-Lặc, Văn-Thù tế-độ và do chỗ tế-độ ấy, họ đượ chứng-quả.

Đến đây hết quyển thứ tư.

IV.- PHẨM VÔ-CÁU-TÍNH [1]

Khi Trưởng-giả Trí-Quang cùng các Trưởng-giả khác đã xuất-gia rồi, tề-chỉnh pháp-phục năm thể gieo xuống đất, lễ xuống chân Phật, chấp tay cung-kính bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Chúng tôi theo Phật, nghe đượ những điều chữa đượ nghe về các lỗi-lâm sở-hữu của tại-gia; chúng tôi phát tâm Bồ-đề, chán, bỏ thế-gian, cạo bỏ râu tóc làm Tỷ-khưu. Chúng tôi kính xin Như-Lai, Ứng Chính đẳng-giác vì bọn chúng tôi và các chúng-sinh diển nói về công-đức thù-thắng của sự xuất-gia, khiến người đượ nghe, phát tâm thanh-tịnh, thích hạnh viển-ly, làm cho Phật-chúng không dứt: Thế-Tôn là bậc có ơn lớn, Ngài vận vô-duyên từ-bi [2] thương-xót chúng-sinh như ông La-hầu-la, [3] nay kính xin Thế-Tôn cho chúng tôi biết: Bồ-tát xuất-gia nên

an-trụ thế nào? Nên tu-tập nghiệp vô-cấu thế nào? Và, nên điều-phục tâm hữu-lậu thế nào?” [4]

Bấy giờ, đức Thế-Tôn tán-thán Trí-Quang cùng các Tỷ-khuru: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Các ông thực là chân Phật-tử! Các ông vì hết thấy chúng-sinh đời mai sau hỏi Như-Lai những việc như thế. Đúng như thế! Đúng như thế! Đúng như lời các ông nói, Như-Lai Thế-Tôn thương-xót chúng-sinh, bình-đẳng vô nhị cũng như con một. Nay các ông nghe cho kỹ và nhớ nghĩ cho khéo, Tôi nay sẽ vì các ông phân-biệt diễn nói về Bồ-tát xuất-gia an-trụ như thế này, tu-hành nghiệp Vô-cấu như thế này, điều-phục tâm hữu-lậu như thế này”. Các Tỷ-khuru bạch: “Dạ, bạch Thế-tôn! Chúng tôi nguyện muốn được nghe lời đức Thế-Tôn dạy!”

Đức Phật bảo Trí-Quang Tỷ-khuru: “Bồ-tát xuất-gia an-trụ tâm như thế, thời thường quán như thế này: Ta được thân người, các căn đầy-đủ, vậy ta từ nơi nào mất đi, mà sinh lại thế-gian này? Ta ở trong ba cõi, rồi sẽ sinh vào cõi nào? Trong bốn đại-châu, ta sẽ sinh vào châu nào? Trong sáu đạo, ta sẽ thụ-sinh vào đạo nào? Bởi nhân-duyên gì, ta bỏ được cha mẹ, vợ con họ-hàng xuất-gia tu đạo, thân khỏi vướng vào tám nạn? Trong kiếp Trang-nghiêm thọ quá-khứ, nghìn Phật đều nhập Niết-bàn rồi, trong kiếp Tinh-tú thọ vị-lai, nghìn Phật chưa ra đời, trong Hiền-kiếp hiện-tại nghìn Phật, bao nhiêu Phật Như-Lai đã xuất-hiện ra đời, hóa-duyên sắp hết và sắp nhập Bát-niết-bàn? Bao nhiêu Phật Thế-Tôn chưa ra đời, là do căn-duyên của các chúng-sinh chưa chín, chưa được nghe chính-pháp chăng? Lại, thời nào trong đương-lai Ngài Di-Lặc từ cõi trời Đâu-suất sinh xuống nhân-gian và hiện thành Phật-đạo? Trong thân ta có nghiệp thiện gì? Học giới, định, tuệ sẽ có đức gì? Chư Phật quá-khứ đều đã chẳng gặp, Thế-tôn đương-lai liệu được thấy chăng? Ta nay hiện ở trong các nơi phàm-phu, vậy ba nghiệp phiền-nã, gì là nặng hơn? Nhất sinh trở lại ta tạo tội-nghiệp gì? Ta từng trông căn lành ở nơi đức Phật nào? Thân-mệnh ta đây được bao nhiêu thời? Ngày nay đã qua, mệnh theo giảm bớt, cũng như người dắt dê tới chỗ mổ xẻ, dần dần đến chỗ chết, không còn nơi trốn-tránh, vậy khi thân hoại, mệnh hết sẽ sinh vào nơi nào? Khổ trong ba đường ác làm sao thoát khỏi được? Thân ta đây ta yêu thích và nuôi-nấng nó cho nó hơn lên nhưng, từng niệm niệm nó suy, già đi, không có thời nào tạm dừng, vậy ai là người có trí-tuệ lại yêu thích thân này? Trí-Quang nên biết: Bồ-tát xuất-gia ngày đêm thường quán-sát như thế, đừng tham hưởng năm dục-lạc của thế-gian, cần tinh siêng tu-tập, đừng thường thường tạm bỏ và phải coi như là cần phải bỏ đá nặng nơi đỉnh đầu, gỡ lửa cháy trên đầu. Tâm thường sám-hối những tội trước của quá-khứ, an-trụ vào bốn vô-cấu-tính, một lòng tu-hành mười hai hạnh Đầu-đà,

[5] điều-phục tâm mình như bọn Chiên-đà-la. [6] Phật-tử như thế gọi là xuất-gia.

Tỷ-khưu Trí-Quang! Vì nghĩa gì gọi người chân-thực tu hạnh Sa-môn như bọn Chiên-đà-la? - Vì mỗi khi người Chiên-đà-la du-hành, tay cầm cây tích-trượng, không dám đi giữa đường, nếu có người đi gần sát tới mình thì rung gậy tích cho người ta nghe thấy tránh đi. Ở trong đại-chúng, tâm họ thực-hành sự nhún-nhuờng, không dám khinh-mạn, khi bị người quở-trách, tâm không oán-hận và chưa từng bao giờ báo-thù lại, ngay đến bị mạ-nhục, đánh-đập cũng im-lặng chịu đựng. Sao vậy? - Tự biết mình thuộc dòng họ thấp-hèn, không dựa vào bậc gì trong hàng đại-chúng, bởi nhân-duyên ấy nên bị những sự giận-tức mà không báo-thù lại.

Trí-Quang nên biết! Bồ-tát xuất-gia cũng như thế, cạo bỏ râu tóc, hình-dáng cũng như đứa trẻ thơ, tay cầm giữ đồ ứng-khí (bình-bát), nương-tựa vào người để nuôi sống thân-mệnh, thân mặc áo ca-sa [7] như mặc giáp-trụ, cầm gậy tích đi, như cầm dao-mác, cầm gươm trí-tuệ, phá giặc phiền-não, tu hạnh như đứa trẻ thơ, làm lợi-ích cho hết thầy. Thế nên, hết thầy tên nhon tham, sân, si không thể vào thân bậc Sa-môn chân-thực được. Bồ-tát xuất-gia dùng ba môn quán, tu hạnh nhẫn-nhục là chân-xuất-gia: quán các chúng-sinh là hóa-thân của Phật, quán nơi thân mình là ngu-phu thực; quán các hữu-tình khởi ra tưởng là bậc tôn-quý, quán nơi thân mình khởi ra tưởng là hàng tôi-tớ; lại quán chúng-sinh khởi ra tưởng coi chúng-sinh như cha mẹ, quán nơi thân mình khởi ra tưởng coi mình như con trai, con gái. Bồ-tát xuất-gia thường làm những quán ấy, hoặc bị người đánh mắng, hoàn-toàn không báo-thù lại, mà chỉ tìm phương-tiện khéo-léo để điều-phục tâm mình.

Tỷ-khưu Trí-Quang! Các ông nghe kỹ! Thế nào là bốn vô-cấu-tính? - Là: Quần áo, đồ nằm, thức ăn uống và thuốc men. Bốn sự như thế tùy theo chỗ có được, hoặc xấu hoặc tốt cũng vừa lòng, xa-lìa hẳn tâm tham-cầu, thế là “vô-cấu-tính”. Các Tỷ-khưu! Bởi nhân-duyên gì bốn hạnh như thế gọi là “vô-cấu-tính”? Trí-Quang nên biết! Ba mươi bảy phẩm Bồ-đề-phận-pháp [8] của chư Phật Như-Lai đều từ đây phát-sinh và Phật, Pháp, Tăng-bảo do đó mà thường không bị đoạn-tuyệt, nên được gọi là “vô-cấu-tính”. [9]

Khi ấy, đức Thế-Tôn nói kệ rằng:
Tỷ-khưu Trí-Quang ông nghe kỹ!
Bồ-tát xuất-gia cần nên làm:
Vô-duyên đại-từ nhiếp chúng-sinh,
Cũng như con một đều bình-đẳng.

Phát tâm Bồ-đề cầu chính-giác,
Nên làm ba việc thành Phật-pháp:
Tam thường-trụ bốn vô-cấu-tính;
Nên tu mười hai hạnh Đầu-đà,
Nhún lòng như bọ Chiên-đà-la.
Trong bốn uy-nghi nghi thế này:
Mười phương vô-lượng các Bồ-tát;
Sát-na, sát-na hướng Thánh-đạo,
Các vị tu chứng, ta cũng thế!
Làm sao lưu-chuyển trong ba cõi,
Thường trong sinh-tử vô-lượng khổ?
Nay thân ta này ở cõi nào?
Sáu đạo luân-hồi ở đạo nào?
Thai, noãn, thấp, hóa [10] nhận loài nào?
Thân, khẩu, ý-nghiệp tu nghiệp nào?
Trong chỗ tạo tội, tội gì nặng?
Tam trong ba tính, [11] tâm nào nhiều?
Quán-sát vi-tế như thế rồi,
Đại-từ, đại-bi thường tiếp nói;
Đại-hỷ, đại-xả, tâm ấy trước,
Vì người có duyên nói diệu-pháp.
Ngày đêm tu tâm không ngừng tạm,
Như bỏ đá đầu, gỡ đầu chày.
Niệm ba môn quán thường chẳng rời,
Quán các chúng-sinh là thân Phật;
Chỉ ta riêng ở trong phạm-loại,
Hết thấy chúng-sinh đều tôn-quý,
Ta làm tội-tớ ở thấp-hèn;
Chúng-sinh trên đời như cha mẹ,
Ta như trai, gái lành hiếu-dưỡng.
Bị người đánh mắng chẳng giận hiềm,
Siêng tu nhẫn-nhục không ghen, oán.
Bốn sự cúng-dàng tâm không ham,
Như thế gọi là “vô-cấu-tính”.
Ba mươi bảy phẩm Bồ-đề-phận,
Cùng được quả-báo thân Như-Lai;
Thù-thắng vô-lậu pháp như thế,
Bốn vô-cấu-tính là căn-bản.
Không hạnh buông-lung, thường tu-tập,
Thế là xuất-gia: Chân-phật-tử!

Mầm trí Bồ-đề niệm niệm thêm,
Vô-lậu Thánh-đạo đều thành-tự.
Chóng vượt qua được vô-lượng kiếp,
Ngồi trên Hoa-vương [12] trong pháp-giới.
Phúc, trí trang-nghiêm đều viên-mãn,
Vô-biên kiếp-hải lợi quần-sinh;
Do vô-cấu-tính đều thành-thục,
Chứng thường-trụ-quả của Như-Lai. [13]

Lại nữa, Tỷ-khuru Trí-Quang! Bồ-tát xuất-gia đối với vấn-đề y-phục, không nên tham-trước, dù tốt dù xấu tùy chỗ mình được thế nào nên vậy, thường thường đối với thí-chủ cần phải vì họ sinh ra ruộng phúc cho họ, chớ hiềm thô xấu và không được vì vấn-đề y-phục mà nói rộng pháp-yếu, khởi ra mọi phương-tiện tương-ứng với tâm tham.

Phàm-phu trong thế-gian vì vấn-đề y-phục tham-câu phi-pháp, tạo nghiệp bất thiện, mà phải sa-đọa vào đường ác, trải vô-lượng kiếp không được gặp chư Phật, không được nghe chính-pháp. Chịu khổ trong các đường ác xong rồi, lại sinh trở lại nhân-gian, bị nghèo cùng khốn-khổ, cầu không được khổ, ngày đêm bức-bách, áo không đủ che hình, ăn không đủ giữ mệnh. Mọi khổ như thế đều do đời trước vì việc y-phục, giết nhiều sinh-mệnh, tạo ra nhiều tội.

Bồ-tát xuất-gia không thế, tùy chỗ mình được thế nào nên vậy, không hiềm thô-ác, chỉ mang lòng thẹn-hổ để sung-túc cho pháp-y, [14] được mười thắng-lợi: Một là, che thân mình, xa-lìa được sự xấu-hổ, đầy-đủ đức biết thẹn-hổ để tu-hành thiện-pháp. Hai là, xa-lìa sự lạnh, nóng, ruồi, muỗi, thú dữ, trùng độc, để an-ôn tu đạo. Ba là, hiện ra tướng mạo Sa-môn xuất-gia, người ta trông thấy sinh tâm vui-vẻ, xa-lìa được tâm tà-vạy. Bốn là, Ca-sa tức là bóng-dáng lá cờ báu của Nhân, Thiên, chúng-sinh tôn-trọng kính-lễ được sinh Phạm-thiên. Năm là, khi mặc Ca-sa tướng-tượng là lá cờ báu, diệt được mọi tội, sinh mọi phúc-đức. Sáu là, bản-chế Ca-sa nhuộm thành hoại-sắc là để muốn xa-lìa năm dục-tướng, không sinh tâm tham-ái. Bảy là, Ca-sa là áo thanh-tịnh của Phật, dứt hẳn được phiền-não, tạo ra ruộng phúc tốt lành. Tám là, thân mặc Ca-sa, tội nghiệp tiêu-trừ, mười thiện nghiệp-đạo, niệm niệm tăng-trưởng. Chín là, Ca-sa cũng như ruộng tốt hay làm tăng-trưởng Bồ-tát-đạo. Mười là, Ca-sa cũng như áo giáp, mũ trụ, tên độc phiền-não không hại được.

Trí-Quang nên biết! Bởi nhân-duyên ấy, chư Phật trong ba đời cùng các bậc
Duyên-giác, Thanh-văn thanh-tịnh xuất-gia, thân đều mặc Ca-sa và ba bậc
Thánh ấy đồng ngồi trong rừng báu giải-thoát, cầm gươm trí-tuệ, phá ma
phiền-não, cùng vào các cõi Niết-bàn nhất-vị.

Lúc đó, đức Thế-Tôn nói bài kệ rằng:

Tỷ-khưu Trí-Quang nên nghe khéo!
Áo đại-phúc-điền mười thắng-lợi.
Y-phục thế-gian thêm dục-nhiễm,
Áo pháp Như-Lai không như thế.
Áo pháp ngăn đời sự thẹn-hổ,
Thẹn-hổ viên-mãn sinh ruộng phúc.
Xa-lia rét, nắng và trùng độc,
Tâm-đạo vững bền được cứu-cánh.
Thị-hiện xuất-gia lìa tham-dục,
Dứt năm tà-kiên, [15] chính tu-trì.
Chiêm-lễ Ca-sa tướng bảo-chàng,
Cung-kính sinh phúc bậc Phạm-vương.
Phật-tử mặc áo tướng như tháp,
Cảm Nhân, Thiên-phúc, tội tiêu-diệt.
Dáng nghiêm chí-kính; chân-sa-môn,
Chỗ làm không nhiễm theo trần-tục.
Chư Phật khen ngợi là ruộng tốt,
Lợi-lạc mọi loài đây hơn cả;
Thần-lực Ca-sa không nghĩ, bàn,
Hay khiến trông tu Bò-đề-hạnh.
Mầm đạo lớn thêm như lúa Xuân,
Điều-quả Bò-đề như trái Thu;
Kim-cương bền-vững thực giáp-trụ,
Tên độc phiền-não không hại được.
Tôi nay khen qua mười thắng-lợi,
Nhiều kiếp nói rộng không hết được;
Nếu có thân rồng đeo một sợi,
Được thoát khỏi miệng chim trả ăn.
Nếu người qua bề mang áo này,
Không sợ các nạn quý, rồng, cá.
Sấm chớp âm-âm như trời giận,
Mặc áo Ca-sa không sợ hãi.
Tại-gia nếu hay thân kính giữ,

Hết thầy quý dữ không dám gần.
Nếu hay phát tâm cầu xuất-gia,
Chán bỏ thế-gian, tu đạo Phật.
Ma-cung mười phương đều chấn-động,
Người ấy chứng thân Pháp-vương chóng. [16]

Lại nữa, Bồ-tát Trí-Quang! Phật-tử xuất-gia thường làm hạnh khát-thực, dù rằng phải xả thân-mệnh, chứ không bao giờ dứt tâm ấy. Sở-dĩ thế là sao? Hết thầy chúng-sinh đều y trụ nơi ẩm-thực, bởi thế nên khát-thực lợi-ích vô cùng. Các ông nên biết! Bồ-tát xuất-gia thường đi khát-thực, vì nó có mười thắng-lợi. Những gì là mười? Một là, thường đi khát-thực để nuôi sống thân-mệnh mình, nhưng được xuất-nhập tự-do không bị hệ-thuộc vào người khác. Hai là, khi đi khát-thực, trước tiên nói diệu-pháp cho người ta nghe, khiến người ta khởi tâm thiện, sau mới xin thức-ăn cho mình. Ba là, vì những người không biết bố-thí, phát tâm đại-bi vì họ nói chính-pháp cho họ nghe, khiến họ khởi tâm xả-thí, mà sinh được thắng-phúc. Bốn là, làm theo lời Phật dạy để tăng-trưởng giới-phẩm, phúc-đức viên-mãn, trí-tuệ vô cùng. Năm là, thường đi khát-thực, đối với bảy mạn, chín mạn [17] tự-nhiên tiêu-diệt, mọi người cung-kính cho là ruộng phúc tốt lành. Sáu là, khi khát-thực sẽ được tướng “vô-kiến-đỉnh” [18] của Như-Lai, ứng-nhận sự cúng-dâng rộng lớn của thế-gian. Bảy là, Phật-tử các ông theo học pháp này, trụ-trì Tam-bảo, làm lợi-ích cho chúng-sinh. Tám là, khi khát-thực không được vì cầu thức ăn uống mà khởi ra tâm hy-vọng, khen ngợi hết thầy con trai, con gái. Chín là, khi đi khát-thực nên theo lần-lượt, không nên phân-biệt nhà nghèo, nhà giàu. Mười là, thường đi khát-thực chư Phật hoan-hỷ, được nhất-thiết-trí, là duyên lành hơn hết.

Bồ-tát Trí-Quang! Tôi vì các ông nói qua về mười sự lợi-ích như thế, nếu phân-biệt rộng ra thời vô-lượng vô-biên. Tỷ-khuru các ông, cùng những người đời sau cầu Phật-đạo nên học như thế!

Bấy giờ đức Thế-Tôn nói bài kệ rằng:

Bồ-tát Trí-Quang ông nghe kỹ!
Đại-sĩ xuất-gia nên bỏ tham;
Phát tâm tu-hành đạo xuất-thế,
Khát-thực Đâu-đà là căn-bản.
Phàm-phu nương món ăn hữu-lậu,
Bậc Thánh-y món ăn vô lậu:
Hữu-lậu, vô-lậu các phàm, Thánh,

Hết thầy đều y món ăn, sống.
Tôi vì các ông là Phật-tử,
Khai-diễn hai lợi-hạnh [19] xuất-thế;
Nhu-Lai ba đời đều khen-ngợi,
Công-đức khát-thực có mười lợi:
Riêng gọi hạnh này là tối-thắng,
Xuất nhập tự-tại không ràng-buộc;
Trước khiến thí-chủ phát sơ-tâm,
Xu-hướng Bồ-đề, sau mới ăn.
Vì trừ sển tham nói diệu-pháp,
Rảo tới đại-xả vô-lượng-tâm;
Theo đại-sư dạy đi khát-thực,
Tăng-trưởng vô-lượng các phạm-hạnh.
Bảy mạn, chín mạn tự trừ diệt,
Được các Nhân, Thiên thường cung-kính;
Định-tướng Nhu-Lai không thấy được,
Quay xe diệu-pháp hóa mười phương.
Hết thuở vị-lai truyền pháp này,
Khiến không đoạn-tuyệt Tam-bảo-chủng;
Nếu vì ăn uống khởi tâm tham,
Không nên khen-ngợi các nam, nữ.
Khởi ý bình-đẳng đại-từ-bi,
Không sinh phân-biệt giàu, nghèo khó.
Thanh-tịnh khát-thực Phật khen-ngợi,
Nhất-thiết chủng-trí từ đây sinh.
Nhu-Lai ba đời hiện ra đời,
Vì chúng-sinh nói bốn món ăn: [20]
Đoạn, xúc, tư, thức là bốn món,
Là món ăn hữu-lậu của đời.
Chỉ có Pháp-hỷ, Thiên-duyệt-thực, [21]
Mới là món ăn của Hiền-Thánh.
Các ông chán bỏ mùi đời này,
Nên cầu món ăn vô-lậu hơn! [22]

Lại nữa, Bồ-tát Trí-Quang! Phật-tử xuất-gia đối với thuốc men không nên tham-đắm. Nếu khi có bệnh, thứ thuốc người ta sắc rồi bỏ đi, như vị Ha-lê (Haritaki) Tỳ-lê và A-ma-lặc (Amalaka) thời nên lấy những thứ thuốc ấy mà uống; cho đến một đời chỉ uống những thứ thuốc bỏ đi ấy mà thôi. Và, đối với những thứ thuốc ấy vẫn thường sinh niệm “tri-túc” (biết đủ), như thế gọi là “chân-thực Sa-môn”.

Phật-tử xuất-gia thường uống thuốc bỏ đi, người ấy thu được mười thắng-lợi. Những gì là mười? Một là, vì cầu thuốc thang nhưng, không phải gần luôn với người khác, thời tắt hẳn được tâm tham-cầu và an-trụ được trong chính-niệm. Hai là, “bất-tịnh quán-môn” [23] được thành-tựu dễ-dàng, tâm xuất-thế được vững-vàng. Ba là, đối với các trần-vị, thường không sinh tâm tham-đắm, chóng chứng được chính-trí, hưởng mùi Thiên-duyệt. Bốn là, đối với hết thảy tài-vật thế-gian, thường biết “tri-túc”, chóng được giải-thoát. Năm là, không phải gần những phạm-phu thế-gian mà thường thân-cận với những bạn lành thanh-tịnh xuất-thế-gian. Sáu là, vì không hiềm ghét các thứ thuốc bỏ đi, thời đối với các thức ăn uống không tốt cũng được giải-thoát. Bảy là, đối với những thứ thuốc quý, quyết không hy-vọng, được hết thảy thế-gian tôn-trọng. Tám là, chóng điều-phục được các bệnh phiền-não, chứng được pháp-thân thường-trụ của Như-Lai. Chín là, dứt hẳn hết thảy phiền-não trong ba cõi, chữa khỏi những bệnh nặng về thân-tâm chúng-sinh. Mười là, thuận lời Phật dạy tu hạnh Bồ-tát, phúc-trí viên-mãn, được Đại-bồ-đề.

Trí-Quang nên biết! Tôi vì các ông nói qua về mười thắng-lợi của sự uống thuốc bỏ đi, diệuhạnh như thế, Bồ-tát xuất-gia trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều cùng tu-học. Các ông cần nên vì các chúng-sinh mà diễn-thuyết, lưu-bố phương-pháp này đừng để đoạn-tuyệt, tức là vì Như-Lai đặt rộng sự cúng-dàng; dù thế-gian có của đem cung-kính cúng-dàng cũng không bằng được. Và, đối với hạnh Bồ-tát lại không bị thoái-chuyển, chóng chứng đạo vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề.

Khi ấy, đức Thế-Tôn nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Tỷ-khuru Trí-Quang ông nghe khéo!
Người xuất-gia uống thuốc vô-cấu;
Diệuhạnh Bồ-tát, đó là trước,
Chúng-sinh có bệnh như mình bệnh.
Lấy đại-bi cứu mọi khổ,
Lại dùng từ-tâm cho an-lạc;
Thuốc hay tối-thượng cho người ta,
Người trước bỏ đi, mình lấy uống.
Bồ-tát không kén thuốc tốt, xấu,
Chỉ chữa các bệnh cho an-ôn;
Lấy thứ thuốc thừa người ta bỏ,
Uống thuốc lấy đủ trị khỏi bệnh.
Lấy thuốc người bỏ có mười lợi,

Như-Lai ba đời cùng khen-ngợi:
Tuy cầu thuốc men không gần người,
Tắt hẳn cầu cạnh, nương chính-niệm
Quán-môn “bất-tịnh” để thành-thực,
Gây nhân Bồ-đề đời xa sau;
Không ham cam-vị bỏ mọi tham,
Nên cầu Pháp-hỷ, Thiên-duyệt-thực.
Của báu ở đời tri-túc được,
Thu được thất Thánh-tài [24] vô-lậu;
Bỏ kẻ phàm-phu, không ở chung,
Thân-cận Thánh-Hiền làm lương-hữu.
Bởi thế không xiêm các thuốc bỏ,
Vớ đồ ẩm-thực, dứt tham-cầu;
Cổ quý, thuốc hay không hy-vọng,
Thế-gian bởi thế đều tôn-trọng.
Hay chữa thân tâm-bệnh phiền-não,
Ngộ được Chân-như pháp-tính-nhân;
Dứt hẳn tập-khí trong ba cõi,
Chứng được vô-thượng chân-giải-thoát.
Thuận lời Phật dạy hướng Bồ-đề,
Phúc-trí viên-thành thân quả-báo.
Phật-tử các ông đều tu học,
Sẽ ngồi nơi Kim cương đạo-tràng. [25]

Lại nữa, Trí-Quang! Bồ-tát xuất-gia xa lìa chỗ huyên-náo, ở nơi A-lan-nhã, [26] tu-nhiếp tâm mình trong vô-lượng nghìn năm để cầu Phật-đạo. Như-Lai trong ba đời bỏ những nơi huyên-náo, ở những nơi không-nhàn vắng-lặng, tu thêm muôn hạnh, chứng quả Bồ-đề. Bậc Duyên-giác, bậc Thanh-văn hết thấy Hiền-Thánh chứng được Thánh-quả cũng đều ở nơi tịch-tĩnh như thế. Nơi A-lan-nhã có mười thắng-đức, làm cho người tu, chứng được ba quả Bồ-đề. [27] Những gì là mười thắng-đức? Một là, vì được tự-tại, ở nơi A-lan-nhã, trong bốn uy-nghi không bị hệ-thuộc người khác. Hai là, bỏ “ngã, ngã-sở” nên gọi là A-lan-nhã, vì vậy khi ở dưới gốc cây không còn sự chấp-trước. Ba là, đối với những đồ ngồi nằm không ham-đắm, do đó nên được nằm trên giường “tứ vô-úy”. [28] Bốn là, nơi A-lan-nhã, ba độc ít-ỏi, nên bỏ được cảnh sở-duyên của tham, sân, si. Năm là, thích ở nơi A-lan-nhã tu hạnh viễn-ly, không cầu năm thứ dục-lạc của Nhân, Thiên. Sáu là, bỏ nơi huyên-náo ở nơi nhàn-tịch, tu-tập Phật-đạo không tiếc thân-mệnh. Bảy là, ưa thích nơi tịch-tĩnh, hết thấy sự-nghiệp thế-gian được thành-tựu dễ-dàng, không chướng-ngại. Tám là, hết thấy sự-nghiệp của thế-gian hay xuất-thế-gian đều

được thành-tự dễ-dàng, không chướng-ngại. Chín là, nơi A-lan-nhã là “Tam-muội-không” [29] hay chúng được trăm nghìn thứ đại-tam-muội. Mười là, lấy “thanh-tịnh như-không” làm nhà cửa, [30] tâm không chướng-ngại, được đại-trí-tuệ.

Trí-Quang nên biết! Nơi A-lan-nhã có vô-lượng công-đức như thế! Bởi nhân-duyên ấy, Phật-tử xuất-gia thề bỏ thân-mệnh, không bỏ rừng núi; nếu vì nghe pháp hay cúng-dàng người đau, sư-tăng, cha mẹ, phải ra ngoài nơi A-lan-nhã vào trong làng xóm thời nên chóng trở về nơi A-lan-nhã. Nếu có nhân-duyên chưa về được, nên tưởng: “Nay ở nơi làng xóm này cũng như ở chốn núi rừng, tài vật sở đắc giả-dối như chiêm-bao, và nếu có được, không nên tham-trước!” Phật-tử như thế là “Ma-ha-tát”. [31]

Bảy giờ, đức Thế-Tôn nói bài kệ rằng:

Trí-Quang các ông nghe cho kỹ!
Nơi ở của người không phiền-não:
Xa nơi huyên-náo ở nơi tĩnh,
Đó là những nơi thần-tiên ở.
Bồ-tát ba đời cầu Bồ-đề,
Ở trong Lan-nhã thành chính-giác;
Duyên-giác, Thanh-văn các Thánh-chúng,
Cũng ở nơi này chúng Bồ-đề.
Ở A-lan-nhã được mười lợi,
Hay khiến chúng được quả Tam-thừa:
Du-hành tự-tại như sư-tử,
Trong bốn uy-nghi không ràng-buộc.
Dưới cây rừng núi bậc Thánh ham,
Không “ngã, ngã-sở” là Lan-nhã;
Áo mặc đồ nằm không ràng-buộc,
Ngôi tòa sư-tử “tứ-vô-úy”.
Bỏ các phiền-não là Lan-nhã,
Hết thấy tham-ái không ham-đắm.
Ở ngoài sự-vật chán trần-lao,
Không ham năm dục-lạc trên đời.
Người xa huyên-náo, ưa tịch-tĩnh,
Bỏ thân, xả mệnh cầu Phật-đạo;
Ở nơi tịch-tĩnh không tiếng người,
Tán-loạn trong tâm không phát-khởi.
Nghịệp thiện thế-gian, xuất-thế-gian,

Tâm không chướng-ngại đều thành-tự.
Bởi thế, Lan-nhã là căn-bản,
Hay sinh trăm nghìn thứ Tam-muội.
Lấy “đại-không-tịch” làm hư-không,
Thân-tâm người tu không chướng-ngại.
Đầy-đủ được mười thắng-lợi ấy,
Thế nên các Thánh thường ở đó.
Trí-Quang các ông, các Phật-tử,
Nếu muốn chóng thành Nhất-thiết-trí;
Cho đến trong mộng không bỏ rời,
Nơi A-lan-nhã: Bồ-đề-đạo.
Sau Tôi diệt-độ, người phát tâm,
Thường hay ở nơi A-lan-nhã;
Không lâu ngồi trên Bảo-hoa-vương,
Chúng được pháp-thân thường-lạc-quả. [32]

Khi đức Thế-Tôn nói pháp ấy, vô-lượng trăm nghìn vị Sơ-phát-tâm đối với đạo vô-thượng được Bất-thoái-chuyển. Bọn ông Trí-Quang, các Bồ-tát-chúng được Đà-ra-ni, đầy-đủ đại-thần-thông. Trăm vạn Nhân, Thiên phát tâm Bồ-đề, ngộ ba pháp-môn giải-thoát.

Lúc đó, Như-Lai bảo đại-chúng rằng: “Nếu có tịnh-tín thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào được nghe pháp-môn sâu xa về bốn “vô-cấu-tính” như thế, thụ-trì, đọc tập, giải-thuyết, biên chép, những người ấy ở nơi sinh của họ, họ sẽ gặp được bậc thiện-tri-thức, tu hạnh Bồ-tát mãi mãi không bị thoái-chuyển, không bị hết thấy các nghiệp phiền-não nhiều-loạn; trong đời hiện-tại được phúc-trí lớn, trụ-trì Tam-bảo, được sức tự-tại, nối tiếp Phật-chúng không đoạn-tuyệt. Và, khi mệnh mất quyết được sinh lên cung trời Tri-túc, yết-kiến Ngài Di-Lặc, chứng ngôi Bất-thoái; trong hội đầu Long-Hoa được nghe chính-pháp, thụ Bồ-đề-ký, chóng thành Phật-đạo; nếu nguyện muốn sinh sang cõi nước chư Phật trong mười phương, thời tùy sở-nguyện mình mà được vãng-sinh, được thấy Phật, nghe pháp, cứu-cánh bất-thoái vô-thượng chính-đẳng chính-giác.” [33]

TOÁT-YẾU

IV.- PHẠM VÔ-CÁU-TÍNH

Các ông Trưởng-giả được xuất-gia rồi, liền xin Phật nói cho nghe về công-đức thù-thắng của sự xuất-gia: Bồ-tát xuất-gia nên an-trụ thế nào? Nên tu-tập nghiệp vô-cầu thế nào? Nên điều-phục tâm hữu-lậu thế nào?

Đức Phật dạy: “Bồ-tát xuất-gia ngày đêm cần quán-tưởng: Thân ta có đây do đâu mất đi mà sinh ra? Sau đây ta sẽ sinh vào châu nào, đạo nào? Tại sao ta xuất-gia được? Chư Phật quá-khứ đã qua, chư Phật vị-lai chưa ra đời, hiện tại còn bao nhiêu đức Phật sẽ ra đời? Bao giờ đức Di-Lặc ra đời? Thân ta có nghiệp thiện gì? Học giới, định, tuệ, có đức gì? Sau đây liệu có gặp được Phật không? Ba nghiệp trong thân này gì là nặng hơn? Ta đã tạo tội gì? Ta đã trồng thiện-căn ở nơi đức Phật nào? Thân ta được bao lâu nữa? Mất đi sẽ sinh vào đâu? Ta sao khỏi được ba đường dữ? Thân này luôn luôn suy-giảm, ta yêu-thích làm gì?

Bồ-tát không ham năm dục, siêng-năng tu-tập, quán-tưởng không ngừng, coi như gỡ lửa cháy trên đầu. Và, tâm thường sám-hối, trụ vào 4 vô-cầu-tính, tu 12 hạnh Đầu-đà cùng điều-phục tâm mình.

Bốn vô-cầu-tính là bốn thứ tùy chỗ có được thế nào nên thế, không tham-cầu. Và, do 4 thứ ấy sinh ra 37 Bồ-đề-phận của chư Phật; ngôi Tam-bảo không bị đoạn-tuyệt. Bốn vô-cầu-tính ấy là: quần áo, đồ nằm, thức ăn uống và thuốc men.

- Bồ-tát xuất-gia đối với quần-áo, đồ nằm dù xấu, tốt không chê, khen, chỉ nhất tâm hồi-hướng công-đức cho thí-chủ và luôn luôn mang lòng thẹn-hổ, sung-túc cho pháp-y được 10 thắng-lợi: xa lìa tu-sỉ, xa lìa lạnh, nóng..., hiện tướng xuất-gia, được sự tôn-kính, diệt tội sinh phúc, không sinh tham-ái, tạo ruộng phúc tốt, thiện-nghiệp tăng-trưởng, tăng-trưởng Bồ-tát-đạo và phiền-nã không hại.

- Bồ-tát xuất-gia thường làm hạnh khát-thực, dù xả thân-mệnh chứ không bỏ. Khát-thực có 10 thắng-lợi: Sống mình bằng tự-do, nói pháp cho người, khởi tâm xả-thí, tăng-trưởng phúc-trí, tiêu-diệt khinh-mạn, được vô-kiến đỉnh-tướng, Tam-bảo thường-trụ, không khởi hy-vọng khen chê, tâm không phân-biệt và được Nhất-thiết-trí.

- Bồ-tát xuất-gia đối với thuốc men không ham-đắm. Khi có bệnh chỉ uống thứ thuốc bỏ đi của người mà vẫn sinh niệm tri-túc. Uống thuốc bỏ đi được 10 thắng-lợi: Được uống thuốc nhưng không gần người, thành bất-tịnh-quán, không sinh tham-đắm, biết tri-túc được giải-thoát, được gần bạn lành, không

tâm hiềm-ghét, không tâm hy-vọng, điều-phục được bệnh phiền-não, dứt hẳn phiền-não và được Đại-bồ-đề.

- Bồ-tát xuất-gia xa-lìa chỗ huyên-náo ở nơi A-lan-nhã, thu-nhiếp thân-tâm, để cầu Phật-đạo. Chư Phật, Hiền-thánh trong ba đời đều ở nơi A-lan-nhã mà thành Bồ-đề. Ở nơi A-lan-nhã có 10 thắng-đức: Không bị hệ-thuộc, bỏ “ngã, ngã-sở”, được 4 vô-úy, bỏ tham, sân, si, không cầu năm dục, không tiếc thân-mệnh, sự-nghiệp thế-gian dễ thành, sự-nghiệp xuất-thế dễ thành, chứng nhiều đại-định và được đại-trí-tuệ.

Đức Phật nói về vô-cấu-tính rồi, nhiều người phát tâm vô-thượng bất-thoái-chuyên; các Bồ-tát cùng bọn ông Trí-Quang được Đà-ra-ni thân-thông và nhiều Nhân, Thiên phát tâm Bồ-đề được 3 pháp giải-thoát.

Đức Phật kết-khuyến: “Nếu ai được nghe, thụ-trì, đọc tụng, giải-thuyết, biên chép phẩm Vô-cấu-tính này hiện-thế được nhiều lợi-lạc, sau này được gặp đức Di-Lặc, được thụ-ký và sẽ thành Phật.

[1] Vô-cấu-tính: Đối với 4 thứ: quần áo, đồ nằm, thức ăn uống, thuốc men, tuy phải dùng nhưng, không tham-cầu, không làm nhiễm-ô chân-tính là “vô-cấu-tính”.

[2] Vô-duyên từ-bi: “Từ-bi” có nghĩa là cho vui, cứu khổ. “Vô-duyên từ-bi” là 1 trong 3 loại từ-bi. Ba loại từ-bi là: 1/ Chúng-sinh-duyên từ-bi: Tâm từ-bi coi tất cả chúng-sinh như cha mẹ, quyến-thuộc. Vì có duyên với họ, nên thường nghĩ tới sự cho vui, cứu-khổ họ. Tâm từ-bi này phần nhiều do tại nơi phạm-phu hoặc những người hữu học, chưa dứt được phiền-não mà phát-khởi. 2/ Pháp-duyên từ-bi: Bậc Thánh-nhân trong Tam-thừa đã dứt được phiền-não, đạt tới pháp-không (sự-vật là không), phá được tướng “ngã” nơi ta, cùng phá và diệt được tướng nhất (một), dị (khác), chỉ thương chúng-sinh không biết là “pháp-không”, nhất tâm muốn gỡ khổ, được vui, nên tùy theo ý họ mà gỡ khổ, cho vui cho họ. 3/ Vô-duyên từ-bi: Tâm từ-bi này chỉ có nơi Phật. Tâm chư Phật không trụ vào trong tính hữu-vi vô-vi, không trụ vào trong ba đời: quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, biết rõ mọi duyên là không thực, điên-đảo hư-vọng, nên tâm không bị duyên vào đó. Song, chư Phật vì thấy chúng-sinh không biết thực-tướng của các pháp, phải đi lại

trong năm đường, tâm chấp-trước vào các pháp, lấy, bỏ, phân-biệt, vì vậy nên tâm không duyên với chúng-sinh, nhưng, vẫn làm cho hết thảy chúng-sinh tự-nhiên được sự lợi-ích trong sự cho vui, cứu khổ.

[3] La-hâu-la (Rahula): Tào dịch là “Phú-chương”. Là con trai của Thái-Tử Tất-đạt-đa (tức là đức Phật). Theo Phật xuất-gia, là vị Mật-hạnh đệ nhất.

[4] Đoạn trên, từ chữ “Khi” đến chữ “nào”, các ông Trưởng-giả xin Phật dạy cho về cách an-trụ, tu-tập, điều-phục tâm như thế nào?

[5] Mười hai hạnh Đầu-đà: “Đầu-đà” (Dhùta): Tào dịch là “Đầu-tâu” có nghĩa là vị thực-hành phương-pháp giữ bỏ, nghĩa là không tham-trước về 3 món: quần áo, ăn uống và nơi ở. Thực-hành hạnh này cần giữ 12 điều: 1/ Mặc áo đụp. 2/ Chỉ có 3 áo. 3/ Đi khất-thực. 4/ Không ăn nhiều bữa. 5/ Ăn một bữa đúng trưa. 6/ Ăn có hạn. 7/ Ở nơi A-lan-nhã. 8/ Ngồi nơi mộ-địa. 9/ Ngồi dưới gốc cây. 10/ Ngồi nơi đất trống. 11/ Ngồi nơi đất cỏ. 12/ Thường ngồi không nằm.

[6] Chiên-đà-la (Candàla): Tức là người đồ-tể. Xưa kia, tại Ấn-độ hạng người này là người ngoài 4 giai-cấp trong xã-hội. Hạng người này đi ra đường phải cầm cờ, lắc chuông v.v... để người ta biết để tránh.

[7] Ca-sa (Kasàya): Có nghĩa là áo nhuộm hoại-sắc, không để chính-sắc. Ca-sa là áo của các vị Tỷ-khru. Ca-sa có ba bậc: 1/ An-đà-hội (Antarvāsaka) 5 điều. 2/ Uất-đa-la-tăng (Uttarāsanga) 7 điều. 3/ Tăng-già-lê (Sanghāti) 9 điều đến 25 điều.

[8] 37 Bồ-đề-phận-pháp: Tức 37 đạo-phẩm: 4 niệm xứ, 4 chính-cần, 4 như-ý-túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác-chi và 8 chính-đạo. (Xem trong quyển Bước đầu học Phật có giải rõ)

[9] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “Vô-cấu-tính”, đức Phật dạy về cách an-trụ, tu-hành và điều-phục của Bồ-tát xuất-gia. Bồ-tát xuất-gia luôn luôn quán nhân-quả 3 đời tại nơi mình, cần tu hạnh Đầu-đà, điều-phục tâm mình như bọn Chiên-đà-la và không tham-câu về 4 sự thường dùng: quần áo, đồ nằm, ăn uống, thuốc-thang. Do đó, phát sinh đạo-phẩm và Tam-bảo thường-trụ.

[10] Thai, noãn, thấp, hóa: Tức là 4 loại sinh: 1/ Thai-sinh (Jarāyujā): loài do thai-nghén rồi sinh con. 2/ Noãn-sinh (Andaja): Loài sinh trứng. 3/ Thấp-

sinh (Samsvedaja): Loài nương nơi âm-thấp mà sinh. 4/ Hóa-sinh (Upapàduka): Loài y vào nghiệp-lực mà hóa-sinh.

[11] Ba tính: Thiện, ác và vô-ký (không thiện không ác).

[12] Hoa-vương: Tức là tòa Kim-cương hoa-quang-vương. “Hoa-vương”: bông hoa cao quý, rộng khắp biểu-tượng cho pháp-giới vô-lượng. Pháp-giới vô-lượng ví như hoa sen nghìn cánh, mỗi cánh là trăm ức cỗi và mỗi cỗi có một đức Phật thuyết-pháp độ-sinh. Theo ý nghĩa trên, thời trong câu “Hoa-vương” này có nghĩa là chư Phật thành Phật (chúng được pháp-thân), sẽ đem lại phúc-lợi cho tất cả chúng-sinh trong pháp-giới không phân-biệt.

[13] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy” đến chỗ “Nhu-Lai”, đức Phật nhắc lại ý-nghĩa đã nói trong chính-văn về việc an-trụ, tu-hành điều-phục, để gây mầm Bồ-đề, thành tựu vô-lậu thánh-đạo và làm lợi-lạc cho quần-sinh.

[14] Pháp-y: Áo đúng pháp, không tham-câu, không thừa-thãi

[15] Năm tà-kiến: 1/ Thân-kiến: chấp ta và của ta. 2/ Biên-kiến: chấp một bên, hoặc là “đoạn” hay là “thường”. 3/ Tà-kiến: không tin nhân, quả. 4/ Kiến-thủ: chấp chặt tri-kiến mình là hơn. 5/ Giới-cấm-thủ: chấp giữ những giới-cấm phi-lý.

[16] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa”, đến chữ “chóng”, đức Phật nói rõ sự cần-thiết và lợi-ích của y-phục. Việc y-phục, người biết tri-túc, không tham-câu, thời sẽ là ruộng phúc cho thí-chủ, mầm đạo Bồ-đề sẽ tươi tốt như lúa về mùa Xuân, sẽ hưởng được quả tốt như quả chín mòm trong mùa Thu; không bị sợ-hãi trong các tai-nạn và chóng thành vô-thượng-giác.

[17] 7 mạn, 9 mạn: “Mạn” có nghĩa là cậy mình khinh người:

7 mạn: 1/ Mạn: kém mà cho mình hơn. 2/ Quá-mạn: bằng mà cho mình hơn. 3/ Mạn-quá-mạn: người hơn mà cho mình hơn. 4/ Ngã-mạn: chấp ta, của ta sinh nông-ngheñh. 5/ Tăng-thượng-mạn: chưa chứng Thánh-quả cho mình đã chứng. 6/ Ty-mạn: người hơn mình nhiều phần lại cho mình là kém ít phần. 7/ Tà-mạn: làm ác được kết-quả sinh nông-ngheñh.

9 mạn: 1/ Ngã-thắng-mạn: bằng, lại cho ta là hơn. 2/ Ngã-đẳng-mạn: hơn, lại nghĩ ta bằng. 3/ Ngã-liệt-mạn: người hơn nhiều, cho ta là kém ít. 4/ Hữu-thắng ngã-mạn: nghĩ người so-sánh với mình là hơn. 5/ Hữu-đẳng ngã-mạn: nghĩ người cùng mình bằng. 6/ Hữu-liệt-ngã: nghĩ người kém mình. 7/ Vô-

thắng-ngã: nghĩ người đối với mình không hơn. 8/ Vô-đẳng-ngã: nghĩ người đối với mình không bằng. 9/ Vô-liệt-ngã: nghĩ người đối với mình không kém.

[18] Vô-kiến-đỉnh: Tức là tướng Nhục-kế của Phật. Tướng này ở trên đỉnh đầu Phật, hết thầy Nhân, Thiên không trông thấy được, nên gọi là “vô-kiến-đỉnh”.

[19] Hai lợi-hạnh: Lợi mình và lợi người.

[20] Bốn món ăn: 1/ Đoàn-thực: xưa gọi là “đoàn-thực”: Những đồ ăn phải chia ra từng phần, từng nắm, từng miếng mà ăn. 2/ Xúc-thực: xưa gọi là “lạc-thực”: xúc-chạm những việc vui mừng, thân-thể lớn khỏe, không ăn cũng không biết đói. 3/ Tư-thực: xưa gọi là “niệm-thực”: Ý-thức thứ 6 nghĩ (tư) đến cảnh mong muốn, sinh ra niệm hy-vọng, mà giúp-đỡ các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) sinh-trưởng. 4/ Thức-thực: 8 thức hay chống-chối và gìn-giữ cho thân-mệnh chúng-sinh, nên gọi là “thức-thực”. Bốn món trên đều chống-chối, gìn-giữ và nuôi lớn thân-mệnh chúng-sinh, nên gọi là “thực” (món ăn).

[21] Pháp-hỷ, Thiên-duyệt-thực: Nghe pháp vui mừng căn lành thêm lớn, giúp ích cho thân-mệnh trí-tuệ, cũng như những món ăn của thế-gian giúp cho thân-thể, nên gọi là “Pháp-hỷ-thực”. Lấy sự vui vắng-lặng trong thiên-định nuôi-nấng thân-tâm, nên gọi là “Thiên-duyệt-thực”.

[22] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” cho đến chỗ “vô-lậu hơn”, đức Phật dạy về việc khát-thực. Khát-thực có nhiều lợi-ích cho mình và lợi-ích cho người. Người khát-thực phải có tâm bình-đẳng, ăn đủ sống, không tham-cầu và biết rằng 4 món ăn của thế-gian còn là món ăn hữu-lậu (còn phải sinh-tử, chưa giải-thoát), chỉ có món ăn: Pháp-hỷ, Thiên-duyệt là món ăn của Hiền-thánh, là món ăn vô-lậu (được giải-thoát, không còn sinh-tử).

[23] Bất-tịnh quán-môn: Môn quán về thân không trong-sạch.

[24] Thất Thánh-tài: 7 thứ của của Hiền-thánh: 1/ Tín: tín-thụ chính-pháp. 2/ Tiên: tinh-tiên cầu đạo. 3/ Giới: giữ-gìn giới-luật. 4/ Tàm-quí: biết thẹn-hổ nơi mình và người. 5/ Văn: tin nghe chính-giáo. 6/ Xả: vui bỏ hết thầy. 7/ Định-tuệ: lắng trong vọng-niệm, soi tỏ sự lý.

[25] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “đạo-tràng”, đức Phật dạy các Phật-tử xuất-gia khi có bệnh nên uống thứ thuốc của người đã sắc bỏ đi,

Uống thứ thuốc này tức là không còn có sự khen, chê, tham-cầu, để dễ quán bất-tịnh, diệt phiền-não và phúc-trí chóng viên-thành.

[26] A-lan-nhã: (Àrinya): Nơi núi rừng thanh-vắng mà các vị tu-hành ở, Tàu dịch là: “Vô-tránh-thanh”: nơi xa vắng không còn có tiếng cãi-cọ; “Nhàn-tịch”: nơi vắng-lặng, thông-thả; “Không-nhàn”: nơi trống-trải, rộng-rãi bao-la, không huyên-náo, được tự-tại; “Viễn-ly-xứ”: nơi xa tránh sự xôn-rộn của đời.

[27] Ba quả Bồ-đề: Tức là 3 chính quả của Thanh-văn, Duyên-giác và Phật.

[28] Tứ vô-úy: Bốn pháp nói về tâm hóa-tha không sợ. Vô-ú có 2 thứ: vô-úy của Bồ-tát và vô-úy của Phật.

A.- Vô-úy của Phật: 1/ Nhất-thiết-trí vô-sở-úy: nói được nhất-thiết-trí tâm không sợ-hãi. 2/ Lậu-tận vô-sở-úy: nói dứt hết mọi phiền-não, tâm không sợ-hãi. 3/ Thuyết-chương-đạo vô-sở-úy: nói ra pháp chương-hại đạo Phật, tâm không sợ-hãi. 4/ Thuyết-tận-khổ-đạo vô-sở-úy: nói rằng hết khổ-đạo, tâm không sợ-hãi.

B.- Vô-úy của Bồ-tát: 1/ Nghe giữ và ghi nhớ giáo-pháp không quên nên thuyết-pháp không sợ. 2/ Biết pháp-được và biết căn-tính chúng-sinh nên thuyết-pháp không sợ. 3/ Khéo hay về sự vấn-đáp nên thuyết-pháp không sợ. 4/ Hay ngắt dứt nỗi ngờ của chúng-sinh nên thuyết-pháp không sợ.

[29] Tam-muội không: Ý nói nơi A-lan-nhã là nơi tu định, nơi này cũng ví như hư-không hàm-tàng muôn vật, muôn vật đều hàm-tàng trong hư-không, như mọi môn định đều tự nơi A-lan-nhã mà sinh-trưởng.

[30] Ý nói: Ở nơi A-lan-nhã tâm trong sạch, rộng-rãi như hư-không.

[31] Ma-ha-tát: Gọi đủ là Ma-ha-tát-đỏa (Mahàsatt-va), Tàu dịch là “Đại tâm, Đại chúng-sinh, Đại hữu-tình”; có nghĩa là chúng-sinh có tâm rộng lớn, làm những việc lớn-lao. Ma-ha-tát là tiếng gọi thông-thường chỉ cho vị Bồ-tát.

[32] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa” đến chỗ “thường lạc-quả” đức Phật dạy: Bồ-tát xuất-gia cần phải ở nơi thanh-vắng, tránh xa sự huyên-náo, tu-tập muôn hạnh, để chứng Bồ-đề. Nơi ấy có 10 thắng-đức nên chư Phật và Tam-thừa. Thánh-nhân đều do nơi ấy mà thành đạo. Người phát tâm ở nơi A-lan-nhã, quyết sẽ chứng pháp-thân.

[33] Đoạn trên, từ chỗ “Khi đức Thế-Tôn” đến chỗ “chính-giác” là nói về sự nghe pháp cũng như sự thụ-trì pháp-môn này, hiện nay và mai sau được nhiều sự lợi-ích.

V.- PHẨM A-LAN-NHÃ

Bấy giờ, trong pháp-hội có một vị Đại-bồ-tát tên là THƯỜNG-TINH-TIẾN nhờ uy-thần của Phật, liền từ tòa đứng dậy, chỗi áo vai hữu, gối hữu để xuống đất, chấp tay cung-kính bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật nói nơi A-lan-nhã là Bồ-đề đạo-tràng, nếu có người nào phát tâm cầu Bồ-đề, không nên lìa bỏ nơi A-lan-nhã ấy. Trong nơi A-lan-nhã ấy có nhiều chúng-sinh như: hổ, báo, sài-lang, trùng-độc, thú-dữ cho đến chim bay, thợ săn, không biết đến Như-Lai, không nghe chính-pháp, lại không kính Tăng, các chúng-sinh ấy không tu lại thiện-căn, xa lìa sự giải-thoát, thế mà, làm sao Như-Lai lại khiến người tu-học ở nơi A-lan-nhã ấy để chóng được thành Phật? Kính xin Thế-Tôn vì các chúng-sinh phân-biệt, giải-thuyết, giải-quyết cho sự ngờ vực ấy, làm cho chúng-sinh được vui-vẻ phát tâm Bồ-đề, khiến họ không bị thoái-chuyển!”

Đức Phật bảo Bồ-tát Thường-Tinh-Tiến: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện-nam-tử! Ông đem lòng đại-từ hởi Như-Lai về sự thanh-tịnh giải-thoát, lợi-ích cho những người tu-hành mai sau, công-đức ấy vô lượng. Ông nghe kỹ, nghe kỹ và nhớ nghĩ khéo! Nay Tôi vì ông phân-biệt diễn nói về các công-đức của nơi A-lan-nhã!” Bồ-tát Thường-Tinh-Tiến bạch: “Dạ, bạch Thế-Tôn! Con nguyện muốn được nghe!”

Đức Phật bảo Bồ-tát Thường-Tinh-Tiến: “Như ông nói nơi A-lan-nhã được thành bậc Thánh nhưng, trong rừng núi nhiều chúng-sinh bởi nhân-duyên gì, không được thành Phật. Nghĩa ấy không phải. Sở-dĩ thế là sao? – Các chúng-sinh kia không biết Tam-bảo, không biết chán, đủ, không biết thiện, ác; ở trong rừng núi tuy có nhiều trân-bảo của thế-gian, mà họ vẫn không biết được chỗ ẩn-náu của nó. Đại-bồ-tát không như thế, Thiện-nam-tử! Bồ-tát biết Phật, Pháp, Tăng-bảo là của báu xuất-thế-gian, bảy ngọc báu ẩn-náu là của báu thế-gian, các vị đều phân-biệt được mọi sắc-tướng của nó, biết chỗ ở của nó nhưng, không tham-cầu, cũng không thích thấy, huống là còn nhặt lấy?”

Bồ-tát xuất-gia phát tâm kiên-cố không tiếc thân-mệnh, lìa bỏ cha mẹ, lục-thân quyến-thuộc, thích ở nơi rừng núi, thường nghĩ: “Giả-sử khi hết kiếp,

cõi tam-thiên đại-thiên này bảy mặt trời mọc ra, hỏa-tai bùng cháy, thiêu-đốt muôn vật, mặt trời, trăng, sao, núi Tu-di, bảy núi Kim-son, núi Thiết-vi... , lúc thời đến đều bị tiêu-tan; ngay đến cõi cao nhất ba cõi là cõi trời Phi-phi-tướng, khi hết tám vạn kiếp lại sinh xuống cõi đất; Chuyển-luân Thánh-vương có nghìn con vây quanh, thất-bảo quyến-thuộc và bốn châu đều phục, mà khi quả-báo của thọ-mệnh hết cũng không dừng được chốc lát. Nay ta cũng thế, giả-sử tuổi thọ đủ trăm năm, bảy báu đầy-đủ, hưởng-thụ mọi sự khoái-lạc nhưng, sứ-giả Diễm-ma đến là không khỏi được vô-thường. Thấy thế nên suy-nghĩ rằng: “Nay ta không gì bằng thay thế cha mẹ ta cùng các chúng-sinh tu hạnh Bồ-tát, sẽ được thân kim-cương bất-hoại, rồi trở lại trong ba cõi độ cho cha mẹ”. Phát-nguyện ấy rồi ở nơi Lan-nhã vì các chúng-sinh phát ra những thệ-nguyện rộng lớn. [1]

Bồ-tát thượng-căn phát-nguyện: “Nguyện, con khi chưa thành Phật trở lại, thường ở nơi đất trống, luôn luôn ngồi không nằm”. Bồ-tát trung-căn phát-nguyện: “Nguyện, con khi chưa thành Phật trở lại, thường ngồi ở dưới cây có lá che rợp, không nằm”. Bồ-tát hạ-căn phát-nguyện: “Nguyện, con khi chưa thành Phật trở lại, thường ngồi trong nhà đá, không nằm”.

Ba căn trong Bồ-tát xuất-gia như thế, ngồi trong ba tòa [2] vừa nói, đều nghĩ: “Bồ-tát thuở quá-khứ ngồi trên tòa này, chúng được Đà-ra-ni môn công-đức tự-tại; các Bồ-tát trong đời đã qua, hiện nay và mai sau, đều ở trên tòa này được Đà-ra-ni tu chúng tự-tại; ta cũng như thế, nay ta ngồi nơi này quyết sẽ thành-tựu Đà-ra-ni, được tự-tại. Nếu chưa thành-tựu và được tự-tại, ta quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã!”

Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được bốn tâm vô-lượng (từ, bi, hỷ, xả) quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được năm sức thần-thông, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được sáu pháp Ba-la-mật, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được phương-tiện thiện-sảo, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa điều-phục được hết thủy hữu-tình, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được bốn nhiếp-pháp, [3] quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu-tập được pháp lục-niệm [4] quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành-tựu được “trí-tuệ, đa-văn”, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành-tựu được sức tin bền-vững, quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa dứt trừ được sáu mươi hai kiến, [5] quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu-tập được tám chính-đạo, [6] quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa dứt

hẳn được tập-khí của phiền-nã-chương, sở-tri-chương, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được trí-tuệ vi-diệu trong việc tùy bệnh cho thuốc, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được tâm Đại-bồ-đề, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã, Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được hằng-sa Tam-muội, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa thành-tựu được vô-lượng thần-thông, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát dùng sức thần-thông nơi đại-định (định-thông-lực) thấy mười tám “không” [7] mà tâm không kinh, đại-sự như thế nếu chưa thành-tựu, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được Nhất-thiết-trí, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được Nhất-thiết-chủng-trí, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa tu-tập được ba mươi bảy Bồ-đề phân-pháp, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được muôn hạnh trong Thập-địa, [8] quyết không lia-bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát ở trong trăm kiếp chưa tu-hành được về nghiệp-quả của tướng tốt, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được bốn trí của Như-Lai, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát chưa viên-mãn được sự chứng Đại-niết-bàn, quyết không lia bỏ nơi A-lan-nhã. Hoặc có Bồ-tát ngồi tòa Kim-cương mà chưa chứng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác, quyết ngồi luôn không đứng dậy. Thế là Bồ-tát thực-hành hạnh A-lan-nhã.

Thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia phát tâm Bồ-đề, vào trong rừng núi, ngồi trên ba tòa vừa nói, mài luyện thân tâm, trải bao đại-kiếp, tu muôn hạnh, chứng được vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề.

Lúc đó, đức Thế-Tôn nói lại nghĩa trên bằng lời kệ sau này:

Thời xưa nhân-địa các Như-Lai,
Ở A-lan-nhã, lia trần-tục;
Đoạn, dẹp phiền-nã, sở-tri-chương,
Vượt qua ba cõi chứng Bồ-đề.
Bồ-tát quá-khứ tu hành-nguyện,
Lấy A-lan-nhã làm nhà cửa;
Trong vô-số kiếp tu phúc-trí,
Cứu-cánh Thập-địa chứng tam thân.
Bồ-tát vị-lai cầu Phật-quả,
Vào trong núi sâu tu diệu-hạnh;
Dứt trừ hai chương, nhân sinh-tử,
Sẽ chứng tam-không chân giải-thoát.

Mười phương hiện-tại các Bồ-tát,
Tu-trì muôn hạnh ở “không-nhàn”;
Không tiếc thân-mệnh cầu Bồ-đề,
Niệm niệm chứng được vô-sinh-trí.
Nếu muốn chóng chứng Tam-muội sâu,
Nhân tu diệu-định, siêu-thần-thông;
Nơi A-lan-nhã tâm không rộn,
Biến được đại-địa thành thất-bảo.
Nếu muốn dạo chơi khắp mười phương,
Đi lại tự-tại vận thần-thông;
Cúng-dàng chư Phật lợi quần-sinh,
Ở nơi Lan-nhã không sợ-hãi.
Muốn chứng trí như-huyễn hữu, vô, [9]
Hiểu thấu các pháp bản-lai-không;
Ở A-lan-nhã, Bồ-đề-tràng,
Khiến chúng, cũng vào chân-giải-thoát. [10]
Nếu muốn chóng được như-như-trí,
Chứng-hội các pháp như-như-tính;
Hết đại-kiếp-hải lợi quần-sinh
Thường ở Lan-nhã nơi không-tịch.
Nếu người muốn được nan-tư-trí,
Tu-di thu vào trong hạt cải;
Tu-di, hạt cải tướng bất-hoại,
Vào nhà thần-thông trong Lan-nhã. [11]
Nếu người muốn được vô-ngại-trí,
Một tiếng diệu-âm dùng thuyết-pháp;
Tùy loại chúng-sinh đều được thoát,
Nên ở Lan-nhã tu diệu-quán.
Nếu muốn không sinh và không diệt,
Ứng-hiện quốc-độ khắp mười phương;
Phóng quang thuyết-pháp lợi quần-sinh,
Chớ lìa Lan-nhã nhà không-tịch.
Nếu lấy ngón chân ấn đại-địa,
Khiến cõi mười phương đều chấn-động;
Thấy tướng, phát tâm trừ tà-kiến,
Nên ở Lan-nhã quán tự-tâm. [12]
Nếu muốn trong khi Phật xuất-hiện,
Tối-sơ kính dâng vi-diệu-cúng;
Thí-ba-la-mật đều viên-mãn,
Ở A-lan-nhã tu diệu-hạnh.

Nếu người, khi Phật nhập Niết-bàn,
Tối-hậu cúng-dàng thành nghĩa “Thí”;
Dứt hẳn nghèo-cùng và tám nạn,
Thệ-nguyện ở trong A-lan-nhã.
Nếu muốn phúc-trí đều viên-mãn,
Chư Phật mai sau sắp Niết-bàn;
Nhận nguyện rộng lớn, Phật giao cho,
Ở A-lan-nhã tu lục niệm.
Sau khi chư Phật nhập Niết-bàn,
Kết tập di-pháp độ chúng-sinh;
Trợ-tán chân-thừa của chư Phật,
Ở nhà “không-tịch” trong Lan-nhã.
Đại-sư Nhân, Thiên: Đấng Thế-Tôn,
Khó thấy, khó gặp hơn Ưu đàm;
Nếu muốn yết-kiến, sửa cúng-dàng,
Nên ở Lan-nhã, bi-nguyện rộng.
Mọi báu tuy tôn, PHÁP tôn hơn,
Thành Phật, hóa lợi do đây cả;
Như người muốn được thường nghe pháp,
Ở A-lan-nhã tu phạm-hạnh.
Đầu, từ thân này đến thân Phật,
Thường nguyện phát tâm hoàng chính-giáo;
Cho đến khi chưa được Bồ-đề,
Niệm niệm không bỏ A-lan-nhã.
Nếu người muốn báo ơn cha mẹ,
Thay thế cha mẹ phát thệ-nguyện;
Vào Bồ-đề-tràng trong Lan-nhã,
Ngày đêm thường tu về diêu-đạo.
Nếu muốn đời nay thêm phúc-trí,
Mai sau không đọa trong tám nạn;
Như thế, chúng-sinh phát thiện tâm,
Ở A-lan-nhã tu bi-nguyện.
Bồ-tát ba đời cầu chân-giác,
Được đạo Niết-bàn trong Lan-nhã;
Thế nên gọi là đại-đạo-tràng,
Thánh-chúng Tam-thừa đồng ở đó.
Bồ-tát chán khổ vào rừng núi,
Vì độ quần-sinh cầu Thánh-đạo;
Tự chưa thành Phật độ người trước,
Sáu đạo, bốn loài đều thương-xót.

Bồ-tát thượng-căn ở đất trống,
Bồ-tát trung-căn trong bóng lá;
Bồ-tát hạ-căn ở nhà đá,
Chưa thành Phật-đạo thường không nằm.
Bồ-tát ba đời ở Lan-nhã,
Được sức tự-tại Đà-ra-ni;
Nay ta thề cùng tâm Bồ-đề,
Chừa được Tổng-trì, ở đây mãi.
Được Đại-bồ-đề ở Lan-nhã,
Vào đại-viên-tịch do đây được;
Bồ-tát khởi phát trí kim-cương,
Đoạn hoặc, chứng chân [13] thành Diệu-giác.
Hóa rộng chúng-sinh qua làng xóm,
Vì cầu tịch-diệt ưa rừng núi;
Nhân muôn hạnh đây, quả cũng trọn,
Hết thời vị-lai độ mọi loài.

Khi đức Thế-Tôn nói về hạnh A-lan-nhã của Bồ-tát xuất-gia như thế, vô lượng Bồ-tát chứng Cực-hỷ-địa; Hàng-hà-sa vô số Bồ-tát lia hẳn tướng, dụng vi-tế phiền-não, chứng Bất-động-địa; bất-khả-thuyết, bất-khả-thuyết Đại-bồ-tát dứt hết thầy hoặc-chướng vào Diệu-giác-địa; vô-biên chúng-sinh phát tâm vô-đẳng-đẳng, vô-thượng chính-đẳng chính-giác; chín vạn bảy nghìn chúng-sinh xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh. [14]

TOÁT-YẾU V.- PHẨM A-LAN-NHÃ

Bấy giờ trong pháp-hội, Đại-bồ-tát Thường-Tinh-Tiến bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Phật nói nơi A-lan-nhã là đạo-tràng Bồ-đề, ai phát tâm Bồ-đề không nên rời nơi ấy, sao các thú dữ, trùng-độc, chim bay, thợ săn ở ngay nơi ấy lại không nghe, biết Tam-bảo, tu lại thiện-căn, mà Phật cứ bảo người tu-học ở nơi ấy để chóng thành Phật?”

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Thường-Tinh-Tiến: “Ông nói thế không phải. Chính vì các chúng-sinh kia không biết chi cả. Ngay đến những thứ quý báu ở trong rừng, họ cũng không biết ở chỗ nào. Bồ-tát không thế. Bồ-tát biết Tam-bảo là của quý, nên của báu của đời Bồ-tát biết rõ-ràng nhưng không tham-cầu. Bồ-tát phát tâm kiên-cố, không tiếc thân-mệnh, bỏ tình thân-

quyển, ở nơi rừng núi, thường nghĩ: “Ba cõi này có lúc cũng sẽ tiêu-tan, dù người ở ngôi tôn như Chuyên-luân-vương hay như thân ta sống đến trăm tuổi cũng không tránh khỏi vô-thường. Chi bằng ta thay cha mẹ cùng chúng-sinh tu hạnh Bồ-tát, sẽ được thân kim-cương bất-hoại, rồi trở lại ba cõi độ cho hết-thảy”. Do đó, Bồ-tát thượng-căn ở nơi A-lan-nhã nguyện: “Trong khi chưa thành Phật ngồi luôn, ở nơi đất trống không nằm!” Bồ-tát trung-căn nguyện: “Trong khi chưa thành Phật ngồi dưới gốc cây không nằm!” Bồ-tát hạ-căn nguyện: “Trong khi chưa thành Phật ngồi trong hang đá không nằm!” Và, các Bồ-tát đều nghĩ: “Các Bồ-tát trong ba đời đều ngồi trên tòa này tu chứng Đà-ra-ni tự-tại, ta đây cũng quyết thành-tựu như vậy, nếu không, ta không lìa bỏ nơi này!”

Hoặc có các Bồ-tát nguyện không lìa bỏ nơi A-lan-nhã nếu chưa dứt trừ được 62 kiến, chưa dứt trừ được tập-khí của hai chướng. Hoặc có các Bồ-tát nguyện không lìa bỏ nơi A-lan-nhã nếu chưa viên-mãn được: 4 tâm vô-lượng, 5 sức thần-thông, 6 Ba-la-mật, 4 nhiếp-pháp, 8 chính-đạo, 6 niệm. Và, nếu chưa được thiện-sảo phương-tiện, chưa điều-phục được hết thảy hữu-tình, chưa được trí-tuệ đa văn, chưa được sức tin vững-chắc, chưa được trí-tuệ vi-diệu trong việc tùy bệnh cho thuốc, chưa được đại-bồ-đề-tâm, chưa được hằng-sa tam-muội, chưa được vô-lượng thần-thông, chưa thành-tựu định-thông-lực, thấy 18 không, chưa được Nhất-thiết-trí, Nhất-thiết-chủng-trí, chưa chứng được 37 bồ-đề-phận-pháp, chưa được hạnh-môn trong Thập-địa, chưa tu được nghiệp-quả về tướng tốt, chưa được 4 trí, chưa chứng Đại-niết-bàn và chưa thành vô-thượng-giác... quyết không lìa bỏ nơi A-lan-nhã.

Bồ-tát xuất-gia phát tâm bồ-đề ở trong rừng núi, mài luyện thân tâm, tu muôn hạnh trong nhiều đại-kiếp, để chứng vô-thượng chính-đẳng bồ-đề!

Khi đức Phật nói về hạnh A-lan-nhã, rất nhiều Bồ-tát hoặc chứng được Cực-hỷ-địa, hoặc chứng được Bất-động-địa, hoặc vào Diệu-giác-đạo và nhiều chúng-sinh hoặc phát tâm vô-thượng bồ-đề, hoặc xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

[1] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “rộng lớn”, Bồ-tát Tinh-Tiến ngờ hỏi về việc nơi A-lan-nhã. Đức Phật nói rõ nghiệp-duyên chúng-sinh ở nơi ấy, để phá tan sự ngờ vực. Và, Ngài còn nói rộng về các Bồ-tát thích ở rừng núi, vì quán thấy lẽ khổ trong vô-thường, nên nguyện tu-hành để báo ân.

[2] Ba tòa: Ngồi nơi đất trống, dưới cây và nhà đá.

[3] Bốn nhiếp-pháp: Bốn phương-pháp thực-hành để dắt dẫn chúng-sinh, tin theo chính-đạo: 1/ Bồ-thí. 2/ Ái-ngữ. 3/ Lợi-hành. 4/ Đồng-sự.

[4] Lục-niệm: Sáu phương-pháp nhớ nghĩ: 1/ Niệm-Phật: nghĩ đến Phật đủ mười hiệu, phúc-trí viên-mãn, mong muốn bằng Phật. 2/ Niệm-Pháp: nghĩ đến Pháp là lời nói của Phật có nhiều công-đức, mong muốn chứng được. 3/ Niệm-Tăng: nghĩ đến các vị Tăng, được vô-lậu-pháp, đầy-đủ ba học, làm ruộng phúc cho đời, mong tu hạnh ấy. 4/ Niệm-giới: nghĩ đến giới-hạnh có nhiều thế-lực ngăn trừ ác-pháp, mong gắng hộ-trì. 5/ Niệm-thí: nghĩ đến hạnh bố-thí có công-đức lớn, trừ bệnh sên tham, muốn đem thiện-pháp bố-thí cho chúng-sinh. 6/ Niệm-thiên: nghĩ đến các cõi trời, do tu thiện-căn, giới, thí, được sự khoái lạc tự nhiên, mong đủ công-đức ấy, sinh lên những nơi ấy.

[5] 62 Kiến: Sáu mươi hai thứ tà-kiến (tu-tướng sai lầm) này, kinh, luận giải-thích không đồng, nay y vào phẩm Phật-mẫu trong kinh Bát-nhã phân-tích sự thiên chấp về: sắc, thụ, tướng, hành, thức và thân, thần như sau:

A.- Cháp 5 uẩn thuộc quá-khứ : 1/ Sắc là thường. 2/ Sắc là vô-thường. 3/ Sắc là thường, vô-thường. 4/ Sắc là phi thường, phi vô-thường. Thụ, Tướng, Hành, Thức 4 uẩn đều chấp 4 thứ như vậy nên thành 20 kiến.

B.- Cháp 5 uẩn thuộc hiện-tại: 1/ Cháp sắc (không-gian) là hữu biên (có bờ cõi, nghĩa là có chỗ cùng cực). 2/ Cháp sắc là vô-biên. 3/ Cháp sắc là hữu-biên, vô-biên, 4/ Cháp sắc là phi-hữu-biên, phi-vô-biên. Thụ, Tướng, Hành, Thức 4 uẩn đều chấp 4 thứ như vậy, nên thành 20 kiến.

C.- Cháp 5 uẩn thuộc vị-lai: 1/ Cháp sắc là như khứ: chấp sắc thân sinh lại thế-gian này thế nào, khi chết đi, đến đời sau vẫn như thế. 2/ Cháp sắc là bất-như-khứ: quá-khứ không có chỗ lại, thời vị-lai cũng không có chỗ đi. 3/ Cháp sắc là như-khứ, bất-như-khứ: sắc thân, thức-thần hòa-hợp thành người, sau khi chết thức-thần đi, sắc thân không đi. 4/ Cháp sắc là phi như khứ, phi bất như khứ (câu này có nghĩa là đả phá câu thứ ba). Thụ, Tướng, Hành, Thức bốn uẩn đều chấp bốn thứ như vậy, nên thành 20 kiến.

Cháp 5 uẩn trong 3 đời thành 60 kiến và thêm chấp về “thân”, “thần” là “nhất” (một) hay là “dị” (khác), mà thành 62 kiến.

[6] 8 chính-đạo: chính-kiến, chính-tư-duy, chính-ngữ, chính-nghiệp, chính-mệnh, chính-tinh-tiến, chính-niệm và chính-định.

[7] 18 không: “Không”: Các pháp do nhân-duyên sinh, rốt-ráo không có thực-thể, gọi là “không”. Lại là sự không-tịch của lý-thể. 18 Không: 1/ Nội không. 2/ Ngoại-không. 3/ Nội ngoại không. 4/ Không-không. 5/ Đại không. 6/ Đệ nhất nghĩa không. 7/ Hữu-vi không. 8/ Vô-vi không. 9/ Tất-cánh (rốt-ráo) không. 10/ Vô-thủy không. 11/ Tán không. 12/ Tính không. 13/ Tự-tính không. 14/ Chư pháp-không. 15/ Bất khả đắc không. 16/ Vô pháp không. 17/ Hữu pháp không. 18/ Vô pháp, hữu pháp không.

[8] Thập-địa: 1/ Hoan-hỷ-địa. 2/ Ly-khô-địa. 3/ Phát-quang-địa. 4/ Diệm-tuệ-địa. 5/ Nan-thắng-địa. 6/ Hiện-tiền-địa. 7/ Viển-hành-địa. 8/ Bất-động-địa. 9/ Thiện-tuệ-địa. 10/ Pháp-vân-địa. Mười bậc này đều gọi là “địa”, vì thấu tóm các công-đức hữu-vi và vô-vi dùng làm tự-tính, cùng làm chỗ nương-tựa chắc-chắn hơn cả cho sự tu-hành, khiến hay sinh-trưởng, cho nên gọi là “Địa”.

[9] Trí như-huyễn hữu, vô: “Như-huyễn” có nghĩa là vẫn giả mà giống như thực. Như những người làm trò, xuất hiện vai này, vai khác trên sân khấu, làm cho người ta trông thấy, nghe thấy như thực, gọi đó là “huyễn”. Sự huyễn tuy thấy, nghe như thực, mà chẳng phải thực. Vì vậy, đem ví-dụ cho hết thảy pháp (sự vật) là không thực. Nơi đây nói được trí-tuệ, quán-chiếu hữu (có), vô (không) là như-huyễn, nên gọi là “trí như-huyễn hữu, vô”.

[10] Đoạn trên, từ chữ “Muốn” đến chữ “thoát”, 4 câu kệ này nói: ở nơi Lan-nhã chúng được trí như-huyễn hiểu rõ các vật bản-lai là không và làm cho chúng-sinh cùng hiểu, để vào được nơi giải-thoát chân-thực.

[11] Đoạn trên từ chỗ “Nếu muốn chúng được như-như-trí”, đến chỗ “trong Lan-nhã”, 8 câu kệ này nói: ở nơi Lan-nhã sẽ chúng được chính-trí trong lý-thể của pháp-tính bình-đẳng không hai, đem lại lợi-lạc cho chúng-sinh mãi mãi. Chúng được chính-trí ấy, đầy-đủ sức thần-diệu không thể nghĩ bàn, quán-chiếu rõ thực-tính, thực-tướng của mọi pháp, như hạt cải là vật cực nhỏ, núi Tu-di là vật rất lớn, mà thực-tướng lý-thể của chúng vẫn bình-đẳng không hai. Do bình-đẳng không hai và do trí-lực vi-diệu, sự chuyển-biến qua nhau, không chi chướng-ngại nên nói “Tu-di thu vào trong hạt cải”.

[12] Đoạn trên từ chỗ “Nếu người” đến chỗ “tự tâm”, 12 câu kệ ấy cũng nói về: ở nơi Lan-nhã sẽ được trí-tuệ vô-ngại, cất tiếng vi-diệu nói pháp, chúng-sinh nghe được đều giải-thoát. Và, tùy duyên ứng-hiện độ-sinh, dùng

thần-thông, tới đâu chỉ ấn ngón chân xuống đất là khắp nơi rung-chuyển, đất nước trang-nghiêm, chúng-sinh phát tâm theo chính-đạo.

[13] Đoạn hoặc chứng chân: Dứt trừ vọng-hoặc (phiền-não) chứng-nhập chân-trí.

[14] Đoạn trên, từ chỗ “Bồ-tát thượng căn phát-nguyện” (thuộc chính-văn), đến chỗ “được pháp nhãn-tịnh” này, đức Phật nói về các Bồ-tát ở nơi Lan-nhã, tùy theo trình-độ, tự lập những lời thệ-nguyện kiên-cố, nếu không chứng-quả không bỏ A-lan-nhã. Tiếp sang bài kệ cũng nhắc lại nghĩa trên và nói nhiều về trí-lực và lợi-ích vi diệu. Sau cùng, nói về chúng-hội nghe pháp được lợi.

Đến đây hết quyển thứ năm.

VI.- PHẨM LY THẾ-GIAN

Bấy giờ, Trong pháp-hội có một vị Đại-bồ-tát tên là NHẠO-VIỄN-LY-HẠNH nhờ uy-lực Phật, từ tòa đứng dậy, ở trong đại-chúng vì các Bồ-tát nói về A-lan-nhã-hạnh, phổ-cáo hết thấy các Bồ-tát rằng: “Bồ-tát xuất-gia ở A-lan-nhã nên nghĩ: Bởi nhân-duyên gì ta xa lìa thế-gian, tu diệu-hạnh thanh-tịnh ở A-lan-nhã? Các Phật-tử nhất tâm nghe kỹ! Tôi thừa Phật-lực, nay vì các vị phân-biệt diễn-thuyết về A-lan-nhã-hạnh!” Các Bồ-tát nói: “Quý hóa thay! Đại-sĩ đã vì bọn chúng tôi, cùng các vị cầu Bồ-tát-đạo đời mai sau, kính xin Đại-sĩ cứ nói cho, chúng tôi muốn nghe!”

Khi ấy, Bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh bảo đại-chúng: “Hết thấy thế-gian có nhiều sự sợ-hãi, Bồ-tát xuất-gia vì chán những sợ-hãi nơi thế-gian ấy nên lìa bỏ cha mẹ cùng các quyến-thuộc, mà đến ở nơi A-lan-nhã, tu hạnh viễn-ly.

Thế nào là những sự sợ-hãi? - Hoặc có Bồ-tát nghĩ: ““Ngã” (ta) là sợ-hãi, vì hết thấy phiền-não từ “ngã” sinh ra”. Hoặc có Bồ-tát nói: “Ngã-sở” (chỗ của ta) là sợ-hãi, vì hết thấy phiền-não từ “ngã-sở” sinh ra”. Hoặc có Bồ-tát nói: “Bảy thứ mạn” là sợ-hãi, vì các thứ mạn ấy đều không biết kính người thiện. Hoặc có Bồ-tát lấy “ba độc” kia làm sợ-hãi, vì do nó tạo ra vô lượng tội, phải sa-đọa vào các đường ác. [1]

Hoặc có Bồ-tát lấy “năm dục” kia làm sợ-hãi, vì đam-trước sự vui thế-gian, sẽ phải sa vào tám nạn. Ví như ở đời có con rắn gọi là “thất-bộ-xà”, đương

khi nó hại người, sức độc của nó rất mạnh, người ta đi ra qua bảy bước (thất bộ) bị trúng độc, thân-mệnh chết ngay. Sức của một con rắn độc còn làm tổn-hại người như thế, huống là năm con rắn cùng làm sự thương-sát, thời sức độc mạnh thêm, thân-mệnh khó toàn được! Năm dục của đời cũng thế, mỗi một thứ dục-lạc đều có thể dẫn khởi ra tám vạn bốn nghìn vi-tế trần-lao, mê-hoặc kẻ ngu-phu, làm cho họ sa-đọa vào địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh, cùng các tai-nạn khác, chịu đại-khổ-não, huống là tham-đắm đầy-đu các món “trần” khác? Vô số chư Phật như số cát sông Hằng ra đời, thuyết-pháp giáo-hóa, thời-gian vun-vút như ánh-sáng qua chỗ hờ nhanh-chóng, mà kẻ ngu-phu hoàn-toàn không được trông thấy, vì thường ở trong các đường ác như ở nhà mình, ở trong nơi không được thông-thả như xem trong vườn hí-lạc. Thời quá-khứ có đức Phật muốn khiến chúng-sinh chán bỏ năm dục mà nói bài kệ rằng:

Ví như phi-nga thấy ánh lửa,
Bơi yêu lửa quá, đua nhau vào;
Không biết tính lửa có sức cháy,
Bỏ mệnh trong lửa đành tự đốt.
Phàm-phu trên đời cũng như thế,
Ham-thích sắc đẹp đi tìm-tòi;
Không biết sắc đẹp nhiễm vào người,
Lại bị lửa đốt, mọi khổ tới.
Ví như đàn hươu trong rừng-rú,
Ham được cỏ ngon nuôi sống mình;
Thợ săn giả tiếng con hươu mẹ,
Đàn hươu trúng tên đều chết cả.
Phàm-phu trên đời cũng như thế,
Tham đắm mọi tiếng nghe vừa ý;
Không biết tiếng kia nhiễm vào người,
Khổ báo ba đường trở lại chịu.
Ví như ong mật bay đi xa.
Đạo tới rừng xuân hút mọi hoa;
Vì thích mùi thơm nơi má voi,
Tai voi nhân đó trập lại chết.
Phàm-phu trên đời cũng như thế,
Ham thích mọi mùi hương thụ-dụng;
Không biết hương kia nhiễm vào tâm,
Sinh-tử luân-hồi nhiều kiếp khổ.
Ví như cá, rỗng ở trong nước,
Bơi, lội, lặn, nổi tự vui-vẻ;

Vì tham mỗi thom bèn cắn câu,
Ham mùi, quên sống đều đến chết.
Phàm-phu trên đời cũng như thế,
Lưỡi ham mùi ngon giúp thân-thể.
Giết người, sống mình tâm thiên-lệch,
Cảm-báo tam-đồ khổ cực trọng.
Ví như voi trắng ở núi rừng,
Tự-tại cũng như sư-tử chúa;
Lòng dục loạn say thành mờ-tối,
Tìm-tòi voi cái sinh tham-nhiễm.
Hết thấy phàm-phu cũng như thế,
Tới chỗ ái-ân như voi cuồng;
Ân-ái ràng-buộc không ngừng thôi,
Chết vào địa-ngục khổ khôn lường.
Trai, gái trên đời tham-câu nhau,
Đều bởi ham-đắm các sắc-dục;
Nhân, Thiên bởi thế nên ràng-buộc,
Sa-đọa ba đường trong tăm-tối.
Nếu lia bỏ được tâm tham-dục,
Ở A-lan-nhã tu phạm-hạnh;
Quyết được vượt qua sinh-tử-khổ,
Chóng vào cung “vô-vi, thường-lạc”. [2]

Hoặc có Bò-tát lấy sự tham nhiều của làm sợ-hãi. Của báu nơi mình thường tìm, tích góp lại, mà không dám thụ-dụng, huống là đem bố-thí cho chúng-sinh nghèo thiếu? Đối với của báu của mình sinh tâm tham-trước lắm, còn đối với của báu của người lại muốn cho tổn-giảm. Bởi nhân-duyên ấy, sau khi mệnh mất phải sa-đọa vào đại-địa-ngục chịu vô-lượng khổ. Khổ-báo như thế gọi là quả-báo chính-cảm thứ nhất. Từ địa-ngục ra chịu thân súc-sinh, thân thường khổ nhọc, nước cỏ không đủ và phải qua trong nhiều thời đền trả sự tổn-hại của người trước. Mọi khổ như thế gọi là quả-báo chính-cảm thứ hai. Chịu tội ấy xong, sinh vào trong ngã-quỷ, nhân khổ đói khát vô-lượng, nghìn kiếp không nghe thấy tên thức ăn, nước uống; cổ nhỏ như kim, bụng to như núi, ví dù được thức ăn uống, theo nghiệp liền biến thành lửa. Thân khổ như thế gọi là quả-báo chính-cảm thứ ba. Hết tội ấy rồi, lại sinh về nhân-gian, nghèo cùng hèn-hạ, bị người sai khiến; đối với các của báu cầu gì khó được và đối với hết thấy thời, không được tự-tại. Dư-báo như thế gọi là “trương-tự-quả”. Hết thấy Bò-tát thấy biết nhân quả phân-minh như thế, nên thường sinh tâm sợ-hãi muốn cầu giải-thoát. Bởi chỗ sợ-hãi ấy, nên xa-lìa quyền-thuộc và ở nơi A-lan-nhã. [3]

Hoặc có Bò-tát lấy tâm khát-ái làm sợ-hãi, vì đối với những khi chưa được hết thấy của báu, ngày đêm tìm-tòi, sinh tâm khát-ái. Hoặc có Bò-tát lấy “ngã, ngã-sở-kiến” (chấp ngã) làm sợ-hãi, vì nó là chỗ nương-tựa của các phiền-não. Hoặc có Bò-tát lấy các “pháp-kiến” (chấp-pháp) làm sợ-hãi, vì nó là chỗ nương-tựa cho sở-tri-chướng. Hoặc có Bò-tát lấy sáu mươi hai kiến làm sợ-hãi, vì vào rừng tà-kiến thì khó ra khỏi được. Hoặc có Bò-tát lấy “nghi” làm sợ-hãi, vì đối với pháp chân-chính sinh tâm nghi-hoặc. Hoặc có Bò-tát lấy “đoạn kiến” (chấp dứt hẳn) kia làm sợ-hãi, vì chấp không có đời sau, gạt đi, cho là không có nhân-quả, sinh đại-tà-kiến phải đọa vào địa-ngục. Hoặc có Bò-tát lấy “thường-kiến” (chấp thường còn) kia làm sợ-hãi, vì chấp thân của chúng-sinh trong năm thú, thường hằng quyết-định, theo nghiệp thiện, ác không biến-đổi. Hoặc có Bò-tát lấy “tật-đố” (ghen-ghét) kia làm sợ-hãi, vì không chịu sự vẻ-vang của người, mang tâm-niệm ác. Hoặc có Bò-tát thường lấy “điều-cử” (xao-động) làm sợ-hãi, vì tâm không tịch-tĩnh, sinh tán-loạn. Hoặc có Bò-tát lấy tâm “bất-tín” (không tin) làm sợ-hãi, ví như người không tay, tuy đến núi báu, nhưng hoàn-toàn không lấy được gì; người không có bàn tay tin-tưởng, tuy gặp Tam-bảo nhưng không được gì. Hoặc có Bò-tát lấy “vô-thẹn” (không thẹn) kia làm sợ-hãi, vì trong không thẹn-hổ, nên thường tạo các nghiệp ác, nghiệp-chướng vô-minh khó thấy được Phật. Hoặc có Bò-tát lấy tâm “vô-quí” (không hổ) làm sợ-hãi, vì ngoài không thẹn-hổ, bỏ ân bội đức, phải sinh-tử luân-hồi và sa-đọa vào ba đường. Hoặc có Bò-tát lấy “phẫn-hận” (giận-tức, oán-hận) làm sợ-hãi, vì nó hay làm tổn-hại mình và người, thành ra sự oán-kết lẫn nhau, trong nhiều kiếp, làm chướng-ngại đạo Phật. Hoặc có Bò-tát lấy sự “vong thất” (quên mất) những quên không nhớ kia làm sợ-hãi, vì đối với sự nghe pháp không ghi nhớ được, quên mất văn-ngữ, thêm sự ngu-si. [4]

Hoặc có Bò-tát cho hết thấy những nghiệp đen tối bất thiện là sợ-hãi. Sao vậy? – Vì hết thấy nghiệp bất thiện là nhân sinh-tử, xoay chuyển trong ba cõi không thoát khỏi được, đối với vô-lượng vô-biên sợ-hãi ấy đều làm chướng-ngại thắng-pháp xuất-thế. Hoặc có Bò-tát lấy “ngũ cái” [5] làm sợ-hãi, vì năm thứ phiền-não ấy che-lấp tâm Bồ-đề của Bò-tát. Hoặc có Bò-tát lấy tâm ghen-ghét (tăng-ô) làm sợ-hãi, đối với các chúng-sinh không có tâm thương-xót, thành tu hạnh Bồ-đề hay thoái-chuyển. Hoặc có Bò-tát lấy “phá-giới-câu” làm sợ-hãi, làm như-nhớp Thánh-pháp, khó được quả-báo chân-chính. Hoặc có Bò-tát lấy “ưu-não” (lo-lắng phiền-não) làm sợ-hãi, vì vọng-tưởng mạnh làm mất nghiệp thiện. Hoặc có Bò-tát lấy tâm “ác-tác” [6] làm sợ-hãi, vì đối với chỗ tu thiện sinh tâm hối-tiếc. Hoặc có Bò-tát nói sự “cuồng túy” (say cuồng) là sợ-hãi, vì không biết thiện, ác, không có tôn-ty.

Hoặc có Bồ-tát lấy sự chết không đúng thời làm sợ-hãi, vì không an-trụ chính-niệm, quay về vô-thường. Hoặc có Bồ-tát lấy nghiệp vọng-ngữ làm sợ-hãi, vì kiếp kiếp đời đời có nói-năng gì, hết thấy chúng-sinh đều không tin, nhận. Hoặc có Bồ-tát lấy bốn món điên-đảo [7] làm sợ-hãi, vì do bốn món điên-đảo ấy phải luân-hồi sinh-tử, khởi nghiệp phiền-não không cầu Phật. Hoặc có Bồ-tát nói “bạn ác” là sợ-hãi, vì theo bạn bất-thiện ấy mà tạo ra nghiệp ác. Hoặc có Bồ-tát lấy “ngũ-uẩn-ma” làm sợ-hãi, vì thân ngũ uẩn này từ phiền-não sinh ra, sinh rồi liền dấy lên vô-lượng phiền-não; nhân các phiền-não tạo nghiệp bất thiện, do các hoặc-nghiệp sa xuống hàm sâu lớn (các đường ác), bởi nhân-duyên ấy sinh ra sợ-hãi. Hoặc có Bồ-tát lấy “phiền-não-ma” làm sợ-hãi, vì đại, tiêu-phiền-não nối-tiếp sinh-tử, làm thoái tâm Bồ-đề, bị sa-đọa vào đường ác. Hoặc có Bồ-tát chán-ngán và lo-lắng về “tử-ma” (chết) làm sợ-hãi, vì phát tâm Bồ-đề chưa được tới chỗ bất-thoái, thân nát, mệnh mất, sinh tâm thoái-chuyên. Hoặc có Bồ-tát cho các Thiên-ma là sợ-hãi, vì họ-hàng Thiên-ma đầy-dẫy trong cõi Dục, làm chướng-ngại người tu đạo, thoái tâm Bồ-đề. Hoặc có Bồ-tát lấy tâm “vô-ký” [8] làm sợ-hãi, vì đối với thiện-pháp không tiến tu được, luống qua thời-gian dài, lui mất thiện-nghiệp. Hoặc có Bồ-tát lấy tám nạn kia làm sợ-hãi, vì sa-đọa vào tám nạn ấy thời như từ chỗ tối lại vào chỗ tối; đêm dài sinh-tử khó gặp được ánh sáng. Hoặc có Bồ-tát quán địa-ngục kia làm sợ-hãi, vì một khi sa vào địa-ngục, thời trải vô-lượng kiếp chịu đại-khổ-não, khó được giải-thoát. Hoặc có Bồ-tát cho sự sa-đọa vào súc-sinh-đạo là sợ-hãi, vì trong giới bàng-sinh chịu báo ngu-si, trải vô-lượng kiếp khó thoát khỏi được. Hoặc có Bồ-tát thấy ngã-quỷ-đạo là sợ-hãi, vì trong hằng-sa kiếp chịu khổ đói khát, khó gặp được Phật, Pháp, Tăng. Hoặc có Bồ-tát tưởng sự sinh vào cõi Dục làm sợ-hãi, vì phiền-não tạp-khởi, tạo các nghiệp ác, bị sa-đọa vào ba đường. Hoặc có Bồ-tát cho cõi Sắc kia là sợ-hãi, vì “hữu-phú phiền-não” [9] hay chướng-ngại tu Định. Hoặc có Bồ-tát cho cõi Vô-sắc là sợ-hãi, vì trong ba cõi, cõi ấy tịch-tĩnh quá, cũng như Niết-bàn, nên chúng-sinh vọng-chấp làm cứu-cánh, đến khi kiếp hết mệnh mất phải sa vào địa-ngục. Hoặc có Bồ-tát cho sự thường thường sinh-tử làm sợ-hãi, vì sinh vào nhà tà-kiến, khó ra khỏi được. Hoặc có Bồ-tát cho sự chán bỏ sinh-tử làm sợ-hãi, vì chết đây, sinh kia, thường chịu khổ-não, như thế làm chướng-ngại hạnh Bồ-tát cầu Niết-bàn. Hoặc có Bồ-tát cho giọng tiếng thế-gian là sợ-hãi, vì nó làm cho tâm thường tán-loạn, phương-ngại thiện-nghiệp. Hoặc có Bồ-tát lấy “tâm, ý, thức” [10] làm sợ-hãi, vì những hành-tướng sở-duyên [11] của nó không biết được. [12]

Nếu ở nhà thế-tục, do những sự sợ-hãi ấy, ngày đêm nói-tiếp nhau nhiễu-loạn thiện-tâm, không thể chứng được pháp “không sợ-hãi”. Bồ-tát đời quá-

khứ ở nơi A-lan-nhã đều chúng được pháp không sợ-hãi, tức là vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Bồ-tát đời vị-lai ở nơi A-lan-nhã, đều sẽ được pháp không sợ-hãi, tức là vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Các Đại-bồ-tát trong mười phương hiện-tại, ở nơi A-lan-nhã, dứt bỏ hết thảy chướng-ngại, được pháp không sợ-hãi, tức là vô-thượng chính-đẳng chính-giác.

Các vị nên biết! Tùy theo căn-khí, nên tu học về sự nhiếp-niệm thân-tâm ở nơi A-lan-nhã của các Bồ-tát trong ba đời, để điều-phục vọng-tướng vĩnh-viễn không sợ-hãi, đạt tới cứu-cánh vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [13]

Lại nữa, Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã nên làm nghiệp gì? Nên làm những niệm gì? – Ngày đêm thường suy-nghĩ như thế này: “Hết thảy sợ-hãi sở-hữu của thế-gian đều từ “ngã” sinh, vì hết thảy sợ-hãi, chấp trước vào “ngã” mà sinh ra hết thảy sợ-hãi, “ngã” là căn-bản, hết thảy sợ-hãi “ngã-ái” sinh ra, hết thảy sợ-hãi “ngã-tướng” sinh ra, hết thảy sợ-hãi “ngã-kiến” sinh ra, hết thảy sợ-hãi “ngã” là trụ-xứ, hết thảy sợ-hãi nhân “ngã” mà sinh, hết thảy sợ-hãi phân-biệt sinh ra, hết thảy sợ-hãi phiền-não sinh ra, hết thảy phiền-não “ngã-ái” sinh ra”. [14]

Nếu ta ở nơi A-lan-nhã không lìa bỏ được sự chấp-trước về “ngã, ngã-sở”, không nên ở trong A-lan-nhã ấy và không bằng trở về ở nhà bạch-y (tại-gia) còn hơn. Sao vậy? - Nếu người có “ngã-tướng” (ta), không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có “nhân-tướng” (người) không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có đủ cả hai chấp: “ngã, ngã-sở”, không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có “pháp-kiến” không nên ở nơi A-lan-nhã. Nếu người có đủ bốn thứ điên-đảo chấp ấy, không nên ở nơi A-lan-nhã. Các vị nghe kỹ! Nếu có người tu-hành y vào Niết-bàn-tướng, cũng không nên ở nơi A-lan-nhã, huống là còn khởi ra các tướng phiền-não. [15]

Các vị nghe kỹ! Nếu có người không chấp-trước vào hết thảy tướng, nên an-trụ nơi A-lan-nhã, thế là đương ngồi trong “Vô-trước đạo-tràng” (nơi không chấp-trước), hết thảy các pháp đều “bất-khả-đắc”. [16] Nếu người tâm điều-nhu được, không có tranh-luận, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Đối với nhân-duyên ở đời đều không chấp-trước, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc mọi pháp, không còn nương-tựa vào nó, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Đối với hết thảy pháp có sự thấy biết bình-đẳng, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Đối với bốn uy-nghi điều-phục được tâm mình, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Bỏ được hết thảy các sợ-hãi, nên an-trụ nơi A-lan-nhã.

Các Phật-tử! Dùng lẽ yếu-ước mà nói thì những người đối với các phiền-não

giải-thoát được, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người thành-tựu được nhân Niết-bàn, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người khéo tu-hành bốn vô-cấu-tính, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người có tư-tưởng ít muốn, tri-túc, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người có trí-tuệ, đầy-đủ đa-văn, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Nếu người tu-hành được ba môn giải-thoát, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người dứt hẳn được phiền-não ràng-buộc, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người quán-sát kỹ-lưỡng được mười hai nhân-duyên, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người mà chỗ tạo-tác đã biện-giải xong, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người đã bỏ được gánh nặng, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Người chứng-ngộ diệu-lý sâu-xa của chân-như, nên an-trụ nơi A-lan-nhã. [17]

Các vị nên biết! Nơi A-lan-nhã các cây làm thuốc và gỗ lớn, nhỏ đều sinh nơi A-lan-nhã, mà từng không sợ-hãi gì, cũng không phân-biệt gì. Đại-bồ-tát ở nơi A-lan-nhã cũng thế, quán-sát thân-tâm mình như cây khô, tường vách, ngói sỏi... không khác, đối với hết thấy pháp, không có phân-biệt. Ta quán-sát thân tâm ta cũng như huyễn-mộng không thực, từng niệm từng niệm già-suy, hơi thở của ta ra rồi không vào được nữa; khi đó, do nhân thiện, ác, theo nghiệp mà chịu báo. Thân này vô-thường, chóng khởi, chóng diệt, thân này hư-giả, quyết không tồn-tại lâu được. Như thế, trong thân không có “ngã, ngã-sở” (ta, của ta), không có “hữu-tình” (chúng-sinh), không có “mệnh” (thân-mệnh), không có “dưỡng-dục” (nuôi-nấng), không có “sĩ-phu” (người sang, giỏi), không có “nhân” (người), không có “tác-nghiệp” (gây nghiệp), không có “hữu-kiến” (chấp có), mọi tướng như thế bản-lai không-tịch, cũng như hư-không, cũng như bọt nước. Niệm niệm thường nên thực-hành pháp quán như thế, thời hết thấy sợ-hãi đều được giải-thoát, như cây gỗ kia không có sự sợ-hãi. Khi ấy, các Bồ-tát được ở nơi đại-an-lạc không còn có sự sợ-hãi sinh ra, thế gọi là Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, cầu đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [18]

Lại nữa, Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, suốt ngày đêm nên quán như thế này: “Nơi A-lan-nhã này là nơi an-vui tu-tập rành bốn vô-cấu-tính. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-tập rành hạnh tri-túc. Nơi A-lan-nhã này là nơi giải-thoát các phiền-não. Nơi A-lan-nhã này là nơi đầy đủ trí-tuệ, đa-văn. Nơi A-lan-nhã này là nơi điều-phục và đoạn-diệt phiền-não-chướng, sở-tri-chướng. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng-nhập ba môn giải-thoát. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng trọn tám pháp giải-thoát. Nơi A-lan-nhã này là nơi quán-sát rành mười hai nhân-duyên. Nơi A-lan-nhã này là nơi dứt-trừ được các nghiệp-chướng. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng quả Dự-lưu đầu tiên. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng quả Nhất lai thứ hai. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng quả Bất-hoàn thứ ba. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng quả A-la-hán

thứ tư. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng quả Bích-chi-phật. Nơi A-lan-nhã này là nơi đã biện-giải xong được chỗ tạo-tác, được tự-tại. Nơi A-lan-nhã này là nơi bỏ được các gánh nặng, được nhẹ-nhàng an-vui. Nơi A-lan-nhã này là nơi được “nhị không chân-như”.

Nơi A-lan-nhã này là nơi tu vô-lượng đại-từ-tâm. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu chứng vô-lượng đại-bi-tâm. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-tập rành “hỷ-vô-lượng”. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-tập rành “xả-vô-lượng”. Nơi A-lan-nhã này là nơi phát tâm Bồ-đề. Nơi A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu-trì đến Thập-tín. [19] Nơi A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu-tiến tuần-tự đến Thập-trụ. [20] Nơi A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu thêm dần-dà đến Thập-hạnh. [21] Nơi A-lan-nhã này là nơi Bồ-tát tu-hành dần-dà đến Thập-hồi-hướng, [22] Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-tập rành bốn thiện-căn. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-hành sáu pháp Ba-la-mật. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-hành từ Sơ-địa đến Thập-địa. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng được sáu căn [23] thanh-tịnh. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng được Thiên-nhãn-thông. Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng được Thiên-nhĩ-thông và Túc-trụ-trí (túc-mệnh), Sinh-tử trí-minh (lậu-tận), Thân-cảnh (thân-túc), Tha-tâm-thông.

Nơi A-lan-nhã này là nơi có tâm-quý (thẹn-hổ). Nơi A-lan-nhã này là nơi không phóng-dật (buông-lung). Nơi A-lan-nhã này là nơi tu năm căn. [24] Nơi A-lan-nhã này là nơi chứng được vô-lượng, vô-biên Tam-muội. Nơi A-lan-nhã này là nơi được Hằng-sa Đà-ra-ni-môn, chứng tự-tại. Nơi A-lan-nhã này là nơi ngộ vô-sinh-nhẫn. [25] Nơi A-lan-nhã này là nơi dứt sinh-tử, ra hẳn ba cõi. Nơi A-lan-nhã này là nơi được Bất-thoái-chuyển. Nơi A-lan-nhã này là nơi hàng-phục hết thấy mọi ma oán-địch, tiêu-trừ nghiệp-chướng, thấy Phật, nghe Pháp. Nơi A-lan-nhã này là nơi được “Bất-cộng tối-thượng pháp-môn” [26] của Phật. Nơi A-lan-nhã này là nơi tu-tập “giới-uẩn” thanh-tịnh. Nơi A-lan-nhã này là nơi xuất-sinh “vô-lậu tam-ma-địa” (Định). Nơi A-lan-nhã này là nơi sinh Bát-nhã (trí-tuệ), chứng giải-thoát. Nơi A-lan-nhã này là nơi sinh “giải-thoát tri-kiến”. [27] Nơi A-lan-nhã này là nơi được ba mươi bảy “Bồ-đề-phận-pháp”. Nơi A-lan-nhã này là nơi được giải-thoát mười hai “nhập”. [28] Nơi A-lan-nhã này là nơi lia hẳn mười tám “giới” [29] hữu-lậu. Nơi A-lan-nhã này là nơi quán-sát mười tám “không” vi-diệu. Nơi A-lan-nhã này là nơi dung-thụ hết thấy các “pháp-không”. Nơi A-lan-nhã này là nơi sinh và tăng-trưởng mười thiện-pháp. Nơi A-lan-nhã này là nơi tăng-trưởng, kiên-cố tâm Bồ-đề. Nơi A-lan-nhã này là nơi chư Phật ba đời khen-ngợi. Nơi A-lan-nhã này là nơi hết thấy Bồ-tát cung-kính, tán-thán.

Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Tỳ-Bà-Thi (Vipassin) thành đạo ở dưới

gốc cây Ni-câu-đà. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Thi-Khí (Sikhin) thành đạo ở dưới gốc cây Thi-ly-sa. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Tỳ-Xá-Phù (Vessabhù) thành đạo ở dưới gốc cây A-thi-bà-đa. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Câu-Lưu-Tôn (Kakusandha) thành đấng-chính-giác ở dưới gốc cây Vô-uru. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Câu-Na-Hàm-Muru-Ni (Konagamana) thành đấng-chính-giác ở dưới gốc cây Ưu-đàm. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Ca-Diếp (Kassapa) thành đấng-chính-giác ở dưới gốc cây Sa-đà. Nơi A-lan-nhã này là nơi đức Phật Thích-Ca (Sākya-muni) thành đạo ở dưới gốc cây Tất-bát-la. Các ông nên biết! Nơi A-lan-nhã có vô-lượng vô-biên công-đức thắng-lợi như thế! [30]

Lúc đó, Bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh vì đại-chúng nói bài kệ rằng:

Bồ-tát xuất-gia ở Lan-nhã,
Cần nên nghĩ gì, làm nghiệp gì?
Mọi sự sợ-hãi, thế-gian có,
Đều từ “ngã-kiến, ngã-sở” sinh.
Nếu đoạn-trừ được “ngã, ngã-sở”,
Hết thấy sợ-hãi không nơi dựa.
Nếu còn có tâm chấp “ngã-kiến”,
Rốt-ráo không thành Bồ-đề-đạo:
Niết-bàn thường-trụ đều vô-tướng,
Huống là phiền-não phi-pháp-tướng?
Không chấp các pháp và chúng-sinh,
Tâm không tranh-luận, tu chính-niệm;
Trong bốn uy-nghi điều-phục tâm,
Nên ở Lan-nhã thường tịch-tĩnh.
Dứt được phiền-não, tâm tri-túc,
Ở trong Lan-nhã nhà “không-tịch”;
Vào ba môn giải-thoát vô-tướng,
Ở nơi Lan-nhã lìa trần-câu.
Hay quán mười hai nhân-duyên-pháp,
Tứ-đê, [31] nhị-không: chân diệu-lý;
Tám pháp thế-gian [32] không rung-động,
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Hay quán thân mình như gỗ khô,
Cũng như bọt nước, như huyễn-mộng;
Không chấp hai bên, [33] tướng bình-đẳng,
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Tội-nghiệp ràng-buộc thân vô-thường,

Bản-lai giả-dối vốn không thực;
Chấp pháp, chấp ngã, chấp tội-tướng,
Ở trong ba đời “bất-khả-đắc”.
Thân mình, thân người không có hai,
Hết thấy các pháp cũng như thế;
Xem kỹ: pháp-tính không đi, lại,
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Chiên-đàn thoa mình và tán-thán,
Lấy dao cắt xẻo và mạ-nhục;
Đối hai người ấy không yêu, ghét,
Bồ-tát như thế ở Lan-nhã.
Xuất-gia thích ở A-lan-nhã,
Ngày đêm nên quán-sát như vậy:
Nơi Lan-nhã là chân-đạo-tràng,
Hết thấy Như-Lai thành chính-giác;
Nơi Lan-nhã là diệu-pháp-không,
Chính-pháp xuất-thế từ đây sinh.
Nơi A-lan-nhã, Thánh tôn-kính,
Sinh ra Tam-thừa Thánh-đạo vậy.
Nơi Lan-nhã là nhà các Thánh,
Hết-thấy Thánh-Hiền thường ở đó;
Nơi Lan-nhã là cung Như-Lai,
Là chỗ mười phương Phật y-chỉ.
Nơi Lan-nhã là tòa Kim-cương,
Chư Phật ba đời đắc-đạo vậy.
Nơi Lan-nhã là cung Niết-Bàn,
Như-Lai ba đời viên-tịch đây.
Nơi Lan-nhã là nhà “đại-từ”,
Bồ-tát ở đó tu từ-tâm.
Nơi A-lan-nhã là “bi-điền”,
Chư Phật ba đời tu tâm “bi”.
Nơi Lan-nhã là nhà “lục-thông”,
Bồ-tát ở đó dạo chơi khắp.
Nơi Lan-nhã là đại-vô-úy,
Dứt trừ hết thấy sự sợ-hãi.
Nơi Lan-nhã là Tam-ma-địa,
Các người cầu đạo được Định vậy.
Nơi Lan-nhã được Đà-ra-ni,
Những người trì chú được thần-lực.
Nơi Lan-nhã là nhà thiện-pháp,

Tăng-trưởng hết thầy các thiện-pháp.
Nơi Lan-nhã là nhà Bồ-đề,
Bồ-tát tu đạo được nhân-pháp.
Nếu muốn vượt hẳn tam-giới-khổ,
Bồ-đề Niết-bàn nên tu chứng;
Quanh khắp pháp-giới lợi quần-sinh,
Nên ở nhà Bồ-đề Lan-nhã.
Tu về lục-độ, tứ-nhiếp-pháp,
Hồi-thí ba cõi và bốn ơn,
Mình, người đều vào thành Cam-lộ,
Đồng chứng “Nhất-như chân-pháp-giới”. [34]

Khi Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh Bồ-tát ma-ha-tát vì đại chúng nói pháp ấy rồi, đức Phật bảo: “Quý-hóa thay! Quý-hóa thay! Thiện-nam-tử! Ông vì đại-chúng và người cầu Phật-đạo đời mai sau, phân-biệt diễn nói về công-đức thù-thắng nơi A-lan-nhã, đem lại lợi-ích an-lạc cho hết thầy chúng-sinh trong hiện-tại và vị-lai xu-hướng Bồ-đề chính-chân giác-đạo, ông sẽ thành-tựu vô-lượng công-đức, mà nghìn đức Phật cùng nói cũng không cùng-tận được.

Lúc ấy, trong pháp-hội, Bồ-tát Trí-Quang, vô-lượng a-tăng-kỳ đại-chúng Bồ-tát, nghe công-đức tối-thắng nơi A-lan-nhã, liền được “Văn-trì Đà-ra-ni-môn”. [35] Vô-lượng chúng-sinh phát-tâm vô-đẳng-đẳng, vô-thượng chính-đẳng chính-giác, được Bất-thoái-chuyển. Nghìn ức chúng-sinh xa-lìa trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh. [36]

TOÁT-YẾU VI.- PHẨM LY THẾ-GIAN

Khi ấy, trong pháp-hội Đại-bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh, thay Phật đứng lên phân-biệt về hạnh A-lan-nhã. Bồ-tát nói: “Thế gian có nhiều sự sợ-hãi. Vì chán sự sợ-hãi ấy, Bồ-tát xa thân-thuộc, đến ở nơi A-lan-nhã, để tu hạnh viên-ly!”

“Các Bồ-tát cho những sự và những nơi sau đây là đáng sợ: ngã, ngã-sở, 7 mạn, 3 độc, 5 dục, tham-lam nhiều cửa, tâm khát-ái, ngã, ngã-sở-kiến, pháp-kiến, 62 kiến, nghi-hoặc, đoạn-kiến, thường-kiến, tật-đố, điều-cử (xao-động) chẳng tin, không thẹn, không hổ, phần-hận (giận-bực, ân-hận), nhãng quên, hết thầy nghiệp bất thiện, ngũ-cái (5 thứ che lấp), ghen-ghét, phá-giới, ưu-

não (lo buồn) ác-tác (làm ác), say cuồng, chết không đúng thời, nói dối, 4 món điên-đảo, bạn ác, ngũ-uẩn-ma, phiền-não-ma, tử-ma, thiên-ma, tâm vô-ký, 8 nạn, địa-ngục, súc-sinh, ngã-qui, Dục-giới, Sắc-giới, Vô-sắc-giới, thường sinh-tử, chán sinh-tử, tiếng thế-gian, tâm, ý, thức... Ở nơi thế-tục, do những sự sợ-hãi ấy ngày đêm nhiễu-loạn thiện-tâm, nên không thể chứng được pháp “vô-úy”. Các Bồ-tát trong ba đời dứt được chướng-ngại, chứng vô-thượng-giác đều là ở nơi A-lan-nhã!”

“Các Bồ-tát ở Lan-nhã thường nghĩ: “Hết thấy sợ-hãi đều từ “ngã, ngã-ái, ngã-tướng, ngã-kiến” sinh ra. Nếu ai không bỏ được sự chấp-trước về “ngã, ngã-sở, ngã-tướng, nhân-tướng, pháp-kiến” không nên ở nơi Lan-nhã. Cho đến người tu-hành còn y vào Niết-bàn-tướng cũng không nên ở nơi Lan-nhã. Và, chỉ có những người không chấp mọi tướng, tâm điều-nhu được, không chấp nhân-duyên, không chấp 6 trần, thấy, biết bình-đẳng, điều-phục được tâm và bỏ được hết thấy sợ-hãi nên an-trụ nơi A-lan-nhã. Nghĩa là những người giải-thoát phiền-não, có nhân Niết-bàn, tu 4 vô-cấu-tính, ít muốn, tri-túc, có trí-tuệ, đa văn, được 3 giải-thoát, dứt phiền-não, quán 12 nhân-duyên, chỗ tạo-tác biện-giải xong, bỏ được gánh nặng, chứng-ngộ diệu-lý chân-như... nên an-trụ nơi A-lan-nhã!”

Dược-thảo, cỏ cây nơi Lan-nhã không sợ-hãi, không phân-biệt, Đại-bồ-tát ở đây cũng thế. Đại-bồ-tát quán thân tâm mình như cây khô, như huyễn-mộng..., là vô-thường, nên trong thân không có “ngã, ngã-sở, hữu-tình, mệnh, dưỡng-dục, sĩ-phu, nhân (chúng-sinh), tác-nghiệp, hữu-kiến”; vì mọi tướng ấy bản-lai như hư-không, bọt nước! Quán-niệm được thế là không sợ-hãi, được an-lạc. Là Bồ-tát ở nơi Lan-nhã, cầu vô-thượng-giác!”

Nơi A-lan-nhã là nơi tu: 4 vô-cấu-tính, hạnh tri-túc, giải phiền-não, đủ trí-tuệ, đa văn, diệt 2 chướng, chứng 3 giải-thoát, 8 giải-thoát, quán 12 nhân-duyên, dứt nghiệp-chướng, chứng quả: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-Phật, được tự-tại, được khinh-an, được nhị không chân-như. Nơi A-lan-nhã là nơi tu 4 vô-lượng-tâm, thập-tín, thập-trụ, thập-hạnh, thập hồi-hướng, 4 thiện-căn, 6 ba-la-mật, thập-địa, chứng được 6 căn thanh-tịnh, chứng được sáu thân-thông.

Nơi A-lan-nhã là nơi có tầm-quý, không phóng-dật. Là nơi: tu 5 căn, chứng được vô-lượng vô-biên tam-muội, được Hằng-sa Đà-ra-ni-môn, ngộ vô-sinh-nhãn, dứt sinh-tử, ra ba cõi, được bất-thoái-chuyển, hàng-phục mọi ma oán, tiêu-trừ nghiệp-chướng, thấy Phật, nghe Pháp, được pháp-môn bất cộng tối-thượng, tu giới-uẩn thanh-tịnh, xuất-sinh vô-lậu tam-ma-địa, sinh Bát-nhã,

chứng giải-thoát, sinh giải-thoát tri-kiến, được 37 bồ-đề-phận-pháp, thoát 12 nhập, lìa 18 giới, quán 18 không, dung-thụ các pháp-không, sinh 10 thiện-pháp, tăng-trưởng kiên-cố tâm bồ-đề, chư Phật ba đời khen ngợi, hết thầy Bồ-tát cung-kính, tán-thán.

Và, nơi A-lan-nhã là nơi đức Phật Tỳ-Bà-Thi, đức Phật Thi-Khí, đức Phật Tỳ-Xá, đức Phật Câu-Lưu-Tôn, đức Phật Câu-Na-Hàm-Muru-Ni, đức Phật Ca-Điếp và đức Phật Thích-Ca thành đạo.

Bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh nói xong, đức Phật khen Bồ-tát đã đem lại lợi-ích cho chúng-sinh và Bồ-tát sẽ thành-tựu vô-lượng công-đức, mà đến nghìn đức Phật cùng tán-thán cũng không cùng-tận.

Lúc đó, nhiều Bồ-tát được “Văn-trì đà-ra-ni-môn” và nhiều chúng-sinh hoặc phát tâm vô-thượng được bất-thoái-chuyên, hoặc xa lìa trần cấu được pháp-nhãn-tịnh.

[1] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “các đường ác”, Bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh thay Phật nói về sự lìa bỏ thế-gian, tu hạnh A-lan-nhã. Thoạt tiên, Bồ-tát nói với đại-chúng hoan-hỷ cho Bồ-tát nói về hạnh ấy. Bồ-tát nói: sở-dĩ các vị tới ở nơi A-lan-nhã là do chán ngán những phiền-não đáng sợ ở thế-gian.

[2] Đoạn trên, từ chỗ “Hoặc có Bồ-tát lấy 5 dục”, đến chỗ “thường lạc”, quán-sát riêng biệt về 5 dục ở đời. 5 dục này ví như 5 con rắn “thất-bộ-xả”, làm hại chúng-sinh rất nhiều. Chúng-sinh vì ham-đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc mà phải luân-hồi sinh-tử.

[3] Đoạn trên, từ chỗ “Hoặc có Bồ-tát lấy sự tham...”, đến chỗ “A-lan-nhã”, quán-sát riêng biệt về sự tham của. Người tham của bõn-sẻn ngay nơi mình, còn đâu là có tâm bố-thí. Tham-lam phải chịu quả-báo chính-thức trong địa-ngục, ngã-qui, súc-sinh và cả khi trở lại làm người cũng phải chịu những quả-báo tương-tự như khi gây nhân (tương-tự-quả). Vì vậy phải xa-tránh.

[4] Đoạn trên, từ chỗ “Hoặc có Bồ-tát lấy tâm khát-ái”, đến chỗ “ngu-si” là quán-sát rộng về các phiền-não.

[5] Ngũ-cái: 5 thứ làm che-lấp tâm, tính không sinh được thiện-pháp: 1/ Tham-dục: tham-muốn. 2/ Sân-khuê: giận-bực 3/ Thuy-miên: ngu-ngỉ. 4/ Điều-hối: xao-động, phàn-nàn. 5/ Nghi-pháp: đối với pháp còn ngờ-vực, do-dự không quyết.

[6] Ác-tác: Có nghĩa là trước làm, sau hối.

[7] Bốn món điên-đảo: Tức 4 quỷ điên-đảo đã chú-thích ở số 19 Phẩm Yêm-Xả.

[8] Vô-ký: Một trong 3 tính. Vô-ký là sự trung-dung của thể-tính trong sự-vật, không thể ghi nhận là tính thiện, cũng không thể ghi nhận là tính ác. Lại, cảm thiện-quả không thể ghi-nhận được, cảm ác-quả cũng không thể ghi-nhận được, đó là “vô-ký”. Thể-tính của vô-ký có 2: 1/ Hữu-phú vô-ký: thể-tính vọng-hoặc rất yếu-ớt, nên gọi là “vô-ký”. Song tự-tính vọng-hoặc ấy có thể che-lấp Thánh-đạo, nên gọi là “Hữu-phú vô-ký”. 2/ Vô-phú vô-ký: Yếu-ớt, mà chẳng phải tự-tính vọng-hoặc, không phải thiện, không phải ác, là “vô-phú vô-ký”.

[9] Hữu-phú phiền-não: Âm-chỉ vào “Hữu-phú vô-ký”.

[10] Tâm, ý, thức: “Tâm” có nghĩa là tập-hợp lại và phát-hiện ra, chỉ cho thức A-lại-gia thứ 8. “Ý” có nghĩa là suy-nghĩ, so lường, chỉ cho thức Mạt-na thứ 7. “Thức” có nghĩa là phân-biệt, chỉ cho Ý-thức thứ 6.

[11] Hành-tướng sở-duyên: Hành-tướng: Tâm-thức đều có tính-năng cố-hữu của nó, tính-năng ấy du-hành trong tất cả tướng-trạng của cảnh-giới (tức là tướng-trạng do hành-động, tạo-tác mà có) nên gọi là “hành-tướng”. Sở-duyên: “Duyên” là dính-líu, là liên-lạc. Tâm-thức là “năng-duyên”, chỗ đối-tượng của tâm-thức là “sở-duyên”. “Hành-tướng sở-duyên” tức là những sự-vật do hành-động tạo-tác, là chỗ bị liên-lạc của tâm, ý, thức.

[12] Đoạn trên, từ chỗ “Hoặc có Bồ-tát cho hết thấy những nghiệp đen-tối”, đến chỗ “không biết được” là quán khắp tất cả những tạp-nhiễm làm chướng-ngại chính-đạo.

[13] Đoạn trên, từ chữ “Nếu”, đến chỗ “chính-giác”, chỉ bảo nơi Lan-nhã là nơi tránh xa sợ-hãi của Bồ-tát trong 3 đời.

[14] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa”, đến chỗ “sinh ra” là nói rõ nguyên-nhân phát-sinh ra sợ-hãi.

[15] Đoạn trên, từ chỗ “Nếu ta”, đến chỗ “phiền-não” là nói muốn ở nơi Lan-nhã cần bỏ tất cả mọi chấp, ngay đến chấp là chúng được Niết-bàn cũng phải bỏ.

[16] Bất-khả-đắc: Tựa như “vô-sở-đắc” (xem trên đã giải).

[17] Đoạn trên, từ chỗ “Các vị nghe kỹ!” đến chỗ “A-lan-nhã” là nói những người có những công-đức, nên ở nơi A-lan-nhã.

[18] Đoạn trên, từ chỗ “Các vị nên biết!” đến chỗ “chính-giác” là nên quán lý bình-đẳng làm cho tâm không sinh ra sự phân-biệt.

[19] Thập-tín: 1/ Tín-tâm. 2/ Tịnh-tiến-tâm. 3/ Niệm-tâm. 4/ Định-tâm. 5/ Tuệ-tâm. 6/ Thí-tâm. 7/ Giới-tâm. 8/ Hộ-tâm. 9/ Nguyên-tâm. 10/ Hồi-hướng-tâm. Mười bậc này đều lấy đức “Tín” làm gốc, nên gọi là “Thập-tín”.

[20] Thập-trụ: 1/ Phát-tâm-trụ. 2/ Trì-địa-trụ. 3/ Tu-hành-trụ. 4/ Sinh-quý-trụ. 5/ Phương-tiện-trụ. 6/ Chính-tâm-trụ. 7/ Bất-thoái-trụ. 8/ Đồng-chân-trụ. 9/ Pháp-vương-tử-trụ. 10/ Quán-đỉnh-trụ. Mười bậc này đều gọi là “Trụ”, nghĩa là chỗ ở của các vị Bồ-tát an-trụ tâm, đối với sự tu-hành về lục-độ chưa được rớt-ráo mâu-nhiệm, cho nên chỉ gọi là “Trụ”.

[21] Thập-hạnh: 1/ Hoan-hỷ-hạnh. 2/ Nhiều-ích-hạnh. 3/ Vô-khuể-hạnh. 4/ Vô-tận-hạnh. 5/ Ly-si-loạn-hạnh. 6/ Thiện-hiện-hạnh. 7/ Vô-trước-hạnh. 8/ Tôn-trọng-hạnh. 9/ Thiện-pháp-hạnh. 10/ Chân-thực-hạnh. Mười bậc này chú-trọng tu-hành về pháp lục-độ hơn các hạnh tu khác, nên gọi là “Hạnh”.

[22] Thập Hồi-hướng: 1/ Cứu-hộ chúng-sinh, ly chúng-sinh tương hồi-hướng (cứu-giúp chúng-sinh mà không chấp-trước về sự cứu-giúp). 2/ Bất-hoại hồi-hướng (không bao giờ thoái lui lòng cứu-giúp chúng-sinh). 3/ Đẳng-chư Phật hồi-hướng (lòng từ-bi cứu-giúp chúng-sinh đã bằng chư Phật). 4/ Chí nhất-thiết-xứ hồi-hướng (lòng cứu-giúp chúng-sinh mọi việc đều chu-đáo). 5/ Vô-tận công-đức tạng hồi-hướng (tích chứa công-đức vô-tận). 6/ Tùy-thuận nhất-thiết kiên-cố thiện-căn hồi-hướng (thuận theo hết thầy căn lành bền-chắc). 7/ Đẳng tâm tùy-thuận nhất-thiết chúng-sinh hồi-hướng (đem tâm bình-đẳng tùy-thuận hết thầy chúng-sinh). 8/ Như-tướng hồi-hướng (làm các công-đức đều hồi-hướng về tự-tính chân-như). 9/ Vô-trước vô-phược giải-thoát hồi-hướng (không chấp-trước, không ràng-buộc, một lòng giải-thoát). 10/ Pháp-giới vô-lượng hồi-hướng (hồi-hướng về vô-lượng pháp-giới). Mười bậc này đều gọi là “Hồi-hướng”, vì những sự tu-hành của các vị Bồ-tát ấy, đều đem công-đức mà hồi-hướng cho hết thầy.

[23] Sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. “Căn” có nghĩa là căn-bản, chủ-động phát-sinh ra ngành-ngọn khác, như do mắt mà sinh ra sự nhận-thức của mắt (nhãn-thức) v.v...

[24] Năm căn: 5 pháp căn-bản sinh ra các thiện-pháp khác: 1/ Tín-căn. 2/ Tinh-tiến-căn. 3/ Niệm-căn. 4/ Định-căn. 5/ Tuệ-căn.

[25] Vô-sinh-nhẫn: An-trụ nơi lý không sinh-diệt bất động.

[26] Bất cộng tối-thượng pháp-môn: Pháp-môn của Phật cao-siêu hơn hết không cộng-đồng với các hàng Nhị-thừa, như : 18 pháp bất cộng v.v...

[27] Giải-thoát tri-kiến: Một trong 5 phần pháp-thân. Năm phần pháp-thân là: 1/ Giới: 3 nghiệp của Như-Lai lia hết thấy lỗi trái. 2/ Định: chân-tâm tịch-tĩnh của Như-Lai lia hết thấy vọng-niệm. 3/ Tuệ: chân-trí viên-minh của Như-Lai quán suốt pháp-tính, tức là căn-bản-trí. 4/ Giải-thoát: thân-tâm Như-Lai giải-thoát hết thấy sự ràng-buộc, tức là Niết-bàn-đức. 5/ Giải-thoát-tri-kiến: biết đã thực giải-thoát, tức là Hậu-đắc-trí. Bởi 5 pháp này mà thành thân Phật nên gọi là “Năm (ngũ) phần pháp-thân”.

[28] 12 nhập: 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thiệp-nhập với 6 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh ra “thức”.

[29] 18 giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức. 18 thứ này, mỗi mỗi thứ đều có giới-hạn, địa-vị riêng-biệt của nó, không bị lẫn-lộn nên gọi là “giới”.

[30] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa, Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, suốt ngày đêm...”, đến chỗ “như thế”, quán-sát nơi A-lan-nhã đầy-đủ hết thấy công-đức, chư Phật cũng do nơi đây mà thành vô-thượng-giác.

[31] Tứ-đế: 4 lẽ chân-thực: khô, tập, diệt, đạo

[32] 8 pháp thế-gian: Tức 8 gió (bát phong) đã chú-thích ở trên.

[33] Hai bên: Là đoạn và thường. Là hữu và vô. Là tăng-ích và tổn-giảm v.v...

[34] Nhất-như chân-pháp-giới: Tức là “Nhất-chân-pháp-giới” hoặc “Chân-như pháp-giới”.

Toàn bài kệ trên nói lại ý-nghĩa nên quán-tưởng vô-thường, phá chấp-trước, tu muôn hạnh, thành chính-quả tại nơi A-lan-nhã.

[35] Văn-trì Đà-ra-ni-môn: Tức là một trong 4 thứ Đà-ra-ni. 4 thứ ấy là: 1/ Pháp-đà-ra-ni (tức Văn-trì đà-ra-ni): đối với giáo-pháp của Phật, nghe, giữ (văn-trì) không quên. 2/ Nghĩa đà-ra-ni: đối với nghĩa của các pháp tóm giữ không quên. 3/ Chú-đà-ra-ni: y vào thiền-định phát ra lời bí-mật, có sự thần-nghiệm không lường, là “chú”. Đối với lời chú ấy tóm giữ không quên, là “Chú-đà-ra-ni”. 4/ Nhẫn-đà-ra-ni: đối với sự an-trụ trong thực-tướng của các pháp là “Nhẫn”, duy-trì sự an-trụ ấy (nhẫn) là “Nhẫn-đà-ra-ni”.

[36] Đoạn trên, từ chữ “Khi” đến chữ “tịnh”, đức Phật khen Bồ-tát Nhạo-Viễn-Ly-Hạnh và nói về sự đại-chúng nghe pháp được lợi-ích.

VII.- PHẨM YẾM-THÂN [1]

Bấy giờ, Đại-bồ-tát Di-Lặc liền từ tòa đứng dậy, chề áo vai hữu, gói hữu để xuống đất, chấp tay cung-kính bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Chúng tôi đã ngộ được việc Đại-bồ-tát xuất-gia, chán bỏ thế-gian, ở nơi A-lan-nhã, điều-phục tâm mình, tu hạnh vô-cầu. Song, Bồ-tát ấy ở nơi không-nhàn, tự thân mình nên làm pháp quán gì?”

Khi ấy, đức Phật bảo Bồ-tát Di-Lặc: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện-nam-tử! Ông vì chúng-sinh khởi ra tâm đại-bi, thỉnh-vấn Như-Lai về “nhập Thánh-trí-quán diệu-hạnh pháp-môn”. [2] Ông nên nghe khéo, nay Tôi vì ông nói về vấn-đề ấy!” Bồ-tát Di-Lặc bạch: “Dạ, bạch Thế-Tôn! Chúng tôi nguyện muốn được nghe!” [3]

Thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, khi cầu vô-thượng chính-đẳng chính-giác, thời trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm nên quán-sát tử-mý: “Thân hữu-lậu này có ba mươi bảy thứ bất-tịnh uế-ác, [4] là thứ không đáng yêu và là thứ không bền-chắc.

Nên quán thân này cũng như đồ gốm, bên ngoài dùng màu sắc sặc-sỡ như vàng bạc bảy báu tô-điểm khéo đẹp nhưng, bên trong lầy phẩn-uế mọi thứ bất-tịnh lấp nhét đầy-ních, rồi hai vai mang gánh đồ ấy đi, ai trông thấy cũng đều sinh lòng ưa-thích, mà không biết trong đồ ấy đựng đầy thứ bất-tịnh. Có sáu con rắn đen ở luôn bên trong đồ ấy, một con cựa-cậy thì đồ liền vỡ nát, sự độc hại, hôi nhor tóa ra, không ai chịu nổi được. Người thế-gian trang-

nghiêm thân mình, như đồ vẽ màu, đựng những thứ bất-tĩnh kia. Ba món: Tham, sân, si là tâm-bệnh, ba bệnh: bệnh phong-hàn (cảm lạnh), bệnh hoàng-nhiệt (nóng, sốt, da vàng), bệnh đàm-ám (ho đờm) là thân bệnh. Trong ngoài sáu bệnh hay làm hại thân-tâm, như sáu con rắn ở trong đồ nhơ; mỗi một con rắn cựa-cậy, đồ liền vỡ nát, thời mỗi một bệnh phát ra, thân tức vô-thường. Thiện-nam-tử! Bò-tát xuất-gia ở chốn không-nhàn, quán-sát thân này gọi là “bất-tĩnh-quán-tướng” thứ nhất.

Trong ngày đêm, Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình nhơ-nhớp chẳng sạch, cũng như chó chết. Sao vậy? – Thân kia cũng là thứ bất-tĩnh nơi cha mẹ làm sinh-duyên.

Bò-tát xuất-gia lại quán-sát thân mình như tổ-kiến là nơi yên ở của nhiều kiến trong đó, một hôm có con voi trắng đi đến bên tổ, cho mình cọ vào tổ, tổ liền vỡ rớt. Thiện-nam-tử! Tổ ấy là thân ngũ-uẩn, voi trắng là sứ-giả Diêm-ma-la, thân hướng về đời sau khi voi trắng phá tổ kiến.

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình mà nghĩ rằng: “Nay thân ta này từ đầu đến chân, da, thịt, xương, tủy cùng hòa-hợp nhau làm thành thân mình cũng như cây chuối, ở trong không có thực.

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình không có sức mạnh, da thịt mỏng che-phủ, như vữa tô-trát tường, ức vạn lông tóc như cỏ mọc trên đất, chút gió nhỏ nhẹ ra vào lỗ chân lông. Như thế, ai là người có trí-tuệ lại ưa thích thân này? Vì, từng sát-na, sát-na, sự suy-bại luôn luôn luân-chuyển!

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình như nuôi rắn độc mà vờ lấy hại. Nay ta tuy đem thức ăn uống quần áo giúp-đỡ nuôi lớn thân này mà nó không biết ơn, rớt-ráo lại làm cho mình phải sa-đọa vào đường ác.

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình ví như kẻ thù-oán giả làm bạn thân, rình lúc thuận-tiện, đem thuốc độc làm cho mệnh-căn kia chết. Thân ta như thế, vốn không phải chân-thực, quyết đi đến chỗ vô-thường, nên bậc Thánh không yêu quý lắm.

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình như bọt nước, tuy coi đẹp-đẽ như sắc ngọc lưu-ly, nhưng trong sát-na, nhân-duyên khởi, diệt không thường, vì nó là hữu-vi, nên từng niệm niệm không ở lâu được.

Bò-tát xuất-gia lại quán thân mình như Càn-thát-bà-thành, [5] tuy rằng hiện ra tướng-trạng mà không thực có. Nay thân ta cũng như thế.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình cũng như ảnh-tượng. Thân ta cũng thế, tuy có nhưng chẳng phải thực.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình ví như giặc oán cường-thịnh của nước ngoài. Nay thân ta cũng như thế, giặc oán phiền-não xâm-lược thiện-căn của ta.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình như nhà nát, tuy cố-gắng sửa-sang lại nhưng, quyết sẽ hỏng nát. Thân ta cũng như thế, tuy gắng yêu-mến nó, nhớ-nghĩ đến nó nhưng, nó quyết sẽ vô-thường.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình như ở gần nước oán-địch, nhân-dân thành ấp, thường mang lòng sợ-hãi. Nay thân ta cũng như thế, trong từng niệm niệm sợ giặc oán vô-thường.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình như rất nhiều củi bị lửa đốt cháy, mà lửa dữ ấy vẫn không chán, đủ. Thân ta cũng thế, lấy lửa tham-ái, đốt củi ngũ (năm) dục, tâm càng tăng-trưởng thêm cũng như thế.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình như con mới đẻ, từ-mẫu thương-xót luôn luôn gắng công săn-sóc, gìn-giữ. Thân ta cũng thế. nếu không gìn-giữ, thân-tâm bị bệnh, tức không thể tu chứng được.

Bồ-tát xuất-gia lại quán “bản-tính tự thân bất-tịnh”. Ví như có người chán-ngán và lo sợ màu than (đen), mới đặt mọi phương-tiện, lấy nước gột tẩy. Qua nhiều thời-gian màu đen vẫn như cũ và cho đến khi màu than (đen) hết, hoàn-toàn cũng không được ích gì. Thân ta cũng thế, là thân hữu-lậu bất-tịnh, giả-sử lấy nước bẻ cho đến hết đời vị-lai mà tẩy cũng vô-ích và cũng lại như thế thôi.

Bồ-tát xuất-gia lại quán thân mình như dầu tưới củi, lấy lửa đốt cháy, lại gặp gió lớn, thế mạnh không thể dập tắt được. Thân này cũng thế, là đồng củi năm uẩn tưới dầu tham-ái, phóng lửa sân-khúe, sức gió ngu-si không thể ngừng được.

Bồ-tát xuất-gia quán nơi thân mình cũng như ác-tật, vì nó là chỗ ở của bốn trăm bốn bệnh [6] . Cũng như ruột già, là chỗ ở của tám vạn bốn nghìn con trùng. Là chỗ vô-thường, vì hơi thở ra không trở lại được, tức là vô-thường. Cũng như phi-tình thần-thức [7] dễ thoát, vì đồng như ngói đá. Cũng như nước sông, trước sau mỗi sát-na, không tạm ngừng nghỉ. Cũng như ép dầu, đối với hết thấy mọi sự, đều phải chịu-đựng khổ-nhọc. Thân này như không

có chỗ nương-tựa, cũng như con trẻ mất cha mẹ. Thân này như không có người cứu-hộ, cũng như con ẽnh-ương bị rắn nuốt. Thân này như huyết không đảy, vì tâm, tâm-sở-pháp [8] không thể biết được. Thân này thường không tri-túc, vì đối với năm món dục-lạc, tâm không biết chán. Thân này thường không được tự-tại, vì bị đoạn-kiến, thường-kiến ràng-buộc. Thân này không biết sinh sự thẹn-hỗ, vì tuy nhờ họ-hàng nuôi-nấng nhưng, vẫn vút bỏ sự sống của mình. Thân này như cây chết, vì đối với ngày đêm tiếp nối đi gần đến diệt-hoại. Thân này chỉ để chịu mọi khổ, vì đối với hết thấy mọi chỗ không có gì là sự vui chân-thực. Thân này là chỗ nương-tựa của khổ, vì hết thấy mọi khổ y vào thân mà có. Thân này như làng trống, vì trong thân này không có chủ-tể. Thân này rớt-ráo không-tịch, vì do tính “biến-kế sở-chấp” [9] dựng, vẽ càn ra vậy. Thân này như vang trong hang, đều là hư-vọng hiển-hiện. Thân này cũng như thuyền buồm, nếu không có thuyền-sư tức bị trôi-giạt. Và thân này cũng như xe lớn vận-tải của báu. Sao vậy? Vì nhờ ngồi trên xe Đại-thừa đến được Bồ-đề vậy. [10]

Thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ngày đêm quán-sát, cần mên tiếc thân này, vì còn muốn làm cho chúng sinh ra khỏi bể sinh-tử, đến bờ Niết-bàn. Khi đức Thế-Tôn nói pháp ấy rồi, Ngài bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc rằng: “Thiện-nam-tử! Tu hạnh như thế, là chỗ quán-pháp yếu-ước của người Phật-tử xuất-gia. Nếu có Phật-tử nào phát tâm Bồ-đề vì cầu vô-thượng chính-đẳng chính-giác, ở nơi A-lan-nhã, tu-tập ba mươi bảy quán như thế, lại dạy người ta tu tập pháp-yếu như thế, cùng giải-thuyết, viết chép, thụ-trì, đọc tập, xa lìa hết thấy sự chấp “ngã, ngã-sở”, dứt hẳn sự tham-đắm năm dục-lạc ở đời, sẽ chóng thành-thực được tín-tâm bất hoại, cầu Đại-bồ-đề, không tiếc thân mệnh, hưởng là các ngọc báu sở-hữu của thế-gian, thời hiện-thân quyết thành-tựu cứu-cánh hết thấy Kim-cương-trí-ấn của Như-Lai và đối với đạo vô-thượng quyết không thoái-chuyển; lục-độ, vạn-hạnh chóng được viên-mãn, chóng thành vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Lúc đó, trong pháp-hội, tám vạn bốn nghìn Bồ-tát mới phát tâm, quá chán thế-gian, được đại-nhẫn-lực, đối với đạo vô-thượng không còn thoái-chuyển. Trăm nghìn Bà-la-môn phát tâm Bồ-đề, thành-thực tín-căn, được bất-thoái-chuyển. Ba vạn sáu nghìn thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân xa lìa trần-cầu, được pháp-nhẫn-tịnh. [11]

TOÁT-YẾU

VII.- PHẨM YẾM-THÂN

Đại-bồ-tát Di-Lặc bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, tự thân mình nên thực-hành pháp quán gì?”

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, cầu vô-thượng-giác, trong khi đi, đứng, nằm, ngồi nên quán thân này có 37 thứ bất-tịnh, không bền và không đáng quý. Quán thân này như cái lọ, bên ngoài màu sắc sặc-sỡ, bên trong đựng đồ nhơ, có 6 con rắn độc. Thân này cũng vậy, tuy trang-điểm nhưng, tâm bệnh: tham, sân, si, thân-bệnh: phong, hoàng, đàm-ám luôn luôn nhiều-hại thân tâm. Đó là “bất-tịnh quán-tướng” thứ nhất.

Lại quán thân này nhờn-nớp như chó chết, như tổ kiến sẽ vỡ, như cây chuối rỗng không không thực, như vữa tô-trát tường, như cỏ mọc trên đất, như nuôi rắn độc, như kẻ oán giả làm thân, như bọt nước, như thành Càn-thát-bà, như bóng dáng, như giặc oán, như nhà nát, như gàn nước oán-địch, như củi bị lửa cháy, như con mới đẻ. Thân này là bản-tính bất-tịnh, như dầu tưới củi, lửa cháy gặp gió, như ác tật, như ruột già chứa vi-trùng, như hơi thở, như phi-tình thần-thức, như nước sông, như ép dầu, như ễnh-ương bị rắn nuốt, như huyết không đậy. Thân này như không chỗ nương-tựa, không biết đủ, không được tự-tại, không biết thẹn-hổ. Thân này như cây chết, là gốc khổ, dễ chịu khổ, rớt-ráo không-tịch. Thân này như làng trống, như vang trong hang, như thuyền buồm không người lái. Nhưng, thân này lại là xe lớn vận-tải của báu. Cần phải mến tiếc thân này, vì còn muốn làm cho chúng-sinh ra khỏi sinh-tử, đến Niết-bàn!”

Đức Phật dạy tiếp: “Tu-hành như thế là pháp-yếu sở-quán của Phật-tử xuất-gia. Phật-tử nào phát tâm bồ-đề, cầu vô-thượng-giác, ở nơi Lan-nhã tu 37 quán như thế, lại dạy người tu và giải-thuyết, viết chép, thụ-trì, đọc tập, bỏ chấp-trước, dứt dục-lạc, chóng được tín-tâm bất-hoại; hiện-thân thành-tựu kim-cương trí-ấn, lục độ, vạn hạnh chóng viên-mãn và chóng thành Phật.

Được nghe phẩm Yếm-thân rồi, 84.000 Bồ-tát mới phát tâm được đại-nhẫn-lực bất-thoái-chuyển; trăm nghìn Bà-la-môn phát tâm bồ-đề và 36.000 thiện-nam, nữ xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

[1] Yếm-thân: Quán-sát thân-thê bất-tịnh sinh tâm chán-ngán.

[2] Nhập Thánh-trí-quán diệu-hạnh pháp- môn: Môn quán có hạnh vi-diệu, nhiếp-dẫn hàng Đại-thừa Bồ-tát chứng-nhập Phật-trí.

[3] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chữ “nghe”, Bồ-tát Di-Lặc ngờ hỏi, đức Phật ung-thuận giải-đáp về vấn-đề Bồ-tát ở nơi Lan-nhã cần tu về pháp quán gì.

[4] 37 thứ bất-tịnh uế-ác: Đây là nói về 37 pháp quán về thân-thể bất-tịnh. Theo các kinh nơi thân có 36 vật chia làm 3 loại, nay ghi thêm dưới đây để tiện sự quán-sát:

A.- Ngoại-tướng: Những tướng thuộc bề ngoài của thân có 12 vật: tóc, lông, móng, răng, dử mắt, nước mắt, nước dãi, nước bọt, đại-tiện, tiểu-tiện, ghét và mồ-hôi.

B.- Thân-khí: Những khí-cụ giữ thân-thể, có 12 vật: da-dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ lá, mỡ nước, óc và màng.

C.- Nội-hàm: Những vật hàm-tàng trong thân, có 12 thứ: gan, mật, ruột, dạ-dày, lá-lách, bồ-dục (quả cật), tim, phổi, sinh-tạng, thực-tạng, đờm đỏ và đờm trắng.

[5] Càn-thát bà-thành: Càn-thát-bà (Gandharva) Tâu dịch là “Hương-âm”, là tên một người coi về kỹ-nhạc. Càn-thát-bà-thành, là cái thành do nhà huyền-thuật (nhà kỹ-nhạc) hóa-hiện ra, coi như thực mà là giả. Còn gọi là “Thận-khí-lâu” hay là “Thận-lâu hải-thị” có nghĩa là ánh sáng mặt trời soi xuống bể, sắc bể giọi lên trên không, biến thành lầu gác, thành-quách, thiên hình, vạn-trạng, mà ngày xưa cho là vì con sò (thận) thần nó hóa-hiện ra như vậy, nên có tên ấy. Nói chung, đây chỉ về sự-vật có thực nhưng giả.

[6] 404 bệnh: Theo luận Trí-độ quyển 65 viết: “Thân này do 4 đại (đất, nước, gió, lửa) hợp thành, nhưng chúng nó thường xâm-hại lẫn nhau. Trong mỗi một Đại có 101 thứ bệnh phát khởi. Có 202 thứ thuộc về bệnh lạnh (lãnh) do thủy-đại (nước) và phong-đại (gió) phát khởi. Có 202 thứ thuộc về bệnh nóng (nhiệt), do địa-đại và hỏa-đại phát-khởi”. Tổng cộng thành 404 bệnh.

[7] Phi-tình thân-thức: “Phi-tình” chỉ cho những vật không tình-thức như đất, đá v.v... “Thần-thức” là chỉ cho những tâm-thức của hữu-tình, linh-diệu không thể nghĩ, bàn đợc. Thần-thức hệ-thuộc cho hữu-tình, mà đây nói thần-thức của phi-tình (phi-tình thần-thức) là ám-chỉ lý vô-ngã (không có cái ta).

[8] Tâm, tâm-sở-pháp: Theo Duy-thức-học thời tâm gọi đúng là Tâm-vương hay Tâm-pháp, nó có 8 pháp tức là 8 thức: nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý-thức, Mạt-na-thức và A-lại-gia-thức. Và, có 51 pháp sở-hữu, tùy thuộc Tâm-vương gọi là tâm-sở-hữu-pháp, gọi tắt là Tâm-sở.

[9] Biến-kế sở-chấp: Một trong 3 tính trong Duy-thức-học. Do vọng-tình của phàm-phu tính-toán, so lường hết thấy pháp (sự-vật), rồi chấp đó là thực, gọi là tính “Biến-kế sở-chấp”. Tỷ như người ta tìm thấy xương khỉ giống như xương người, người ta cho loài người là do loài khỉ tiến-hóa vượt bực mà thành.

[10] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử” đến chỗ “Bồ-đề vậy” là nói rõ về quán-sát thân hữu-lậu này là bất tịnh. Trong sự quán-sát này gồm có 37 pháp. Đặc-biệt pháp quán thứ 37, mặc dù thân này là bất-tịnh nhưng, phải có nó để tu tiến đến chỗ giác-ngộ.

[11] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử” đến chỗ “pháp-nhãn-tính”, đức Phật dạy thêm về sự quán thân của Đại-thừa là phải mên tiếc thân, vì còn phải độ-sinh. Tiếp đó, đức Phật kết-thành sự tu 37 quán sẽ chóng thành vô-thượng-giác. Đại-chúng nghe Phật nói về pháp môn này đều được lợi-ích.

Đến đây hết quyển thứ 6 .

VIII.- PHẨM BA-LA-MẬT-ĐA

Bấy giờ, Đại-bồ-tát Di-Lặc bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Bởi nhân-duyên gì đức Thế-Tôn ân-cần khen-ngợi sự tu-hành của Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, mà không khen-ngợi sự tu-hành của Bồ-tát ở nơi khác? Có một thời đức Thế-Tôn ở núi Linh-Thứu vì các Bồ-tát nói rộng pháp-yếu mà Ngài nói lời này: “Bồ-tát, hoặc có khi ở nhà dâm-nữ, thân gần với người đồ-tể, để chỉ dạy sự lợi-ích vui-vẻ cho họ, dùng vô-số phương-tiện nhiều-ích chúng-sinh mà vì họ nói diệu-pháp cho họ nghe, khiến họ nhập Phật-đạo”. Ngày nay đức Thế-Tôn vì các vị mới phát tâm nói diệu-pháp, Ngài lại không nói như thế. Song, bọn chúng tôi luôn luôn thân-dự trước Phật, được nghe pháp sâu-xa, không có gì ngờ-vực nhưng, kính xin đức Như-Lai vì những người cầu Phật-đạo đời mai sau, mà diễn nói cho những chân-lý sâu-xa mầu-nhiệm, khiến hạnh Bồ-tát của họ không bị thoái-chuyển”.

Khi ấy, đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc rằng: “Thiện-nam-tử! Phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác cầu đạo Bồ-đề có hai hạng Bồ-tát: Một là tại-gia. Hai là xuất-gia. Bồ-tát tại-gia vì muốn hóa-đạo, phòng dâm, hàng thịt đều được thân-cận. Bồ-tát xuất-gia không như thế.

Song, Bồ-tát ấy đều có chín bậc: Ba bậc thượng-căn đều ở nơi A-lan-nhã, không gián-đoạn sự tinh-tiến làm lợi-ích chúng-sinh. Các Bồ-tát trung-căn và hạ-căn tùy chỗ nào hợp thì ở, nơi chốn không nhất định, hoặc ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở nơi làng xóm, tùy duyên làm lợi-ích, an-ôn chúng-sinh đều được hạnh-môn như thế. Ông nên quán-sát!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia tu-tập Phật-đạo, đã được pháp vô-lậu chân-thực, thời tùy duyên làm lợi lạc hết thảy chúng-sinh. Nếu có Phật-tử chưa được chân-trí, ở nơi Lan-nhã, cần nên thân-cận chư Phật, Bồ-tát và nếu gặp được bậc chân-thiện-tri-thức, thời đối với hạnh Bồ-tát quyết không thoái-chuyển. Bởi nhân-duyên ấy, các Phật-tử cần nên dốc lòng cầu thấy một đức Phật và một vị Bồ-tát.

Thiện nam-tử! Như thế gọi là pháp-yếu xuất-thế, các ông đều nên nhất tâm tu-học!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia chán bỏ thế-gian, ở nơi A-lan-nhã biết dùng công-lực được viên-mãn tám vạn bốn nghìn Ba-la-mật-hạnh và chóng chứng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Sở-dĩ thế là sao? - Nếu người bỏ danh-lợi vào ở trong rừng núi, đối với thân-mệnh mình cũng như của-cải của mình không sèn-tiếc gì nữa, vĩnh-viễn không hệ-thuộc vào nó, thời tự-nhiên được đầy-đủ dễ-dàng ba thứ Ba-la-mật-đa. [1]

Bồ-tát Di-Lặc bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Ở nơi A-lan-nhã, Bồ-tát xuất-gia không chứa cát của báu, vậy bởi nhân-duyên gì mà Bồ-tát ấy viên-mãn được Bồ-thí Ba-la-mật?”

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Thiện-nam-tử! Ở nơi A-lan-nhã, Bồ-tát xuất-gia vào trong xóm làng khát-thực, những món ăn xin được, trước tiên nên đem phần nhỏ cho chúng-sinh, sau nữa lại đem phần còn thừa cho những chúng-sinh nào muốn, tức được tên gọi là “Bồ-thí Ba-la-mật”. Đem thân-mệnh mình cúng-dàng Tam-bảo, đem đầu mắt, tủy, óc bồ-thí cho người lại xin, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Vì người cầu pháp, nói pháp xuất-thế, khiến họ phát tâm vô-thượng Bồ-đề, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Bồ-thí Ba-la-mật-đa.”

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, tu mười hai hạnh Đầu-đà, nếu khi đi bộ nên coi xuống đất cách chừng hai khuỷu tay, để không làm tổn-hại chúng-sinh, tức được tên gọi là “Trì-giới Ba-la-mật”. Kiên-trì giới cấm, không tiếc thân-mệnh, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Vì người cầu đạo xuất-thế, thuyết-pháp giáo-hóa, khiến họ phát tâm vô-thượng Bồ-đề, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Trì-giới Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, diệt sự giận-bực, được “Từ-tâm tam-muội” và cũng không hủy-nhục hết thầy chúng-sinh, tức được tên gọi là “Nhẫn-nhục Ba-la-mật” (Xưa, nay vẫn thiếu một đoạn “Thận-cận Ba-la-mật” này). Nếu vì một người nói một câu pháp, khiến họ phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Nhẫn-nhục Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia vì muốn khiến chúng-sinh được thành Phật nên tu hạnh “tinh-tiến”. Chưa được thành Phật, phúc-đức, trí-tuệ kém-cỏi, không tham yên-vui, không tạo mọi tội, đối với trong những hạnh khổ-hạnh của những Bồ-tát xưa, sinh tâm rất mừng, cung-kính, tôn-ngưỡng, luôn luôn không lúc nào thôi, bởi nhân-duyên ấy, tức được tên gọi là “Tinh-tiến Ba-la-mật”. Bỏ thân-mệnh như nhỏ nước bọt, dãi, trong hết thầy thời chưa từng biếng nhác, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Gặp người có duyên, nói đạo tối-thượng, khiến họ đi tới vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Do tâm tinh-tiến, mười hạnh [2] như thế, đời quá-khứ không bị thoái-chuyển, đời hiện-tại được vững-bền và đời vị-lai chóng được viên-mãn. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Đại-bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Tinh-tiến Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, tu-tập chính-định, vì giữ cho các pháp không tan mất, thể-nhập các môn giải-thoát, dứt hẳn biên-kiến, [3] hiển-hiện thần-thông, hóa-độ chúng-sinh, khiến họ được chính-trí, dứt được gốc phiền-não, chứng-nhập chân-pháp-giới, ngộ đạo như-thực và sẽ tới Bồ-đề; bởi nhân-duyên ấy, tức được tên gọi là “Thiền-định Ba-la-mật”. Muốn làm cho chúng-sinh như ta không khác, nghĩa là đều được đầy đủ phép điều-trị chúng-sinh, không bỏ chính-định, không tiếc thân-mệnh; tu chính-định ấy, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Vì các chúng-sinh nói pháp sâu-nhiệm, đều khiến họ xu-hướng đạo vô-thượng Bồ-đề, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Thiền-định Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi không-nhàn, thân-cận cúng-dàng chư Phật, Bồ-tát. Là những bậc trí-giả các Bồ-tát thường thích nghe những pháp sâu-nhiệm, tâm sinh khát-ngưỡng, luôn luôn không biết chán, đủ; lại hay phân-biệt rành chân-lý Nhị-đế, [4] dứt trừ hai chướng, thông-suốt ngũ-minh, [5] nói các pháp-yếu, giải-quyết mọi sự ngờ-vực; bởi nhân-duyên ấy, tức được tên gọi là “Bát-nhã ba-la-mật”. Vì cầu nửa bài kệ mà hủy bỏ thân-mệnh, không sợ mọi khổ, để đến chỗ Đại-bồ-đề, tức được thành-tựu “Thân-cận Ba-la-mật”. Ở trong đại-hội vì người nói pháp, đối với những nghĩa sâu-nhiệm không sên tiếc, bí-mật, khiến họ phát-khởi tâm Đại-bồ-đề và đối với hạnh Bồ-tát được Bất-thoái-chuyển. Thường hay quán-sát thân ta, Lan-nhã, tâm Bồ-đề và Pháp-thân chân-thực: bốn thứ ấy không sai khác; vì quán diệu-lý như thế, như thế tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Bát-nhã ba-la-mật-đa”. Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi không nhàn, thường hay tu-tập “Phương-tiện thắng-trí Ba-la-mật-đa”. [6] Dùng “Tha-tâm-trí” [7] hiểu rõ ý muốn, phiền-não, tâm-hành sai-biệt của chúng-sinh, hợp bệnh cho thuốc, đều làm cho họ khỏi được, được thần-thông tam-muội du-hí tự-tại, phát bi-nguyện lớn, thành-thực chúng-sinh, các pháp của chư Phật đều thông-suốt cả, [8] bởi nhân-duyên ấy, tức được tên gọi là “Phương-tiện thiện-sảo Ba-la-mật-đa”. Vì muốn làm lợi-ích cho các chúng-sinh, đối với thân-mệnh và của-cải đều không có tiếc, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật-đa”. Vì các chúng-sinh oán, thân bình-đẳng, nói pháp vi-diệu, làm cho họ chứng-nhập Phật-trí, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật-đa”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Phương-tiện thiện-sảo Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia vào trong rừng núi, vì các chúng-sinh nên thường tu-tập “Nguyện Ba-la-mật”. Tâm các vị ấy luôn luôn quán-sát chân-tính của các pháp, chẳng phải “có”, chẳng phải “không”, mà là diệu-lý trung-đạo; đối với việc thế-tục đều phân-biệt rõ được và cũng vì hóa-độ chúng-sinh nên luôn luôn tu về từ-bi; bởi nhân-duyên ấy tức được tên gọi là “Nguyện Ba-la-mật”. Đem bốn lời thệ-nguyện rộng lớn [9] nhiếp-thụ chúng-sinh, cho đến dù bỏ thân-mệnh vẫn không làm hoại mất bi-nguyện ấy, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Nói pháp vi-diệu, biện-tài vô-ngại, nếu có người nào lắng nghe được diệu-pháp ấy rớt-ráo không bị thoái-chuyển, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Nguyện Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở A-lan-nhã, dùng năng-lực chính-trí, hiểu rành tâm-hạnh đen, trắng (thiện, ác, thanh-tịnh, không thanh-tịnh) của chúng-sinh, vì chúng-sinh nói pháp tương-ứng, khiến họ chứng-nhập nghĩa

sâu nhiệm của Đại-thừa, an-trụ nơi cứu-cánh Niết-bàn; bởi nhân-duyên ấy, tức được tên gọi là “Lực Ba-la-mật”. Dùng mắt chính-trí soi thấy lý “ngũ uẩn không-tịch”, (5 uẩn không, vắng), có thể bỏ thân-mệnh làm lợi-ích cho chúng-sinh, tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Dùng năng-lực diệu-trí hóa-độ bọn tà-kiến, khiến họ dứt bỏ nghiệp ác sinh-tử luân-hồi, xu-hướng Niết-bàn cứu-cánh thường lạc, tức được gọi là “Chân thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Lực Ba-la-mật-đa”.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở A-lan-nhã, đối với hết thầy pháp biết rõ thiện hay ác, xa lìa tà-kiến, nhiếp-thụ chính-pháp, không chán sinh-tử, không thích Niết-bàn, tức được tên gọi là “Trí Ba-la-mật”. Không yêu thân mình, luôn luôn thương xót chúng-sinh; đối với thân-mệnh và của cải thường tu hạnh đại-xả (bỏ hết) tức được gọi là “Thân-cận Ba-la-mật”. Dùng trí-tuệ vi-diệu vì các chúng-sinh nói pháp Nhất-thừa, khiến họ chứng-nhập đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác; bởi nhân-duyên ấy, tức được gọi là “Chân-thực Ba-la-mật”. Thiện-nam-tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất-gia thành-tựu “Trí Ba-la-mật-đa”. [10]

Thiện-nam-tử! Những Ba-la-mật-đa ấy, bởi nghĩa gì mà Tôi lại nói là nó phát-sinh ra tám vạn bốn nghìn sự sai khác? Các ông nên biết! Vì những người nhiều “tham” mà phân-biệt, diễn nói ra hai nghìn một trăm Ba-la-mật-đa, vì những người nhiều “sân” mà phân-biệt, diễn nói ra hai nghìn một trăm Ba-la-mật-đa, vì những người nhiều “si” mà phân-biệt, diễn nói ra hai nghìn một trăm Ba-la-mật-đa, vì những người “đăng phận” [11] mà phân-biệt, diễn nói ra hai nghìn một trăm Ba-la-mật-đa. Thiện-nam-tử! Đối với những số hai nghìn một trăm Ba-la-mật-đa ấy làm căn-bản, rồi chuyển gấp hơn lên, thành tám vạn bốn nghìn Ba-la-mật-đa. Những pháp như thế, đều là hạnh lợi-tha.

Thiện-nam-tử! Nếu có chúng-sinh, tính-khí khó điều-phục, nghe pháp ấy rồi mà tâm chưa điều-phục được, liền vì họ tuyên-thuyết tám vạn bốn nghìn Tam-muội-môn. Diệu-pháp như thế đều là hạnh tự-lợi! Nếu có chúng-sinh tính-khí khó điều-phục, nghe pháp ấy rồi, mà tâm chưa điều-phục được, liền vì họ tuyên-thuyết tám vạn bốn nghìn Đà-ra-ni-môn. Diệu-pháp như thế đều là hạnh lợi-tha! Thiện-nam-tử! Tôi vì điều-phục hết thầy chúng-sinh nên nói ra pháp như thế và đem vô số phương-tiện thiện xảo, thị-hiện mọi tướng, giáo-hóa chúng-sinh. Thiện-nam-tử! Vì nghĩa ấy nên hết thầy Nhân, Thiên đều gọi Như-Lai là Đạo-sư.

Thiện-nam-tử! Chư Phật Thế-Tôn trong hiện-tại và vị-lai đều tu-tập tám vạn bốn nghìn Ba-la-mật-môn, tám vạn bốn nghìn Tam-muội-môn, tám vạn bốn nghìn Đà-ra-ni-môn, dứt hẳn tám vạn bốn nghìn phiền-não-chướng vi-tế, tám vạn bốn nghìn sở-tri-chướng vi-tế và đều tới dưới gốc cây Bồ-đề nơi Lan-nhã, ngồi tòa Kim-cương, nhập-định Kim-cương, hàng-phục được hết thầy thiên-ma oán-thù rồi, chúng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [12]

Lúc đó, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy Ngài nói lời kệ sau này:

Đại-pháp-vương vượt qua ba cõi,
Xuất-hiện thế-gian hóa mọi loài.
Các Bồ-tát nhiều như Hằng-sa,
Nhập Phật Cam-lộ trí-tuệ-môn.
Di-Lặc đắc-đạo trong nhiều kiếp,
Đem tâm Đại-bi mà khai-vấn.
Lành thay, vô-cầu Pháp-vương-tử!
Trí-tuệ mở tỏ Chân-phật-thừa.
Tôi đem biện-tài vô-úy nói,
Nói trong Đại-thừa, hướng đường giác.
Các ông nhất tâm lắng nghe kỹ!
Trao chuyển đời sau điều nên trao.
Mười phương thế-giới có thể không,
Chớ để dứt hết đạo xuất-thế!
Muốn cầu đạo xuất-thế giải-thoát,
Chẳng qua ba căn, chín phẩm loại. [13]
Ba phẩm Thượng-căn ở Lan-nhã,
Trung, Hạ tùy duyên hóa thế-gian.
Chỗ cầu đạo-quả không sai khác,
Cùng nói chân-như, Phật-tính-hải.
Đại-sĩ chúng được vô-lậu rồi,
Tùy nghi ứng-hiện cứu quần-sinh,
Mở tỏ “hữu, không” bất nhị-môn. [14]
Lợi mình, lợi người không gián-đoạn.
Phật-tử chưa chúng được vô-lậu,
Nên chính, chăm tu ba môn học. [15]
Thiện-căn hồi-hướng cho chúng-sinh,
Một lòng chuyên niệm Phật, Bồ-tát:
Nguyện, con thường thấy Phật, Bồ-tát,
Tâm thân công-đức rất trang-nghiêm.

Nếu thường được nghe tiếng pháp-vũ,
Tất cả thắm-nhuần, tâm chẳng thoái.
Đem thân thường ở trong địa-ngục,
Cũng vẫn thân-cận Đại-từ-tôn.
Đem thân thường ở trong luân-hồi,
Cũng vẫn thân nghe pháp vi-diệu.
Bởi nhân-duyên ấy, các Phật-tử,
Buộc tâm thường niệm: “Thiên-nhân-su”.

Nếu có Phật-tử tu Thánh-đạo,
Phát khởi Vô-thượng Bồ-đề-tâm;
Chán đời ở trong A-lan-nhã,
Cũng được là tu ba thứ “Độ”. [16]
Bổ-thí trước khi ăn mỗi ngày,
Và, đem pháp báu cho chúng-sinh;
Ba vòng thanh-tịnh [17] là “Bổ-thí”,
Bởi nhân tu ấy, đức viên-mãn.
Nên biết chúng được Ba-la-mật,
Chỉ do tâm tịnh, không do của;
Nếu có nhiễm tâm, cho ngọc quý,
Không bằng tâm tịnh cho chút ít.
Cho của tức được Bổ-thí-độ,
Ba-la-mật ấy chẳng hai, ba.
Hay cho thân-mệnh và vợ con,
Như thế được là “Thân-cận-độ”.

Nếu thiện-nam, nữ đến cầu pháp,
Vì nói hết thầy Đại-thừa-kinh;
Khiến phát vô-thượng Bồ-đề-tâm,
Mới gọi “Chân-thực Ba-la-mật”.

Từ-bi, tịnh-tín đủ thẹn-hổ,
Nhiếp-thụ chúng-sinh lia tham-trước;
Nguyện thành Như-Lai vô-thượng-trí,
Cho của, cho pháp là Sơ-độ.
Giữ bền tam-tụ-giới Bồ-tát,
Khai-phát Bồ-đề, lia sinh-tử;
Ứng-hộ Phật-pháp ở thế-gian,
Hối sự lầm phạm: “Chân-trì-giới”.

Đẹp tâm giận-bực, quán từ-bi,
Nên nghĩ nhân xưa đối-oán hại; [18]
Không tiếc thân-mệnh cứu chúng-sinh,
Thế là “Nhẫn-nhục Ba-la-mật”.

Làm hạnh khó làm không tạm bỏ,
Ba Tăng-kỳ-kiếp thường tăng-tiến;
Không cùng như nhiệm, thường luyện tâm,
Vì độ chúng-sinh cầu giải-thoát.
Ra, vào chính-định được tự-tại,
Biến-hóa thân-thông đạo mười phương;
Dứt nhân phiền-não cho chúng-sinh,
Cửa Tam-ma-địa cầu giải-thoát.
Nếu muốn thành-tựu chân-trí-tuệ,
Thân-cận Bồ-tát và Như-Lai;
Thích nghe diệu-lý-môn [19] xuất-thế,
Tu đạt ba minh, dứt hai chướng.
Biết tâm chúng-sinh thường sai-biệt,
Tùy bệnh cho thuốc khiến họ uống;
Từ-bi thiện-sảo hợp căn-cơ,
Phương-tiện lợi-sinh độ mọi cõi.
Quán chân-cú-ngĩa [20] hết thấy pháp,
Không chấp giữa, bên, lìa “có, không”.
Tịnh-trí liên-tiếp ngộ chân-như,
Lợi mình, lợi người khắp pháp-giới.
Trí-lực hiểu rõ tính chúng-sinh,
Vì nói “tương-ứng” của mọi pháp.
Trí-lực thể-nhập tâm chúng-sinh,
Khiến dứt gốc luân-hồi sinh-tử.
Trí-lực phân-biệt pháp trắng, đen,
Tùy nên lấy, bỏ đều hiểu thấu.
Sinh-tử, Niết-bàn vốn bình-đẳng,
Thành-tựu chúng-sinh lìa phân-biệt.
Mười hạnh thù-thắng trên như thế,
Nhiếp vào tám vạn bốn nghìn số;
Tùy theo phẩm-loại thắng pháp-môn,
Mới là Bồ-tát Ba-la-mật.
Tám vạn bốn nghìn Tam-ma-địa,
Diệt-tâm tán-loạn cho chúng-sinh.
Tám vạn bốn nghìn Tổng-trì-môn,
Trừ-diệt hoặc-chướng, tan ma-chúng.
Năng-lực phương-tiện đấng Pháp-vương,
Ba thứ pháp-yếu hóa [21] chúng-sinh;
Lưới “giáo” bủa chăng bề sinh-tử,
Đặt Nhân, Thiên lên chôn an-lạc. [22]

Khi đức Thế-Tôn nói pháp ấy, tám vạn bốn nghìn Thiên-tử cõi Dao-ly, dứt được các giới-chướng, [23] chứng Hoan-hỷ-địa. Vô số trăm nghìn Thiên-tử trong sáu cõi trời Dục ngộ Vô-sinh-nhãn, được Đà-ra-ni. Mười sáu Đại-quốc-vương được nghe Đà-ra-ni, vô-lượng tứ chúng nghe hạnh Bồ-tát hoặc được Bất-thoái-địa, hoặc được Tam-muội-môn, hoặc được Đà-ra-ni, hoặc được đại-thần-thông, hoặc có Bồ-tát chúng được Tam-địa cho đến Thập-địa, vui mừng hơn-hở. Vô-lượng trăm nghìn các Nhân, Thiên..., phát tâm vô thượng chính-đẳng chính-giác, không bị thoái-chuyên. Tám nghìn Nhân, Thiên xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh. [24]

TOÁT-YẾU

VIII.- PHẨM BA-LA-MẬT 2

Đại-bồ-tát Di-Lặc bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Sao chỉ thấy Thế-Tôn khen ngợi sự tu-hành của Bồ-tát tại A-lan-nhã mà không thấy Ngài khen ngợi sự tu-hành của các Bồ-tát ở nơi khác? Có một thời trên núi Linh-thứu Ngài nói: “Bồ-tát có khi ở nhà dâm-nữ, ở gần người đồ-tể để chỉ dạy họ, khiến họ vào đạo”. Nay lại không thể. Vậy xin Thế-Tôn nói cho lý thâm-diệu ấy, để cho những người cầu Phật-đạo mai sau, không có sự ngờ-vực và không bị thoái-chuyên”.

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Phát tâm vô-thượng cầu đạo bồ-đề có hai hạng Bồ-tát: 1/ Tại-gia. 2/ Xuất-gia. Bồ-tát tại-gia vì sự hóa-đạo được thân-cận nơi phòng dâm, hàng thịt. Bồ-tát xuất-gia không thể. Song, Bồ-tát ấy còn có 9 bậc: 3 bậc thượng-căn ở A-lan-nhã, 3 bậc Trung-căn và 3 bậc Hạ-căn tùy ở chỗ nào hợp với sự làm lợi-ích cho chúng-sinh thì ở. Hơn nữa, Bồ-tát xuất-gia tu Phật-đạo đã được vô-lậu-pháp thời tùy duyên làm lợi-lạc chúng-sinh. Nếu chưa, ở nơi A-lan-nhã nên thân-cận chư Phật, Bồ-tát hay gặp các bậc Chân-thiện-tri-thức. Đó là pháp-yếu xuất-thế!”

Bồ-tát xuất-gia ở A-lan-nhã, dùng công-lực sẽ viên-mãn 84.000 hạnh Ba-la-mật và chóng chứng vô-thượng-giác. Nếu người bỏ danh-lợi, không tiếc thân-mệnh của cải, tu nơi rừng núi để được ba thứ: Danh-tự, thân-cận và chân-thực trong mười Ba-la-mật.

- BỐ-THÍ: Bồ-tát không có của, lấy đâu bố-thí mà viên-mãn được Bố-thí ba-la-mật?

Đem ít món ăn xin được và những món ăn còn thừa cho người muốn, là “Bố-thí”. Đem thân-mệnh cúng-dàng Tam-bảo, xả thân cho người, là “Thân-

cận”. Nói pháp xuất-thế, khiến người cầu pháp phát tâm vô-thượng là “Chân-thực”.

- TRÌ-GIỚI: Không làm tổn-hại chúng-sinh là “Trì-giới”. Kiên-trì giới cấm, không tiếc thân-mệnh là “Thân-cận”. Và, thuyết-pháp khiến người cầu đạo xuất-thế phát tâm vô-thượng là “Chân-thực”.

- NHÃN-NHỤC: Diệt giận-bực, không hủy-nhục chúng-sinh là “Nhẫn-nhục”. Và, vì người thuyết-pháp khiến họ phát tâm vô-thượng là “Chân-thực”.

- TINH-TIẾN: Chưa thành Phật, phúc-trí kém, không ham vui, không tạo tội, kính ngưỡng khổ-hạnh của các Bồ-tát là “Tinh-tiến”. Hy-sinh thân-mệnh dễ-dàng là “Thân-cận”. Nói đạo tối-thượng, khiến người cầu đạo tới vô-thượng-giác là “Chân-thực”.

- THIÊN-ĐỊNH: Tu-tập chính-định, thể-nhập các môn giải-thoát, dứt biên-kiến, hiện thần-thông, hóa-độ chúng-sinh, khiến họ được chính-trí, dứt phiền-não, ngộ chân-pháp-giới, ngộ đạo như-thực và sẽ tới bồ-đề là “Thiên-định”. Làm cho chúng-sinh tu tam-muội, không tiếc thân-mệnh là “Thân-cận”. Nói pháp thâm-diệu khiến chúng-sinh xu hướng đạo vô-thượng là “Chân-thực”.

- BÁT-NHÃ: Thân-cận cúng-dàng chư Phật, Bồ-tát, các bậc trí-giả, thích nghe diệu-pháp không chán, lại hiểu rõ lý Nhị-đế, trừ 2 chướng, suốt ngũ minh, nói các pháp-yếu, giải-quyết ngờ-vực là “Bát-nhã”. Cầu nửa bài kệ mà hủy thân không sợ khổ, đạt tới Đại-bồ-đề là “Thân-cận”. Nói pháp sâu-nhiệm không sèn tiếc, bí-mật khiến người nghe, phát tâm đại-bồ-đề, bất-thoái-chuyển. Và, quán thân ta, Lan-nhã, bồ-đề-tâm và pháp-thân không khác là “Chân-thực”.

- PHƯƠNG-TIỆN THIỆN-SẢO: Dùng “tha-tâm-trí” hiểu rõ ý muốn, phiền-não, tâm-hành sai khác của chúng-sinh mà tùy bệnh cho thuốc, khiến họ thoát khỏi, được thần-thông, phát tâm bi-nguyện thành-thục chúng-sinh và thông suốt các pháp là “Phương-tiện thiện-sảo”. Vì việc lợi-ích không tiếc thân-mệnh, của cải là “Thân-cận”. Nói pháp không phân-biệt oán, thân, khiến chúng-sinh chứng-nhập Phật-trí là “Chân-thực”.

- NGUYỆN: Tâm luôn luôn quán pháp-tính là “Trung-đạo” chẳng phải “có”, chẳng phải “không”; hiểu rõ thế-tục, tu đức từ-bi để độ-sinh là “Nguyện”. Đem 4 nguyện lớn độ-sinh, dù phải xả thân cũng không bỏ, là “Thân-cận”.

Nói pháp vi-diệu, biện-tài vô-ngại, người nghe được bất-thoái-chuyển là “Chân-thực”.

- LỰC: Dùng sức chính-trí, hiểu tâm-hạnh, nói pháp tương-ứng, khiến chúng-sinh chứng-nhập nghĩa sâu-nhiệm của Đại-thừa và an-trụ cứu-cánh Niết-bàn là “LỰC”. Dùng mắt chính-trí soi thấy “5 uẩn không-tịch”, xả thân làm việc lợi-ích cho chúng-sinh là “Thân-cận”. Dùng sức diệu-trí độ bọn tà-kiến, khiến họ bỏ nghiệp sinh-tử luân-hồi, xu-hướng về Niết-bàn thường lạc là “Chân-thực”.

- TRÍ: Biết rõ thiện, ác, xa lìa tà-kiến, nhiếp-thụ chính-pháp, không chán sinh-tử, không thích Niết-bàn là “TRÍ”. Thương chúng-sinh, thường xả thân-mệnh, của cải là “Thân-cận”. Dùng vi-diệu-trí nói pháp Nhất-thừa khiến chúng-sinh chứng-nhập đạo vô-thượng-giác là “Chân-thực”.

Lại nữa, vì những chúng-sinh nhiều “tham, sân, si và đặng-phận” mà phân-biệt, diễn nói ra mỗi thứ đến 2.100 Ba-la-mật và nhân gấp 10 lần thành 84.000 Ba-la-mật. Đó đều là hạnh lợi-tha. Những chúng-sinh nghe pháp mà tâm chưa điều-phục, nên nói 84.000 Tam-muội-môn đó là hạnh tự-lợi. Những chúng-sinh nghe pháp mà tâm chưa điều-phục nên nói 84.000 Đà-ra-ni-môn, đó là hạnh lợi-tha.

Chư Phật hiện-tại và vị-lai đều tu về 84.000 Ba-la-mật-môn, Tam-muội-môn, Đà-ra-ni-môn, mà dứt được 84.000 phiền-não-chướng, sở-tri-chướng vi-tế, thành vô-thượng-giác.

Khi đức Phật nói pháp ấy rồi, 84.000 Thiên-tử Đạo-ly chứng Hoan-hỷ-địa; vô số Thiên-tử trong Lục-dục-thiên ngộ Vô-sinh-nhãn được Đà-ra-ni; 16 Quốc-vương được Đà-ra-ni; vô-lượng tứ-chúng được Bất-thoái-địa, hoặc được Tam-muội-môn, Đà-ra-ni-môn, đại-thần-thông. Hoặc có Bồ-tát chứng Tam-địa đến Thập-địa, vô-lượng Nhân, Thiên phát-tâm vô-thượng, 84.000 Nhân, Thiên xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

[1] Ba thứ Ba-la-mật-đa: Tức là “danh-tự (tên gọi), thân-cận và chân-thực Ba-la-mật”.

Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “Ba-la-mật”, Bồ-tát Di-Lặc ngờ việc thực-hành hạnh Bồ-tát mới hỏi Phật, đức Phật giải rõ việc làm của hai hạng Bồ-tát: tại-gia và xuất-gia.

[2] Mười hạnh: Tức 10 Ba-la-mật: Trong 1 Ba-la-mật nào cũng cần phải tinh-tiến mới thành-tựu được, nên “Tinh-tiến Ba-la-mật” nằm trong tất cả.

[3] Biên-kiến: Tư-tưởng thiên về một bên.

[4] Nhị-đế: Chân-đế và tục-đế (xin xem chú-giải trong quyển Bước đầu học Phật)

[5] Ngũ minh: “Minh” là xiển-minh, nghĩa là làm cho nghĩa-lý, tư-tưởng rõ-rệt ra bằng cách có chứng-cứ. Lại, “Minh” là tên riêng của trí-tuệ, có nghĩa là y vào môn học nào đó mà trí-tuệ phát-minh. Đây là 5 môn học xưa của Ấn-độ: 1/ Thanh-minh (Sabdavidya): xiển-minh về ngôn-ngữ, văn-tự. 2/ Công-sảo-minh (Silpakar-masthànavidyà): xiển-minh về hết thảy công-ngệ, kỹ-thuật, toán-số, lịch-số v.v...3/ Y-phương-minh (Cikitsàvidà): xiển-minh về phương thuốc. 4/ Nhân-minh (Hetuvidyà): xiển-minh luận-lý-học, bàn-định về lẽ chính, tà, chân, ngụy. 5/ Nội-minh (Adhyatmavidyà): xiển-minh tôn-chỉ của học-phái mình, tức là nội-điển từng học-phái, như Phật-giáo lấy Tam-tạng: kinh, luật, luận làm Nội-minh. Bốn minh trên là môn học chung cho tất cả, còn minh thứ năm là riêng biệt của từng phái.

[6] Phương-tiện thắng-trí.....: Trong 10 Ba-la-mật, có thể chia 5 Ba-la-mật trước thuộc về tu phước, 5 Ba-la-mật sau thuộc về tu tuệ. Về tu tuệ coi Bát-nhã ba-la-mật như là căn-bản-trí, 4 Ba-la-mật sau như là Hậu-đắc-trí. Y nơi Bát-nhã, tu-tập những phương-pháp tiện-dụng độ-sinh làm cho trí-tuệ thù-thắng hơn lên là “Phương-tiện thắng-trí Ba-la-mật”.

[7] Tha-tâm-trí: Trí-tuệ hiểu biết tâm người khác.

[8] Đoạn trên, từ chữ “Dùng” tới chữ “cả” nói Bồ-tát được trí-tuệ, thần-thông, hiểu rõ nghiệp-tính chúng-sinh, Bồ-tát phát bi-nguyện lớn đi khắp mọi nơi, chữa bệnh cho chúng-sinh, làm cho chúng-sinh được thanh-tịnh và hiểu thấu đạo vô-thượng.

[9] 4 lời thệ-nguyện rộng lớn: 1/ Chúng-sinh vô-biên thệ-nguyện độ. 2/ Phiền-não vô-tận thệ-nguyện đoạn. 3/ Pháp-môn vô-lượng thệ-nguyện học. 4/ Phật-đạo vô-thượng thệ-nguyện thành.

[10] Đoạn trên, từ chỗ “Bồ-tát Di-Lặc bạch Phật rằng:” cho đến chỗ “Trí-ba-la-mật-đa” là nói rõ về 3 thứ của 10 Ba-la-mật:

1/ Bồ-thí ba-la-mật-đa (Dànapàramità): cho của cải, thân-mệnh và nói pháp xuất-thế. 2/ Trì-giới ba-la-mật-đa (Silapàramità): giữ giới cấm, không hại sinh, không tiếc mình vì giữ giới và khuyên người phát tâm vô-thượng. 3/ Nhẫn-nhục ba-la-mật-đa (Ksantipàramità): không hủy-nhục chúng-sinh..., khuyên người phát tâm vô-thượng. 4/ Tinh-tiến ba-la-mật-đa (Viriyapàramità): luôn luôn tu-tiến, không tiếc thân-mệnh và nói đạo tối-thắng, khiến người nghe, tới vô-thượng-giác. 5/ Thiền-định ba-la-mật-đa (Dhyànapàramità): giữ chính-định, hóa chúng-sinh, nhập chân-pháp-giới; không tiếc thân-mệnh dạy chúng-sinh tu và nói pháp vi-diệu khiến chúng-sinh tới vô-thượng-giác. 6/ Bát-nhã ba-la-mật-đa (Prjnāpàramità) “Bát-nhã” Tàu dịch là “Tuệ”: Hiểu rõ chân-lý không tiếc thân-mệnh để cầu pháp; nói pháp không sên và, quán thấu diệu-lý bình-đẳng. 7/ Phương-tiện thiện-sảo ba-la-mật-đa (Upāyapàramità): Hiểu, giúp chúng-sinh; giúp chúng-sinh không tiếc mình và coi chúng-sinh bình-đẳng, nói pháp vi-diệu, khiến họ chứng-nhập Phật-trí. 8/ Nguyện ba-la-mật-đa (Pranidanapàrajat): Quán sự-vật là trung-đạo, không “có”, không “không”, tu tâm từ-bi, hiểu thấu việc đời và sự chúng-sinh đau khổ; dù bỏ thân mệnh để thực-hành đại-nguyện cũng không từ và nói pháp vi-diệu, làm chúng-sinh được bất-thoái-chuyển. 9/ Lực ba-la-mật-đa (Balapàramità) Dùng sức trí-tuệ làm chúng-sinh chứng-nhập Đại-thừa-pháp; dù bỏ thân-mệnh làm lợi-ích chúng-sinh cũng được và dùng diệu-lực làm cho bọn tà-kiến xu-hướng Niết-bàn. 10/ Trí ba-la-mật-đa (Jnānapàramità): Hiểu rõ các pháp, giữ vững trung-đạo: không chán sinh-tử, không thích Niết-bàn, có tâm đại-xả, thương xót chúng-sinh và dùng diệu-trí nói pháp Nhất-thừa, khiến chúng-sinh chứng-nhập đạo vô-thượng.

[11] Đẳng-phận: Các phần bằng nhau. Trên kia đức Phật nói hoặc nhiều tham, nhiều sân, nhiều si nhưng, đây trong 3 phần tham, sân, si đều bằng nhau, không hơn kém, nên gọi là “Đẳng-phận”.

[12] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử”, đến chỗ “chính-giác”, đức Phật nói: do tham, sân, si, đẳng-phận mà thành 84.000 Ba-la-mật-môn, Tam-muội-môn và Đà-ra-ni-môn. Chư Phật do tu các môn ấy mà thành chính-giác.

[13] Ba căn, chín phẩm loại: Tức thượng, trung, hạ-căn. Và, trong mỗi căn lại chia làm thượng, trung, hạ nữa thành ra 9 phẩm.

[14] Hữu, không bất-nhị-môn: Đây nói: “có, không” (hữu, không) đều là một cửa trung-đạo, chẳng phải hai

IX.- PHẨM CÔNG-ĐỨC TRANG-NGHIÊM [1]

Bấy giờ, Đại-bồ-tát Di-Lặc bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật nói ở nơi A-lan-nhã, công-đức thành-tựu sẽ được thành Phật, vậy Bồ-tát làm sao và tu các công-đức gì mà có thể ở trong nơi A-lan-nhã này được? Kính xin đức Thế-Tôn vì tôi mà giải-thuyết cho”.

Lúc đó, đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Các ông, thiện-nam-tử! Cần tu học chỉ có một đức, là người ấy có thể ở nơi A-lan-nhã, cầu vô-thượng-đạo được. Một đức ấy là gì? Là “quán hết thấy căn-nguyên phiền-não, tức là tự tâm”, hiểu thấu pháp ấy là có thể chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được. Sở dĩ thế là sao? Ví như chó dại bị người đánh đuổi, chỉ đuổi theo ngói, đá, chứ không đuổi theo người. Trong đời mai sau, ở nơi A-lan-nhã, người mới phát tâm cũng như thế. Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tâm người ấy nhiễm-trước, là người ấy không biết căn-bản phiền-não, không biết nguyên-nhân của năm cảnh [2] từ tự tâm sinh ra; đó tức là chưa thể ở nơi A-lan-nhã được bằng cách toàn-thiện. Bởi nhân-duyên ấy, hết thấy Đại-bồ-tát thích ở nơi tịch-tĩnh, cầu vô-thượng-đạo. Nếu khi cảnh ngũ-dục hiện ra trước mắt, nên quán-sát tự tâm và nên nghĩ thế này: “Ta từ đời vô-thủy đến ngày nay, luân-hồi trong sáu thú, không có kỳ nào ra được là đều tự nơi vọng-tâm sinh ra mê-hoặc, điên-đảo, đối với cảnh ngũ-dục, tham-ái nhiễm-trước”. Bồ-tát như thế gọi là người có thể chịu đựng ở nơi A-lan-nhã. Nếu có người hỏi: “Chúng-sinh nào ở đời mai sau sẽ được thành Phật? Nên chỉ người ấy trong đời mai sau, thoát khỏi khổ trong ba cõi, phá bốn ma-quân [3] chóng thành Bồ-đề, chứng-nhập trí-tuệ Phật, hết thấy thế-gian: Thiên, long tám bộ..., đều nên cúng-dàng! Nếu thiện-nam-tử và thiện-nữ-nhân nào lấy tâm thanh-tịnh cúng-dàng vị chân-Phật-tử ở nơi A-lan-nhã như thế, được vô-lượng vô-biên phúc-đức. Như có người đem mọi thứ trân bảo cúng-dàng bi-mẫu được công-đức thế nào, thời công-đức kia cũng như thế không khác. Sao vậy? Người ấy sẽ được vô-thượng chính-đẳng chính-giác, quay xe chính-pháp, độ Nhân, Thiên-chúng, nối Tam-bảo-chúng khiến không đoạn-tuyệt và sẽ là chỗ quy-y cho chúng-sinh. [4]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Có hai pháp ràng-buộc người tu hành, làm cho họ không chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được: Một là, yêu thích đoạn-kiến tà-pháp. Hai là, yêu thích của báu, đồ vui.

Lại, thiện-nam-tử! Có hai hạng người không chịu đựng ở nơi A-lan-nhã được: Một là, hạng người đầy dẫy sự kiêu mạn. Hai là, hạng người ghét giáo-pháp Đại-thừa.

Lại, thiện-nam-tử! Có hai hạng người không nên ở nơi A-lan-nhã: Một là, hạng người tà-kiến, không tin lời Phật. Hai là, hạng người tự thân phá-giới, sách-dịch trì-giới. Những người như thế, không nên ở nơi A-lan-nhã, cầu đạo vô-thượng. [5]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Người đủ bốn đức cần nên an trụ nơi A-lan-nhã. Những gì là bốn? Một là, danh-văn (nghe giỏi): tóm giữ điều nghe được không quên. Hai là, phân-minh: hiểu biết rành-rẽ nghĩa vi-diệu. Ba là, chính-niệm: luôn luôn không phóng-dật. Bốn là, tùy-thuận: như giáo-lý mà thực-hành. Thiện-nam-tử! Nếu có Phật-tử thành-tựu bốn thắng-đức như thế, cần nên an-trụ nơi A-lan-nhã, tu hạnh Bồ-tát, cầu đạo vô-thượng.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có bốn đức, trang-nghiêm tự-thân, ở A-lan-nhã, cầu trí tuệ Phật. Những gì là bốn? Một là, đại-từ. Hai là, đại-bi. Ba là, đại-hỷ. Bốn là, đại-xả. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, sinh ra hết thảy phúc-đức, trí-tuệ, đem lại lợi-ích an-vui cho vô-lượng chúng-sinh, chóng chứng pháp Đại-bồ-đề vô-thượng.

Lại nữa, bồ-tát xuất-gia lại có bốn đức, giữ giới thanh-tịnh, đạt đến Bồ-đề. Những gì là bốn? Một là, thường trụ trong bốn vô-cấu-tính. Hai là, thường làm mười hai hạnh Đầu-đà. Ba là, xa lìa tại-gia xuất-gia. Bốn là, bỏ hẳn lừa, nịnh, ghen-ghét. Thiện-nam-tử! Hết thảy Bồ-tát y vào bốn pháp ấy, khỏi hẳn sinh-tử, được Đại-bồ-đề. [6]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có bốn pháp tóm thâu hết thảy thiện. Những gì là bốn? Một là, giữ giới cấm thanh-tịnh, lại có sự nghe nhiều. Hai là, nhập các chính-định, đầy-đủ các trí-tuệ. Ba là, được sáu phép thần-thông, tu cả chủng-trí. Bốn là, phương-tiện thiện-sảo, lại không phóng-dật. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, các Bồ-tát trong ba đời cùng tu học, Phật-tử các ông cũng nên tu-tập, sẽ chóng chứng được đạo Bồ-đề rộng lớn vô-thượng.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia đủ bốn pháp, đối với hạnh Bồ-tát được Bất-thoái-chuyên. Những gì là bốn? Một là, bố thí. Hai là, ái-ngữ. Ba là, lợi-hành. Bốn là, đồng sự. Thiện-nam-tử! Bốn hạnh như thế, là con đường đi tới Bồ-đề, là căn-bản lợi-sinh, hết thảy Bồ-tát đều nên tu học.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại đủ bốn đức ở nơi A-lan-nhã, giữ giới thanh-tịnh, trang-nghiêm tự-thân. Những gì là bốn? Một là, quán-sát tự-thân không có bản-tính, để dẹp dứt hai chấp (ngã, pháp) chứng lý vô-ngã. Hai là, quán-sát tha-thân cũng không có bản-tính, để đối với kẻ oán, thân, lia

bỏ được sự yêu, ghét. Ba là, thân tâm khoái-lạc, để tâm và tâm sở-pháp không còn phân-biệt. Bốn là, được bình-đẳng-trí, để sinh-tử và Niết-bàn không có sự sai khác. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, hết thầy Bồ-tát nên tu-tập, Phật-tử các ông cũng nên tu-tập, sẽ đi tới đạo vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Hết thầy Bồ-tát lại có bốn nguyện làm cho chúng-sinh được thành-thục và giữ-gìn ngôi Tam-bảo trải qua đại-kiếp-hải quyết không thoái-chuyển. Những gì là bốn? - Một là, thề độ hết thầy chúng-sinh. Hai là, thề đoạn hết thầy phiền-não. Ba là, thề học hết thầy pháp-môn. Bốn là, thề chứng hết thầy Phật-quả. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, Bồ-tát lớn, nhỏ đều nên học tập, vì nó là chỗ học của Bồ-tát trong ba đời!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có bốn pháp ở nơi A-lan-nhã, giữ giới thanh-tịnh. Những gì là bốn? - Một là, yêu-thích “không-tính”, vì “không-ly” hiển-lộ. Hai là, được sự không sợ hãi, vì chúng được chính-định. Ba là, đối với các chúng-sinh khởi ra bi-nguyện lớn. Bốn là, đối với hai thứ vô-ngã [7] , không có tâm chán-ngán. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế là cửa quan-yếu của hết thầy Bồ-tát chứng-nhập Thánh-quả, vì y vào bốn pháp ấy dứt bỏ được hai chướng!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có bốn pháp, ở nơi A-lan-nhã, khéo giữ giới cấm, trang-nghiêm tự thân. Những gì là bốn? - Một là, bỏ hẳn ngã-kiến. Hai là, bỏ ngã-sở-kiến. Ba là, lìa đoạn, thường-kiến. Bốn là, hiểu-biết sâu rộng về mười hai nhân-duyên. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, trừ được sự hủy-phạm giới cấm, giữ-gìn tịnh-giới, trang-nghiêm tự thân.

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, lại quán bốn pháp, giữ được giới cấm, tu thêm diệu-hạnh, cầu đạt Phật-trí. Những gì là bốn? - Một là, quán-sát năm uẩn sinh-diệt. Hai là, quán-sát mười hai nhân-duyên như làng xóm trồng. Ba là, quán-sát mười tám giới tính đồng pháp-giới. Bốn là, đối với pháp tục-đế [8] không bỏ, không ham. Thiện-nam-tử! Bốn pháp như thế, hết thầy Bồ-tát nên tu học và vì thế Phật-tử ở nơi A-lan-nhã nên một lòng tu-tập, cầu đạo vô-thượng!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, đầy-đủ bốn pháp trì-giới thanh-tịnh, trang-nghiêm tự-thân. Những gì là bốn? - Một là, thành-tựu quán “bất kiến-thân”. Hai là, thành-tựu quán “bất kiến-ngữ”. Ba là, thành-tựu quán “bất kiến-ý”. Bốn là, xa-lìa sáu mươi hai kiến, thành-tựu quán “nhất-thiết-trí” [9] . Thiện-nam-tử! Nếu có Phật-tử thành-tựu bốn pháp

thanh-tịnh như thế, hiện-thân chứng được “chính-tính ly-sinh” [10] , cho đến chóng chứng được vô-thượng Bồ-đề. Bởi nhân-duyên ấy, Phật-tử các ông quán bốn pháp-môn như thế, dứt bốn ác-đạo, chứng bốn bậc Niết-bàn, hết thuở vị-lai, độ các chúng-sinh, khiến chứng được đạo vô-thượng chính-đăng, chính-giác! [11]

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, đầy-đủ tám pháp Tam-muội thanh-tịnh, trang-nghiêm tự thân. Những gì là tám? - Một là, ngồi một mình ở nơi A-lan-nhã, Tam-muội thanh-tịnh. Hai là, xa-lìa lời nói thêu-dệt, Tam-muội thanh-tịnh. Ba là, xa-lìa năm dục, Tam-muội thanh-tịnh. Bốn là, điều-phục thân-tâm, Tam-muội thanh-tịnh. Năm là, ăn uống tri-túc, Tam-muội thanh-tịnh. Sáu là, xa-lìa ác-câu, Tam-muội thanh-tịnh. Bảy là, xa-lìa sự nhân nghe giọng tiếng khởi ra tham-ái, Tam-muội thanh-tịnh. Tám là, vì chúng nói pháp không cầu lợi-duơng, Tam-muội thanh-tịnh. Thiện-nam-tử! Cần nên tu-tập sẽ chóng chứng được vô-thượng chính-đăng Bồ-đề!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, lại có tám thứ trí-tuệ thanh-tịnh. Những gì là tám? - Một là, năm uẩn thiện-sảo [12] , trí-tuệ thanh-tịnh. Hai là, mười hai xứ thiện-sảo, trí-tuệ thanh-tịnh. Ba là, mười tám giới thiện-sảo, trí-tuệ thanh-tịnh. Bốn là, hai mươi hai căn [13] thiện-sảo phương-tiện, trí-tuệ thanh-tịnh. Năm là, ba giải-thoát-môn thiện-sảo phương-tiện, trí-tuệ thanh-tịnh. Sáu là, hay diệt hết thấy phiền-não thiện-sảo phương-tiện, trí-tuệ thanh-tịnh. Bảy là, hay diệt tùy phiền-não [14] thiện-sảo phương-tiện, trí-tuệ thanh-tịnh. Tám là, hay diệt sáu mươi hai kiến thiện-sảo phương-tiện, trí-tuệ thanh-tịnh. Thiện-nam-tử! Tám thứ trí-tuệ thanh-tịnh như thế, Bồ-tát các ông nên cần tu-tập, sẽ chóng chứng được vô-thượng chính-đăng Bồ-đề!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, lại có tám thứ thần-thông thanh-tịnh, trang-nghiêm tự thân. Những gì là tám? - Một là, đối với mọi sắc-pháp [15] không bị chướng-ngại, được Thiên-nhãn thiện-sảo phương-tiện, thần-thông thanh-tịnh (Thiên-nhãn-thông). Hai là, đối với cảnh thanh-trần (tiếng), không bị chướng-ngại, được Thiên-nhĩ thiện-sảo phương-tiện, thần-thông thanh-tịnh (Thiên-nhĩ-thông). Ba là, đối với các tâm, tâm-sở-pháp của chúng-sinh không bị chướng-ngại, được Tha-tâm-trí thiện-sảo phương-tiện, thần-thông thanh-tịnh (Tha-tâm-thông). Bốn là, ghi nhớ nơi sinh, nơi chết trong quá-khứ không bị chướng-ngại, được Túc-trụ-trí thiện-sảo phương-tiện thần-thông thanh-tịnh (Túc-mệnh-thông). Năm là, đi khắp vô-số cõi Phật trong mười phương không bị chướng-ngại, được Thần-cảnh-

trí thiện-sảo phương-tiện, thần-thông thanh-tịnh (Thần-túc-thông). Sáu là, biết được lậu-nghiệp của chúng-sinh hết hay chưa hết không bị chướng-ngại, được Lậu-tận-trí thiện-sảo phương-tiện thần-thông thanh-tịnh (Lậu-tận-thông). Bảy là, diệt được hết thấy phiền-não không bị chướng-ngại, được Vô-lậu-trí thiện-sảo phương-tiện thần-thông thanh-tịnh. Tám là, hiện thấy hết thấy thiện-căn nơi tự-thân hồi-hướng chúng-sinh thiện-sảo phương-tiện thần-thông thanh-tịnh. Thiện-nam-tử! Tám thứ thần-thông thanh-tịnh như thế, các Bồ-tát trong mười phương đồng tu học, Bồ-tát các ông cũng nên tu-tập, sẽ chóng chứng được vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia ở A-lan-nhã, hiện thân được tám thứ thanh-tịnh. Những gì là tám? Một là, thân-nghiệp thanh-tịnh. Hai là, ngữ-nghiệp thanh-tịnh. Ba là, ý-nghiệp thanh-tịnh. Bốn là, chính-tính [16] thanh-tịnh. Năm là, chính-niệm thanh-tịnh. Sáu là, Đầu-đà thanh-tịnh. Bảy là, lìa xiêm-nịnh thanh-tịnh. Tám là, một niệm không quên tâm Bồ-đề thanh-tịnh. Thiện-nam-tử! Nếu có Phật-tử ở nơi A-lan-nhã, đầy-đủ tám thứ thanh-tịnh như thế, hiện-thân thành-tựu vô-biên thiện-căn, không bị thoái-chuyên đạo vô-thượng chính-đẳng, chính-giác!

Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có tám thứ: Đa-văn (nghe, học nhiều) thanh-tịnh, trang-nghiêm tự thân. Những gì là tám? - Một là, tôn-kính Hòa-thượng, A-xà-lê, đa-văn thanh-tịnh. Hai là, xa-lìa kiêu-mạn, sinh tâm nhún-nhường, đa-văn thanh-tịnh. Ba là, tinh-tiến dũng-mãnh, đa-văn thanh-tịnh. Bốn là, an-trụ chính-niệm, đa-văn thanh-tịnh. Năm là, vì người cầu pháp, nói nghĩa sâu rộng, đa-văn thanh-tịnh. Sáu là, không ưa bảo-hộ mình, chê người, đa-văn thanh-tịnh. Bảy là, thường hay quán-sát hết thấy thiện-pháp, đa-văn thanh-tịnh. Tám là, lắng nghe chính-pháp, y như chỗ nói mà tu-hành, đa-văn thanh-tịnh. Thiện-nam-tử! Tám thứ đa-văn thanh-tịnh như thế, Bồ-tát các ông đều nên tu-tập, sẽ chóng chứng được Vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề! [17]

Khi đức Thế-Tôn nói những hạnh Bồ-tát như thế rồi, Ngài bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc rằng: “Thiện-nam-tử! Sau khi Tôi nhập Niết-bàn chừng năm trăm năm lúc chính-pháp sắp diệt, vô-lượng chúng-sinh chán, bỏ thế-gian, khát-ngưỡng Như-Lai, phát-tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác vào nơi A-lan-nhã, vì đạo vô-thượng, tu-tập những hạnh-nguyện Bồ-tát như thế, đối với đạo Đại-bồ-đề được bất-thoái-chuyên. Vô-lượng chúng-sinh phát tâm như thế, khi mệnh-chung được sinh lên cung trời Đâu-suất, được thấy thân ông (Di-Lặc Bồ-tát) vô-biên phúc-trí trang-nghiêm, siêu-việt sinh-tử, chứng Bất-

thoái-chuyển. Và, ở đời mai sau ngồi dưới cây Bồ-đề Đại-bảo long-hoa được vô-thượng chính-đẳng chính-giác.

Trong lúc đức Thế-Tôn nói pháp ấy, hai vạn năm nghìn vị Bồ-tát mới phát tâm, đối với hạnh Bồ-đề sắp bị thoái-chuyển, nghe được pháp như thế, phát tâm kiên-cố, qua ngôi Thập-tín đến ngôi thứ sáu trong Thập-trụ. Ba vạn tám nghìn Bà-la-môn tịnh-hạnh dứt hẳn tà-kiến, được đại-pháp-nhãn và Đà-ra-ni. Bảy vạn sáu nghìn người đều phát tâm vô đẳng-đẳng, vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [18]

TOÁT-YẾU IX.- PHẨM CÔNG-ĐỨC TRANG-NGHIÊM

Đại-bồ-tát Di-Lặc bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Bồ-tát tu công-đức gì mới có thể ở trong A-lan-nhã được?”

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Chỉ cần tu một pháp là “quán hết thấy căn-nguyên phiền-não tức là tự-tâm”, là ở được nơi A-lan-nhã, cầu đạo vô-thượng. Nếu ai không biết căn-bản phiền-não, không biết nguyên-nhân của 5 cảnh từ tự-tâm sinh, còn nhiễm-trước vào 6 trần, chưa thể ở A-lan-nhã được. Đại-bồ-tát ở nơi tịch-tĩnh thấy cảnh ngũ-dục nên quán tự-tâm và nghĩ: “Từ trước tới nay bị luân-hồi lục-đạo đều do tự nơi vọng-tâm sinh ra mê-hoặc, điên-đảo, tham-nhiễm ngũ-dục”. Bồ-tát như thế là người ở được nơi A-lan-nhã, sau sẽ thành Phật và ai cúng-dàng vị ấy được phúc-đức vô-lượng”.

Có những hạng người không ở nơi A-lan-nhã được: hạng người thích đoạn-kiến, thích của báu, đồ vui, kiêu-mạn, ghét giáo-pháp Đại-thừa, ưa tà-kiến, không tin Phật, tự phá giới sai trì giới.

Những người ở nơi A-lan-nhã có những đức sau đây: Đây đủ danh-văn (nghe giỏi), hiểu biết phân-minh, chính-niệm, tùy thuận. Có từ, bi, hỷ, xả. Thường trụ trong 4 vô-cấu-tính, thường làm 12 hạnh Đầu-đà, xa lìa tại-gia xuất-gia, bỏ hẳn lừa, nịnh, ghen ghét. Giữ giới nghe nhiều, nhập chính-định, đủ trí-tuệ, được lục thông, tu chủng-trí, đủ phương-tiện, không phóng-dật. Đủ bố-thí, ái-ngữ, lợi-hành, đồng-sự. Quán tự thân không bản-tính, quán tha-thân không bản-tính, thân-tâm khoái-lạc, được bình-đẳng-trí. Đoạn phiền-não, độ chúng-sinh, học pháp-môn, chứng Phật-quả. Thích không-tính, được vô-úy, khởi bi-nguyện, không chán hai thứ vô-ngã. Bỏ ngã-kiến, biết rộng 12 nhân-duyên. Quán 5 uẩn sinh diệt, quán 12 nhân-duyên như làng trống, quán 18 giới tính đồng pháp-giới, tục-đế-pháp không bỏ không

ham. Thành-tựu: quán bất-kiến-thân, bất-kiến-ngữ, bất-kiến-ý và nhất-thiết-trí. (Phật-tử thành-tựu 4 pháp thanh-tịnh ấy, hiện-thân chứng được “chính-tính ly sinh”. Chóng thành vô-thượng-giác).

Đây đủ 8 pháp tam-muội thanh-tịnh, 8 pháp trí-tuệ thanh-tịnh, 8 thứ thân-thông thanh-tịnh; hiện-thân được 8 thứ thanh-tịnh. Và, Bồ-tát lại có 8 thứ đạ-văn thanh-tịnh, trang-nghiêm tự-thân.

Đức Phật lại bảo Đại-bồ-tát Di-Lặc: “Sau khi Tôi nhập-diệt chừng 500 năm có nhiều chúng-sinh phát tâm vô-thượng vào nơi A-lan-nhã, tu hạnh Bồ-tát được bất-thoái-chuyên. Nhiều chúng-sinh như thế, mệnh-chung sinh lên Đâu-suất, được gặp ông (Di-Lặc) chứng bất-thoái-chuyên và sau sẽ thành Phật”.

Khi nghe đức Phật nói Pháp ấy xong, 15.000 Bồ-tát phát tâm kiên-cố, qua Thập-tín đến ngôi thứ 6 trong Thập-trụ, 38.000 Bà-la-môn được đại-pháp-nhãn và Đà-ra-ni, 76.000 người phát tâm vô-thượng-giác.

[1] Công-đức trang-nghiêm: “Công” là công-năng trong việc lợi-ích, phúc-đức; công-năng ấy là đức của thiện-hạnh, nên gọi là “công-đức”. “Đức” còn có nghĩa là được, do công tu mà được, gọi là “Công-đức”. “Trang-nghiêm” có nghĩa là đem những cái hay, cái đẹp, tô-điểm cho đất nước huy-hoàng, hoặc đem những công-đức tô-điểm cho thân-thể nghiêm-trang, đẹp-đẽ. Nơi đây, các Bồ-tát đem công-đức tu được, tô-điểm cho tự-thân, quốc-giới, chúng-sinh được tốt đẹp.

[2] Năm cảnh: Tức sắc, thanh, hương, vị và xúc.

[3] Bốn ma-quân: 1/ Phiền-não-ma: tham, sân, si..., làm não-hại thân-tâm nên gọi là ma. 2/ Ngũ-ám-ma: 5 thứ: sắc, thụ, tưởng, hành, thức hay sinh ra mọi khổ-não nên gọi là ma. 3/ Tử-ma: sự chết hay dứt thân-mệnh người ta, nên gọi là ma. 4/ Thiên-ma: cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên hay làm hại việc thiện của người nên gọi là thiên-ma (ma nơi cõi trời).

[4] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “chúng-sinh”, Bồ-tát Di-Lặc hỏi về công-đức tu của Bồ-tát, đức Phật thuyết-minh về một đức mà các Bồ-tát cần tu, đó là đức “quán hết thấy căn-nguyên phiền-não tức là tự tâm”. Nghĩa là, tâm thanh-tịnh không nhiễm. Người được thế là chân-Phật-tử, nên cúng-dàng.

[5] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa”, đến chỗ “vô-thượng”, đức Phật thuyết-minh về hai lỗi mà người ở Lan-nhã cần xa tránh, như những người cho không có nhân-quả, chỉ một đời là hết v.v...

[6] Chỗ này còn một đoạn: “Lại nữa, thiện-nam-tử! Bồ-tát xuất-gia lại có 4 pháp khởi hỷ sinh-tử được đại-bồ-đề”.- Vì không có những câu sau nữa, sợ lầm, nên không để trên chính-văn, mà ghi đây để tồn cổ (lời dịch-giã)

[7] Hai thứ vô-ngã: 1/ Nhân-vô-ngã: Cái ta tự-thể, tự-chủ là “ngã”. Người ta không hiểu thấu nghĩa 5 uẩn giả-hợp, cố chấp thân-thể con người là thực, có tự-chủ, tự-tại gọi là “nhân-ngã”. Nay hiểu rõ nghĩa 5 uẩn giả-hợp, thấu suốt đến chỗ thực không có thực-thể của con người là “Nhân-vô-ngã”. Đó là sự quán-đạo của Tiểu-thừa để dứt phiền-não-chướng, chứng Niết-bàn vậy. 2/ Pháp vô-ngã: Cố chấp các pháp (sự vật) có thực-thể, thực-dụng là “pháp-ngã”. Nay hiểu rõ các pháp do nhân-duyên-sinh, thấu suốt đến chỗ thực không có tự-tính là “Pháp-vô-ngã”. Đó là quán-đạo của Đại-thừa Bồ-tát, để dứt sở-tri-chướng, mà được Bồ-đề vậy. Tiểu-thừa chỉ ngộ có “nhân-vô-ngã”, nhưng Bồ-tát ngộ cả 2 thứ vô-ngã.

[8] Tục-đề: Thực-nghĩa của việc thế-tục. Còn gọi là “Thế-đề”. Trái với Tục-đề là “Chân-đề”. Chân-đề là thực-nghĩa của chân-lý. Là thực-nghĩa mà các bậc Thánh nhân thấy. Còn gọi là “Thắng-nghĩa-đề”.

[9] 4 pháp trên là quán về thân, khẩu, ý và 62 kiến. Quán thân như-huyễn, không khởi ra sự chấp-trước về thân-kiến. Quán ngôn-ngữ tính không, không khởi ra 4 sự bất thiện về nghiệp khẩu. Quán ý, tức tâm, tâm sở đều do duyên-khởi, không có tự-tính, tức không khởi ra sự phân-biệt. Quán 62 kiến, bỏ hết thấy tà-kiến.

[10] Chính-tính ly-sinh: Còn gọi là “Thánh-tính ly-sinh”. Sinh vô-lậu-trí dứt trừ phiền-não, nên gọi là “Thánh-tính”. Thanh-văn, Duyên-giác vào ngôi Kiến-đạo, sinh được một phần trí-tuệ vô-lậu, dứt phiền-não-chướng; Bồ-tát sinh một phần trí-tuệ vô-lậu, dứt trừ cả hai chướng: phiền-não và sở-tri, nhân đó mà được một phần Thánh-tính, xa lìa hẳn sự sinh-khởi của dị-tính (phàm-phu), nên gọi là “Thánh-tính ly-sinh”. Chữ “Thánh” có nghĩa là “chính”, nên “Thánh-tính ly-sinh” tức là “chính-tính ly-sinh”.

[11] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa thiện-nam-tử! Người đủ 4 đức...”, đến chỗ “chính-giác”, đức Phật thuyết-minh về Bồ-tát ở nơi Lan-nhã cần có 11 loại thuộc về 4 đức.

[12] Thiện-sảo: Có nghĩa là tốt lành, hay đẹp, khéo-léo, nhiệm-mầu.

[13] 22 căn: 1/ Nhãn-căn (Caksurindriya): mắt. 2/ Nhĩ-căn (Srotrendriya): tai. 3/ Ty-căn (Ghrànend-riya): mũi. 4/ Thiệt-căn (Jihvendriya): lưỡi. 5/ Thân-căn (Kày-endriya): thân-thể. 6/ Ý-căn (Manendriya). (Trở lên thường gọi là 6 căn). 7/ Nữ-căn (Strindriya): bộ sinh-dục của đàn bà. 8/ Nam-căn (Purusendriya): bộ sinh-dục của đàn ông. 9/ Mệnh-căn (Jivitendriya): thọ-mệnh của chúng-sinh. 10/ Khổ-căn (Duhkhendriya): đau khổ. 11/ Lạc-căn (Suk-hendriya): vui sướng. 12/ Ưu-căn (Daumanasyendriya): lo-lắng. 13/ Hỷ-căn (Saumanasyendriya): vui mừng. 14/ Xả-căn (Upekendriya): không vui không buồn. (Trở lên 5 căn thuộc về sự hưởng-thụ, thường gọi là 5 thụ). 15/ Tín-căn (Sraddhendriya): tin thực. 16/ Tinh-tiến-căn (Viryen-driya): gắng tiến. 17/ Niệm-căn (Smrrtindriya): nhớ nghĩ. 18/ Định-căn (Samàdhindriya): an-định. 19/ Tuệ-căn (Pra-jnedriya): hiểu biết. (Trở lên là ngũ-căn). 20/ Vị-tri-đương-tri-căn (Anàjnàtamàsyàmindriya): người tu 9 căn: ý, lạc, hỷ, xả, tín, tiến, niệm, định, tuệ trong Kiến-đạo, muốn biết lý Tứ-đế chưa từng biết, mà phát-khởi ra hành-động. 21/ Dĩ-tri-căn (Àjnendriya): người tu 9 căn kia trong Tu-đạo tuy đã biết rõ lý Tứ-đế rồi nhưng, lại vì dốt các phiền-não khác, nên đối với cảnh Tứ-đế thường thường phải hiểu biết. 22/ Cụ-tri-căn (Àjnàtāvindriya): người tu 9 căn kia ở trong vô-học-đạo đã biết trong sự biết rõ lý Tứ-đế, tức là đã có đầy-đủ về sự biết ấy. (Trở lên là 3 căn vô-lậu-căn).

[14] Tùy-phiền-não: Những phiền-não tùy thuộc vào căn-bản phiền-não. Căn-bản phiền-não có 6 là: tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến, (ác-kiến có 5: thân-kiến, biên-kiến, tà-kiến, kiến-thủ, giới-cấm-thủ). Tùy phiền-não có 20: 10 tiểu-tùy: phẫn, hận, phú, não, tật, khan, cuồng, xiêm, hại, kiêu; 2 trung tùy: vô tâm, vô quý và 8 đại-tùy: điệu-cử, hôn-trâm, bất-tín, giải-đãi, phóng-dật, thất-niệm, tán-loạn, bất-chính-tri.

[15] Sắc-pháp: Chỉ cho những pháp (sự-vật) thuộc ảnh-tượng, có đối-đãi, có hình-chất chướng-ngại. Duy-thức-học cho: nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc và một phần pháp-trần thuộc về sắc-pháp.

[16] Chính-tính: Cũng gọi là Thánh-tính. Chủng-tử của vô-lậu-trí là “Thánh-tính”; xa lìa phiền-não là “Chính-tính”.

[17] Đoạn trên, từ chỗ “Lại nữa, thiện-nam-tử...đầy-đủ 8 pháp”, đến chỗ “chính-đẳng Bồ-đề”, đức Phật thuyết-minh về Bồ-tát ở nơi Lan-nhã có 8 pháp Tam-muội thanh-tịnh, 8 thứ trí-tuệ thanh-tịnh, 8 thứ thần-thông thanh-

tịnh, 8 thứ thanh-tịnh nơi hiện thân và 8 thứ đa-văn thanh-tịnh. Được những 8 đức ấy sẽ chóng chứng vô-thượng-giác.

[18] Đoạn trên, từ chữ “Khi” đến chỗ “chính-giác”, đức Phật nói sau này ai thực-hành hạnh Lan-nhã sẽ được nhiều lợi-ích. Và đương thời, do nghe pháp, chúng-nhân cũng hưởng được nhiều lợi-ích.

Đến đây hết quyển thứ 7.

X.- PHẨM QUÁN TÂM

Bấy giờ, Đại-bồ-tát Văn-Thù Sư-Lý liền từ tòa đứng dậy chỉnh y-phục, chề áo vai hữu, gối hữu để xuống đất, khom mình chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật đã nói cho bọn ông Trưởng-giả Diệu-Đức năm trăm người rằng: “Tôi vì các ông diễn bày pháp-môn tâm-địa vi-diệu”. Nay vô-lượng vô-biên đại-chúng Nhân, Thiên trong đạo-tràng nay đều sinh tâm khát-ngưỡng, tôi vì tất cả những người ấy xin khải-vấn Như-Lai: Thế nào là “tâm”? Thế nào là “địa”? Kính xin đức Thế-Tôn đem tâm vô-duyên đại-từ, vô-ngại đại-bi, vì các chúng-sinh phân-biệt diễn nói cho những người chưa khỏi khổ, được khỏi khổ, những người chưa an-vui, được an-vui, những người chưa phát tâm, được phát tâm, những người chưa chứng quả, được chứng quả, đồng nơi Nhất-đạo mà được Niết-bàn”. [1]

Khi ấy, đức Thế-Tôn đem đại-diệu-trí-ấn [2] thanh-tịnh quyết-định thắng-nghĩa mà Ngài đã được trong sự tu các phúc-đức, trí-tuệ ở vô-lượng kiếp, ấn-khả cho Bồ-tát Văn-thù sư-lý và nói rằng: “Quý hóa thay! Quý hóa thay! Nay ông thực là Phật-mẫu trong ba đời! Hết thầy Như-Lai ở nơi tu-hành, ông đều từng dẫn-đạo các Ngài khi mới phát tín tâm; bởi nhân-duyên ấy, các bậc thành chính-giác trong mười phương quốc-độ, đều lấy Văn-thù làm mẹ. Song, nay thân ông bởi nguyện-lực xưa mà hiện ra hình-tướng Bồ-tát, thỉnh-vấn Như-Lai về pháp cao siêu không thể nghĩ, bàn được. Ông nghe kỹ, nghe kỹ và nhớ nghĩ khéo! Tôi vì khắp tất cả mà phân-biệt, giải-thuyết về vấn-đề ấy!” Bồ-tát Văn-thù bạch: “Dạ, bạch Thế-Tôn! Chúng tôi thích được nghe!” [3]

Lúc đó, đức Thế-Tôn thành-tựu tốt đẹp “tôi thắng trụ-trì bình-đẳng-tính-trí” của hết thầy Như-Lai cùng mọi thứ công-đức vi-diệu hiếm có; Ngài đã khéo thu-hoạch được “quyết-định thắng-pháp Đại-thừa trí-ấn” của hết thầy chư Phật; Ngài đã khéo viên-chứng được “Kim-cương bí-mật thù-thắng diệu-trí” của hết thầy Như-Lai; Ngài đã khéo an-trụ nơi “vô-ngại đại-bi”, tự-nhiên

cứu-nhiếp chúng-sinh trong mười phương; Ngài đã khéo viên-mãn “diệu-quán-sát-trí”, không quán mà như quán, không nói mà như nói. [4]

Khi ấy, đức Thế-Tôn bảo Vô-cầu đại-thánh Văn-thù sư-ly Đại-bồ-tát là từ-mẫu của chư Phật rằng: “Đại-thiện-nam-tử! Pháp ấy là “tôi thắng bí-mật tâm-địa pháp-môn” [5] của Như-Lai trong mười phương. Pháp ấy là pháp-môn “đốn-ngộ” [6] của hết thầy phàm-phu vào Như-Lai-địa. Pháp ấy là “đường chính chân-thực” của hết thầy Bồ-tát đi tới đại-bồ-đề. Pháp ấy là “bảo cung (cung báu) vi-diệu” của chư Phật trong ba đời, tự hưởng-thụ pháp-lạc. Pháp ấy là “bảo-tạng (kho báu) vô-tận” trong hết thầy sự lợi-ích chúng-sinh. Pháp ấy hay dẫn các Bồ-tát-chúng đến nơi “Sắc-cứu-cánh tự-tại-trí”. [7] Pháp ấy là chân-thực đạo-sư, hay dẫn hậu-thân Bồ-tát [8] tới cây Bồ-đề. Pháp ấy như ngọc Ma-ni, hóa những của cải cho thế-gian, xuất thế-gian làm cho chúng-sinh mãn-nguyện. Pháp ấy sinh ra nguồn-gốc công-đức của hết thầy chư Phật trong mười phương ba đời. Pháp ấy hay làm tiêu-tan các nghiệp-quả ác của hết thầy chúng-sinh. Pháp ấy hay cho hết thầy chúng-sinh sự ấn-chứng về việc nguyện cầu. Pháp ấy hay độ hết thầy chúng-sinh bị sinh-tử hiểm-nạn. Pháp ấy hay ngừng sóng còn bề khổ cho hết thầy chúng-sinh. Pháp ấy hay cứu chúng-sinh khổ não trong hết thầy cấp-nạn. Pháp ấy hay làm khô-khiet bề lão, bệnh, tử cho hết thầy chúng-sinh. Pháp ấy hay xuất-sinh nhân-duyên chủng-tử của chư Phật. Pháp ấy là đuốc trí-tuệ lớn soi sáng cho chúng-sinh trong đêm dài sinh-tử. Pháp ấy là giáp-trụ để phá binh-chúng bốn ma. Pháp ấy tức là cờ-sí chiến-thắng của đạo quân dũng-mãnh. Pháp ấy tức là xe pháp vô-thượng của hết thầy chư Phật. Pháp ấy tức là cờ pháp tối thắng. Pháp ấy tức là đánh trống đại-pháp. Pháp ấy tức là thổi loa đại-pháp. Pháp ấy tức là đại-sư-tử-vương. Pháp ấy tức là tiếng gầm của đại-sư-tử. Pháp ấy cũng như đại-thánh-vương trong nước khéo làm việc cai-trị chân-chính, nếu thuận vương-hóa thời được đại-an-lạc, nếu trái vương-hóa liền bị chu-diệt. [9]

Thiện-nam-tử! Trong ba cõi lấy “tâm” làm chủ. Người quán được tâm, được giải-thoát cứu-cánh; người không quán được tâm, ở mãi trong triền-phược. Ví như muôn vật đều từ đất sinh, tâm-pháp sinh ra thiện-ác, năm thú (trời, người, ngục, quỷ, súc), bậc hữu-học, bậc vô-học, bậc Độc-giác, bậc Bồ-tát, cùng Như-Lai trong thế-gian và xuất-thế-gian. Bởi nhân-duyên ấy, ba cõi duy tâm, “tâm” là “địa” (đất). Hết thầy phàm-phu thân-cận bạn lành, nghe pháp tâm-địa, như lý quán-sát, như nói tu-hành, mình làm, dạy người, khen-ngợi khuyến gắng, đón mừng, an-ủi, những người như thế, sẽ dứt được hai chướng, mau trọn muôn hạnh và chóng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [10]

Đến đây, Đại-thánh Văn-thù-sư-ly Bồ-tát bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật nói: chỉ đem tâm-pháp làm chủ ba cõi, bản-nguyên tâm-pháp không nhiễm bụi nhơ, tại sao tâm-pháp lại nhiễm tham, sân, si? Đối với pháp trong ba đời, gì cho là tâm? Tâm quá-khứ đã diệt, tâm vị-lai chưa đến, tâm hiện-tại không trụ (ở yên), nội-tính các pháp tìm không thể được, ngoại-tướng các pháp tìm không thể được và trung-gian của các pháp đều tìm không thể được; bản-lai tâm-pháp không có hình-tướng, bản-lai tâm-pháp không có trụ-xứ, hết thấy Như-Lai còn không thấy tâm, huống là người khác được thấy tâm-pháp? Hết thấy các pháp từ vọng-tướng sinh, bởi nhân-duyên gì, ngày nay Thế-Tôn vì đại-chúng nói “ba cõi duy tâm”? Vậy, xin Phật thương-xót, như-thực giải-thuyết cho!” [11]

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù rằng: “Đúng như thế, đúng như thế! Thiện-nam-tử! Như ông hỏi Tôi về “bản-tính không-tịch của tâm, tâm-sở-pháp”, nay Tôi nói các thí-dụ để chứng-minh nghĩa ấy”.

Thiện-nam-tử! Tâm như huyễn-pháp, do biến-kế-chấp sinh, nên mọi món tướng, thụ (nhận, chịu) vui, khổ, nơi tâm sinh ra. Tâm như dòng nước chảy, niệm niệm sinh-diệt, đối với đời trước, sau không tạm dừng. Tâm như gió lớn, trong khoảng sát-na qua mọi phương-sở. Tâm như đèn lửa, mọi duyên hòa-hợp sinh ra. Tâm như chớp sáng, chỉ khoảng chốc-lát, chứ không dừng lâu. Tâm như hư-không, nhưng bị khách-trần phiền-não [12] ngăn-che. Tâm như con hầu, con vượn, nhảy-nhót trên cây ngũ-dục không tạm dừng. Tâm như thợ vẽ, vẽ ra mọi hình-sắc thế-gian. Tâm như kẻ tội-tớ, bị các phiền-não sai-khiến. Tâm như người đi một mình, không có người thứ hai. Tâm như quốc-vương, khởi ra mọi sự, được tự-tại. Tâm như oán-gia, khiến tự thân chịu khổ-não quá. Tâm như bụi trần, bám nhơ tự thân, sinh ra tạp-ué. Tâm như ảnh-tượng (bóng dáng), đối với pháp vô-thường chấp là thường. Tâm như huyễn-mộng, đối với tướng ngã, pháp chấp làm ta. Tâm như Dạ-xoa, ăn mất mọi pháp công-đức. Tâm như con nhặng (ruồi) xanh, ham đồ uế-ác. Tâm như kẻ sát-nhân, hay hại thân-mệnh. Tâm như kẻ đối-địch, thường rình làm-lỗi. Tâm như trộm giặc, trộm mất công-đức. Tâm như trống lớn, khởi sự chiến-đấu. Tâm như con phi-ngã, thích sắc đèn sáng. Tâm như con hươu đồng, chạy theo tiếng giả. Tâm như đàn lợn, thích đồ tạp-ué. Tâm như đàn ong, gom-góp mùi mật ngọt. Tâm như voi say, mê chơi voi cái. [13]

Thiện-nam-tử! Như thế, nói về tâm, tâm-sở-pháp không trong, không ngoài, cũng không trung-gian; đối với trong mọi pháp tìm không thể được, quá-khứ, vị-lai, hiện-tại cũng không thể tìm được, siêu-việt ba đời, chẳng phải có, chẳng phải không. Chúng-sinh thường ôm-áp sự nhiễm-trước, nhiễm-

trước từ vọng-duyên hiện-khởi; duyên không có tự-tính, vì tâm tính không. Như thế, không-tính không sinh, không diệt, không lại, không đi, không một, không khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, vốn không có nơi sinh, cũng không có nơi diệt, cũng chẳng phải viễn-ly và chẳng phải chẳng viễn-ly. [14]

Những tâm như thế không khác với vô-vi và thể vô-vi không khác với những tâm ấy. Thể của tâm-pháp vốn không thể nói được, thời cái phi-tâm-pháp cũng không thể nói được. Sao vậy? - Nếu vô-vi là tâm, tức là đoạn-kiến; nếu lia tâm-pháp tức là thường-kiến: Lia hẳn hai tướng, không chấp-trước hai bên, ngộ được như thế gọi là “chân-đế” và người ngộ được chân-đế ấy là Hiền-thánh. Hết thấy Hiền-thánh tính vốn không-tịch, trong pháp vô-vi, giới không có trì (giữ), phạm, cũng không có lớn, nhỏ, không có tâm-vương, tâm-sở-pháp và, không có khổ, không có vui. Như thế, tự-tính pháp-giới vô-cầu (không nhờ), không có tướng sai-biệt thượng, trung, hạ. Sao vậy? Vì, vô-vi pháp-tính ấy bình-đẳng, như nước mọi dòng sông chảy vào trong bể đều đồng một vị, không có tướng sai-biệt. Tính vô-cầu ấy chẳng phải thực, chẳng phải hư. Tính vô-cầu ấy là đệ-nhất-nghĩa, vì nó không có tướng hết và diệt, thể nó vốn không sinh. Tính vô-cầu ấy, thường-trụ bất biến, vì là tối-thắng Niết-bàn ngã-sở thanh-tịnh. Tính vô-cầu ấy, xa-lìa hết thấy, vì bình-đẳng và bất-bình-đẳng, thể nó vẫn không khác.

Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào muốn cầu vô-thượng chính-đẳng chính-giác, cần nên một lòng tu-tập quán-pháp tâm-địa như thế! [15]

Bấy giờ, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy, Ngài nói bài kệ rằng:

Diệu-cát-tường: giác-mẫu ba đời,
Thỉnh-vấn Như-Lai: “tâm-địa-pháp”;
Tôi nay trong đại-hội-chúng này,
Mở diễn quán-hạnh-môn thành Phật.
Pháp này khó gặp hơn Ưu-đàm,
Hết thấy thế-gian nên khát-ngưỡng.
Chư Phật mười phương chúng đại-giác,
Đều từ pháp này mà tu-hành.
Tôi là Vô-thượng điều-ngự-sư,
Quay xe chính-pháp khắp thế-giới;
Hóa-độ vô lượng các chúng-sinh,
Nên biết, bởi ngộ tâm-địa-quán.
Hết thấy chúng-sinh nghe pháp này,

Mừng tới Bồ-đề được thụ-ký;
Những người hữu-duyên được thụ-ký,
Tu quán-môn này sẽ thành Phật.
Chư Phật tự hưởng đại-pháp-lạc,
Ở diệu-bảo-cung tâm-địa-quán;
Nhận chức Bồ-tát, ngộ Vô-sinh,
Quán tâm-địa-môn khắp pháp-giới.
Hậu-thân Bồ-tát ngồi cây “giác”,
Nhập quán-hạnh này chứng Bồ-đề.
Pháp ấy hay mưa “thất thánh tài”,
Như Ma-ni, mãn-nguyện chúng-sinh.
Pháp ấy gọi là Phật-mẫu xưa,
Xuất sinh ba thân Phật ba đời.
Pháp ấy gọi là giáp Kim-cương,
Chống với bốn chúng các ma-quân.
Pháp ấy hay làm thuyền bè lớn,
Khiến qua giữa dòng đến bảo-sở.
Pháp ấy là trông pháp tối-thắng,
Pháp ấy là cờ pháp nêu cao.
Pháp ấy là loa pháp kim-cương,
Pháp ấy là đuốc pháp soi đời.
Pháp ấy cũng như đại-thánh-chúa,
Thường công, phạt tội thuận nhân-tâm.
Pháp ấy cũng như nước ngầm ruộng,
Sinh-thành, trưởng-dưỡng nương thời-tiết.
Tôi đem mọi dụ tỏ nghĩa “không”,
Thế biết ba cõi duy một tâm.
Tâm có đại-lực, thế-giới sinh,
Tự-tại hay làm chủ biến-hóa.
Ác-tướng, thiện-tâm lại tạo-tập,
Quá, hiện, vị-lai, nhân sinh-tử.
Nương-tựa vọng-nghiệp có thế-gian,
Ái, phi-ái-quả thường tương-tục. [16]
Tâm như nước chảy chẳng tạm dừng,
Tâm như gió bay qua đất nước.
Cũng như hầu, vượn bám cây đũa,
Cũng như sự giả, nương giả thành,
Như không, chim bay không chướng-ngại,
Như làng xóm trống người chạy nhẩy.
Tâm-pháp như thế vốn chẳng có,

Phàm-phu mê-chấp cho là có;
Nếu hay quán “tâm thể-tính không”,
Hoặc-chương không sinh, được giải-thoát. [17]

Khi ấy, đức Như-Lai đối với các chúng-sinh khởi ra tâm đại-bi, cũng như cha mẹ nhớ mến con một, vì muốn diệt đại-lực tà-kiến của thế-gian, đem lại lợi-ích an-vui cho hết thấy chúng-sinh, Ngài tuyên-thuyết thần-chú quán-tâm rằng: “Úm, thất tha, ba-la-đề, phệ đạn, ca lư nhị”.

Đức Như-Lai nói chân-ngôn ấy rồi, Ngài bảo Đại-bồ-tát Văn-thù-sư-ly: “Thần-chú ấy đủ uy-lực lớn, nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào khi trì chú ấy, giơ tay trong sạch lên, mười ngón tay tả và hữu bắt chéo lại với nhau, rồi lấy tay tả áp lên tay hữu, nắm chặt lấy nhau như hình dây buộc, gọi là “Kim-cương phọc-ấn” [18]. Thành ấn ấy rồi, đọc-tập chân-ngôn [19] trước trọn đủ một lượt, hơn đọc tập mười hai bộ kinh [20] và được công-đức không thể hạn-lượng cho đến tâm Bồ-đề không bị thoái-chuyển. [21]

TOÁT-YẾU X.- PHẨM QUÁN-TÂM

Đại-bồ-tát Văn-thù sư-ly bạch Phật: “Bach đức Thế-Tôn! Vừa rồi Thế-Tôn nói với 500 ông Trưởng-giả là Ngài diễn nói về pháp-môn “tâm-địa”, vậy thế nào là “tâm”? Thế nào là “địa”? Kính xin Thế-Tôn dạy cho”.

Khi ấy, đức Phật thành-tựu “tối thắng trụ-trì bình-đẳng tính-trí”, thu được “quyết-định thắng-pháp đại-thừa trí-ấn”, chứng được “kim-cương bí-mật thù-thắng diệu-trí”, an-trụ “vô-ngại đại-bi”, viên-mãn “diệu-quán-sát-trí”, Ngài đem “đại-diệu-trí-ấn” ấn-khả, tán-thán Bồ-tát Văn-thù và nói: “Pháp ấy là “tối thắng bí-mật tâm-địa pháp-môn”, là “đốn-ngộ pháp-môn”, là đường chính chân-thực, là bảo-cung vi-diệu, là bảo-tạng vô-tận, là đạo-sư, là ngọc Ma-ni, là nguồn công-đức, là đuốc trí-tuệ, là giáp-trụ, là cơ-khí chiến-thắng, là xe pháp vô-thượng, là đại-sư-tử-vương, là đại-thánh-vương. Pháp ấy hay làm tan các ác-nghiệp-quả, hay độ chúng-sinh bị hiểm-nạn, hay ngừng sóng bể khổ, hay cứu chúng-sinh bị cấp-nạn, hay làm khô kiệt sinh, lão, bệnh, tử, hay xuất sinh nhân-duyên chủng-tử của chư Phật v.v.

“Ba cõi lấy “tâm” làm chủ. Ba cõi duy tâm, “tâm” là “địa” (đất). Tâm-pháp sinh ra thiện, ác, ngũ thú cùng các bậc: hữu-học, vô-học, Độc-giác, Bồ-tát và Như-Lai. Ai gần bạn lành, nghe pháp tâm-địa, như lý quán-sát, như nói tu-hành, mình làm, dạy người..., sẽ dứt được 2 chương, mau trọn muôn hạnh và

thành

vô-thượng-giác!”.

Bồ-tát Văn-thù lại bạch: “Bạch đức Thế-Tôn! Thế-Tôn nói tâm-pháp làm chủ 3 cõi, bản-nguyên thanh-tịnh, tại sao tâm-pháp lại nhiễm 3 độc? Gì là tâm trong các pháp thuộc 3 đời? Tâm quá-khứ đã diệt, tâm vị-lai chưa đến, tâm hiện-tại không trụ, nội-tính, ngoại-tướng và trung-gian của các pháp tìm không thể được; bản-lai tâm-pháp không có hình-tướng, trụ-xứ, ngay như chư Phật còn không thấy được tâm, huống là người khác? Các pháp từ vọng-tướng sinh, sao nay Thế-Tôn lại nói “ba cõi duy tâm”? Xin Phật thương xót chúng-sinh mà giải-thuyết cho!”.

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Văn-Thù: “Nay ông hỏi về “bản-tính không-tịch của tâm, tâm-sở-pháp”, Tôi sẽ đem các thí-dụ sau đây để chứng-minh cho nghĩa ấy: Tâm như huyền-pháp, như nước chảy, như gió lớn, như đèn lửa, như chớp sáng, như hư-không, như con vượn, như thợ vẽ, như tội-tớ, như người đi một mình, như quốc-vương, như oán-gia, như bụi trần, như ảnh-tượng, như huyền-mộng, như Dạ-xoa, như nhặng xanh, như kẻ sát-nhân, như kẻ đôi-địch, như trộm giặc, như trống lớn, như phi-ngã, như hươu đồng, như đàn lợn, như đàn ong, như voi say... Tâm, tâm-sở-pháp như thế, không trong, ngoài, trung-gian; trong mọi pháp, trong 3 đời không thể tìm được. Nó siêu-việt 3 cõi, chẳng phải có, chẳng phải không. Chúng-sinh nhiễm-trước, từ vọng-duyên khởi; vọng-duyên không có tự-tính vì tâm-tính không. Tâm như thế không khác vô-vi, vô-vi không khác tâm. Trong vô-vi-pháp không có lớn, nhỏ, không có tâm-vương, tâm-sở, không có khổ, vui. Vô-vi pháp-tính bình-đẳng. Tính ấy thường-trụ bất-biến, là tối thắng Niết-bàn, ngã-sở thanh-tịnh. Nếu ai muốn cầu vô-thượng-giác nên nhất-tâm tu-tập pháp quán tâm-địa
ấy!”.

Tiếp đó đức Phật thuyết chú Quán-tâm, dạy kết “Kim-cương phọc-ấn”, giúp chúng-sinh diệt tà-kiến. Nếu ai y pháp thực-hành được công-đức vô-lượng.

[1] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “Niết-bàn” Bồ-tát Văn-thù thay đại-chúng hỏi đức Phật về ý-nghĩa chữ “Tâm-địa”, mong cho chúng-sinh khỏi khổ, an-vui, phát-tâm, chứng-quả, cùng vào được đạo Nhất-thực (Nhất-đạo) để được viên-tịch.

[2] Đại-diệu-trí-ấn: Là trí-tuệ rất rộng lớn, vi-diệu không nghĩ, bàn được của Phật, do tu 3 vô số kiếp, đến khi nhân trọn quả đủ mà được.

[3] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy” tới chữ “nghe”, đức Phật ẩn-khả lời thỉnh của Bồ-tát Văn-thù. Đức Phật còn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù là Phật-mẫu trong 3 đời, vì Bồ-tát Văn-thù biểu-hiện cho trí-tuệ và vì dẫn đạo cho các vị mới phát tâm.

[4] Đoạn trên, từ chỗ “Lúc đó” đến chữ “nói”, hiển-thị 5 đức thù-thắng vi-diệu của Phật: 1/ Hiển-thị trí-tuệ tối-thắng trong lý-trí bình-đẳng, thị-hiện Thắng-ứng-thân và Tha-thụ-dụng-thân, giáo-hóa hàng Gia-hạnh Bồ-tát cùng Sơ-địa Bồ-tát. 2/ Hiển-thị trí-tuệ vô phân-biệt của Đại-thừa, ẩn-chứng các pháp không sinh, không diệt, quyết-định là “Thắng-nghĩa-đế-pháp”. 3/ Hiển-thị trí-tuệ kiên-cố, cao-siêu, vi-diệu mà chỉ Phật với Phật mới chứng được bằng cách rớt-ráo. 4/ Hiển-thị lòng thương rộng lớn, độ tận chúng-sinh, không chút phân-biệt, chướng-ngại. 5/ Hiển-thị trí-tuệ viên-dung, nhậm-vận tự-tại, thấu suốt căn-cơ chúng-sinh, dùng viên-âm thuyết-pháp hóa-độ.

[5] Đây nói: pháp-môn tâm-địa là pháp-môn sao-siêu, hàng Tam-thừa không thể hiểu nổi, mà chỉ khi chứng Phật-quả viên-mãn mới hiểu thấu được.

[6] Đôn-ngộ: Một trong 2 sự chứng-ngộ: Đôn-ngộ là chúng-sinh phát đại-tâm (Bồ-tát), nghe Đại-thừa, làm đại-pháp mà chứng-ngộ ngay được diệu-quả. Trái lại là Tiệm-ngộ. Tiệm-ngộ: là chúng-sinh phải tu lần-lượt từ thấp đến cao, mãi mãi mới chứng-ngộ được.

[7] Sắc-cứu-cánh tự-tại-trí: Trí-tuệ cao-siêu tự-tại như cõi Sắc-cứu-cánh là cõi tận cùng của cõi Sắc. Mà cũng là khi Bồ-tát sắp thành Phật, địa-vị ở nơi Sắc-cứu-cánh-thiên, vượt qua 3 cõi, mà thành Phật-quả Bồ-đề.

[8] Hậu-thân Bồ-tát: Chỉ cho các vị Bồ-tát sau này, tức là sau khi đức Phật nhập-diệt rồi.

[9] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy đức Thế-Tôn bảo Vô-cầu...”, đến chỗ “chудиệt”, đức Phật nói: “pháp-môn tâm-địa” như 25 thứ đem lại cho các hàng tu-hành và chúng-sinh được nhiều phúc-lợi.

[10] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử”, đến chỗ “chính-giác”, đức Phật nói rõ tâm là chủ, tâm như đất. Ai tu được tâm, sẽ chóng thành vô-thượng-giác.

[11] Đoạn trên, từ chỗ “Đến đây”, đến chỗ “giải-thuyết cho!”, Bồ-tát Văn-thù hỏi vặn Phật về cái tâm đối với quá-khứ, hiện-tại, vị-lai... sao thấy được?

[12] Khách-trần phiền-não: Đây là hình-dung cho phiền-não vọng-khởi. Phiền-não không phải là vật cố-hữu của tâm-tính, chỉ vì mê lý mà phát-khởi, cũng như lữ-khách, chỉ trú nơi hàng quán trong chốc-lát nghỉ-ngoi, chứ không phải là chủ vĩnh-viễn, nên gọi là “khách”. Mặc dầu phiền-não là khách, nhưng nó cũng làm nhớ-nhớ tâm-tính nên gọi là “trần”.

[13] Đoạn trên từ chỗ “Thiện-nam-tử”, đến chỗ “voi cái”, đức Phật đem 26 vật tỷ-dụ cho “tâm”. Những vật ấy chỉ do sự tính-toán, so-lường, chấp-trước mê lầm mà sinh ra, đâu phải chân-tâm!

[14] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử” đến chỗ “viễn-ly”, tỏ bày về “không-tính”. Tâm, tâm-sở-pháp không có chỗ nhất-định, nên không có những tướng-trạng trong, ngoài, trung-gian, trong 3 đời hay vượt ngoài 3 đời cũng không tìm thấy thể-tính thực-tại của nó được. Vì, thể-tính của tâm là chân-không, hay chân-như, nên hết thấy tự-tính của các pháp cũng đều thế.

[15] Đoạn trên, từ chỗ “Những tâm như thế”, đến chỗ “như thế”, đức Phật chỉ thẳng vào thể-tính của tâm là vô-vi (tức là tự-pháp-giới). Nhưng, vô-vi cũng chỉ là mượn danh-từ, chứ thực ra là không thể nói được. Vô-vi pháp-tính không còn tạo-tác, sai-biệt, nhớ, sạch..., nó xa lìa hết thấy. Ngộ được như thế là hiểu được thực-nghĩa của chân-lý và là Hiền-thánh. Phật-tử nên tu phép quán tâm-địa này, sẽ thành vô-thượng-giác.

[16] 4 câu, từ chỗ “Ác-tướng” đến chỗ “tương-tục” đại-ý nói: tâm-pháp là chỗ tạo-tác và chứa góp hết thấy thiện và ác. Do có tạo-tác và chứa góp ấy mà thành ra nhân sinh-từ 3 đời, theo với nghiệp-nhân mà cảm quả. Nhân-ái-dục (ác) thời cảm quả-báo ái-dục (ác), nhân phi-ái-dục (không phải ái-dục: thiện), thời cảm quả-báo phi-ái-dục (thiện), cứ nối tiếp nhau mãi.

[17] Toàn thể văn kệ trên, đức Phật nhắc lại sự mê nhận tâm của chúng-sinh và chỉ bày thể-tính chân-không của tâm mà thôi.

[18] Kim-cương phọc-án: Biểu-hiệu cho tất cả đều ở trong thể-tính chân-như bất-hoại.

[19] Chân-ngôn (Mantra): Lời nói vi-diệu ngầm hợp với thể-tính chân-như.

[20] 12 bộ kinh: Trong kinh Phật có chia làm 12 phân-giáo: 1/ Tu-đa-la: (Sùtra: khế-kinh: văn xuôi). 2/ Kỳ-dạ (Geya: trùng-tụng: bài kệ nói lại nghĩa của văn xuôi). 3/ Già-đà (Gàthà: phúng-tụng: bài kệ 4 câu đứng riêng, không liền với văn xuôi). 4/ Ni-đa-na (Nidà-na: nhân-duyên). 5/ Y-đế-mục-da (Ytivrtaka: Bản-sự: nói những việc đời trước). 6/ Xà-đa-già (Jàtaka : Bản-sinh: Phật tự nói nhân-duyên mình đời quá-khứ). 7/ A-phù-đạt-ma (Adbhuta-dharma: Vị tầng-hữu: làm những sự hiếm có). 8/ A-ba-đa-na (Avadàna: Thí-dụ). 9/ Ưu-bà-đề-xa (Upadesa: luận nghĩa). 10/ Ưu-đa-na (Uda-na: tự-thuyết: tự Phật nói, không đợi ai hỏi). 11/ Tỳ-phật-lược (Vaipulya: phương-quảng: văn nói về chân-lý phương-chính, quảng-đại, tức là Đại-thừa-giáo). 12/ Hòa-già-la (Vyàkarana: thụ-ký).

[21] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy”, đến chỗ “thoái-chuyển”, đức Phật quá thương chúng-sinh muốn cho chúng-sinh chóng bỏ tà-kiến chóng ngộ chân-tâm, Ngài liền thuyết thần-chú, dạy kết-án, để trợ-duyên cho người tu-hành về môn quán tâm này.

XI.- PHẨM PHÁT BỒ-ĐỀ-TÂM [1]

Bây giờ, đức Thế-Tôn đã được “quán-đỉnh bảo-quan” của hết thầy Như-Lai, vượt qua ba cõi; đã viên-mãn được Đà-ra-ni tự-tại, đã chứng viên-mãn được Tam-ma-địa tự-tại, thành-thục tốt-đẹp Nhất-thiết-trí-trí, Nhất-thiết-chủng-trí và hay làm được mọi sự sai biệt đối với hữu-tình. [2]

Khi đức Thế-Tôn vì các chúng-sinh tuyên-thuyết về diệu-môn “Quán tâm” rồi, Ngài bảo Đại-bồ-tát Văn-thù-sư-ly rằng: “Đại-thiện-nam-tử! Tôi đã vì chúng-sinh nói về “tâm-địa” rồi, nay Tôi lại sẽ nói về “Phát bồ-đề-tâm đại-đà-ra-ni”, để cho các chúng-sinh phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác, mau viên-mãn được diệu-quả”. [3]

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-ly bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Như Phật nói “Quá-khứ đã diệt, vị-lai chưa đến, hiện-tại không trụ, hết thầy tâm-pháp có trong ba đời, bản-tính của nó đều không, vậy tâm bồ-đề kia, nói vào cái gì mà gọi là “phát”? Lành thay, Thế-Tôn! Xin Ngài vì tất cả mà giải-thuyết cho, để cho tất cả dứt bỏ được các màn lưới ngờ-vực, mà đạt tới nơi Bồ-đề!”

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-ly: “Thiện-nam-tử! Trong các tâm-pháp khởi ra mọi tà-kiến; vì muốn dứt trừ sáu mươi hai kiến, cùng mọi thứ tà-kiến khác, nên Tôi nói tâm, tâm-sở-pháp là “không”; như thế, là các “kiến” kia không còn chỗ nương-tựa nữa. Ví như rừng-rú xanh-tốt kín-mít, sư-tử, voi

trắng, hùm, beo, thú dữ... lẫn ở trong ấy nả độc hại người, làm cho vắng-bật dấu-vết người đi. Lúc đó, có bậc trí-giả đem lửa đốt rừng; vì rừng trống, các thú dữ không còn sót lại. “Tâm” không, “kiến” diệt, cũng như thế!” [4]

Lại, thiện-nam-tử! Bởi nhân-duyên gì lập ra nghĩa “không” ấy? – Vì muốn diệt phiền-não từ vọng-tâm sinh ra mà nói là “không”. Thiện-nam-tử! Nếu chấp “không-lý” là cái “hữu” (có) cứu-cánh, thời ngay “không-tính” cũng không; chấp “không” thành bệnh, cũng nên trừ bỏ! Sao vậy? - Nếu chấp nghĩa “không” là cứu-cánh, các pháp đều không nhân, không quả, thời có khác gì với ngoại-đạo: Lộ-già-già-đà (Thuận-thế ngoại-đạo)? Thiện-nam-tử! Như thuốc A-già-đà (bất-tử-được) chữa khỏi các bệnh, nếu người có bệnh uống thuốc ấy quyết khỏi; bệnh đã khỏi rồi, thuốc cũng theo bệnh mà bỏ và nếu không có bệnh mà uống thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Thiện-nam-tử! Trước đặt ra thuốc “không” là để trừ bệnh “hữu” (có); chấp “hữu” thành bệnh, thời chấp “không” cũng thế. Ai là bậc trí-giả lại uống thuốc để mang bệnh? Thiện-nam-tử! Nếu khỏi ra “hữu-kiến”, còn hơn khỏi ra “không-kiến”; có thuốc “không” trị bệnh “hữu”, chứ không có thuốc nào trị bệnh “không” cả. [5]

Thiện-nam-tử! Bởi nhân-duyên ấy, uống thuốc “không” trừ tà-kiến rồi, tâm tự giác-ngộ, phát ra bồ-đề, tâm giác-ngộ ấy tức là tâm bồ-đề, chứ không có hai tướng. Thiện-nam-tử! Tâm tự giác-ngộ có bốn nghĩa. Những gì là bốn? – Các phàm-phu có hai tâm, chư Phật, Bồ-tát có hai tâm. Thiện-nam-tử! Hành-tướng hai tâm của phàm-phu thế nào? - Một là, từ nhãn-thức cho đến ý-thức, nhân-duyên tự-cảnh là “tự-ngộ-tâm”. Hai là, lia tâm, tâm-sở-pháp của năm căn, hòa-hợp duyên cảnh là “Tự-ngộ-tâm”. Thiện-nam-tử! Hai tâm như thế hay phát bồ-đề! Thiện nam-tử! Hành-tướng hai tâm của Thánh-hiền thế-nào? - Một là, quán chân-thực-lý-trí. Hai là, quán nhất-thiết-cảnh-trí. Thiện-nam-tử! Bốn nghĩa như thế là “tự-ngộ-tâm”. [6]

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Tâm không có hình-tướng cũng không có chỗ ở, người phàm-phu tu-hành khi tối-sơ phát-tâm, phải y vào những chỗ nào và quán những tướng gì?”

Đức Phật bảo: “Thiện-nam-tử! Chỗ quán tâm-tướng bồ-đề của phàm-phu, phải quán như là vành trăng tròn đầy trong sạch sáng-sủa đứng yên trên ngực. Nếu muốn mau được “bất-thoái-chuyên”, khi ở nơi A-lan-nhã và nhà không-tịch cần phải đoan-thân, chính-niệm, kết Kim-cương phọc-ấn của Như-Lai như trước, nhắm mắt quán-sát mặt trăng sáng giữa ngực và suy-nghĩ rằng: “Vành trăng tròn đầy này to lớn năm mươi do-tuần, sáng-sủa

thanh-tịnh, trong, ngoài lắng suốt, không chút bụi nhơ và trong mát rất mực”. Mặt trắng tức là tâm, tâm tức là mặt trắng, vết trần không nhiễm thời vọng-tướng không sinh, khiến cho thân-tâm chúng-sinh thanh-tịnh, tâm đại-bồ-đề bền-vững không thoái. Kết tay ấn ấy và trì-niệm quán-sát chương-cú (thần-chú) vi-diệu đại-bồ-đề-tâm, là “thanh-tịnh chân-ngôn” của hết thầy Bồ-tát khi tối-sơ phát-tâm: “Úm, bồ-địa, thất đā, mưu chí ba, đā gia, nhị”. Đà-ra-ni này đủ uy-đức lớn, khiến cho người tu-hành không bị thoái-chuyển. Hết thầy Bồ-tát trong quá-khứ, vị-lai, hiện-tại khi tại nhân-địa phát sơ-tâm, đều chuyên trì-niệm chân-ngôn này, mà vào được nơi bất-thoái và mau viên-thành chính-giác. [7]

Thiện-nam-tử! Khi người tu-hành kia đoan-tâm chính-niệm, đều không rung-động gì cả, chỉ để tâm vào vành trắng, quán-sát thành-thục, thế gọi là “Bồ-tát quán bồ-đề tâm thành Phật tam-muội”. Nếu có phạm-phu tu được quán ấy, trước kia gây ra năm tội nghịch, bốn tội trọng (sát, đạo, dâm, vọng), thập-ác và bất-tín, các tội ấy đều tiêu-diệt hết và liền được năm thứ Tam-ma-địa-môn. Những gì là năm? - Một là, Sát-na tam-muội. Hai là, Vi-trần tam muội. Ba là, Bạch-lũ tam-muội. Bốn là, Khởi-phục tam-muội. Năm là, An-trụ tam-muội. Thế nào gọi là Sát-na tam-muội? – Nghĩa là chỉ tạm thời an-trụ tưởng-niệm vào mặt trắng tròn đầy mà thôi, ví như con khi, thân bị buộc, xa không đi được, gần không dừng được, nhưng chỉ khi đói khát quá, nó mới dừng nghỉ được chốc lát mà thôi. Phạm-phu quán tâm cũng như thế mới được tam-muội (chính-định) trong tạm thời chốc lát, nên gọi là “sát-na”. Thế nào gọi là Vi-trần tam-muội? – Nghĩa là đối với tam-muội đã tương-ứng được ít phần, ví như có người tự mình thường ăn đồ đắng, chưa từng được ăn đồ ngọt bao giờ, trong một thời kia được nếm một chút mật vào lưỡi, người ấy vui-mừng quá, càng sinh hăng-hái mong cầu được nhiều mật. Người tu-hành ấy, qua nhiều kiếp ăn những vị đắng mà nay cho được vị tam-muội (chính-định) ngon-ngọt, đã tương-ứng được ít phần nên gọi là “vi-trần” (bụi nhỏ). Thế nào gọi là Bạch-lũ tam-muội? – Nghĩa là, người phạm-phu từ thời vô-thủy cho đến hết thuở vị-lai, nay được định này, ví như nhuộm vải đen, trong nhiều màu đen thấy được một sợi tơ trắng (bạch-lũ). Người tu-hành ấy, ở trong nhiều đêm sinh-tử tăm tối, nay mới được tam-muội (chính-định) bạch-tịnh (trong-trắng), nên gọi đây là “bạch-lũ”. Thế nào gọi là Khởi-phục tam-muội? – Nghĩa là, người tu-hành quán tâm chưa thành-thục, hoặc khéo thành-lập hay chưa khéo thành-lập, tam-muội (chính-định) như thế còn là cao, thấp nên gọi là “khởi-phục” (nhô lên, giẹp xuống). Thế nào gọi là An-trụ tam-muội? – Nghĩa là tu bốn định trước, tâm được an-trụ và khéo giữ-gìn được, không nhiễm vào các trần, như người trong mùa hè đi qua cõi sa-mạc xa-xăm, chịu đủ mọi sự tai-độc, tâm khát thiếu quá, hầu

như không chịu nổi được nữa, bỗng gặp được dòng nước ngọt của núi Tuyết, như vị tô-đà [8] cõi thiên, mau khỏi được nhiệt-não, thân-tâm được thư-thái, nên định ấy gọi là “an-trụ”. Nhập định ấy rồi, xa-lia hoặc-chương, nẩy mầm vô-thượng bồ-đề, chóng lên công-đức Thập-địa của Bồ-tát.

Bấy giờ, trong pháp-hội, vô-lượng Nhân, Thiên được nghe Đại-đà-ra-ni sâu rộng không thể nghĩ bàn này, là mẹ đẻ của Bồ-tát, thời chín vạn tám nghìn Bồ-tát chứng được Hoan-hỷ-địa, vô-lượng chúng-sinh phát tâm vô-thượng chính-đăng chính-giác. [9]

TOÁT-YẾU

XI.- PHẠM PHÁT BỒ-ĐỀ-TÂM

Khi đức Thế-Tôn nói về diệu-môn “Quán-tâm” rồi, Ngài bảo Đại-bồ-tát Văn-thù: “Nay tôi sẽ nói về “Phát bồ-đề-tâm đại-đà-ra-ni” để các chúng-sinh phát-tâm vô-thượng, chóng viên-mãn diệu-quả!”.

Đại-bồ-tát Văn-thù bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Thế-Tôn đã nói tâm-pháp trong ba đời, bản-tính đều không, vậy tâm bồ-đề kia, lấy cái gì gọi là “phát”? Kính xin Thế-Tôn giải-thuyết cho?”

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Văn-thù: “Tâm-pháp khởi ra tà-kiến, vì muốn trừ các tà-kiến nên Tôi nói “tâm, tâm-sở-pháp” là “không”. Vì muốn diệt phiền-não từ vọng-tâm sinh ra, nên Tôi nói là “không”. Rồi đến cái “không” cũng trừ bỏ, vì đặt ra “không” để trừ “hữu” (có), chấp “hữu” thành bệnh thời chấp không cũng thế. Bởi vậy, uống thuốc “không”, trừ tà-kiến rồi, tâm tự giác-ngộ phát ra bồ-đề, tâm giác-ngộ ấy tức là bồ-đề. Tâm tự giác-ngộ có 4: phạm-phu 2 tâm, Phật, Bồ-tát 2 tâm.”

Đại-bồ-tát Văn-thù lại bạch: “Bạch đức Thế-Tôn!

Tâm không có hình-tướng, trụ-xứ, vậy lúc tối-sơ phát tâm người phạm-phu tu-hành phải y vào đâu và quán tướng gì?”

Đức Phật bảo: “Chỗ quán tâm-tướng của phạm-phu phải quán như là vành trăng tròn đầy, trong sạch, sáng sủa đứng yên trên ngực. Mặt trăng là tâm, tâm là mặt trăng; vết trần không nhiễm, thời vọng-tâm không sinh, khiến thân tâm được thanh-tịnh, tâm đại-bồ-đề kiên-cố. Người tu-hành như pháp quán-niệm, diệt được nhiều tội xưa và được 5 hạng Tam-ma-địa-môn: 1/

Sát-na tam-muội. 2/ Vi-trần tam-muội. 3/ Bạch-lũ tam-muội. 4/ Khởi-phục tam-muội. 5/ An-trụ tam-muội.”

Đức Phật nói pháp ấy rồi, trong pháp-hội 98.000 Bồ-tát chứng Hoan-hỷ-địa, vô-lượng chúng-sinh phát tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác.

[1] Phát Bồ-đề-tâm: “Bồ-đề” là “giác-đạo”, là đạo chính-chân vô-thượng. Người phát tâm cầu đạo chính-chân vô-thượng ấy là “Phát Bồ-đề-tâm”.

[2] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “hữu-tình”, nói về đức Phật hiển-thị Phật-thân, giáo-hóa hàng Thập-địa Bồ-tát: 1/ Hàng Thập-địa tu tiên đã cao, không lâu sẽ chứng-ngộ Phật-quả, đức Phật đội mũ báu quán-đỉnh (quán-đỉnh bảo-quan), biểu-hiện các Bồ-tát sẽ thành vô-thượng-giác được thân-tướng trang-nghiêm, như Thái-Tử khi lên ngôi vua được làm phép Quán-đỉnh. Và, sau khi chứng-ngộ, được an-trụ tại nơi thanh-tịnh trang-nghiêm, vượt ngoài 3 cõi. 2/ Hàng Thập-địa Bồ-tát do sự tu-tiên sẽ được đầy-đủ các công-đức về Đà-ra-ni-môn, Tam-muội-môn..., để diệt-trừ các ngu-chướng vi-tế, thành sự-nghiệp tự, tha lương lợi rộng lớn. 3/ Phật-thân đầy-đủ phúc-đức, trí-tuệ. Phần trí-tuệ hoàn-toàn cả căn-bản-trí và hậu-đắc-trí (Nhất-thiết trí-trí, Nhất-thiết chủng-trí), soi thấu hết thấy, hiểu biết cùng-tận nghiệp-tính chúng-sinh, tùy căn-cơ chúng-sinh, đem lợi-ích cho họ. Thập-địa Bồ-tát chứng được Phật-trí cũng như vậy.

[3] Đoạn trên, từ chữ “Khi”, tới chữ “quả”, đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù là Ngài sẽ nói về “Phát bồ-đề-tâm”.

[4] Đoạn trên, từ chỗ “Lúc đó”, tới chỗ “như thế”, Bồ-tát Văn-thù hỏi Văn Phật về tâm đã không còn, lấy đâu mà phát? Đức Phật dạy: sở-dĩ cho tâm-pháp là không, là vì muốn diệt-trừ những kiến-chấp, như rừng trồng, thú dữ sẽ không còn.

[5] Đoạn trên, từ chữ “Lại”, đến chữ “cả”, đức Phật phá “chấp không”, vì “chấp không” vẫn còn là chấp và, “chấp không” còn nặng hơn “chấp có”, vì không có thuốc nào chữa được bệnh “không” cả.

[6] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử” đến chỗ “tự-ngộ-tâm”, nói: bỏ chấp không, trừ tà-kiến, đạt nghĩa “bất không”, là tâm tự-giác-ngộ, tức là “phát bồ-đề” và tức là “tâm bồ-đề”. Tâm tự giác-ngộ chia làm 2 hạng: phàm và Thánh. A.- Hạng phàm: 1/ Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý-thức khi liên-lạc với tự-cảnh-giới hiện tiền, vẫn giữ y-nguyên thanh-tịnh, không phân-biệt, chấp-

trước, đó là tự-giác-ngộ-tâm. 2/ Trong khi nhập-định, Ý-thức xa-lìa cả 5 căn, cảnh, chỉ chuyên liên-lạc với cảnh-giới hiện-tiền trong định, đó là tự-giác-ngộ-tâm. B.- Hiền-thánh: “Hiền” là chỉ vào các hàng Bồ-tát: Thập trụ, Thập-hạnh, Thập-hướng và Gia-hạnh. “Thánh” là chỉ vào các Bồ-tát Thập-địa. Bậc Hiền-thánh tự-giác-ngộ-tâm do: 1/ Dùng trí-tuệ quán chân-thực-lý, tức là quán về “như-lý-trí” (thực-trí), nghĩa là dùng chân-trí quán thấu lý-tính chân-thực của các pháp. 2/ Dùng trí-tuệ quán nhất-thiết-cảnh-trí, tức là quán về “như-lượng-trí”, nghĩa là đem tục-trí, quán thông vào sự-tướng của các pháp.

[7] Đoạn trên, từ chỗ ‘Lúc đó’, đến chỗ “chính-giác”, Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật về người mới phát tâm tu-hành nên y vào đâu và quán gì? Đức Phật dạy: nên kết-ấn Kim-cương-phọc, đọc chú Thanh-tịnh và quán mặt trăng ngay giữa ngực. Vì, mặt trăng tức là tâm. Các Bồ-tát trong 3 đời đều quán như thế.

[8] Tô-đà: Một món ăn ngon và có ý-vị khác thường. Bộ Pháp-uyển châu-lâm viết: “Chư thiên cõi Dạ-ma thường dùng chén ngọc uống rượu, ăn món ăn Tô-đà, sắc, xúc, hương, vị đều đầy-đủ.

[9] Đoạn trên, từ chỗ “Thiện-nam-tử! Khi người tu-hành”, đến chỗ “chính-giác”, đức Phật nói về người quán được tâm như thế sẽ được năm thứ định, diệt-trừ được hoặc-chươngng và nầy mầm Bồ-đề. Tới đây, đại-chúng nghe Phật nói về pháp-môn này, đều được hưởng phần lợi-ích.

XII.- PHẨM THÀNH PHẬT [1]

Bấy giờ, đức Thế-Tôn an-trụ trong pháp-giới thanh-tịnh, ba đời bình-đẳng, không trước không sau, bất-động ngưng lặng, thường không đoạn hết. Ánh sáng đại-trí soi khắp thế-giới. Phương-tiện thiện-sảo biến-hiện thần-thông, hóa-độ mười phương quốc-độ, đâu cũng cùng khắp. [2]

Khi ấy, đức Thế-Tôn bảo Đại-bồ-tát Văn-thù-sư-ly rằng: “Người tu-hành Du-già [3] quán vành trăng rồi, nên quán ba pháp đại-bí-mật. Những gì là ba? - Một là, tâm-bí-mật. Hai là, ngữ-bí-mật. Ba là, thân-bí-mật. Thế nào gọi là tâm-bí-mật-pháp? - Người tu-hành Du-già, quán trong mặt trăng tròn đầy sinh ra cái chày Ngũ cổ kim-cương [4] sắc vàng, ánh sáng rực-rỡ như vàng chảy, phóng ra vô-số ánh-sáng trắng lớn; lấy sự ấy mà quán-sát gọi là “tâm-bí-mật”. Thế nào gọi là ngôn-ngữ bí-mật? - “Úm, địa thất-đa bà nhĩ-la”. Đà-ra-ni ấy đủ uy-lực lớn, là chân-ngôn của hết thầy Bồ-tát thành Phật, thế nên

gọi là “ngũ-ngôn bí-mật”. Thế nào gọi là “thân-bí-mật-pháp”? - Ở trong đạo-tràng, đoan thân, chính-niệm, tay kết “Dẫn-đạo vô-thượng bồ-đề tối đệ nhất ấn”, [5] đặt giữa tâm-nguyệt-luân nơi ngực.

Thiện-nam-tử! Tôi sẽ vì ông nói về tướng-dáng của ấn ấy: Trước tiên lấy hai ngón tay cái của hai bàn tay tả, hữu, đều đặt nó vào trong bàn tay tả, hữu và đều lấy ngón tay đầu (ngón tay chỏ) ngón tay giữa cùng ngón tay thứ tư (ngón tay đeo nhẫn) của bàn tay tả, tay hữu, rồi nắm chặt lấy ngón tay cái, làm thành nắm tay, tức là “Kiên-lao kim-cương quyên-ấn”. Sau, không đổi nắm tay, chỉ duỗi một ngón tay đầu (ngón tay chỏ) của bàn tay tả, thẳng lên hư-không, rồi đem nắm tay tả ấy đặt trên trái tim; ngón tay út của nắm tay hữu nắm chặt lấy một đốt ngón tay đầu (ngón tay chỏ) của nắm tay tả, sau lại lấy đầu ngón tay đầu (ngón tay chỏ) của nắm tay hữu, chỉ vào một đốt ngón tay cái của nắm tay hữu. Và, cũng để trước trái tim, thế gọi là “Dẫn-đạo vô-thượng bồ-đề đệ nhất trí-ấn”, cũng gọi là “Năng diệt vô-minh hắc-ám đại-quang-minh ấn”. [6] Bởi kết ấn ấy, có sức gia-trì, nên được chư Phật mười phương thoa đầu hành-giả và trao cho “Đại-bồ-đề thắng quyết-định ký”, là “Đại-tỳ-lư-già-na Như-Lai vô-lượng phúc-tụ đại-diệu trí-ấn”. [7]

Khi hành-giả kết ấn ấy rồi, liền làm quán này: “Hết thấy chúng-sinh cùng kết ấn này, trì-niệm chân-ngôn, mười phương thế-giới không bị quả-khổ trong ba đường ác và tám nạn, mà cùng được hưởng pháp-lạc thanh-tịnh thứ nhất. Nay trên đầu ta có mũ đại-bảo, trong mũ thiên-quan ấy năm đức Phật Như-Lai ngồi kết gia-phu, ta là Tỳ-lư-già-na Như-Lai, đầy-đủ viên-mãn ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, phóng ra hào-quang sáng lớn soi khắp mười phương, đem lại lợi-ích an-vui cho hết thấy chúng-sinh”. Quán-sát như thế gọi là “Nhập Tỳ-lư-già-na Như-Lai tối-thắng tam-muội”. [8]

Ví như có người ngộ được quán-môn “Ca-lư” vi-diệu, tự làm quán này: “Thân ta tức là thân chim Kim-sí đầu đàn, tâm, ý, ngũ-ngôn cũng lại như thế. Dùng sức quán ấy làm tiêu-tan thuốc độc, hết thấy ác-độc không làm hại được”. Người phạm-phu tu-hành cũng như thế, ngồi kiêu ngồi hàng-phục, thân không rung-động, tay kết trí-ấn, mật-niệm chân-ngôn, tâm nhập quán này, diệt được ba độc, tiêu-trừ nghiệp-chướng, tăng-trưởng phúc-trí, và những nguyện ở thế-gian hay xuất-thế-gian mau được viên-mãn; tám vạn bốn nghìn các phiền-não-chướng không hiện-khởi được, Hằng-hà-sa sở-tri-chướng cực-trọng dần dần tiêu-diệt, vô-lậu đại-trí: “năng đoạn kim-cương Bát-nhã ba-la-mật” viên-mãn hiện-tiền, chóng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [9]

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-ly bạch Phật rằng: “Đức Thế-Tôn hiếm có! Đấng Thiện-Thệ hiếm có! Đức Như-Lai ra đời còn hiếm có hơn hoa Ưu-đàm, và giả-sử Ngài ra đời mà nói ra pháp này cũng khó. Ba pháp bí-mật vô-thượng pháp-luân của tâm-địa như thế, thực là lợi-lạc cho hết thảy chúng-sinh, là đường chính chân-thực vào Như-Lai-địa và Bồ-tát-địa. Nếu có chúng-sinh nào không tiếc thân-mệnh mà tu-hành pháp ấy sẽ chóng chứng được Bồ-đề.
[10]

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-ly rằng: “Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào muốn tu-tập được ba diệu-môn bí-mật thành Phật, sớm được thân công-đức của Như-Lai, nên mặc ba mươi hai thứ áo giáp đại-kim-cương của Bồ-tát mà tu diệu-quán ấy, thời quyết chứng được pháp-thân thanh-tịnh của Như-lai.

Những gì là ba mươi hai thứ áo giáp ấy?- Một là, mặc áo đại-giáp thụ-khổ: ở trong vô-lượng kiếp vì chúng-sinh chịu khổ mà không chán sinh-tử. Hai là, mặc áo đại-giáp bất-xả: thề độ vô-lượng hữu-tình cho đến con sâu, con kiến cũng không bỏ. Ba là, mặc áo đại-giáp bí-mật: giác-ngộ chúng-sinh trong giấc mộng dài sinh-tử, an-trí họ vào ba pháp bí-mật. Bốn là, mặc áo đại-giáp hộ-pháp: ủng-hộ Phật-pháp trong hết thảy thời cũng như vang ứng tiếng. Năm là, mặc áo kim-cương đại-giáp: diệt hẳn sự khởi lên hai kiến “hữu, vô” (có, không) và hết thảy phiền-nã. Sáu là, mặc áo đại-giáp năng-xả: dù dầu, mắt, tùy, óc, vợ, con, ngọc báu...có người lại xin đều xả cả. Bảy là, mặc áo đại-giáp năng-thí: hết thảy đồ vui mà trong nhà hưởng-thụ, quyết không tham-trước, đem cho tất cả. Tám là, mặc áo đại-giáp năng-trì: hay giữ tam-tu-tịnh-giới của Bồ-tát và không rời bỏ hạnh Đầu-đà. Chín là, mặc áo đại-giáp nhẫn-nhục: mặc áo nhẫn-nhục, gặp các duyên trái ngược như hủy-mạ, đánh-đập...vẫn không báo-thù lại. Mười là, mặc áo đại-giáp hồi tâm: giáo-hóa những bậc Duyên-giác, Thanh-văn, khiến họ hồi tâm đi về Nhất-thừa. Mười một là, mặc áo đại-giáp tinh-tiến: tinh-tiến độ các hữu-tình, ví như gió lớn ngày đêm không ngừng. Mười hai là, mặc áo đại-giáp tu-hành giải-thoát tam-muội: thân-tâm tịch-tĩnh, miệng không phạm lỗi. Mười ba là, mặc áo đại-giáp bình-đẳng: làm lợi-ích chúng-sinh, coi sinh-tử và Niết-bàn không có hai thiên-kiến. Mười bốn là, mặc áo đại-giáp dữ-lạc (cho vui): đem vô-duyên đại-từ, làm lợi-ích mọi loài, luôn luôn không chán bỏ. Mười lăm là, mặc áo đại-giáp bạt-khổ (nhỏ khổ): đem vô-ngại đại-bi, cứu-nhiếp hết thảy, không có hạn-lượng. Mười sáu là, mặc áo đại-giáp đại-hỷ (rất vui): đối với các chúng-sinh không oán-kết, luôn luôn làm việc lợi-ích. Mười bảy là, mặc áo đại-giáp đại-xả (bỏ hết): tuy làm hạnh khổ không sợ nhọc-mệt, luôn luôn

không thoái-chuyển. Mười tám là, mặc áo đại-giáp bất-yếm (không chán): chúng-sinh có sự đau-khổ lại nơi Bồ-tát, Bồ-tát chịu thay khổ cho chúng-sinh kia mà không chán-ngán. Mười chín là, mặc áo đại-giáp giải-thoát năng-kiến: sự xem trông rõ-ràng như xem quả A-ma-lặc [11] trong bàn tay, như thế là giải-thoát được sự thấy (năng-kiến). Hai mươi là, mặc áo đại-giáp vô-trước (không chấp-trước): thấy thân ngũ-uẩn như bọn Chiên-đà-la (đồ-tể), tổn-hại việc thiện. Hai mươi một là, mặc áo đại-giáp yếm-xả (chán bỏ): thấy mười hai nhập (6 căn, 6 trần) như làng xóm trông, thường mang lòng sợ-hãi. Hai mươi hai là, mặc áo đại-giáp đại-trí: thấy mười tám giới (6 căn, 6 trần, 6 thức) cũng như huyễn-hóa, không có chân-thực. Hai mươi ba là, mặc áo đại-giáp chứng-chân (chứng lý chân-như): thấy hết thấy pháp, đồng trong pháp-giới, không thấy có mọi tướng sai-khác. Hai mươi bốn là, mặc áo đại-giáp xuất-thế: che điều ác của người, không dấu lỗi ác của mình, chán, bỏ ba cõi. Hai mươi lăm là, mặc áo đại-giáp hóa-độ: như đại-y-vương, hợp bệnh cho thuốc, Bồ-tát tùy-nghi mà diễn-hóa. Hai mươi sáu là, mặc áo đại-giáp quy nhất (về một): thấy chân-thể của Tam thừa kia vốn không khác, cứu-cánh đồng tâm quay về nơi một. (một chân-như pháp-giới, hay một Nhất-thừa Phật-quả). Hai mươi bảy là, mặc áo đại-giáp độ nhân (độ người): nối Tam-bảo-chúng, khiến không đoạn-tuyệt, quay xe điều-pháp độ người. Hai mươi tám là, mặc áo đại-giáp tu-đạo: Phật đối với chúng-sinh có ân-đức lớn, vì muốn báo ơn Phật, cần tu Phật-đạo. Hai mươi chín là, mặc áo đại-giáp vô-cầu (không nhờ): quán bản-tính của hết thấy pháp không-tịch, không sinh, không diệt, không nhờ. Ba mươi là, mặc áo đại-giáp vô-ngại (không ngăn-ngại): ngộ Vô-sinh-nhẫn, được Đà-ra-ni, nhạo-thuyết biện-tài vô-ngại. Ba mươi một là, mặc áo đại-giáp, rộng hóa hữu-tình khiến họ được ngôi dưới cây Bồ-đề, chứng Phật-quả nhất-vị. Ba mươi hai là, mặc áo đại-giáp, trong một sát-na tâm tương-ứng với bát-nhã (Phật-trí), chứng-ngộ đại-pháp vô-dur trong ba đời. Thế gọi là ba mươi hai thứ Kim-cương đại-giáp của Đại-bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-ly! Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào thân mặc giáp-trụ kim-cương như thế, nên chăm tu-tập ba pháp bí-mật, trong đời hiện-tại đủ phúc-trí lớn, mau chứng được vô-thượng chính-đẳng Bồ-đề. [12]

Khi ấy, đại-thánh Văn-thù-sư-ly Bồ-tát ma-ha-tát cùng đại chúng nghe đức Phật nói về ba môn bí-mật tâm-địa điều-pháp và ba mươi hai thứ kim-cương giáp-trụ, hết thấy Bồ-tát ở nơi cần học (hữu-học-địa), đều cúi những chuỗi ngọc, áo báu vô-giá, cúng-dâng lên Tỳ-lư-già-na Như-Lai cùng các Thế-Tôn trong mười phương mà tán-thán Phật rằng: “Lành thay, lành thay! Thế-Tôn diễn nói vô-biên hành-nguyện của Bồ-tát, đem lại lợi-ích an-lạc cho hết thấy chúng-sinh, bỏ thân phàm-phu, chứng-nhập Phật-địa. Nay chúng tôi ở trong

hải-hội đại-chúng này, vì báo ơn Phật không tiếc thân-mệnh và vì các chúng-sinh xin vào khắp các quốc-độ, phân-biệt diễn nói pháp vi-diệu này cùng thụ-trì, đọc tụng, viết chép lưu-bá, khiến diệu-pháp này không đoạn-tuyệt. Kính xin Như-Lai xa xa rủ lòng hộ-niệm!”

Đại-hội nghe diệu-pháp ấy được lợi-ích lớn, vô số Bồ-tát không thể kể xiết đều chúng-ngộ được ngôi Bất-thoái và hết thấy Nhân, Thiên đều được thắng-lợi. Cho đến hết thấy hữu-tình trong năm thú, dứt bỏ được các trọng-chướng, được vô-lượng sự an-vui và đều sẽ được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [13]

TOÁT-YẾU

XII.- PHẨM THÀNH PHẬT

Khi ấy đức Thế-Tôn an-trụ trong pháp giới thanh-tịnh, bình-đẳng, vô-thủy, vô chung. Ánh sáng đại-trí soi khắp, phương-tiện thiện-sảo biến-hiện thần-thông, hóa-độ mười phương, Ngài bảo Đại-bồ-tát Văn-thù: “Người tu-hành quán vành trăng rồi, nên quán 3 pháp đại-bí-mật:

1/ Tâm-bí-mật: quán mặt trăng tròn sinh 5 loại Kim-cương sắc vàng, phóng ra ánh sáng trắng lớn.

2/ Ngũ-bí-mật: miệng tụng thần-chú của Phật, Bồ-tát.

3/ Thân-bí-mật: ngồi ngay nghiêm, niệm chân-chính, tay kết “dẫn-đạo vô-thượng bồ-đề tối đệ nhất ấn”, đặt giữa tâm-nguyệt-luân. Người tu-hành kết-ấn rồi, liền quán: “Trì-niệm chân-ngôn, chúng-sinh trong 10 phương thế-giới không bị quả khổ, tam đồ, bát nạn, mà được hưởng pháp lạc thanh-tịnh. Trên đầu ta có mũ đại-bảo, có 5 đức Phật ngồi kết gia-phu. Ta là Tỳ-lư-già-na Như-Lai đủ 32 tướng, 80 thứ tốt phóng hào-quang soi khắp mười phương đem lại lợi-ích cho chúng-sinh”.

Đức Phật nói tiếp: “Nếu ai muốn tu được 3 diệu-môn bí-mật thành Phật, chóng được thân công-đức của Như-Lai nên mặc 32 thứ áo giáp đại-kim-cương của Bồ-tát mà tu diệu-quán ấy, thời quyết chứng được pháp-thân thanh-tịnh của Như-Lai. Và, nếu ai mặc áo giáp-trụ kim-cương, chăm tu 3 pháp bí-mật, hiện-tại đủ phúc-trí, mau chứng được vô-thượng bồ-đề”.

Đại-bồ-tát Văn-thù, các Đại-bồ-tát khác cùng đại-chúng nghe đức Phật nói pháp ấy, đều cỡi các chuỗi ngọc, áo báu cúng-dâng lên đức Phật Tỳ-lư-già-

na cùng mười phương chư Phật rồi tán-thán và phát-nguyện: “Nguyện không tiếc thân-mệnh, vì chúng-sinh xin vào khắp quốc-độ nói pháp vi-diệu này và thụ-trì, đọc-tụng, viết chép lưu-bá để pháp này không đoạn-tuyệt”.

Tới đây, vô-lượng Bồ-tát được ngôi Bất-thoái, Nhân, Thiên được thắng-lợi, chúng-sinh trong 5 thú khỏi trọng-chướng, được an-vui và sẽ được vô-thượng-giác.

[1] Thành Phật: Nhân-vị Bồ-tát do tu muôn hạnh, rốt-ráo thành-tựu Phật-quả vô-thượng chính-đẳng chính-giác, gọi là “thành Phật”. Thành Phật có 4 bậc: 1/ Tín-mãn thành Phật: Y vào sự quyết-định nơi chủng-tính (hạt giống sẵn có), tin các pháp không sinh-diệt, thanh-tịnh, bình-đẳng, không thể nguyện-cầu, đó là “Tín-mãn thành Phật”. 2/ Giải-mãn thành Phật: Y vào nơi giải-hành (hiểu biết tu-hành), hiểu sâu về pháp-tính là không tạo-tác, không khởi ra tướng sinh-tử, không khởi ra tướng Niết-bàn, tâm không sợ-hãi, cũng không vui mừng, đó là “Giải-mãn thành Phật”. 3/ Hành-mãn thành Phật: Y vào nơi cứu-cánh của Bồ-tát, trừ được hết thảy pháp-chướng vô-minh, nguyện-hành Bồ-đề đều đầy-đủ, đó là “Hành-mãn thành Phật”. 4/ Chứng-mãn thành Phật: Y nơi tịnh-tâm, được pháp-trí tịch-tĩnh vô-phân-biệt và những công-đức thắng-diệu không thể nghĩ, bàn được, đó là “Chứng-mãn thành Phật”.

[2] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “cùng khắp” trình bày về 3 thân của Phật: Từ chỗ “an-trụ” đến chữ “hết” nói về thể-dụng của Pháp-thân Phật. Pháp-thân Phật lấy pháp-giới-tính làm thân, pháp-giới-tính trong sạch, thường hằng, không phân-biệt. Câu “Ánh-sáng...” trình-bày về thể-dụng của Tự-thụ-dụng-thân Phật. Ánh-sáng trí-tuệ có được, do tu vô-lượng công-đức thành, thành rồi đem lại sự soi sáng cho tất cả, đó là viên-mãn Báo-thân Phật. Câu “Phương-tiện”...trình-bày về công-dụng của Tha-thụ-dụng-thân và Biến-hóa-thân. Phật vì giáo-hóa hàng Thập-địa, ứng-hiện Thụ-dụng-thân, độ các bậc Thánh khác và độ khắp chúng-sinh nên ứng-hiện ra Biến-hóa-thân.

[3] Du-già (Yoga): Có nghĩa là “tương-ứng” (ứng hợp nhau): nghĩa là người tu (quán) và pháp tu (quán) ứng-hợp nhau. Tương-ứng có 5 nghĩa: 1/ Cảnh tương-ứng: không trái với tự-tính của các pháp (sự-vật). 2/ Hành-tương-ứng: những công-hành về định, tuệ... ứng hợp nhau. 3/ Lý-tương-ứng: hợp với hai lẽ thực (đế-lý) của sự an-lập hay phi-an-lập. 4/ Quả-tương-ứng:

chứng được quả vô-thượng bồ-đề. 5/ Cơ-tương-ứng: chứng quả viên-mãn rồi, làm việc lợi-sinh, cứu vật, ứng-hợp căn-cơ chúng-sinh mà cho thuốc. Theo chỗ tu, Duy-thức hay dùng “Lý-tương-ứng”, Mật-tôn thời dùng “Hành-tương-ứng”. Ngay câu “Du-già” trong chính-văn này cũng thuộc về “Hành-tương-ứng”. Hành-tương-ứng lấy tam-mật (3 pháp bí-mật: thân, khẩu, ý-mật) làm phương-châm.

[4] Ngũ cổ kim-cương: Còn gọi là “Ngũ trí kim-cương-chữ” nghĩa là cái chày kim-cương có đầy-đủ diệu-lực của 5 trí, thành 5 đức Phật: 1/ Pháp-giới thể-tính-trí thành Đại-Nhật Như-Lai. 2/ Đại-viên-kính-trí thành A-xúc Như-Lai. 3/ Bình-đẳng-tính-trí thành Bảo-sinh Như-Lai. 4/ Diệu-quán-sát-trí thành Vô-lượng-thọ Như-Lai. 5/ Thành-sở-tác-trí thành Bất-không thành-tựu Như-Lai. Chữ “cổ” đây có nghĩa là chi, là loại. “Ngũ cổ kim-cương”, tức là 5 loại (hay 5 trí) kim-cương ở trên.

[5] Dẫn đạo...: Biểu-thị phương-pháp dắt-dẫn Bồ-tát tới chỗ thành Phật.

[6] Năng-diệt...Ý nói: dẫn-dắt Bồ-tát tới Bồ-đề, tức là đạt tới trí-tuệ viên-minh, do trí-tuệ này phá-diệt tận cùng những vô-minh si-ám.

[7] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy”, đến chỗ “trí-án”, đức Phật dạy người tu-hành cần phải thực hành tam-mật là tâm-bí-mật, ngữ-bí-mật và thân-bí-mật. Tâm-bí-mật quán-tưởng, ngữ-bí-mật đọc chú, thân-bí-mật kết-ấn. Thực hành được thế, được chư Phật mười phương ghi nhận là quyết-định thành Phật. Thành Phật tức là được đầy đủ phúc-đức và trí-tuệ, thể-nhập tất cả và soi sáng tất cả như Tỳ-lư-già-na Phật (Tỳ-lư-già-na có nghĩa là cùng khắp tất cả).

[8] Đoạn trên, từ chỗ “Khi hành-giả”, đến chỗ “tam-muội”, quán tự-thân là Phật, đem lại lợi-ích cho chúng-sinh.

[9] Đoạn trên, từ chỗ “Ví như”, đến chỗ “chính-giác”, ví-dụ cho diệu-pháp thù-thắng. Quán-môn Ca-lâu-la (chim Kim-sí) của thế-gian làm tiêu-tan thuốc độc, thì diệu-quán này cũng như gươm trí-tuệ kim-cương đoạn diệt hết thảy tội-chướng phiền-não, thành vô-thượng-giác.

[10] Đoạn trên, từ chỗ “Lúc đó”, đến chỗ “Bồ-đề”, Bồ-tát Văn-thù tán-thán pháp-môn Phật nói và khuyên chúng-sinh thực-hành.

[11] A-ma-lặc (Amala): Tên một thứ quả của Ấn-độ, Tàu dịch là “Vô-cầu thanh-tịnh”.

[12] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ”, đến chỗ “Bồ-đề”, đức Phật dạy người tu hành muốn tâm, ngữ, thân chóng thành-tựu, cần thực-hành 32 pháp. 32 pháp ấy coi như mặc 32 áo giáp kim-cương, hy-sinh cương-quyết chiến-đấu với tất cả phiền-não, để mình và chúng-sinh chóng đạt tới chỗ chứng-ngộ trí-tuệ cứu-cánh vô-dư của chư Phật trong ba đời.

[13] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy”, đến chỗ “chính-giác”, đại-chúng nghe Phật nói xong pháp-môn này, ai nấy đều vui mừng đem những đồ trân-bảo cúng-dâng lên chư Phật mười phương. Và, tán-thán, phát-nguyện: “phân-thân truyền-bá pháp-môn này.” Trong đại-hội được nhiều lợi-ích lớn.

XIII.- PHẨM CHÚC-LUY [1]

Bấy giờ, Đức Thích-Ca Mưu-Ni Như-Lai bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-ly và vô số đại-chúng trong hải-hội rằng: “Tôi ở trong vô-lượng ức trăm nghìn đại-kiếp, không tiếc thân-mệnh, đầu mắt, tay chân, máu thịt, xương-tủy, vợ con, đất nước, thành-quách, hết thảy ngọc báu, có ai lại xin Tôi, Tôi đều đem bố-thí và Tôi tu-tập trăm nghìn hạnh khổ khó làm mà chúng được tâm-địa-quán-môn của Đại-thừa này. Nay Tôi đem pháp này phó-chúc cho các ông, các ông nên biết kinh rất sâu rộng này, các bậc được Thập-lực vô-thượng trong mười phương ba đời [2] đều tuyên thuyết. Kinh báu nhiệm-mầu tối-cực như thế, làm cho hữu-tình được mọi sự lợi-lạc. Trong tam-thiên đại-thiên thế-giới, quốc-độ chư Phật trong mười phương này, có vô-biên các loại hữu-tình, chúng-sinh trong bàng-sinh, ngã-quỷ, địa-ngục, do nhờ sức uy-thần, công-đức thù-thắng của kinh Đại-thừa Tâm-Địa-Quán này, mà làm cho họ khỏi các khổ-não, được hưởng sự an-vui. Năng-lực của kinh và phúc-đức khó nghĩ bàn được như thế, làm cho đất nước sở-tại vui-thịnh, không có oán-địch. Ví như có người được ngọc Như-ý để trong nhà, hay sinh ra hết thảy đồ vui nhiệm-mầu, kỳ-lạ; kinh báu nhiệm-mầu này cũng như thế, hay làm cho quốc-giới được an-vui vô-tận. Cũng như cái trống Mạt-ni trên cõi trời Tam-thập-tam thiên (Đao-ly-thiên) hay phát ra trăm nghìn âm-thanh, làm cho thiên-chúng ở đấy hưởng-thụ mọi sự khoái-lạc; trống pháp của kinh này cũng như thế, hay làm cho quốc-giới được an-vui tối-thắng. Bởi nhân-duyên ấy, đại-chúng các ông trụ trong đại-nhân-lực mà lưu-thông kinh này!” [3]

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-ly bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai hiếm có! Đáng Thiện-thệ hiếm có! Nên Ngài mới nói ra kinh Đại-

thừa Tâm-Địa-Quán nhiệm-mầu sâu-rộng này, đem lại lợi-ích rộng lớn cho người tu-hành Đại-thừa. Dạ, bạch Thế-Tôn! Kinh này thực là sâu-nhiệm! Vậy, nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào thụ-trì kinh này, cho đến chỉ một bài bốn câu kệ, thời những người như thế được bao nhiêu phúc?”

Đức Thế-Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-ly rằng: “Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào trong Hằng-hà-sa tam-thiên đại-thiên thế-giới đầy-dẫy bảy báu mà họ dùng đem cúng-dàng chư Phật ở mười phương; họ vì mỗi một đức Phật tạo-lập một tinh-xá bằng bảy-báu trang-nghiêm, đặt để đồ cúng-dàng Phật và Bồ-tát đủ Hằng-sa kiếp; các Như-Lai kia còn có vô-lượng đệ-tử Thanh-văn, họ cũng đem cúng-dàng các vị ấy hết thấy những đồ cần-dùng, như cúng Phật không khác. Các đức Phật và các vị Thanh-văn như thế sau khi nhập Niết-bàn, họ lại xây bảo-tháp lớn, cúng-dàng xá-ly. Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào tạm nghe và tin, hiểu một bài bốn câu kệ trong kinh Tâm-Địa này, phát tâm Bồ-đề, thụ-trì, đọc, niệm, giải-thuyết, viết chép, cho đến hết sức ít là vì một người mà nói cho họ nghe, đem những công-đức cúng-dàng kia, so-sánh với công-đức thu được về thuyết kinh này, thời trong mười sáu phần kia cũng không bằng một phần này và cho đến toán-số, thí-dụ cũng không thể sánh-kip được, huống là người thụ-trì, đọc tập đầy-đủ và rộng-rãi vì người mà nói, thời chỗ phúc-lợi thu về không thể hạn-lượng được.

Nếu có nữ-nhân phát tâm bồ-đề, thụ-trì, học tập, viết chép, giải-thuyết kinh Tâm-Địa này, nữ-nhân ấy chỉ phải làm thân nữ-nhân lần tối-hậu này thôi, sau đây không phải chịu thân nữ-nhân nữa và không phải sa-đọa vào ác-đạo cùng tám nạn. Và, thân trong đời này cảm được mười phúc thắng-lợi: Một là, thọ-mệnh tăng thêm. Hai là, trừ mọi bệnh nã. Ba là, diệt-trừ nghiệp-chướng. Bốn là, phúc-đức trí-tuệ tăng bội. Năm là, không thiếu tiền của. Sáu là, da-dẻ mịn-bóng. Bảy là, được người yêu kính. Tám là, được con hiếu-dưỡng. Chín là, quyến-thuộc hòa-mục. Mười là, thiện-tâm bền-vững. [4]

Ông Văn-thù-sư-ly! Ở nơi này, nơi khác, nếu ai hoặc đọc tập, hoặc phúng-tụng, hoặc giải-thuyết, hoặc viết chép kinh này thời chỗ để kinh quyển này tức là tháp Phật, hết thấy Thiên, Nhân, phi-nhân...nên đem những đồ trân-bảo quý nhất trong nhân-gian, thiên-thượng mà cúng-dàng nơi ấy. Sở-dĩ thế là sao?- Vì, nơi để kinh sách này tức là có Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn ở đó. Sao vậy?- Vì, hết thấy Như-Lai tu-hành kinh này, bỏ thân phàm-phu, được vô-thượng chính-đẳng chính-giác, hết thấy Hiền-thánh cũng đều từ kinh này mà được giải-thoát. [5]

Ông Văn-thù-su-ly! Sau khi Tôi nhập Niết-bàn năm trăm năm, lúc chính-pháp sắp diệt, nếu có Pháp-sư [6] nào thụ-trì, đọc tập, giải-thuyết, viết chép kinh Tâm-Địa này, là kinh đứng đầu trong mọi kinh, thời Pháp-sư ấy cùng Tôi không khác. Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào cúng-dàng, tôn-trọng vị Pháp-sư ấy, tức là cúng-dàng hết thầy chư Phật trong mười phương ba đời và phúc-đức được hưởng, đều bình-đẳng như một không hai. Thế gọi là “Chân-pháp cúng-dàng Như-Lai” và như thế gọi là “Chính-hạnh cúng-dàng”. Sở-dĩ thế là sao?- Vì, vị Pháp-sư ấy, ở trong thời-gian không có Phật, vì chúng-sinh tà-kiến trong đời ác-trước mà diễn nói ra Tâm-Địa kinh-vương rất sâu rộng này, khiến chúng-sinh bỏ ác-kiến, đi về đạo Bồ-đề và tuyên-truyền, lưu-bá rộng-rãi, làm cho giáo-pháp này lâu bền tại thế-gian. Như thế gọi là “Vô-tướng hảo Phật” (vị Phật không có tướng tốt), hết thầy Nhân, Thiên đều nên cúng-dàng. Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào chấp tay cung-kính vị Pháp-sư ấy, Tôi thụ-ký cho Vô-thượng đại-bồ-đề và người ấy sẽ được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. [7]

Nếu người được nghe kinh Tâm-Địa này, vì báo tứ ân, phát tâm bồ-đề, hoặc tự mình viết, hay mượn người viết, hoặc đọc niệm thông-lợi, chỗ được phúc-đức của các người như thế, đem sức trí-tuệ của Phật mà tính lường là nhiều hay ít cũng không thể biết được đến đâu là biên-giới, những người ấy là con thực (chân-tử) của chư Phật. Hết thầy chư Thiên, Phạm-Vương, Đê-Thích, Tứ-đại-thiên-vương, năm trăm quyến thuộc Ha-ly-đế-mẫu, [8] Nễ-la-bạt-đa đại-quỷ-thần-vương (Đại-dược-xoa-thần), Long-thần tám bộ, [9] hết thầy các quỷ-thần nghe pháp ngày đêm không rời và thường sẽ ủng-hộ. Phật-tử như thế, tăng-trưởng chính-niệm, trí-tuệ, cùng biện-tài vô-ngại và thường thường giáo-hóa chúng-sinh, khiến họ vun-trồng nhân Phật. [10]

Ông Văn-thù-su-ly! Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân như thế khi sắp mất, hiện-tiền được thấy chư Phật mười phương, ba nghiệp (thân, khẩu, ý) không loạn. Bắt đầu được mười thứ thân-nghiệp thanh-tịnh. Những gì là mười?- Một là, thân không thụ khổ. Hai là, nguoi mắt không lộ. Ba là, tay không cựa-cậy. Bốn là, chân không co, duỗi. Năm là, đại, tiểu-tiện không rỉ ra. Sáu là, thân-thể không toát mồ-hôi. Bảy là, không sờ mó ngoài. Tám là, nắm tay xòe mở. Chín là, nét mặt không đổi. Mười là, quay nghiêng tự-như. Do năng-lực của kinh mà có những tướng như thế! Thứ nữa được mười thứ ngữ-nghiệp thanh-tịnh. Những gì là mười?- Một là, nói ra lời nói nhiệm-mầu. Hai là, nói ra lời nói dịu-dàng. Ba là, nói ra lời nói tốt-lành. Bốn là, nói ra lời nói thích nghe. Năm là, nói ra lời nói tùy-thuận. Sáu là, nói ra lời nói lợi-ích. Bảy là, nói ra lời nói uy-đức. Tám là, nói ra lời nói không trái với họ-hàng. Chín là, nói ra lời nói Nhân, Thiên yêu-kính. Mười là, nói ra lời nói khen-ngợi lời

Phật nói. Lời nói thiện như thế, đều do nơi kinh này mà được! Sau nữa, được mười thứ ý-nghiệp thanh-tịnh. Những gì là mười?- Một là, không sinh giận-bực. Hai là, không mang lòng kết-hận. Ba là, không sinh tâm bôn-sén. Bốn là, không sinh tâm ghen-ghét. Năm là, không nói lời ác. Sáu là, không sinh tâm oán-hận. Bảy là, không sinh tâm điên-đảo. Tám là, không tham mọi vật. Chín là, xa-lìa bảy thứ khinh-mạn. Mười là, mong-muốn chúng được hết thấy Phật-pháp, viên-mãn tam-muội. [11]

Ông Văn-thù-su-ly! Những công-đức như thế, đều do năng-lực khó nghĩ, bàn được trong sự thụ-trì, đọc-tập thông-lợi, giải-thuyết, viết chép kinh sách sâu-nhiệm này. Kinh Tâm-Địa này, trong vô-lượng chỗ, trong vô lượng thời, có những chúng-sinh không được nghe, hưởng là được thấy và tu-tập đầy-đủ? Đại-hội các ông nên nhất tâm phụng-trì, sẽ chóng xả được thân phàm-phu, thành Phật-đạo.

Bây giờ, Văn-thù-su-ly Pháp-vương-tử, vô-lượng Đại-bồ-tát, Trí-Quang Bồ-tát, nhiều vị Tân-phát-ý Bồ-tát, A-nhã-kiều-trần-như cùng nhiều vị Đại-thanh-văn, thiên, long tám bộ, nhân, phi-nhân-chúng, hết đều nhất tâm thụ-trì lời Phật và đều hoan-hỷ, tín-thụ phụng-hành. [12]

TOÁT-YẾU

XIII.- PHĂM CHỨC-LỤY

Đức Phật bảo Đại-bồ-tát Văn-thù, các Đại-bồ-tát khác cùng đại-chúng: “Trong vô-lượng đại-kiếp Tôi hỷ-xả thân-mệnh, tu nhiều hạnh khó làm, mà chúng được quán-môn tâm-địa của Đại-thừa này. Nay Tôi đem pháp này phó-chức cho các ông. Các ông nên biết kinh này chư Phật trong mười phương ba đời từng nói. Kinh này rất quý báu, làm cho chúng-sinh trong 6 đạo khỏi khổ, được vui, làm cho đất nước sở-tại giàu-thịnh. Các ông nên trụ trong đại-nhẫn-lực mà lưu-thông kinh này!”.

Đại-bồ-tát Văn-thù bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Nếu có người thụ-trì kinh này, cho đến chỉ trì được bốn câu kệ, người ấy được phúc thế nào?”

Đức Phật bảo: “Nếu có người tạm nghe, tin hiểu 4 câu kệ, phát tâm bồ-đề, thụ-trì, đọc niệm, giải-thuyết, viết chép, cho đến nói cho một người nghe thời công-đức ấy hơn 16 phần công-đức cúng-dàng đầy-đủ chư Phật, Bồ-tát, Thanh-văn trong mười phương trọn Hằng-sa kiếp. Còn người thụ-trì đầy-đủ thời phúc-lợi không thể kể xiết được.

“Nếu nữ-nhân thụ-trì đầy-đủ, đời sau không phải làm thân nữ-nhân, không phải sa-đọa vào 3 đường ác, tám nạn và, đời hiện-tại được 10 thắng-lợi: sống lâu, không bệnh, khỏi nghiệp-chướng, thêm phúc-trí, nhiều của, da đẹp, người yêu, con hiếu, họ hòa và thiện-tâm bền-vững”.

“Nơi nào để kinh này được coi như là tháp Phật, Nhân, Thiên nên tới cúng-dàng vì nơi đó là có Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn. Sau khi Tôi nhập Niết-bàn 500 năm, có Pháp-sư nào thụ-trì, đọc tụng, giải-thuyết, viết chép kinh này, thời Pháp-sư ấy như Tôi không khác. Ai cúng-dàng vị Pháp-sư ấy tức là cúng-dàng chư Phật trong 10 phương ba đời và được công-đức cũng như vậy. Đó là “chân pháp cúng-dàng Như-Lai”, là “chính hạnh cúng-dàng”. Vị Pháp-sư ấy là “Vô tướng hảo Phật”.

“Ai muốn báo đáp tứ-ân, phát tâm Bồ-đề, hoặc mình viết, mượn người viết, hoặc đọc niệm kinh này, được phúc-đức rất nhiều, dù đem trí-tuệ Phật mà suy-tính cũng không biết hết được. Người ấy là con chư Phật, được Thiên, Long, thiện-thần ủng-hộ, chính-niệm, trí-tuệ thêm lên, biện-tài vô-ngại. Khi sắp mất được thấy chư Phật trong mười phương, được 10 nghiệp thân thanh-tịnh, 10 nghiệp khẩu thanh-tịnh và 10 nghiệp ý thanh-tịnh.

“Những công-đức như thế, đều do năng-lực bất-tư-nghị trong việc thụ-trì, đọc tập, giải-thuyết, viết chép kinh Tâm-Địa này. Kinh này có nhiều nơi, nhiều thời chúng-sinh không được nghe, huống là được thấy, được tu-tập! Vậy, các ông nên nhất tâm phụng-trì, sẽ chóng xả thân phàm-phu và mau thành Phật-đạo!”

Khi ấy, các Đại-bồ-tát, các vị Bồ-tát mới phát tâm, các vị Đại-thanh-văn cùng vô-lượng Thiên long tám bộ, đều nhất tâm thụ-trì lời Phật và đều hoan-hỷ
tín-thụ
phụng-hành.

HẾT

[1] Chúc-lụy: Có nghĩa là giao-phó công việc đang làm cho người sau gánh-vác, duy-trì và phát-triển, mà công việc ấy làm cho người được giao-phó phải quan-tâm, bận-bịu (phiền-lụy) tới.

[2] Thập lực... Mười lực của Như-Lai: 1/ Trí-lực hiểu biết chỗ đúng đạo-lý hay không đúng đạo-lý của sự-vật. 2/ Trí-lực biết nhân-quả nghiệp-báo 3 đời

của chúng-sinh. 3/ Trí-lực biết các môn thiên-định, giải-thoát tam-muội. 4/ Trí-lực biết các căn thắng (hơn), liệt (kém) của chúng-sinh. 5/ Trí-lực biết mọi tri-giải (sự hiểu biết) của chúng-sinh. 6/ Trí-lực biết mọi cảnh-giới của chúng-sinh. 7/ Trí-lực biết được chỗ sẽ đến của mọi đường (đạo). 8/ Trí-lực biết dùng Thiên-nhân không chướng-ngại. 9/ Trí-lực biết túc-mệnh vô-lậu. 10/ Trí-lực biết dứt hẳn tập-khí.

Đây là chỉ về sự hiểu biết của chư Phật trong 10 phương ba đời.

[3] Đoạn trên, từ chỗ “Bấy giờ” đến chỗ “kinh này”, đức Phật nói về sự tu-hành của Ngài trong nhiều kiếp Ngài mới chứng được quán-môn Tâm-địa này, nay Ngài giao-phó cho đại-chúng, nên nhẫn-nhục cố-gắng truyền-bá kinh này cho tất cả, trong khắp nơi, đừng để mất, vì kinh này ở đâu, đem lại nhiều sự an-lạc cho nơi ấy.

[4] Đoạn trên, từ chỗ “Khi ấy”, tới chỗ “bền vững”, Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật về công-đức duy-trì kinh này, đức Phật dạy: “duy-trì kinh này được nhiều lợi-ích hơn cúng-dàng chư Phật, Bồ-tát, Thanh-Văn. Và, nếu nữ nhân nào duy-trì còn được thêm 10 thắng-lợi.”

[5] Đoạn trên, từ chỗ “Ở nơi này”, đến chỗ “giải-thoát”, đức Phật nói kinh này để ở đâu cũng như tháp Phật ở đó, nên cúng-dàng.

[6] Pháp-sư: Danh-từ tôn-xung những vị tinh-thông Phật-pháp, khả-dĩ làm khuôn thước cho người.

[7] Đoạn trên, từ chỗ “Sau khi”, đến chỗ “chính-giác”, đức Phật nói về công-đức của vị Pháp-sư duy-trì kinh này rất lớn, nên cung-kính cúng-dàng, cũng như Phật.

[8] Ha-ly-đế-mẫu: Ha-ly-đế (Hariti), Tàu dịch là “Hoan-hỷ”. Ha-ly-đế-mẫu tức là quỷ tử-mẫu (mẹ con con thần-quỉ). Bộ-tỳ-nại-gia tạp-sự quyển 31 nói: “Xưa kia trong thành Vương-xá có một vị Độc-giác ra đời, mới thiết đại-hội. Trong ngày đại-hội có 500 người nghe biết, cùng nhau tới dự. Khi đi dọc đường họ gặp một người đàn bà chữa chăn bò, bụng thủng nhũ-lạc (sữa), họ rủ bà ấy đi dự hội. Bà kia đi theo. Tới nơi, thấy sự vui-vẻ, bà kia ra múa góp vui, không ngờ bị trụ thai. Thấy sự thể thế, những người kia bỏ đi, để mình bà đau-đớn, buồn rầu ở đó. Bà liền tìm bán thủng nhũ-lạc, mua được 500 quả Am-ma-la. Ngay lúc đó được vị Độc-giác tới thăm hỏi, an-ủi, bà liền đĩnh lễ, đem quả cúng-dàng và bà nguyện: “Tôi nguyện sau đây tôi sinh vào thành Vương-xá này ăn thịt hết những con của những người ở đây”. Do ác-

nguyện ấy mà sau này bà ấy sinh làm con gái cả của quỷ Sa-la-dược-xoa, trong thành Vương-xá, kết-hôn với Bán-chi-ca dược-xoa, con trai cả của Bán-xoa-la dược-xoa nước Kiền-đà-la, sinh được 500 con, hàng ngày cứ bắt những con trai, con gái thành Vương-xá ăn thịt. Một hôm, đức Phật dùng phương-tiện giấu một đứa con của quỷ-nữ đó. Quỷ-nữ buồn rầu, thương-xót đi tìm, biết là ở bên Phật, vào xin Phật, đức Phật bảo: “Người có 500 con, còn thương một đứa con, huống là những người khác chỉ một, hai đứa lại không thương ư ? Ngay đó, đức Phật khuyên quỷ-nữ không nên sát sinh và trao-truyền cho ngũ-giới, thành Ưu-bà-di. Thụ-giới rồi, quỷ-nữ bạch: “Vây, từ nay tôi không có trẻ con để ăn thì chết đói mất!”. Đức Phật bảo: “Người đừng lo, từ nay trở đi nơi nào có Thanh-văn đệ-tử của Ta, mỗi khi ăn cơm, gọi đến tên mẹ con người, mẹ con người sẽ được no đủ, nhưng mẹ con người đối với trong giáo-pháp của Ta phải dốc lòng ủng-hộ nơi Già-lam cùng các Tăng-Ni!” Mẹ con con quỷ đều vui-vẻ”.

[9] Tám bộ: 1/ Thiên. 2/ Long 3/ Dạ-xoa. 4/ Càn-thát-bà. 5/ A-tu-la. 6/ Ca-lâu-la. 7/ Khẩn-na-la. 8/ Ma-hầu-la-già.

[10] Đoạn trên, từ chỗ “Nếu người” đến chỗ “nhân Phật”, đức Phật nói công-đức duy-trì truyền-bá kinh này trong việc báo tứ-ân.

[11] Đoạn trên, từ chỗ “Ông Văn-thù....” đến chỗ “Tam-muội”, đức Phật nói về sự lợi-ích trong việc duy-trì, truyền-bá kinh này khi sắp chết được thấy chư Phật, được 10 thứ thanh-tịnh về thân, khẩu, ý-nghiệp.

[12] Đoạn trên, từ chỗ “Những công-đức như thế”, đến chỗ “phụng-hành”, đức Phật kết-thúc, khuyên đại-chúng nên nhất tâm tu-trì kinh này. Đại-chúng đều nhất tâm hoan-hỷ, phụng-trì.

Đến đây hết quyển thứ 8.

HẾT